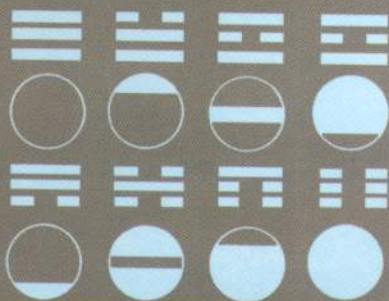


TỔNG TẬP
VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

DIÊU VĨ QUÂN



BÍ ẨN
CỦA
CHIÊM MỘNG



TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG

Người dịch : LÝ KHẮC CUNG
Hiệu đính : Gs. Nguyễn Ngọc San
Dịch từ nguyên bản tiếng Trung Quốc
Nhân dân Quảng Tây Xuất bản xã
In lần thứ 2 -1993

TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

**DIÊU VĨ QUÂN
(CHỦ BIÊN)**

**BÍ ẨN
CỦA
CHIÊM MỘNG**

**(BÀN LUẬN RỘNG VỀ
VĂN HÓA MỘNG)**

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN - 1996

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong vài năm gần đây, nhất là từ khi chúng ta bước vào thời kỳ chuyển đổi từ nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường, một số hiện tượng mê tín dị đoan, có một thời tạm lắng xuống, nay lại có dấu hiệu xuất hiện trở lại.

Đây đó, những cuốn sách in trái phép như : Tử vi, Tướng số, Lịch vạn sự, Xem tướng tay tướng mặt ... được lên lút bày bán.

Kinh nghiệm cho thấy, để chống lại có hiệu quả những tàn tích của văn hóa lạc hậu, cần phải xây dựng một nền văn hóa văn minh, khoa học và tiến bộ.

Với mục đích trên Nhà Xuất bản Văn hóa - Thông tin cho ra mắt bạn đọc **TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA**. Trong bộ sách này, các tác giả - những học giả lớn của Trung Quốc đương đại - đã trình bày một cách có hệ thống những nghiên cứu công phu về những hiện tượng văn hóa mang tính chất thần bí sâu đậm.

Bằng việc vận dụng các quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với một thái độ khách quan khoa học, các tác giả đã chỉ ra những nhân tố hợp lý cần kế thừa trong số các kinh nghiệm và tri thức của người xưa để lại trong các thuật Phong thủy, Trạch cát, Quyển mưu, Chiêm tinh, Chiêm mộng ... đồng thời cũng chỉ ra các điểm vô lý mê tín dị đoan.

các lý luận màu thuẫn và phân khoa học trong các hiện tượng đó.

Đây là một bộ sách rất đồ sộ, dày tới hàng vạn trang, do đó không khỏi có đôi điều thiếu sót. Nhà Xuất bản Văn hóa - Thông tin rất mong được bạn đọc lượng thứ và góp ý để có những ấn phẩm tốt hơn.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

LỜI TỰA

TỔNG TẬP

VĂN HOÁ THẦN BÍ TRUNG HOA

Văn hoá Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tinh chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hoá mang màu sắc thần bí, đều có thể gọi là văn hoá thần bí. Tam hoàng ngũ đế, hậu phi thế thiếp, thái giám ngoại thích (họ ngoại nhà vua), thuật sĩ thầy mo, ẩn sĩ tiên nhân, thiện nam tín nữ, bang hội, tam giáo cứu lưu, tam phần ngũ điển, mật tịch cấm thư, dị đoan tà thuyết, âm dương ngũ hành, thiên nhân cảm ứng, kỳ môn độn giáp, tiên tri cấm kỵ, tập tục hủ lậu, xem tướng đoán chữ, luyện đan dưỡng sinh, chiêm tinh phong thuỷ, việc lạ chuyện kỳ, vũ thuật khí công, đều là văn hoá thần bí.

Bất cứ văn hoá nào, do tính chất đặc biệt của nó, đều có chỗ đứng nhất định. Văn hoá thần bí Trung Hoa là một bộ phận quan trọng cấu thành văn hoá Trung Hoa. So với nền văn hoá tao nhã lấy Nho học làm hạt nhân, thì có thể gọi nó là văn hoá đời thường; so với văn hoá quan trường khoa cử, thì có thể gọi nó là văn hoá đại chúng; so với dòng văn hoá chính thống do các nhà cầm quyền đề xướng qua các thời đại, thì có thể gọi nó là mạch ngầm; so với văn hoá

hiện đại của nền đại công nghiệp, thì có thể gọi nó là văn hoá truyền thống ; so với nền văn hoá Tây phương gió Âu mưa Mỹ, thì có thể gọi nó là văn hoá bản địa.

Trong lâu đài văn hoá, không có một nền văn hoá nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thần phục như văn hoá thần bí. Hán Vũ Đế trong bài "Thơ du tiên" viết : "Thủy Hoa cứu linh ảo, Dương Tinh trắc thần bí" - Thế nào là "cứu", "trắc"? Cổ kim vội bóp nghẹt bao nhiêu tao nhân mặc khách. Có người từ nhỏ đã dán thân vào đây, như "Tấn thư - Trần Huấn truyện", có ghi : (Huấn) từ nhỏ thích đọc những chuyện thần bí, thiên văn lịch pháp, âm dương, xem thời tiết, môn nào cũng tới mức tinh thông". Có người trở thành nhà thông thái, tài cao học rộng như Mao Dĩnh mà Hàn Dũ chép trong "Xương Lê tập" quyển 36 : "Dĩnh có trí nhớ tốt, lại kiên trì, biên soạn các truyện, từ thời kết nút dây thừng để nhớ, đến các công việc nhà Tần, không sót chuyện nào. Âm dương, bói toán, xem tướng, y lý, sắc tộc, sơn kinh, địa chi, chữ viết, đồ hoạ, cứu lưu bách gia, thiên nhận thư, phù đồ. Lão tử, các thuyết của nước ngoài, thầy đều cận kề".

Văn hoá thần bí là một cái kho biển ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền ; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải ; kẻ mê tín thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình. Nhìn qua xã hội bây giờ, ở Trung Quốc cũng như ở nước ngoài, không ít người bận rộn với văn hoá thần bí,

và thành quả cũng không nhỏ. Rất tiếc và đáng giận, trong cảnh huyền ảo ấy, có một số tên vô lại trà trộn vào, chúng là những tên bất học vô thuật, nhưng lại biên soạn những sách nhỏ "Ngũ hoa nhập môn" in giấy nến để tuyên truyền mê tín, đảo lộn trắng đen, đầu độc dân chúng, nhằm vét tiền đầy túi. Kẻ tiểu nhân làm vậy, người quân tử nghĩ sao? Một số người thừa chữ coi văn hoá thần bí là "không phải học thuật" "văn hoá thấp kém", thậm chí cho rằng "thịt chó không thể bày trên mâm chính", sợ ảnh hưởng đến thanh danh cao quý của mình. Mặc cho kẻ tiểu nhân hò hét trên đất bụi, người quân tử nhắm mắt làm ngơ. Thế là, văn hoá thần bí càng huyền hồ, càng xám xịt, càng không thể thấu hiểu, thậm chí rơi vào vũng bùn đen.

Trước tình thế ấy, chúng tôi bắt tay vào nghiên cứu văn hoá thần bí.

Mầu sắc thần bí rất sợ bị sự thật phá vỡ, đóng rác mê tín phải được khoa học quét sạch. Mây mù tư tưởng không thể dùng búa chém chết, những hiện tượng lịch sử phải từ góc độ lịch sử mà giải thích. Những hiện tượng văn hoá thần bí đang diễn ra trước mắt chúng tôi, là một thể cộng đồng phức tạp, quái gở li kỳ, là hình thái ý thức pha trộn giữa tinh hoa và thô thiển. Nó có truyền thống thâm căn cố đế, có thị trường mà tất cả góc ngách đều lọt vào, có khả năng tái sinh từ suy vi đến hưng thịnh. Từ sau khi nước Trung Quốc mới ra đời, văn hoá thần bí đã một thời bị phiêu bạt, nhưng nó chuyển từ trên mặt đất xuống dưới mặt đất, từ chỗ đang lan tràn rút về tạm thời

co lại. Một khi mở cửa, trào lưu lịch sử bùng ra, mạch ngầm này sẽ hoà nhập với phong tục ngoại lai từ Hồng Kông, Đài Loan thừa cơ tràn vào, loang khắp hang cùng ngõ hẻm, tổ chất truyền thống hoà trộn với màu sắc hiện đại, xấu tốt khó mà phân biệt. Nếu không xem xét ngọn nguồn, không làm rõ đúng sai, không hướng dẫn đúng đắn cho quần chúng, thì những phong tục cũ kỹ lạc hậu và những tập tục phong kiến sẽ hồi phục trong dân, nó sẽ bôi đen và thay thế dần phong tục xã hội chủ nghĩa đã vun đắp được trong bốn mươi năm, rồi thay thế hẳn. Đây là điều nguy hiểm. Để phối hợp với việc xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa, phối hợp với việc trừ sáu cái hại, nên tích cực, hành động, nghiên cứu văn hoá thần bí. Nhất là những người làm công tác khoa học xã hội ở bậc cao học, học thuật, phải phục vụ bốn hiện đại hoá, phục vụ cho cải cách, mở cửa, phục vụ xã hội, nhân dân ; nghiên cứu văn hoá thần bí là nghĩa vụ và trách nhiệm của chúng ta. Hướng hồ, bản thân văn hoá thần bí là một hiện tượng văn hoá, các học giả ở bậc cao học không nghiên cứu thì ai nghiên cứu?

Mấy năm gần đây, chúng tôi đang nghiên cứu "Văn hoá thần bí và Văn minh phương Đông", hai đề tài lớn. Đúng lúc đồng chí Âu Vi Vi (Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã) đặt chúng tôi viết "Những bí ẩn của bát quái - (Chu Dịch)". Sau khi in ra, dư luận đánh giá tốt, rất nhiều học giả và quần chúng công nông viết thư khen ngợi và cổ vũ, mong muốn có nhiều loại sách mang tính khoa học, có tính chất học thuật, dễ đọc như thế. Để khỏi phụ lòng bạn đọc, chúng tôi quyết định ra loại sách này.

Loại sách này do Vương Ngọc Đức chủ biên, Điều Vi Quân phó chủ biên, được Quảng Tây Nhân dân xuất bản xã hết sức ủng hộ, nhất là được đồng chí Âu Vi Vi, Chủ nhiệm Phòng Biên tập văn, sử giúp đỡ cụ thể. Trong loại sách này, chúng tôi cố gắng vận dụng quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, với thái độ khoa học, thực sự cầu thị và phương pháp học thuật nghiêm túc, kết hợp với nhiệm vụ xây dựng văn minh tinh thần, phối hợp với hiện thực xã hội, khai thác tư liệu lịch sử, nghiên cứu một cách nghiêm chỉnh từng vấn đề trong văn hoá thần bí, cần phê phán thì phê phán, cần kế thừa thì kế thừa, để căn bản phải lắng xuống, để hù lậu hoá thành thần kỳ, để học thuật trong đục rõ ràng, để văn hoá Trung Hoa tỏa sáng.

Người xưa nói : "Đường đi ngàn dặm, bắt đầu từ đôi chân". Khi loại sách này ra đời, chúng tôi cảm thấy đây mới chỉ là bước đầu của việc nghiên cứu văn hoá thần bí, vất vả gian truân, đường xa gánh nặng. Do công việc nghiên cứu này mới chỉ khởi đầu, lại thêm trình độ có hạn, loại sách này chắc chắn có chỗ sai sót, rất mong bạn đọc gần xa thông cảm, giúp đỡ, cùng chúng tôi ra sức nêu cao nền văn hoá Trung Quốc.

VƯƠNG NGỌC ĐỨC

*Phòng Nghiên cứu tư liệu lịch sử
Trường Đại học Hoa Trung -
Tháng 10 năm 1990*

Mộng là một bộ phận không tách rời của cuộc sống.

Mộng cổ xưa như con người

Ai cũng có mộng. Mộng liên quan đến tất cả mọi mặt trong cuộc sống. Mộng có tính sáng tạo và dự báo.

Các nhà khoa học, các nghệ sỹ, các nhà phát minh, các nhà kinh doanh ... đều cần sự giúp đỡ của mộng.

Tác giả

LỜI NÓI ĐẦU

(CUỐN BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG)

Thời cổ Hy Lạp có chuyện thần thoại được phổ biến sâu rộng : đất nước Thèbes có một nữ yêu mặt sư tử, thân người gọi là Sphinx. Nàng hùng cứ trên mỏm đá cheo leo phía ngoại thành, gieo rắc cho những khách qua lại vô vàn điều huyền bí. Nếu ai đi qua, không đoán được ra điều huyền bí bị mê hoặc, sẽ bị nàng xé nhỏ ra rồi ăn thịt. Biết bao nhiêu người vô tội đã bị chôn vùi trong bụng của yêu nữ. Về sau mọi người gọi những vấn đề nan giải thần bí là những điều thần bí Sphinx.

Xưa nay, các nhà triết học, văn hoá, toán học v.v... cho rằng hiện tượng mộng mị là những lĩnh vực khó thâm dò nhất trong những bí mật của thần bí Sphinx ... họ đã dùng nhiều kiểu lý luận, đoán định, tưởng tượng để giải thích hiện tượng mộng mị. Nhưng tất cả những sự giải thích đó đều chỉ có thể thoả mãn yêu cầu nhất thời của mọi người. Thời gian qua đi, cảnh vật biến đổi làm xuất hiện những sự giải thích mới. Những sự giải thích cũ qua đi. Đặc biệt là với

hiện tượng chiêm mộng lại càng đậm thêm màu sắc thần bí chủ nghĩa và mê tín tôn giáo.

Những từ ngữ về chiêm mộng trong các sách "giải mộng" không nhất trị với nhau tùy theo thời gian và địa phương, lại càng làm tăng sự mê hoặc đối với những người lớp sau. Như vậy, đã hình thành nỗi mê đắm trong việc nghiên cứu về văn hoá và tâm lý giấc mộng cho đời sau.

Nhìn lại quá trình phát triển của văn hoá các giấc mộng, chiêm mộng là hiện tượng văn hoá được phát sinh sớm nhất. Hơn nữa, trong quá trình lịch sử lâu dài của Trung Quốc, chiêm mộng cũng là hiện tượng văn hoá phát sinh ra sớm nhất, mà những sử liệu ghi chép về chiêm mộng trong cả chiều dài dằng dặc của lịch sử cũng vô cùng phong phú. Chỉ cần ta lật qua mục lục các sách qua nhiều triều đại, từ "Hán thư - nghệ văn chí" là chúng ta thấy rõ. Các phương pháp chiêm, bói khác được gộp lại làm một và được người cổ gọi là "thuật số". Những sử liệu đó cho thấy rõ thuật chiêm mộng có nguồn gốc lâu dài, xa xưa. Nó có duyên phận không tách ra được với văn hoá truyền thống từ buổi rất hoang sơ.

Từ đời Tần, là thời kỳ lịch sử mà Trung Quốc vừa mới tới ngưỡng cửa của văn minh, ở đất nước Trung

Hoa rộng lớn, việc quyết định những "chính sự" của giai cấp thống trị không phải do cá nhân chuyên chế, cũng không phải do các quý tộc trong triều quyết định mà là thịnh thị thần thánh quyết định qua những phương pháp chiêm, bói đặc biệt. Chiêm, bói là sản phẩm có tác dụng tâm lý của người xa xưa dưới sức đè nén đe dọa của giới tự nhiên và xã hội mà cảm thấy yếu đuối, bất lực trong cảnh ngộ gặp phải, hoặc sau một hậu quả sự việc mà mình không nắm bắt được. Do vậy, người ta hy vọng nhiều vào sự mách bảo của thần thánh nào đó để được gặp điều lành, tránh điều dữ, tiêu trừ được tai nạn, gặp phúc đức. Tuy nhiên, trong các thuật chiêm, bói đời Tần, thuật chiêm mộng là quan trọng nhất. Như trong "Hán thư - nghệ văn chí" có nói : Nghệ thuật chiêm và bói không chỉ có một chiêm mộng là điều lớn nhất. Thí dụ như : quan sát điều lành, dữ của đất - nước, quyết định kế hoạch lớn trong quân sự, lựa chọn quan chức v.v.. đều thường lấy việc chiêm mộng ra mà quyết định. Vì vậy mà việc chiêm mộng đã chiếm một địa vị cực kỳ trọng yếu trong sinh hoạt chính trị đời tiền Tần. Nó không chỉ là một bộ phận thần học tôn giáo của giới quan trên hiểu biết mà cũng là thủ đoạn quan trọng trong các cuộc vận động chính trị đời Tần. Thời kỳ này là thời kỳ thuật chiêm mộng phát triển và thịnh vượng.

Đến đời Hán có bị sa sút do bắt đầu có luận thuyết vô thần. Thêm vào đó, có sự phát triển của tâm lý học và sinh lý học cổ đại Trung Quốc. Một số nhà khoa học thuộc phái duy vật có những nhận thức thô thiển về sự hình thành và sự mê tín của thuật chiêm mộng. Họ đưa ra luận thuyết và viết sách, làm cho thuật chiêm mộng mất đi cái ma lực thuở xưa. Địa vị của thuật chiêm mộng càng ngày càng xuống dốc. Sau đời Hán, thuật chiêm mộng từ trong tay những thế lực to lớn, của quan-cửa phủ... đã chuyển về lưu hành trong tay dân gian và trở nên một loại mê tín thế tục được dân gian phụng dưỡng, thịnh hành.

Thuật chiêm mộng cổ đại Trung Quốc tuy là loại tằm, cám trong văn học truyền thống Trung Quốc. Nhưng, chúng ta không thể có thái độ phủ định một cách giản đơn loại tằm, cám này. Vì, kỳ thực, những trường hợp làm thí dụ của thuật chiêm mộng phản ánh giá trị của văn hoá truyền thống Trung Quốc. Dưới tác dụng một loại văn hoá định hình và đặc biệt, phản ánh mộng mỵ của dân gian Trung Quốc, nó đã trở nên một hiện tượng văn hoá nhân văn. Những nhà chiêm mộng giải thích cho mọi người về thực chất cũng là việc giải thích về văn hoá. Nếu chúng ta là người trong cuộc, được nhà chiêm mộng đoán cho mình, sẽ

chẳng khó gì mà phát hiện ra cơ cấu tâm lý dân gian, dân tộc truyền thống Trung Hoa. Dựa vào những điều đó mà cuốn sách này sẽ trình bày một cách hệ thống những khuôn mặt trọng điểm.

Những công việc nghiên cứu khoa học và giải thích giấc mộng một cách chính xác, có phê bình, bàn luận về chủ nghĩa duy tâm và hoạt động mê tín Trung Quốc... đều có ý nghĩa quan trọng. Sau khi nhân loại tiến vào thế kỷ thứ 20., khoa học được phát triển chưa từng có, luận thuyết giải thích về giấc mơ của F.Reud ra đời làm cho giấc mộng hư ảo vô lường đã có được sự giải thích tương đối hợp lý và khoa học. Tuy vậy, dựa vào giấc mơ mà có những hoạt động mê tín kiểu "phong kiến" vẫn không hề bị chấm dứt. Ở các nước phương Tây văn minh, hiện đại vẫn tồn tại những hoạt động mê tín phong kiến như chiêm mộng, đoán số mệnh v.v... máy tính tượng trưng cho sự tiến bộ khoa học cũng được dùng để đoán số mệnh.

Nước Mỹ còn phát minh ra máy thăm dò giấc mộng. Ngày 23 tháng 11 năm 1990 "Văn hối báo" có giới thiệu : "Có vị giáo sư trường đại học Stanford nước Mỹ đã phát minh ra bộ phận máy móc gây giấc mơ cho mọi người, nó có thể hỗ trợ cho người ngủ mơ thấy bất cứ một giấc mơ nào. Nó được gọi là máy thăm dò các giấc mộng".

Như vậy, những hiện tượng về giấc mơ vẫn còn đang đợi mọi người nghiên cứu và nhận thức. Sau đây, ta thấy lời giải đáp cho các vấn đề về một hiện tượng văn hoá sâu sắc, huyền ảo, bao la... như về giấc mơ, hãy còn xa vời lắm. Cuốn sách này mới chỉ là một sơ thảo nghiên cứu hoặc chỉ là ném ra một viên gạch để dẫn đến việc tìm được ngọc quý. Hy vọng những cuốn sách khác sẽ ra đời làm cho sự mê hoặc của giấc mơ sớm được trình làng rõ ràng và triệt để hơn.

QUYỂN THƯỢNG

- I -

CỘI NGUỒN VÀ SỰ BÍ HIỀM CỦA THUẬT ĐOÁN MỘNG

Thuật đoán mộng có trên đất nước Trung Hoa đã từ lâu. Ngay trong xã hội cổ đại, tổ tiên chúng ta đã có một quan niệm (ấu trĩ) về "hồn" và "mộng". Họ cho rằng nằm mộng là lúc linh hồn lìa thân xác mà đi chu du bên ngoài. Việc linh hồn đi ra khỏi xác là do sự sai khiến của quỷ thần. Nằm mộng là do quỷ thần gợi ý cho người nằm ngủ, vì vậy có thể căn cứ vào hình ảnh trong giấc mộng, đoán ý của thần mà dự báo ra điều lành hoặc dữ.

1. THUYẾT "VẠN VẬT HỮU LINH" CỦA E.P.TAYLOR

Phân tích lý luận về sự phát minh ra thuật đoán mộng, ta thấy nó liên hệ chặt chẽ với thuật phù phép của người nguyên thủy. Nhưng, nghiên cứu tận gốc gác thì nó không thể tách rời quan niệm "vạn vật hữu linh" của người cổ sơ. Vào thế kỷ trước, E.P.Taylor người Anh được mệnh danh là "người cha" của nhân loại học-

văn hoá sau khi đề ra luận điểm "vạn vật hữu linh" thì lý luận này đã được sử dụng rộng rãi để giải thích về cách phù phép nguyên thủy và nguồn gốc của tôn giáo. Cho đến tận ngày nay, giới học thuật vẫn cho rằng quan niệm "vạn vật hữu linh" là sự kết tinh phức tạp giữa sinh hoạt xã hội với sinh hoạt tâm lý của người thượng cổ. Nó đánh dấu một loại tín ngưỡng tập thể vô ý thức, chi phối cả lĩnh vực hình thái ý thức của xã hội nguyên thủy. Hình thái ý thức nguyên thủy lấy lý luận "vạn vật hữu linh" làm cơ sở, bao gồm cả các kiểu sùng bái giới tự nhiên, sùng bái động và thực vật, sùng bái quý thần, mê tín điềm báo trước, các loại hình phù phép và nghi thức v.v... Trong đó, một bên là các đối tượng được sùng bái đại diện cho thần linh có sức mạnh siêu nhiên. Còn một bên là các thuật phù phép, các nghi thức, đại diện cho sự cố gắng chủ quan của loài người, tức là sự cố gắng mở đường nối thông giữa người và thần linh. Tổ tiên xưa cho rằng một khi người và thần linh có sức mạnh kết hợp lại được với nhau thì sẽ chiến thắng được bệnh tật, đánh thắng trận hoặc được mùa, linh hồn được lên trời và biết trước được tương lai. Những người tế lễ, đồng cốt được coi là những người có thể liên lạc được với thần linh. Họ có rất nhiều phương tiện phong phú để liên lạc được với thần linh. Mê tín điềm báo trước là một trong những phương tiện. Về

sau này, mê tín điềm báo trước trở thành nguồn gốc sâu xa của thuật đoán mộng.

Cái gọi là mê tín điềm báo trước là quan điềm sai lầm, lấy việc sùng tín điềm báo làm cơ sở hình thành nên kiểu mê tín về nhận thức nhân quả đối với sự vật dưới tác dụng của thần linh. Với người dân của các xã hội sơ khai, những điềm báo được mê tín là những hiện tượng đột nhiên phát sinh ra trong giới tự nhiên mà mọi người không có cách nào không chế được, như sao đổi ngôi, sao chổi, nguyệt thực, nhật thực, động đất, nằm mơ, mắt nháy, sự xuất hiện các động và thực vật trong lúc khí hậu và thời tiết không bình thường, sự thay đổi biến dạng của các loại động và thực vật quen thuộc v.v... Những hiện tượng xảy ra mà không có cách nào giải thích được đều được mọi người cho là những gợi ý và báo hiệu của thần linh. Và cả những sự việc phát sinh ra sau những hiện tượng đó được coi là sự trừng phạt hoặc sự ban thưởng của thần linh đối với con người.

Nhu vậy, sự mê tín vào điềm báo trước chuyển hoá thành sự mê tín điềm báo trong mộng mị như thế nào để hình thành một mô lý luận phức tạp về đoán mộng ? Một khâu quan trọng trong đó gắn liền với quan niệm về mộng, hồn của tổ tiên chúng ta xưa kia.

2. QUAN NIỆM VỀ HỒN, MỘNG CỦA NGƯỜI XUA

Nhân loại cổ xưa đã gắn liền mộng với linh hồn như thế nào thì đến bây giờ cũng không có cách nào tìm ra được chúng - có trực tiếp. Nhưng chúng ta có thể căn cứ vào trình độ trí lực của người cổ xưa mà suy ra, hơn nữa chúng ta còn có thể tìm thấy được một số "hoá thạch sống" trong tập tục tôn giáo của người cổ xưa nguyên thủy. Trong cuốn sách "Lútwich Fơ bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức", Ăngghen (Engels) căn cứ vào những tài liệu về người nguyên thủy ở Bắc Mỹ để phân tích quan niệm về hồn mộng của người xưa. Ông nói: "Trong thời đại viễn cổ, mọi người còn chưa biết gì về cấu tạo của thân thể mình, hơn nữa chịu ảnh hưởng của cảnh tượng trong mộng mà quan niệm: tư duy và cảm giác của họ không phải là hoạt động thuộc thân thể của họ mà là hoạt động của linh hồn dạng đặc biệt ở trong cơ thể của họ khi thân thể ấy chết. Người nguyên thủy qua sự suy ngẫm về giấc mộng mà hợp thành nên quan niệm về linh hồn; ngược lại, họ lại dùng quan niệm về linh hồn mà giải thích về hoàn cảnh và hình tượng trong giấc mộng. Quan niệm về hồn, mộng của người nguyên thủy được liên hệ chặt chẽ với nhau, không thể tách rời ra được".

Theo như sự phân tích đó của Engels, tại một số khu vực biên khu không phát triển trong xã hội hiện đại của Trung Quốc cũng còn có thể tìm thấy một số dấu ấn "hoá thạch sống". Với bộ tộc Li Li ở phía Tây Nam đất nước vào thời trước giải phóng, đại bộ phận đã tiến lên xã hội phong kiến, nhưng có địa khu cục bộ hãy còn dừng lại ở trình trạng cày bằng dao, đốt rẫy. Tập tục của họ, ngoài tôn thờ thần linh còn có thuyết "giết hồn" ở trong mộng. Họ cho rằng có hạng người được gọi là "khẩu bắt", linh hồn của nó là con quỳ chim ưng, vì trong mộng, chim ưng có thể "giết chết hồn". Do vậy, người ta rất sợ hãi và căm phẫn kẻ bị gọi là "khâu bắt". Nếu người nằm mộng do đó lăn ra ốm hoặc bị tử vong thì tức là người nằm mộng đã bị "khẩu bắt" giết mất hồn. Để chứng minh một người nào đó là "khẩu bắt" hoặc để truy cứu trách nhiệm, những phù thủy, đồng cốt cử hành một lễ nghi rợn người, trong đó có việc ném vạc dầu gọi là "thần phán". Người là "khẩu bắt" bị trừng phạt nghiêm khắc vì đã giết "hồn". Đó là một loại hoạt động về linh hồn của mộng giữa người nằm mộng (mình) và người bị mộng thấy (bắt gặp trong giấc mộng).

Lại như, xã hội loài người Kinh Pô và tộc Dao đã được phát triển đến trình độ tương đối cao nhưng vẫn còn những địa phương cá biệt rất lạc hậu. Trong

họ còn phổ biến quan niệm hồn mộng và mê tín vào chiêm trong đó cũng là tập tục từ thượng cổ để lại, cho nên cũng nên coi như một sự rơi rớt lại của quan niệm nguyên thủy. Dân tộc Kinh Pô gọi linh hồn là "Nan La". Họ cho con người sở dĩ nằm mộng là vì linh hồn xa rời khỏi xác thịt. Nếu linh hồn không rời khỏi xác thịt thì không có mộng. Có lúc người ta ngủ mà không thấy mộng là vì linh hồn có ra khỏi xác nhưng không gặp hoặc không thấy gì. Nếu linh hồn rời khỏi xác mà gặp một quái vật gì đó thì người nằm ngủ sẽ thấy mộng. Theo tập tục của người Kinh Pô, nếu người nằm ngủ mơ thấy dao, mác gì đó là điều tốt lành, là điềm vợ sẽ sinh con trai. Nếu mơ thấy nồi bằng kim khí và kiềng ba chân sẽ là điều lành, vợ đẻ con gái. Nếu nằm mơ thấy bí, bầu, dưa triu quả, mình gánh về một sọt nặng tức là điềm xấu. Mơ thấy mặt trời lặn, rụng răng hoặc uống rượu, ăn thịt ... đều là điềm dữ, trong nhà hoặc láng giềng có người chết.

Người Dao có cách giải thích về chiêm mộng triệu của họ, nghe nói nếu thấy mặt trời lặn xuống phía dưới gốc thì cha mẹ gặp tai nạn. Mơ thấy gió thổi, mưa rơi hoặc mơ thấy ân ái với con gái thì bản thân mình gặp tai nạn. Mơ nghe thấy ca hát thì sẽ cãi nhau với người khác, mơ thấy mình ăn cơm thì sẽ phải làm

việc vất vả suốt ngày, thấy di đại tiện, thấy rắn bò hoặc mình ném các mẩu gỗ hoặc những hòn đá xuống dưới chân núi ... đều là triệu chứng thất tài. Ngược lại, mơ thấy đánh rắn hoặc nhà bị cháy là điềm phát tài hoặc được tiền tài. Mơ thấy lửa rừng đốt núi hoặc thấy cha mẹ, trời sắp mưa, thấy người chết hoặc mình chết, thì người nằm mơ hoặc người thấy trong mơ được sống lâu và có hồng phúc. Mơ thấy mình khóc cũng có phúc v.v. ..

Quan niệm về hồn, mộng của tộc Hơ Chơ phía Đông Bắc lại cũng có ý nghĩa điển hình. Trước đời Thanh, tộc Hơ Chơ còn ở thời kỳ tiền sử. Trong tín ngưỡng của họ, mỗi con người có 3 linh hồn. Một là linh hồn sinh mệnh. Linh hồn thứ hai là linh hồn chuyển sinh. Thứ ba là thứ linh hồn quan niệm và tư tưởng. Họ cho rằng linh hồn sinh mệnh cho người ta sinh mệnh. Linh hồn chuyển sinh chủ trì việc chuyển đổi cuộc sống sang đời sau. Linh hồn quan niệm cho người ta có cảm giác và tư tưởng. Khi người ta ngủ, thân thể không động đậy, tai và mắt không có tri giác là vì linh hồn quan niệm đã ra khỏi thân xác. Người ta sở dĩ nằm mơ và trong giấc mơ có thể nhìn thấy nhiều điều thậm chí thấy cả những người thân đã chết, là vì linh hồn quan niệm rời khỏi xác thịt

mà đi đến các nơi khác, tiếp xúc với thần linh và những linh hồn khác.

Chính vì trong mộng, linh hồn có thể tiếp xúc với thần linh, có thể tiếp xúc với linh hồn của tổ tiên, cho nên mọi người coi hình tượng giấc mộng là sự gợi ý, báo hiệu của thần linh hoặc của tổ tiên nên rất có ý nghĩa đối với người nằm mơ. Với người Hồ Chơ, có những giấc mộng tốt lành như mơ thấy mình uống rượu, được tiền là dự báo sẽ săn bắn được đầy bị trở về. Mơ thấy người chết, khiêng quan tài là nhất định sẽ săn được dã thú. Những giấc mộng có triệu chứng xấu là khi nhìn thấy gấu đen có nghĩa là tai nạn giáng lên đầu, trong nhà sẽ có người chết hoặc người thân thích chết. Nằm mơ thấy đi ngựa lững thững là đi săn tay không trở về. Sự mê tín đối với điềm trong giấc mộng này của dân Hồ Chơ rõ ràng có liên hệ chặt chẽ với cuộc sống săn bắn mà cũng gắn liền với phương thức tư duy cổ xưa của họ. Qua những thí dụ về mộng triệu như đã nói trên có thể thấy rằng mộng triệu là phản hưởng bắt nguồn từ kinh nghiệm sống. Có mang được con mồi về mới có tiền, có rượu. Ngược lại, mộng thấy uống rượu và được tiền chỉ ứng nghiệm khi nào mang được con mồi về nhà. Cũng vậy, giết dã thú, phải khiêng về như khiêng người chết, khiêng quan tài về. Ngược

lại mộng thấy khiêng người chết và quan tài chỉ ứng nghiệm sau khi bần chết đã ỉhú. Điều cần nói thêm là người nguyên thủy thường thích giả trang mình thành con thú rừng hoang dã. Dưới con mắt họ, khiêng con thú chết với khiêng người chết chỉ là một.

Dân tộc Ngạc Luân Xuân ở trong rừng rậm vùng núi Hưng An cũng có quan niệm về linh hồn như vậy. Họ giải thích hồn mộng một cách đại thể cũng giống cách giải thích của người Hơ Chơ. Có điều, họ nhấn mạnh linh hồn chủ yếu về mặt quan niệm. Họ cho rằng khi người ta ngủ, linh hồn lìa khỏi thể xác và gặp một vật gì đó. Nhưng tại sao vẫn gặp lại người đã chết ở trong mộng thì họ cho rằng người thân tuy đã chết nhưng chỉ chết về thể xác còn linh hồn thì vẫn tồn tại (tham khảo cuốn "Tin vào giấc mộng và tìm hiểu về giấc mộng" của Lưu Văn Anh).

Trong những văn bản cổ xưa của dân tộc Hán, ta cũng có thể tìm thấy một số đoạn ghi chép về hồn mộng. Như trong Các chương Cửu chương, Tích Tụng ... sách Sở từ có viết : "Trước ta mộng thấy lên trời chừ, hồn giữa đường mà không có xuống". Ở đây, hồn và mộng ghép làm một. Dùng mộng cho hồn bay. Trong bài Trường môn phú của Tư Mã Tương Như có câu : "Bổng ngủ thức mà mộng tưởng chừ ... Hồn thấy như có chàng ngay bên cạnh." Cũng là mộng và hồn

gắn liền với nhau. Lấy mộng mà cảm hồn. Ta thấy quan niệm hồn mộng có ảnh hưởng sâu sắc và rộng rãi trong thời cổ đại của Trung Quốc.

3. MÊ TÍN ĐIỀM MỘNG CHUYỂN HOÁ THÀNH THUẬT ĐOÁN MỘNG

Quan niệm về hồn mộng là cơ sở tư tưởng của mê tín mộng triệu. Bản thân nó không phải là mê tín mộng triệu. Vì quan niệm hồn mộng chỉ là nói mộng để cho hồn đi ngao du, chứ không nói hồn ngao du có thể dự báo triệu chứng lành hay dữ. Họ gắn liền quan niệm hồn mộng và quan niệm quý thần lại với nhau. Coi mộng là gợi ý, báo triệu của thần linh hoặc hồn quý cho người nằm mộng. Do đó mới xuất hiện sự mê tín mộng triệu. Đương nhiên mối liên hệ này của người nguyên thủy thật là tự nhiên. Vì họ phải trả lời câu hỏi : linh hồn đã cư trú vào xác thịt con người, sao nó lại lìa khỏi thân thể con người ? Điều đó phải tìm nguyên nhân hoặc sức mạnh bên ngoài hồn mộng của người nằm mộng. Tại sao họ có thể đi tới đó để gặp thần linh? Điều đó không chỉ liên hệ với quan niệm "vạn vật hữu linh" của Taylor mà còn liên hệ với đặc điểm bản thân của giấc mộng.

Ai nấy đều có thể nghiệm như sau : Một mặt, giấc mộng không tự giác với người nằm mơ. Người nằm

mơ không biết đến anh ta bước vào cảnh giấc mộng ra sao. Mặt khác, người nằm mơ đều có cảm giác với hình tượng trong giấc mộng. Nhưng nó hiện ra vừa linh' thiêng vừa thực. Hơn nữa, hình tượng giấc mộng hư ảo, ly kỳ, biến hoá vô thường. Người nằm mơ cảm thấy có một sức mạnh mờ ảo chi phối mình. Cái sức mạnh mờ ảo ấy dĩ nhiên chỉ có thể là thần linh. Người Hơ Chơ cho rằng linh hồn là do thần linh ban cho, hoạt động của linh hồn tất nhiên cũng do thần linh chi phối. Khi người Li Li gặp phải ác mộng, họ liền cúng lễ "hồn mộng". Khi người Kinh Pô gặp ác mộng, họ liền khẩn "quý". Như vậy là linh hồn lia xác thịt đi chơi có liên hệ với quý thần. Bài Chiêu hồn trong "Sở từ" có nói về thần "giữ mộng" là thuộc hạ của Thượng đế. Lại chú thích là : chức quan Thượng đế chơ qua giấc mộng mà trông nom về hồn, phách. Như vậy càng thấy rõ giấc mộng là do Thượng đế hoặc quý thần ban cho.

Ngày nay nhiều học giả đã nhận thấy rõ sự liên hệ giữa quan niệm hồn mộng với quan niệm thần linh. Nó có ý nghĩa phổ biến đối với tôn giáo nguyên thủy của tất cả các dân tộc. Trong cuốn sách "Tu duy nguyên thủy" của Lévi-bôliu, sau khi đã dẫn ra mấy cách nhìn về mộng của các dân tộc nguyên thủy, ông cho mộng là sự giao tiếp giữa người nằm mơ

với tinh linh, linh hồn, thần ... Mộng là phương pháp thường dùng của thần để thông tri cho mọi người về ý chí của mình. Thời xa xưa, người Anh - điêng ở Bắc Mỹ nhận lời gọi ý và báo hiệu của thần trong giấc mộng. Trước khi nằm mộng, người ta phải qua tắm hơi, trai giới 3 ngày. Khi nằm ngủ phải kiêng và tránh phụ nữ, phải ở một mình. Tổ tiên của chúng ta cũng như các tộc chủng nguyên thủy khác, lúc mới sơ khai đều đi từ quan niệm hồn mộng quá độ sang mê tin điềm mộng.

Thoạt đầu, người dân xưa hoàn toàn không tự giác đối với mê tin điềm mộng. Những giấc mộng được họ coi là dự báo cho lành, dữ chỉ hạn chế trong các giấc mộng có nội dung đặc biệt và là những giấc mộng có liên quan mật thiết với cuộc sống. Những giấc mộng khác đều không được chú ý tới. Nhưng rồi, cuộc sống của con người càng trở nên phức tạp hơn, số người muốn bói xem dự báo của mọi sự việc càng ngày càng tăng lên nhiều. Những điều dự báo đưa vào giấc mộng cũng tăng lên từng ngày. Từ lúc tự phát mê tin một số điềm mộng, người ta đi đến tự giác tìm các loại điềm mộng. Đi từ giải thích tính tập quán của điềm mộng tới việc phân tích, biện luận một cách phức tạp điềm mộng. Thế là mê tin điềm mộng nguyên thủy chuyển hoá thành mê tin đoán mộng.

4. SỰ LIÊN HỆ VÀ KHÁC BIỆT GIỮA MÊ TÍN ĐIỀM MỘNG VÀ THUẬT ĐOÁN MỘNG.

Mê tín điềm mộng và thuật đoán mộng đều dựa trên cơ sở tư tưởng và phương pháp mà thần linh có thể dùng các điềm dự báo gợi ý cho người dân biết xu hướng phát triển của sự vật. Nhưng giữa hai điều đó có sự khác nhau rõ ràng. Mê tín điềm mộng là hình ảnh điềm báo được phát sinh tự nhiên từ thân thể con người, có tính ngẫu nhiên tương đối. Nội dung dự báo cũng hạn chế bởi hình ảnh điềm báo tương ứng. Còn đoán mộng là do ngoài tạo ra, nội dung của nó là do con người quy định trước. Người ta có thể tiến hành bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu mà không bị thời gian và không gian hạn chế. Mê tín điềm mộng là bị động tiếp thu lời chỉ báo, gợi ý của thần linh. Thuật đoán mộng là mọi người chủ động xin thần linh ban cho sự gợi ý, chỉ báo.

Mê tín điềm mộng chuyển hoá thành thuật đoán mộng. Một mặt, vì tính chất hư ảo khác thường của mê tín điềm mộng quyết định, nó phải phức tạp hoá trong quá trình phát triển để không ngừng giữ lòng tin với mọi người. Mặt khác, cũng do nhân tố tác động tất yếu của xã hội, tùy theo sự mở rộng của phát triển xã hội và phạm vi sản xuất, phạm vi cần biết trước về sự phát triển và biến hoá của sự vật của con người

cũng lớn hơn. Chỉ dựa vào mê tín chiêm mộng tự phát sinh ra từ cơ thể con người sẽ không thoả mãn được nhu cầu mở rộng như trên đã nói. Trước những sự việc cần phải làm, người ta muốn hạ quyết tâm, hoặc tăng niềm tin, thậm chí để tự an ủi mình mà lại chưa thấy xuất hiện điềm báo gì, người ta buộc phải tìm ra những người có thể sáng tạo ra được nội dung hình ảnh của điềm báo ngay trong hoàn cảnh mê tín chiêm mộng. Họ cho thêm vào chút phân tích chủ quan và chủ động cầu trợ sự phù hộ của thần linh. Qua một thời gian phát triển, thuật đoán mộng hình thành nên một loạt lý luận hoàn hảo về đoán mộng. Như vậy, mê tín chiêm mộng nguyên thủy đã quá độ sang thuật đoán mộng do con người tiến hành. Do vậy, ta thấy có khác biệt giữa mê tín chiêm mộng với thuật đoán mộng.

- II -

QUAN HỆ GIỮA CÁC LOẠI HÌNH CHIÊM, BÓI VỚI ĐOÁN MỘNG

Chiêm, bói là các loại hình mê tín cổ lão nhất. Chúng gắn liền không gỡ ra được với nền văn hoá truyền thống của Trung Quốc. Chúng ta chỉ cần giở mục lục sách từ phần "Nghệ văn chí" trong Hán thư, chúng ta sẽ thấy những cuốn sách nói về chiêm, bói đã chiếm một tỷ lệ không nhỏ.

Thế nào là chiêm, bói ? Sách "Thuyết văn giải tự" giải nghĩa Chiêm là nhìn vào điểm, là hỏi (có chữ bốc (bói) và chữ khẩu (nói)), từ đó biết hoạ phúc. Do đó ta thấy chiêm liên quan trực tiếp mật thiết với điềm. Điềm còn được coi là hình tượng, điềm. "Cái lộ ra ngoài" chữ cổ viết chữ điềm (triệu) giống chữ "bốc". Với triệu chúng lúc trước (tiền triệu), nhưng chiêm và bốc có liên hệ với điềm. Nhưng cũng có điểm khác nhau, biểu hiện chủ yếu : Chiêm và bốc đều là mê tín quý thần, có thể dùng một dấu hiệu nào đó để dự báo một sự việc nào đó cho người dân. Điều khác nhau là điềm báo đặc trưng của mê tín, điềm

báo nguyên thủy là tự phát, là hiện tượng xuất hiện ngẫu nhiên mà chiêm và bốc nguyên thủy lại cho rằng có thể dùng một phương pháp nào đó mà thỉnh cầu thần quý phát ra một dấu hiệu, cái điềm cho con người. Hình tượng điềm báo của "chiêm" là hiện tượng tự nhiên. Còn hiện tượng về "bốc" là do người chế tạo ra. Hiện tượng chiêm tinh tuy là người làm ra, nhưng chiêm tinh không thuộc về "bốc" và "chiêm" nguyên thủy. Hơn nữa, mê tín điềm báo trước nguyên thủy chịu sự hạn chế của việc xuất hiện hay không của điềm báo trước và cũng chịu sự khống chế của nội dung và phạm vi của sự dự báo. Còn "chiêm" và "bốc" nguyên thủy thì do mọi người căn cứ vào sự việc muốn được dự báo cho người muốn biết mà cầu xin quý, thần phát xuất ra hình tượng điềm báo tương ứng để mong tìm câu trả lời.

"Chiêm" và "bốc" nguyên thủy được hình thành trong sự phát triển của mê tín điềm báo nguyên thủy, không phải do một cá nhân nào sáng tạo ra. Do đó chiêm, bốc của các quốc gia dân tộc đều có tính cộng đồng. Trong thời kỳ mê tín điềm báo thuộc tín ngưỡng nguyên thủy, người ta phát hiện thấy có nhiều điềm do con người sáng tạo ra một cách vô ý thức. Mọi người để giải quyết những điều nghi ngờ có thể có ý thức sáng tạo ra nó. Có nhiều dạng điềm tồn tại thường xuyên, chỉ vì người ta thiếu sức quan sát hoặc không chú ý mà bị bỏ quên. Loại chế tạo ra một cách có ý thức chiêm mộng, hình tượng nội tạng động vật, mộng thấy vỏ cứng bị vỡ khi đập quả có vỏ cứng...

Mê tín diêm báo nguyên thủy do một số người có ý thức tạo ra nói trên. Trước tiên, chuyển hoá vào "chiêm" và "bốc" nguyên thủy. Trong đó, mê tín diêm báo rất dễ dàng chuyển hoá thành cách đoán mộng. Quá trình chuyển hoá của nó chỉ cần mở rộng ngoại diện diêm mộng ra, biến thành cách nghĩ : không có giấc mộng nào không có diêm báo là được. Ngoài ra, đối với diêm báo thường xuyên tồn tại mà bị bỏ qua, con người chú ý quan sát và lợi dụng chúng cũng trở thành một loại hình "chiêm, bốc".

Do các chủng loại mê tín diêm báo nguyên thủy chuyển hoá sang "chiêm, bốc" quá nhiều nhưng không phải là tất cả các mê tín diêm báo đều có thể chuyển hoá sang "chiêm, bốc". Những dạng mê tín diêm báo nào có thể chuyển hoá sang "chiêm, bốc", điều này do điều kiện sống cụ thể của các dân tộc và mê tín diêm báo vốn có của chúng quyết định. "Quy sách liệt truyện" trong sách Sử ký có viết : Thị tộc Khương man di, không biết đến thú hạng quân thần mà cũng có "bốc" (bói). Nơi dùng đá vàng, nơi dùng thảo mộc. Trong nước không giống nhau về phong tục. Tuy vậy, họ vẫn có thể chiến đấu, chinh phạt, công kích, tiến quân để chiến thắng. Mỗi nơi đều thờ thần của mình để biết tương lai. "Chiêm, bốc" của các dân tộc lạc hậu cận đại và "chiêm, bốc" thời cổ đại nói lên hoàn cảnh sống, truyền thống, tập quán của các dân tộc khác nhau, sản sinh ra kiểu "chiêm, bốc" khác nhau. Nếu điều kiện sống gần nhau thì "chiêm bốc" cũng gần giống

nhau. Ví dụ các dân tộc sống về chăn nuôi là chính, ở thời cổ đại thường sử dụng phương pháp "chiêm, bốc" bằng xương thú. Với các dân tộc sống bằng hái quả, trồng cây thì dùng phương pháp "chiêm, bốc" bằng cây cỏ. Lại có dân tộc thường ném xuống đất những phiến đá, ván gỗ hoặc vài thứ gì đó rồi căn cứ vào mặt sắp hay mặt ngửa hoặc vị trí phiến đá, miếng gỗ mà có cách bói ra điều hung, cát. Đó là phương pháp phổ biến vì nó không chịu sự hạn chế của điều kiện sinh sống. Lại có cách bói lành, dữ qua việc xem xét số lẻ, số chẵn, số lượng nhiều hay ít, lớn nhỏ hoặc ngắn dài.

Ở nước ta, trước đời Tần, các loại chiêm, bốc rất nhiều, chưa có chức quan nào chuyên phụ trách về chiêm, bốc, dùng thủ đoạn mê tín làm phương pháp quyết định chính sự. "Chiêm nhân" (người bói) căn cứ vào "Thiên, Xuân quan, Bốc nhân" sách Chu Lễ có ghi: "Người giữ mai rùa" chuyên xem các quẻ bằng cỏ thi, mai rùa mà biết lành dữ. "Bốc nhân" dựa vào những ghi chép trong "Xuân quan, Tụ quan" sách Chu Lễ, được sự trợ giúp của Thái bốc, Bốc sư mà hành sự. Trong quan chế nhà Chu có hai người là đại phu bốc sư, 4 người là thượng sỹ, 8 người là trung sỹ, 16 người là hạ sỹ. Trong "Thiên Ngọc Tào" sách Lễ Ký có ghi lại: "Bốc nhân định quy" là chức quan làm việc chiêm, bốc. Dù biết tập tục chiêm, bốc ở nước ta đã có từ lâu. Bốc quan lại chia ra các chức như: Bốc chính, Bốc doãn, Bốc sư.

Thời cổ đại đặt quan chức chiêm, bốc đã thừa kế các tín ngưỡng cổ đại. Đại loại có : chiêm thiên, chiêm tinh, chiêm mộng, chiêm nhật, chiêm nguyệt, chiêm niên, bốc tuế, bốc sỷ, bốc hữu (bên phải), bốc chiến, bốc trạch (đất cát, nhà ở), bốc trúc (xây dựng), bốc lão, bốc tự (thờ tự), bốc danh, bốc thê (vợ), bốc cu (nơi ở), bốc giới (điều kỵ), bốc kỵ (giỗ và lễ tết), bốc chúc, bốc thực, bốc tế, bốc lân, chiêm hầu v.v... Hầu như chẳng có điều gì không chiêm, cũng chẳng có gì không bốc (bốc). Chiêm, bốc thời tiền Tần thật là nhiều.

Cho đến triều Hán, thuật chiêm bốc của nước ta được dần dần quy phạm hoá. Trong "Nghệ văn chí", "Số thuật lược" sách Hán thư, đã phân chia ra 6 loại chiêm bốc lớn : Thiên văn, Lịch phổ, Ngũ hành, Thi quy, Hình pháp và Tạm chiêm... Thiên văn chỉ việc xem mặt trời, mặt trăng, tinh vân, khí. Lịch phổ căn cứ vào thời lịch mà phân định ra điều lành hoặc dữ. Ngũ hành căn cứ quan hệ tương sinh tương khắc giữa Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ mà suy ra điều lành dữ. Thi quy là kiểu bói bằng xương thú, mai rùa và cách "phệ" trong "Chu dịch", Hình pháp là thuật xem địa hình, người, khí cụ, vật dụng và lục súc. Nội dung của "tạm chiêm" rất rộng, bao gồm tất cả các nội dung không có trong năm loại lớn nói trên. Đoán mộng liệt vào loại tạm chiêm. Hàng nghìn năm sau đời Hán xuất hiện nhiều thuật chiêm bốc mới. Nhưng những loại hình thì không có biến động gì lớn. Ví như : "Tứ khổ toàn

thu, Tý bộ, Thuật số loại" chia ra làm nhiều chủng loại : Số học, chiêm hầu, tướng trạch và tướng mộ, chiêm bốc, mệnh thư, tướng thu, âm dương ngũ hành, tạp kỹ thuật. Những nội dung này đại loại đã có nguyên hình trong việc phân loại của Hán thư, Nghệ văn chí - sách Hán thư ...

Trong những thuật chiêm bốc này, thuật đoán mộng được phát đạt nhất. Do đó trong sách Hán thư có câu, "nghề chiêm không chỉ có một, nhưng lớn nhất là bói mộng". Đến thời Chu lại đặt ra quan chức chuyên môn giải thích mộng và phân chia mộng ra thành 6 loại như : Chính mộng, tư mộng, tẩm mộng, ác mộng, cụ mộng (sợ), hỷ mộng. Ai nằm mộng mà không hiểu ý nghĩa của mộng sẽ mời người đến giải thích và đoán mộng. Thực tế đó là hoạt động của thuật phù thủy đoán mộng trên cơ sở tâm lý coi mộng là điềm báo. Vì mộng là một loại thể nghiệm tự thân của con người. Đoán mộng sử dụng các loại thể nghiệm tự thân đó mà liên lạc, thông linh với thần nhân, làm môi giới cho việc dự báo lành, dữ. Cho nên, so sánh với các loại hình chiêm, bốc khác, đoán mộng là loại có tính thần bí đặc thù và sức mê hoặc to lớn. So với các loại hình chiêm bốc khác, thành phần duy tâm chủ nghĩa của nó càng rõ nét và lộ liễu.

- III -

HOẠT ĐỘNG ĐOÁN MỘNG THỜI ÂN, CHU

Ở thời Ân, Chu, đoán mộng là công cụ chủ yếu để quan sát điều lành, dữ của quốc gia và để quyết định những đại sự của đất nước. Do đó, nó trở thành một bộ phận tổ thành của thần học tôn giáo quan phương. Chỉ từ đời sau, đoán mộng mới thành thứ mê tín thế tục. Hoạt động đoán mộng sau thời Ân, Chu không những giữ lại những đặc điểm nói chung của thuật đoán mộng Ân, Chu mà còn hoà trộn vào với thần học tôn giáo khác để trở thành một loại hình hoạt động mê tín có ảnh hưởng to lớn. Cho nên nắm bắt rõ ràng tình hình hoạt động đoán mộng thời Ân, Chu có một ý nghĩa quan trọng trong việc nắm bắt hoạt động đoán mộng rắc rối, phồn tạp của hậu thế sau Ân, Chu.

1. BÀN QUA VỀ LÝ LUẬN ĐOÁN MỘNG

Khoa học ngày nay coi con người là một sinh vật. Trong thân thể người ta có một số hiện tượng sinh

lý mà tự bản thân con người không thể khống chế được một cách chủ động như : nằm mộng, tim đập, nháy mắt, ù tai, hắt hơi v.v... Nhưng lúc khác thường gặp những hiện tượng không tự khống chế được để sa vào mê tin cho rằng đó là sự phát sinh ra một điềm báo. ở thời kỳ rất cổ, hiện tượng ù tai hoặc hắt hơi cũng được coi là điềm báo. Kiểu mê tin này rất thịnh hành ở thời kỳ Tây Hán. "Nghệ Văn chí", sách Hán thư có ghi lại rằng trong thời Hán có 15 cuốn sách tạp chiêm về ù tai và hắt hơi. Trong mê tin điềm báo của cổ nhân, mê tin điềm của giấc mộng là phổ biến và lưu hành rộng rãi nhất. Ai cũng có thể có giấc mộng. Nhưng người cổ cho mộng là hiện tượng khó lý giải hơn cả. Nội dung giấc mộng rất phức tạp. Nào mộng đẹp, mộng ác, mộng không lý giải nổi, bất kể giấc mộng nào cũng không thể tự do lựa chọn được. Tinh thần bí này của giấc mộng khiến cho người xưa liên hệ những giấc mộng (trước) với những sự kiện mới phát sinh ra, thông qua việc tổng kết rồi liệt kê ra giấc mộng nào thuộc điềm lành và giấc mộng nào thuộc điềm dữ.

Trong tư liệu lịch sử của nước ta có ghi lại một loạt những lý luận về đoán mộng. Sau khi có được những lý luận ấy mới khiến cho mọi sự mê tin các điềm mộng nguyên thủy quá độ sang đoán mộng do người tạo ra. Nhưng loại lý luận đó sản sinh ra lúc nào thì các sử sách không nói được rõ ràng lắm. Chỉ có Thiên Xuân quan trong sách "Chu Lễ" mới tiết lộ

một chút tin tức về phương diện này. Chúng ta biết rằng ở đời Chu đã lập ra chức quan làm việc giải thích điềm lành, dữ của các giấc mộng. "Thiên Nghệ Văn chí", sách Hán thư viết: "Các loại chiêm bốc không chỉ có một. Nhưng đoán mộng là điều lớn nên đời Chu mới có chức quan này".

Ở đời Chu, về việc phân tích điềm của giấc mộng đã có một số lý luận sơ bộ. "Xuân quan", sách Chu lễ viết: "Đoán mộng phải nắm bắt được cả thời thế, xem vận hội trời đất, biện rõ khí âm dương, quan sát mặt trời, trăng sao để đoán được điều hung, cát trong 6 loại mộng. Một là chính mộng, hai là ác mộng, ba là tư mộng, bốn là tầm mộng, năm là hỷ mộng, sáu là cụ mộng (sợ hãi). Có một đoạn ghi: "Cuối mùa đông, Sinh vương nằm mộng, hiển mộng lành dâng vua. Nhà vua bái nhận, ra lệnh gieo khắp cho bốn phương để trừ ác mộng". Qua đoạn ghi này, ta thấy rằng đời tiền Tần đã có lý luận đoán mộng có đầu có đuôi mà cũng tương đối phức tạp. Nó không chỉ dựa vào nội dung giấc mộng mà phán đoán hung, cát một cách cứng nhắc mà còn có thêm cả các yếu tố thời thế, khí tượng, thiên văn, âm dương v.v... Nhưng, về thời gian ghi thành sách của lý luận "Chu lễ" thì ý kiến của giới học thuật chưa nhất trí với nhau. Có người cho những điều lý luận đó là tác phẩm của đời Chiến Quốc và Tần, Hán. Nhưng tham khảo "Kinh thi" về điều có liên quan đến

tài liệu ghi lại của "Chu lễ" về lý luận đoán mộng, ta thấy phù hợp với thời từ Tây Chu đến Xuân Thu. Cho nên ta biết rằng ở thời Tây Chu đã sơ bộ xây dựng được cơ sở lý luận đoán mộng.

2. HOẠT ĐỘNG ĐOÁN MỘNG SỚM NHẤT

Đoán mộng cổ đại ở Trung Quốc bắt đầu có từ lúc nào, hiện nay rất khó đề ra khảo chứng vì thời gian quá dài, tài liệu ghi chép lại khiếm khuyết. Chỉ căn cứ vào ghi chép trong "Đế vương thế kỷ" của Hoàng Phủ Dật, chúng ta nhận thấy nhân vật đề cập đến đoán mộng sớm nhất là Hoàng đế. Trong đó có viết : "Hoàng đế nằm mơ thấy gió lớn thổi quét tất cả bụi bẩn trong thiên hạ đi. Rồi lại thấy người cầm chiếc nỏ nghìn cân đuổi đàn dê hàng vạn con... Sau khi tỉnh mộng, Hoàng đế tự phân tích : gió là hiệu lệnh, là người chấp chính vậy. Bụi bay khỏi đất đi theo sau (hậu). Thiên hạ làm gì có ai là họ Phong, tên là Hậu ? Chiếc nỏ nghìn cân là sức mạnh dị thường. Đuổi đàn dê hàng vạn con, là kẻ có thể chān đất dân thành người lương thiện vậy. Thiên hạ làm gì có ai họ Lục tên là Mục ? Thế rồi Hoàng đế dựa vào đoán mộng mà tìm được hai người là Phong Hậu và Lục Mục phong cho làm quan.

Hoạt động đoán mộng của Hoàng đế thuộc về truyền thuyết viễn cổ. Trong thời đại Hoàng đế, văn tự của nước ta vẫn còn là văn tự tượng hình hoặc văn

tự đồ hoạ, làm sao có thể dùng cách phân tích văn tự mà chiêm mộng được ?

Về hoạt động đoán mộng, những ghi chép sớm nhất là những bốc từ ở Ân Khu. ở những văn tự Giáp cốt này đã thấy xuất hiện những từ về mộng tương đối có quy phạm. Ví như :

"Nhâm Ngọ bốc, Vương Viết Trinh, hựu mộng (Thiết tạng 26-3) (năm Nhâm Ngọ bói, vua nói quy trình, lại nằm mơ). "Bính Tuất bốc, Cảnh Trinh, Vương xuất mộng thị, bất" (Di Chu 513). "Canh Mậu bốc, Cảnh Trinh, Vương xuất mộng, bất giai hạ (Di chu 514) "... xuất mộng đế..." (Chinh văn. Điển lễ 28).

Tiên sinh Hồ Hậu Tuyên là chuyên gia về Giáp cốt học nổi tiếng đã phát biểu trong bài "Khảo sát về đoán mộng của người Ân", viết : "Vua Ân rất quan tâm đến điều hung, cát trong giấc mộng. Mỗi khi có mộng, Ân vương lại cho chiêm, bốc ngay. Cho nên sinh hoạt chiêm bốc của Ân chiếm một địa vị quan trọng. Những từ vựng trong hoạt động đoán mộng của Hoàng đế đề cập rất rộng về hoàn cảnh và hình tượng của mộng. Chúng gồm những từ ngữ về nhân vật, quý quái, hình tượng trên trời, dã thú, đồng cỏ, săn bắn, tế kỵ v.v... Về mặt nhân vật gồm cả những người bên cạnh vua Ân như thế, thiếp, sử quan, tổ tiên đã khuất, tiên ty ... Trong phạm vi hình tượng trên có bói toán về mưa, nắng.

Sách Lễ ký, Thiên biểu ký viết : "Đời Ân sùng bái quỷ". Nhìn qua văn tự trên bút tích Giáp cốt cũng thấy như vậy. Nhưng giấc mộng về quỷ của vua Ân đặc biệt nhiều. Căn cứ vào bài : "Khảo sát về đoán mộng của người Ân" trong "Giáp cốt học thương sử luận tùng sơ tập" do tiên sinh Hồ Hậu Tuyên công bố, có dẫn ra các lời bốc từ về mộng quỷ và đoán mộng thật nhiều. Ví như :

Đinh Mùi bốc, Vương Trinh đa quỷ mộng
Canh Thìn bốc, trinh đa quỷ mộng.

Theo cách nhìn của người Ân, sở dĩ vua Ân có nhiều mộng, chủ yếu là do những bậc tiên Công, tiên Vương hoặc tiên Tỷ được sùng bái. Cho nên mỗi khi Ân vương có mộng đều phải đoán và xem xét xem mộng đến từ vị tiên tổ nào. Thông qua đoán và xem xét, nếu thấy một vị tiên tổ nào được sùng bái mà thiêng thì nhất định phải cử hành tế lễ long trọng. Gắn liền với tâm lý sợ quỷ, hầu như việc đoán mộng của vua Ân cũng có chút đặc điểm là chú ý nhiều đến phương diện tiêu cực của mộng. Phàm khi vua Ân nằm mộng đều hỏi xem có họa hoặc loạn hay tai ương gì không. Đối với việc đoán và xem xét tình cảnh của giấc mộng hoặc hình tượng giấc mộng, cũng như hỏi xem có điều vui hoặc may mắn hay không.

Ở đời Ân có một truyền thuyết về mộng, được ứng nghiệm như sau : Vua Vũ Đinh nhà Ân nằm mộng

thấy Thượng đế ban cho một lương hầu (quan giới). Vua bèn tìm lấy một người có tướng mạo đúng như trong giấc mộng rồi phong cho làm tể tướng và thu được nhiều thành công lớn. Sự kiện này được ghi trong thiên Thuyết Mệnh thượng sách "Thượng thư". Đó là điển hình của giấc mộng được ứng nghiệm và được lưu truyền rộng rãi. Những tài liệu khác cũng có ghi chép sự kiện này như ở sách Quốc ngữ, Sử ký, Ân bản ký và Hoàng đế thế ký. Những tình tiết về câu chuyện tương đối giống nhau. Chỗ khác nhau về các từ ngữ của câu chuyện là ở chỗ có sách lại nhấn mạnh vua Cao Tông có đức hạnh cao cả đã làm cho thần linh cảm động, làm động lòng cả Thượng đế cho nên thần linh đã thác mộng cho người.

Nhìn tổng quát nội dung chủ yếu các từ ngữ đoán mộng từ văn Giáp cốt đời Ân, có thể thấy rõ người đời Ân coi giấc mộng là nơi trọng yếu để tiếp nhận tin tức tin cậy của tiên nhân. Người phát ra những tin tức tin cậy gọi là tiên nhân có nghĩa là các bậc tiên Vương, tiên Công, tiên Tỳ và quý thần. Đoán mộng là đọc và giải những tin tức tin cậy của người trước (tiên nhân). Đoán mộng là căn cứ để thực hiện hành vi. Mộng là phương thức tri giác cao cấp nhất trong tâm người Ân. Đoán mộng là ngôn ngữ cơ bản giao lưu giữa họ với các lực lượng thần bí bao vây lấy họ từ bốn phương tám hướng. Ai có thể nắm được loại ngôn ngữ đó, người ấy nắm được chính quyền. Như

vậy, những "bốc từ" (lời bói), đã cho biết về quan niệm đoán mộng của người thời Ân. Nhưng không phải chỉ người đời Ân mới có quan niệm đó. Căn cứ vào các thu tịch cổ điển về các truyền thuyết thánh vương đời cổ, chúng ta có lý do suy ra để thấy con người trước thời Ân, Thương đã có nhận thức sùng bái mê tín chiêm mộng và đoán mộng.

3. THÁI ĐỘ CỦA NGƯỜI ĐỜI CHU ĐỐI VỚI ĐOÁN MỘNG

Người đời Chu rất coi trọng mộng và đoán mộng. Phạm có đại sự quốc gia, đều lấy việc đoán mộng ra mà quyết định. Chiêm bốc của người Chu là bói mộng, bói rùa, bói kinh Dịch. Ba loại này cùng được sử dụng. Theo "Xuân quan, Chu lễ", Thái bốc là cấp trưởng của bốc quan nắm về bói mộng, bói rùa, bói kinh Dịch và nắm pháp thuật của ba mộng, pháp thuật của ba điềm, "pháp thuật của ba dịch". Lấy kết quả việc đoán ba mộng, ba điềm và ba dịch mà đoán điều hung, cát của quốc gia. Nếu là cát thì làm. Nếu là hung thì bỏ. Với điềm hung thì áp dụng phương pháp bổ sung. Cho nên, dưới chức Thái bốc, Chu vương đã bổ chức quan đoán mộng để phụ trách đoán mộng. Người thời Chu coi trọng đoán mộng, điều này có ý nghĩa sâu xa của nó. Nghe nói, trước khi nhà Ân bị diệt, Chu Văn vương và Chu Vũ vương đều qua nhiều cơn cát mộng dự báo trời cho người Chu thay thế Ân, Thương.

"Đế vương thế kỷ" nói : Chu Văn vương từng thấy trong mộng có mặt trời và mặt trăng chiếu vào mình. Mặt trời và mặt trăng là tượng trưng của đế vương. Rõ ràng là Chu Văn vương nhận mệnh trời.

Trong "Trình Tẩm giải", "Dật Chu thu" có ghi rõ giấc mộng của bà mẹ Chu Văn vương là Thái tỷ. Kể rằng : Thái tỷ mộng thấy sân nhà Thương mọc cây táo, thái tử Phát (Vũ vương) nắm lấy cây tú ở sân nhà Chu. Trong lúc cây đu đưa, cây tú biến thành cây thông, cây bách, cây quắc, cây táo. Lúc tỉnh dậy, báo với Văn vương. Ngài cho rằng thái tử Phát được cát mộng, nhận mệnh do Hoàng thiên Thượng đế ban cho. Táo là loại cây bờ bụi đại diện cho Ân, Thương. Tú là loại cây to, đẹp đại diện cho nhà Chu. Trong thời Ân, Chu, cây tú là vật tượng trưng cho đất đai của quốc gia. Phẩm chất của cây tú nằm trong hàng những cây tùng, bách, hoặc táo là những loại cây được nhắc nhở đến nhiều trong kinh Thi. Các loại cây này thường là các loại cây trồng nơi làng xã như cây đa cây đề, gỗ để làm các việc xây dựng. Sau giấc mộng của Thái tỷ, Chu Văn vương cho cử hành nghi lễ để thái tử Phát bái cát mộng. Mọi người cho rằng Hoàng thiên thượng đế đã chuyển mệnh lớn của nhà Thương sang tay nhà Chu.

Rõ ràng, những giấc mộng nói trên mang mục đích chính trị. Không tránh được chúng có những thành

phần hu cấu. Tuy vậy, từ đó chúng ta thấy được thái độ của Chu Văn vương đối với giấc mộng càng nhận chân và cung kính hơn so với vua Ân. Chiêm mộng chiếm địa vị quan trọng trong hoạt động chính trị của nhà Chu.

Đoán mộng trở thành một trình tự trong vận động và hoạt động chính trị. Dùng chiêm tinh để chọn quan phụ chính. Đó cũng là một trong những thủ đoạn trị quốc của Chu Văn vương. Theo sách Trang tử, một hôm Chu Văn vương đi thị sát ở đất Tạng, phát hiện ra một người câu cá có tài trị quốc, muốn thu dụng về làm việc chính sự cho mình. Nhưng sợ các vị đại thần cùng với các hàng phụ huynh không yên lòng. Chu Văn vương nghĩ đi nghĩ lại rồi nói với một vị đại phu : "Trong giấc mộng hôm vừa qua, quả nhân thấy một người tài giỏi, mặt đen mà sắc nét, cười con ngựa có đốm hay đi rong ruổi khắp chốn". Lại cho biết đó là một trượng phu đất Tạng. Đại phu vội vàng nói : "Lời của tiên quân đây rồi". Văn Vương lại nói : "Vậy ta bói chú ?" Đại phu bảo : "Đó là mệnh của tiên quân, nhà vua không thể không có người ấy được. Há cần phải bói nữa !". Thế rồi vua đón người đất Tạng và thu nhận ngay trượng phu mặt đen. Đoạn văn này miêu tả câu chuyện cuộc hội ngộ quân và thần giữa Chu Văn vương với Khương Tử Nha Thái công Lã Vọng.

Sách "Thuợng thư trung hầu" viết : khi Thái công chưa gặp Chu Văn vương, ông thường câu cá ở Bàn Khê. Ban đêm, ông mơ thấy Bắc đẩu phụ tinh mách bảo ông chinh phạt nhà Trụ. Như vậy là Thái công sẽ phải làm phụ thần do thiên thần sai khiến. Trong "Thái công Lã vọng biểu" còn nói huyền hoặc hơn : "Văn Vương mơ thấy thiên đế bảo : "Xương ! (tên của Văn Vương) ta cho người tên Vọng" (Thái công Lã Vọng). Văn vương cúi đầu bái Thuợng đế, Thái công sau đó bái theo. Đó là đời sau hư cấu ra. Mục đích là dùng mộng để thần thánh hoá một danh thần của Tây Chu.

Sau khi nhà Chu thay nhà Ân, Vũ vương lại cần chọn người nối ngôi. Cần đến Thuợng đế thác mộng để giải quyết mọi vấn đề rắc rối. Vua cho biết nội dung của giấc mộng : Bình Thìn xuất Kim chi. Sách ngọc mệnh chiếu Chu công là con nhỏ (Thành vương) kế tự. Giấc mộng náo nức những lời văn ca ngợi. Thật là đáng kính vậy ôi ! Không được bỏ qua lời đáng kính đó ! Sự thực trong mộng đã bảo : mệnh chiếu Chu công kế nghiệp vị (kế vị vua) thì ai mà chẳng ủng hộ Thành vương.

Thời Chu sơ, nhà vua rất thành công trong việc dùng đoán mộng để giải quyết những vấn đề nan giải về chính trị. Văn vương đã gặp được người hiền tài, muốn trao chính sự quốc gia cho người ấy nhưng sợ

các hoàng thân, khanh tướng đổ kỵ nên phải dùng thuật thác mộng. Vậy tại sao Chu Văn vương không dùng những thủ đoạn chiêm bốc khác ? Chiêm bói rùa và bốc dịch đều có uy và hiệu lực như bói mộng. Có điều bói rùa còn lệ thuộc vào mực vạch. Mực lại có khi là mực đặc mực loãng. Kim đâm vào mai rùa sâu hay nông, nung nóng già hay non. Nghĩa là có phần quyết định nhỏ nào đó của thuộc tính các công cụ. Lại nữa mai rùa cũng có thể cứng mềm... Bói dịch còn phải xem quẻ (bát quái), những nét ngang của bát quái, phải phối hợp âm dương, đòi hỏi phải có người lão luyện tiến hành. Như vậy, bói rùa và bói dịch không thể muốn làm thế nào thì làm, còn phải tuân theo nhiều chỉ số tỷ mỉ. Chúng khác với bói mộng. Giác mộng là từ trực giác thuần túy của con người. Có thể miêu tả lại hiện thực, cố thanh cố sắc làm cho người ta không có lý do để hoài nghi. Hệ số thành công rất cao. Điều đó thúc đẩy cho bói mộng phát triển. Từ vua Chu cho đến toàn dân trăm họ, ai cũng mê tín bói mộng.

- IV -

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP ĐOÁN MỘNG CHỦ YẾU

Phương pháp đoán mộng kể từ thời kỳ tiên Tần cho đến tận Minh, Thanh có nhiều, không ngừng được phổ biến và cách thức mỗi ngày một phức tạp hoá.

Nhưng tổng kết lại chỉ có mấy phương thức chủ yếu dưới đây :

1. GIẢI THÍCH TRỰC TIẾP VỀ HÌNH TƯỢNG GIÁC MỘNG

Giải thích trực tiếp về hình tượng giấc mộng còn gọi là trực mộng, là phương pháp sớm nhất và đơn giản nhất. Đặc điểm của nó là trực tiếp giải thích hình tượng giấc mộng thành những sự việc của con người mà nó dự báo. Có loại hình tượng mộng nào, ắt có sự việc của con người tương ứng về nội dung và hình thức với hình tượng ấy và nhân hình tượng trong giấc mộng và sự việc của cuộc đời mà nó dự báo về nội dung và hình thức đều hài hoà và thống nhất với nhau. Vì hai phía có mối quan hệ thống nhất với nhau nên

phương pháp đoán mộng rất giản đơn. Nói chung, người nằm mộng có thể tự đoán. Nếu không thể tự đoán được thì qua sự gợi ý của người đoán cũng có thể hiểu được rõ ràng. Đời Tống đã có Uy Kim Tử tuyển chọn những chuyện về trực mộng vào một cuốn sách tên là "Tân biên phân biên cổ kim loại sự", xin chọn một vài chuyện sau đây :

Chu Cẩn ngủ ban ngày

Thời Tấn sơ, Giả Sung đi đánh nước Ngô. Lúc phá đồn, Sung xông vào trong thành. Quân lính thấy Sung bị mất tích. Phía ngoài, nơi doanh trại, đô đốc Chu Cẩn ngủ ngày, mơ thấy hơn một trăm lính đi tìm Sung. Họ đi vào một con đường hẹp. Lúc tỉnh giấc được tin Sung chưa về. Ông cho mọi người đi tìm. Lặn vào một con đường hẹp hết như trong mơ và tìm thấy Sung (Tấn sử).

Trương Thốc cưới lừa

Lúc thiếu thời, Trương Thốc thường nằm mơ thấy một con chim lợn bay tới và đậu trước sân. Con chim sặc sỡ năm màu sắc. Trương báo với người ông : Đó là mộng tốt lành vậy. Chim có màu tía là chính. Đó là màu hay dùng trong văn chương. Màu xanh dành cho chim loan, vàng cho chim uyển đang. Màu tía dành chỉ chim loan thốc. Loài chim này thường đi kèm ngay

cạnh chim phượng hoàng. Ông của Trương bảo : "Cháu sẽ làm phụ quan cho đế vương". Sau này, Trương Thốc đỗ tiến sỹ và được bổ làm phụ chính cho Kỳ vương. Một hôm lại nằm mộng thấy mình mặc áo đỏ, cưỡi lừa. Lúc tỉnh dậy, thấy lạ vì thường thường mặc áo xanh và cưỡi ngựa. Trương đâu có cưỡi lừa và mặc áo đỏ. Sau đó, Trương được nhận chức Hồng Lô Khanh. Cưỡi lừa là như vậy. Vì Lô là con lừa, là quan ngũ phẩm. Mặc áo đỏ là đúng. Tiền định là như vậy, đâu có thể dùng trí lực mà giành được. (Đường dật sử).

Lưu Đan đổi tên

Lưu Đan làm việc ngoại lang đất Thục, vốn tên là Thẩm Nghĩa. Một lần nằm mơ thấy có người dẫn chàng đến phía trước cây đàn hương và bảo : "Trèo lên mau !". Lưu Đan liền trèo lên. Người kia lại ném vào bụng Lưu một chiếc áo đỏ và ra lệnh phải mặc vào. Sau đó, Lưu đổi tên là Lưu Đan. Chưa đầy một năm sau, Đỗ bình sự được sung chức phó quan, làm Trung thị ngự sử trong điện, được ban sắc màu đỏ. Lính của Đỗ ngỡ ngác. Đỗ phải giải thích rằng Đỗ và Đan không khác gì nhau. Bên trên lại ban cho một chiếc áo đỏ làm trang phục chính. Chiếc áo đúng như chiếc áo được người lạ trao cho lúc trèo cây đàn hương. Sự thực đã phù hợp với giấc mộng (Thục dị ký).

Mộng ứng nghiệm vào bước thăng quan

Ngụ sứ đời Thục, Ngưu Hy Tế giỏi văn chương hơn người. Lúc còn trẻ không ra khỏi học viện để giúp các bạn đồng khoa. Một hôm, nằm mơ thấy người đẹp bằng vàng bảo : Lang quân chưa có khoa danh, bốn mươi lăm tuổi mới là quan áo xanh. Lạ thật. Qua lúc loạn lạc, lang quân hãy về ngụ ở đất Thục, nhờ cha nuôi rồi ở trọ tại Ba Nam. Đừng có dự kiến cố tiến lên. Đó là thời cuộc an bài. Mười năm không thay đổi gì. Chịu khó, lang quân vẫn giữ chúc Ngụ sứ đại phu...

Giác mộng ứng nghiệm đến kỳ lạ ! (Thành đô ký)

Lưu Vĩnh mộng thấy mình đi xem bảng.

Lưu Vĩnh nổi tiếng nơi trường tri. Danh vọng thật lớn. Đêm hôm đó, ông nằm mơ thấy mình lên tỉnh thăm dò xem những ai sẽ có tên trên bảng vàng. Mọi người đoán người này người kia sẽ đỗ cao hoặc đủ điểm. Ông cũng đi trong dòng người. Ông hỏi một người : "Ông Tiền có trúng không đây? Mà trúng trạng nguyên ấy". Người đó trả lời : "Chưa chắc, còn xem ...". Ông lại đến sân tỉnh là nơi tổ chức thi, thấy sương khói mù mịt. Người đó vẽ lên mặt đất một vòng tròn, cắm xuống hai lá cờ trắng nhỏ, đốt đuốc một lát rồi tắt đi. Ông lại hỏi : "Vương Cù có đỗ không ? " Người đó lại đốt đuốc, trong vòng tròn xuất hiện một cục

đá như nắm tay. Ông hỏi : "Vương Hiến liệu có đố không ?" Trong vòng tròn lại có thêm cờ xanh. Đến lúc hỏi xem liệu Trương Doãn và Tống Tập có đố không thì ngọn lửa trong vòng tròn vụt tắt và rồi không còn vật gì ở giữa vòng tròn nữa. Người đó giảng giải mọi điều rồi nói : "Ông Tiền đậu trạng nguyên. Vương Cù đậu thứ ba. Vương Hiến đủ điểm. Cao Phụ Nhiêu đậu thứ năm..."

Mấy hôm sau trường thi yết bảng. Những điều trong mộng đúng như điều viết trên bảng. Thánh quá ! (Toạ thuyết).

Tập Thâm được tặng thơ

Tập Thâm lên kinh đô ứng thi, gặp cha. Hai cha con vui mừng được gặp nhau. Đêm đó, người cha nằm mơ được mời đến chơi một nhà bạn. Té ra ông bạn là Trương Tề Hiền ra đón và tặng ông mấy câu thơ, trong đó có:

Phụ hướng Thạch Cù, tân bái chức

Từ tòng Kim Điện, hựu đăng khoa

Hai bố con cảm thấy giấc mộng chưa nghiệm. Đến mùa thu, họ đến Thiên phủ để nhờ giải. Tháng hai năm sau, người cha nhận mệnh nhiệm vụ ở miền muối Sơn Đông. Ngày hôm sau, người con lại ứng thi cuộc thi có mặt nhà vua. Thế là một ít ngày sau đó,

có một vị quan mang đến cho người cha một hòm sách. Trong hòm sách có một bức hoành môn đề cho người con : "Học sỹ tú tài đệ nhất đẳng" và đôi câu đối đề cho cả hai cha con :

Phụ hướng Thạch Cù, tân bá chức

Tử tàng Kim Điện, hựu đẳng khoa

Giấc mộng thiêng thật! (Toạ thuyết)

2. GIẢI THÍCH, GIẢI BÀY CẬN KẾ VỀ HÌNH TƯỢNG GIÁC MỘNG.

Trong những sách về giải mộng còn lại cho đến nay, việc giải thích hình tượng giấc mộng có liên quan trực tiếp đến nhân và sự được dự báo không còn nhiều. Đa số nói về cách giải thích có giải bày hình tượng giấc mộng. Vì thông qua nhà đoán mộng trong một quá trình, hình tượng giấc mộng đã biến đổi đi. Nhà đoán mộng đã cho thêm vào việc chiêm bốc của mình một lời lẽ vòng vèo quanh co. Họ tùy ý làm sao cho phù hợp với yêu cầu. Cho nên phương pháp này làm cho sự giải thích hình ảnh một cách trực tiếp giấc mộng càng khiến mọi người bị mê hoặc. Phương pháp giải thích, giải bày hình tượng giấc mộng có nhiều, như : phương pháp chiết tự, phương pháp tượng trưng, phương pháp liên loại, phương pháp phi dịch v.v... Thi hành những phương pháp này đòi hỏi người đoán mộng

phải có đầy đủ một sự tích lũy về văn hoá và tri thức tâm lý.

Ví dụ như phương pháp chiết tự là phương pháp thường dùng để đoán mộng. Ai cũng biết chữ Hân là do các nét và các bộ cấu tạo nên. Tự cổ chí kim vẫn thường phân tích và chiết tự chữ Hán. Sách Tá truyện có kể chuyện, Sở Trang vương tách chữ Vũ (uy vũ) ra thành chữ chỉ (dùng lại) và chữ qua (gươm giáo) để nói lên chữ Vũ. Đó là thí dụ sớm nhất được ghi lại.

Chiết tự không giống như nghiên cứu văn học. Căn cứ vào phương pháp khoa học mà phân tích hình của chữ rồi tìm kiếm nghĩa lý vốn có của chữ. Đó thuộc về văn tự học truyền thống. Mọi người tùy tâm tùy ý mà phân tích hình tượng chữ rồi phát huy thêm ra để làm chỗ dựa cho một quan điểm nào đó là chiết tự.

Chiết tự có đặc trưng rất rõ ràng. Phân tích hình tượng chữ của chiết tự chẳng qua cũng chỉ là một hình thức hoặc là tìm tòi một điểm tựa. Dự đoán được điều hung, cát mới là mục đích và nội dung. Nhìn qua bề mặt, hung cát là từ chữ mà ra. Thực tế mà nói, điều hung cát không là kết quả của chiết tự. Ngược lại, một chữ được tách ra như thế nào là hoàn toàn căn cứ vào hình tượng giấc mộng mà quyết định. Chiết tự phục vụ cho việc dự đoán điều hung cát. Thoạt kỳ thủy nó liên hệ mật thiết với đoán mộng. Nhà đoán mộng đã

lợi dụng chiết tự thành mẹo để phục vụ cho việc đoán mộng của mình, điều này đã có rất nhiều. Xin cử ra sau đây một số ví dụ :

Ba bông lúa của Tể Mậu

Tể Mậu nằm mộng thấy mình ngồi ở đại điện. Phía trên nhất có ba bông lúa (chữ hoà). Tể Mậu ngắt được một bông thoát lại đánh mất. Tể hỏi người chủ bạ là Quách Hạ. Hạ chúc mừng và nói : "Đại điện là hình tượng của cung phủ. Lúa ở trên là lộc của kẻ bề tôi. Bông lúa ở giữa là vị trí của Trung Đài. Mất (gồm chữ thất và chữ hoà) trở chữ Trật, tuy là mất vẫn còn được hương lộc trật. Chúc lớn còn trông sẽ được vua bổ vào. Một tháng sau, Tể được phong chức Tư Đồ. Ngày xưa, Hoàng đế hỏi Kỳ Bá : Mộng là gì? Lúc đó, Kỳ Bá nói lên tinh thông như thần thánh, tinh xác mà làm cho người ta thông cảm, giải thích cách phán đoán bằng cả 4 phương pháp. Kể cả về điềm báo của những điều lành dữ. Có ý nói về tiền định. Điều dự báo thường ở trên giường ngủ. Há chẳng đáng tin sao ! (Hậu Hán thư - Tể Mậu chuyện).

Ở nơi đây, Tể Mậu được chữ hoà. Chữ hoà với chữ thất (thất nghĩa là mất), thành ra chữ trật. Tể Mậu được trật tự ở mức áo xanh tức là được thăng quan. Người ta đã dùng chiết tự để chiêm mộng như vậy.

Doãn Thao mộng bãng vàng (vào Giáp môn)

Trước khi đi dự thi, Doãn Thao ăn chay, đi bộ đến tận Thất Khúc Sơn, xin Thần Quân anh linh phù

hộ. Đêm đến, nằm mơ thấy thần phán : Ta đã an bài để khanh được đỗ cao ở Giáp môn (chiếm bảng vàng). Năm sau đó, quả đúng vậy. Doãn Thao đã đỗ đầu bên khắc chuyện giấc mộng lên hòn đá ở phía Tây miếu. Sau đó lâm bệnh rồi chết ở trấn Giáp Khẩu. Chữ giáp này là ghép chữ môn ở ngoài với chữ giáp nằm bên trong. Giấc mộng không chỉ báo mừng thi đậu mà cũng báo luôn cả điềm dữ. Thần tình vậy thay ! (Linh nghiệm ký).

Ba con dao của Vương Tuấn

Học sĩ Vương Tuấn làm thái thú Quảng Hán, ban đêm thường nằm mơ thấy treo 3 con dao lên xà nhà ở trên đầu giường, thoát chốc lại thấy thêm một con dao rồi tỉnh mộng, trong lòng rất sợ hãi.

Chủ bạ là Lý Nghị chúc mừng rằng : "Ba con dao ba chữ dao gộp lại thành chữ châu. Viết theo kiểu chữ "lệ" ba chữ dao sóng đứng với nhau gần gũi. Sau đó lại có thêm một con dao nữa là chữ ích tức là Vương Tuấn đến Ích Châu là có thể được thăng quan. Ở đây Lý Nghị đã dùng phương pháp chiết tự. Đương nhiên phương pháp chiết tự trong phân tích hình tượng giấc mộng không phải là phương pháp phân tích kết cấu hình tượng chữ của văn tự học. Thông thường là tùy ý phân giải, cắt hình tượng chữ ra mà không bị cấu trúc truyền thống của chữ hạn chế. Có một số phương pháp chiết tự tò ra miễn cưỡng. Nhưng, những nhà

chiết tự đoán mộng cho đó là đương nhiên vì nó bổ sung vào để phù hợp thêm mà cũng là trò chơi chữ.

Chiết tự đoán mộng có liên hệ nhất định với đoán mộng từ đồng âm. Phương pháp này cũng phục vụ cho đoán mộng, đem hình tượng mộng chuyển hoá thành ngữ âm. Như nằm mơ thấy quan (quan tài có thêm chữ mộc) có thể nghĩ đến chữ quan là quan chức. Nằm mơ thấy chữ sai hoặc tài là tài liệu, lại nghĩ đến chữ tài là tiền tài (có bộ bối). Hoặc như nằm mơ thấy chữ tang là cây dâu, lại nghĩ đến chữ tang là đám tang. Xin cử thêm mấy ví dụ :

Cát Chiêm mơ thấy da hươu

Cát Sỹ Chiêm mơ thấy mình tích góp được 11 chiếc da hươu. Lúc tỉnh dậy nói vui : hươu là lộc, âm lộc. Lại có nghĩa là bổng lộc. Lúc tỉnh dậy nói vui :

"Ta sẽ được 11 lộc chẳng" Từ đó quan chức lại ngày một tấn tới, làm được chín năm. Đến năm Thiên Giám thứ hai, Cát đến hai quận Tây Dương, Vũ Xương nhận chức thái thú, lòng rất chán nản, quả nhiên bị ốm mà chết ở đó. (Nam Sử)

Văn công cạo trọc đầu.

Lý Văn Định có bộ tóc đẹp. Trước khi lên kinh dự thi, nằm mơ thấy mình bị cạo trọc đầu. Người giải mộng nói " Tú tài rồi phải lên trạng nguyên. Hiện nay,

quan đầu tinh là trạng nguyên Lưu Từ, Lý sẽ đổ trạng nguyên và thay vào chỗ trạng nguyên Lưu Từ. Cáo trọc đầu tiếng Hán là thế từ, cũng có nghĩa là thay Từ "Lưu Từ".

Trong sách giải mộng còn giữ lại và những sách theo phương pháp chiết tự đã bị thất lạc có số lớn cách bói từ đồng âm để chiêm. Ví dụ như quan (quan tài) lại đồng âm với chức quan. Chữ tài là tài liệu đồng âm với tiền tài. Ở Đôn Hoàng di thư, Cư gia tất dụng sử loại, Mộng trong thư còn ghi nhiều những chiêm từ theo phương pháp đó như :

*Mộng kiến quan (quan tài) mộc, được
làm quan quẻ lành.*

Mộng quan tài vào nhà, chủ tài

Mộng báo quan tài, đại cát, được tài.

Phàm những giấc mơ thấy quan tài đều là đại cát, đại lợi, tâm lý này hãy còn ở một số địa phương cho đến tận ngày nay và vẫn để ở trong lòng nhiều người. Đặc biệt là ở Đài Loan, Hương Cảng lại càng mê tín điều này. Nhiều người đến Quế Lâm, Quảng Tây để mua mấy chiếc quan tài mỹ nghệ phẩm xinh xắn để thoả mãn cái nhu cầu tâm lý đó.

Trong các thuật đoán mộng, phương pháp "phá dịch" tương đối khó khăn, phức tạp và sâu sắc hơn cả. Thường, người nằm mộng không rõ hàm ý của giấc

mộng phải qua người "phá dịch" đoán mộng mới biết được. Đồi Tấn có Sách Trảm là một chuyên gia đoán mộng bằng phương pháp phá dịch.

Sách Trảm người Đôn Hoàng: Lúc còn nhỏ đã du nhập học ở Kinh Sư, thụ nghiệp ở nhà thái học, đọc nhiều sách, thông nho, sù, rõ âm dương, thiên văn, giỏi thuật chiêm hầu. Ông không chịu làm chức tư đồ vì biết đất nước Trung Quốc sẽ lâm vào cảnh loạn lạc nên tránh thế sự mà về quê xem điều hung cát cho mọi người. Cửa nhà ông tấp nập như cánh chợ búa. Sách Trảm nói "Công , hồ để đã trọn vẹn. Giữ giới thì hại vào mình, không dính vào đa sự, đa sự sẽ hoạn nạn. " . Ông bèn dùng nguy ngôn hư thuyết. Duy chỉ có việc đoán mộng là không hổ thẹn với mình để không làm ngược lại với người đến hỏi. Tuy ông giỏi cả về thiên văn, âm dương, thuật số, chiêm hầu, nhưng ông tinh thông nhất về môn đoán mộng. Vài thí dụ như sau :

Hiếu Liêm Lệnh hồ Xách, mơ mình đứng trên mặt băng và nói chuyện với người ở dưới băng. Trảm bảo : Trên mặt băng là dương, dưới băng là âm, đây là việc âm dương, Kê sĩ như lấy vợ. Lúc băng chưa tan là có chuyện vợ chồng. Ngài đứng trên mặt băng, nói chuyện với người dưới băng. Dương nói với âm là có chuyện môi giới. Ngài nên làm mai mối cho người. Đến khi băng tan là thành vợ thành chồng. Xách nói :

"Lão phu già rồi không thể làm mối cho người." Lúc gặp thái thú Điền Điều nhờ Xách cầu hôn con gái Trương Công. Chùng đến giữa mùa xuân thì làm lễ cưới thật.

Trương Trạch mơ thấy mình cưới ngựa lên núi, vòng quanh nhà ba vòng, nhưng chỉ thấy toàn tùng bách mà không biết lối vào nhà. Trầm bảo : Mã thuộc nạn, ly là hoá, hoá là hoạ vậy. Người lên núi, là chữ hung. Nhưng nhìn thấy tùng, bách là hình tượng cửa mồ vậy. Không biết cửa vào đâu, là không có cửa. Ba vòng cũng là ba năm. Sau ba năm, sẽ gặp đại hoạ. Quả nhiên sau Trạch bị kẻ mưu phản mai phục giết chết.

Sách Sung mơ thấy hai chiếc quan tài rơi xuống trước mặt. Trầm bảo : Quan u ! (quan tài) là quan chức đấy. Sẽ có quý nhân ở kinh sư về đề cử ngài . Sẽ qua hai lần thăng chức. Bỗng có từ đồ Vương Mậu sai thái thú đề cử Sung về công tào, sau thăng chức Hiếu Liêm.

Tống Dũng nằm mơ thấy một người mặc áo đỏ ở trong nhà, Dũng cầm hai cái trượng đánh người đó rất mạnh. Trầm phán : trong chữ nội có thêm chữ nhân. Đó là chữ nhục. Màu thịt là màu đỏ. Đánh thật mạnh là ăn quá no. Giác mộng rất ứng nghiệm. Quả là sau đó, Tống Dũng đánh chén một bữa no thịt rượu.

Hoàng Bình hỏi Trầm : "Đêm qua tôi mơ thấy con ngựa múa ở trong nhà. Hơn 10 người vỗ tay reo, hướng về con ngựa. Mộng như vậy có nghĩa gì?" Trầm bảo : "Ngựa là hoả vậy. Múa là hình tượng lửa bốc lên. Mọi người phải cứu hoả đấy"... Hoàng Bình chưa kịp trở về, nhà đã bốc cháy.

Quận công Tào Trương Miêu làm quán sú quan ở Chi Châu nằm mơ thấy chó sói cắn mất một chân. Trầm bảo " Chữ cước là chân bị mất đi bộ nhục thì thành chữ khu do nghĩa là bỏ đi. Nơi ở bị bỏ làm phản quấy phá. Tao định đi nơi khác, Trầm bảo không đi đâu, cứ ở lại. Chẳng bao lâu giặc đi mất mà Tào cũng không phải đi đâu cả.

Những chuyện kể trên thật là huyền hoặc , không thể tin được. Nhưng chúng ta thấy tri thức của sách thật phong phú. Lúc còn trẻ Trầm đã đọc nhiều thư tịch. Đọc rất rộng nên có thể mang nhiều điều trong sách cổ ra mà áp dụng. Ông còn dẫn cả kinh Thi ra. Đoán mộng của ông tuy chủ yếu là phương pháp phá dịch, nhưng ông tinh thông cả bát quái, ngũ hành, giải thích trên băng dưới băng mà ra âm dương. Ông không chỉ bó gọn trong một phương pháp đoán mộng mà còn dùng nhiều phương pháp thay thế, phối hợp với nhau. Căn cứ vào hình tượng giấc mộng khác nhau mà có những phương pháp đoán mộng khác nhau.

Sau này thái thú Dương Chiêm tìm ông để nhờ ông viết sách đoán mộng. Trầm trả lời : Xưa tôi vào nhà thảo học vì cha tôi làm chủ, không có gì không biết nhưng mai danh ẩn ịch, là một ẩn sĩ. Tôi ở với cha tôi và học được thuật đoán mộng, chỉ là xem xét và quan sát, chứ không có sách vở gì. Dương Chiêm mời ông làm chức Đông Các tế tửu. Ông từ chối mà rằng : "Tôi muốn nuôi chí suốt đời... Không cầu danh vọng" Tuy vậy, trong lịch sử , ông cũng là một nhà đoán mộng nổi tiếng. Đặc biệt về phương pháp phá dịch của ông có ảnh hưởng lớn tới các nhà đoán mộng đời sau.

Trong các phương pháp đoán mộng được sử dụng nhiều nhất không phải là phương pháp tượng . Phương pháp này là "đưa ý nghĩa vào sự vật". Tức là dựa vào vật tượng cụ thể để biểu hiện những khái niệm, tư tưởng, vật chất tương tự hoặc tượng cận với nó.

Đ đoán mộng theo phương pháp tượng trung có nguồn gốc từ rất sớm mà cũng rất phổ biến. Một là vì trong một điều kiện lịch sử đặc biệt, nhà đoán mộng không thể nói ra trực tiếp mà phải chọn phương pháp tượng trung và lối nói, cách nói vòng vo, kín đáo để bình luận về hình tượng trong giấc mộng của người nằm mơ. hai là phương pháp tượng trung có thể biểu hiện một cách rõ ràng những hình tượng trừu tượng trong mộng . Đúng như Tiến Trung Thư đã nói

trong "Quán Chuy Thiên" "Dịch có hình tượng, lấy làm ví dụ để làm sáng lý, có thể vi về đạo nhưng không phải là đạo".

Trong phương pháp tượng trưng, gặp gấu là điềm con trai, gặp rắn là điềm con gái, đàn cá tượng trưng cho được mùa, gia thất đề huề. Thời viễn cổ, ở Trung Quốc cho việc mơ thấy gấu là sinh con trai, gặp rắn sẽ sinh con gái, mộng gặp cá sẽ được nhiều tiền. Đó là tập tục xa xưa được các nhà đoán mộng lợi dụng tâm lý dân tộc truyền thống để giải thích mộng.

Phạm vi hình tượng mộng và điềm của mộng bói qua phương pháp tượng trưng là rất rộng. Chẳng có cái gì không có nó. Ví dụ, trong Tả truyện có ghi lại : Tấn và Sở tranh nhau mảnh đất Yên Lăng . Tấn là Kỳ nằm mơ thấy mình bắn trúng mặt trăng. Nhà đoán mộng phán Họ Cơ là là mặt trời, họ Khác là tên họ. Đó là mặt trăng . Sở vương ất bị bắn, sụt xuống bùn là chết. Vì xuống bùn là nhập nề. Nhập nề là vào đất. Nê và thổ là bùn đất. Nhà đoán mộng căn cứ vào rất nhiều yếu tố mà nói rằng : Lã Kỳ chết. Sau quả đúng thế.

Trong các sách giải mộng truyền thống của nước ta, những từ ngữ về đoán mộng theo phương pháp tượng trưng rất nhiều . Dưới đây là một số từ ngữ:

Mộng thấy người mặc áo mới : tật bệnh

Mộng thấy người cởi quần áo : khẩu thiệt

Mộng thấy người mặc áo xanh : quan chức

Mộng thấy người mặc áo vàng : đại hỷ.

Mộng thấy người mặc áo xanh lục : vợ có mang

Mộng thấy người mặc áo trắng: chủ đại cát .

Mộng thấy người mặc áo đỏ : có chuyện kiện tụng

Mộng thấy người mặc áo của nữ : đại hung

Mộng thấy người đang mặc quần áo : đại cát

Mộng thấy người y phục rách : lo vợ có bệnh

Mộng thấy người đeo giải : chủ quan vị (có chức trưởng quan).

Mộng thấy người mới mang khăn lũng che đầu: tử vong.

Mộng thấy người khăn rách: hung, khăn mới: cát.

Mộng thấy giầy dép : bách sự hoà hợp (mọi sự hoà hợp).

Mộng thấy người mang thắt lưng : Hữu quan phủ (có việc quan).

Mộng thấy bố (tiền , vải) : chủ khẩu thiệt

Mộng thấy chăn, khăn : hữu hỷ sự (có việc vui mừng)

Trong cuốn sách khảo cứu về tập tục dân gian Trung Quốc và dân tộc, cố tục Đôn Hoàng của mình, tiên sinh Cao Quốc Phiên có nhắc đến điềm mộng có dáng nét những trang phục cổ xưa là đều có căn cứ truyền thống. Ví như câu :

Mộng thấy người mặc áo xanh lục : vợ có mang.

Áo xanh lục tượng trưng cho người vợ, vì ở thời cổ, người vợ thường mặc áo màu xanh lục. Trong kinh Thi cũng nhắc đến tà áo màu xanh lục, viết về một chàng goá vợ. Chàng nhìn thấy chiếc áo xanh lục của vợ mà dấy lên nỗi thương cảm, nghĩ đến những điểm tốt đẹp của người vợ nên càng thương nhớ. Chuyện tả qua 4 câu thơ :

*Áo xanh lục mặc ngoài, áo xanh lục !
Sắc xanh lục áo ngoài, sắc vàng chanh áo trong
Nhìn thấy áo xanh, lòng anh đầy thương cảm
Làm sao anh có thể quên được em...*

Áo màu xanh lục là áo người vợ thường mặc. Trong mộng nó trở nên bụi bặm dữ dội hơn và nghĩ đến người vợ có chửa.

Mộng thấy người mặc áo trắng : chủ đại cát.

Áo màu trắng tượng trưng cho văn nhân, học sỹ. Mặc áo trắng là những người cao quý. Màu trắng là màu cát lợi.

Mộng thấy người mặc áo xanh : đặc quan (được làm quan). Vì áo xanh tượng trưng cho các quan chức.

Trước thời Hán, Ngụy, tất cả các cấp quan trong giai cấp phong kiến đều được qui định mặc áo xanh.

Đó là lễ phục của nhiều thời. Ở đời Đường, quan nhất phẩm và nhị phẩm trở lên mới được mặc áo xanh. Cô gái má hồng tựa vào người áo xanh là như vậy.

Mộng thấy người mặc áo đỏ: quan sự (việc quan). Ở đây, áo đỏ tượng trưng cho các sự việc của các quan chức. Về màu đỏ, đời Đường quy định: áo tứ phẩm có màu đỏ sẫm, ngũ phẩm có màu đỏ nhạt và có đai vàng.

Mộng thấy người mặc áo màu vàng : Đại hỷ... Màu vàng là màu của cát lợi. Trong phẩm chất của các màu áo thì màu vàng là màu cao nhất. Là màu hoàng đế thường dùng. Đây là chế độ định rõ ràng của đời Đường. Nhà Tùy cũng quy định áo màu vàng. Lúc Tống Thái tổ lên ngôi, cũng được khoác lên chiếc hoàng bào. Đến thời Minh, Thanh màu vàng được hoan nghênh và kính trọng. Người trong mộng mặc áo màu vàng, rõ ràng là hỷ sự. Màu vàng còn là của hoàng thân quốc thích và người mặc nó cảm như mình được thần tiên phù hộ.

Gặp người trong mộng mặc áo màu vàng là điềm báo cát lợi vì thời cổ đại, mọi người sùng bái màu vàng. "Tây kinh tạp trở" ghi lại: Tu Mã Tương Như mơ thấy gặp một chàng áo xanh và Tu Mã tặng chàng ta một bài phú có những lời lẽ thần tiên. Quyển 228

trong bộ "Thái bình Quảng ký", Sở Thục ghi lại rằng mình bị ốm nặng vì có dịch bệnh, nằm mê man hơn 40 ngày. Ông mơ thấy một nữ sỹ mặc áo vàng nâng cái bình lưu ly lên cho Sở Thục uống và Sở Thục khỏi bệnh. Còn nhiều chuyện tương tự như vậy, nên người xưa cho màu vàng là màu của may mắn, vui vẻ. Phương pháp tượng trưng trong đoán mộng không chỉ hạn chế trong việc đề cập đến trang phục mà còn đến cả các loại động vật, thực vật, đồ dùng, mặt trời, mặt trăng, các vì sao, lâu đài, sân, hồ và ngay cả các bộ phận trong thân thể con người v.v... Không phải chỉ người cổ đại dùng phương pháp tượng trưng để đoán mộng mà người cận đại cũng dùng phương pháp này. Những loại vật chất có tính tượng trưng phát triển cùng với sự phát triển của khoa học. Xin mời xem cuốn "Thuật xem người" do nhà xuất bản Hoa Văn ở Bắc Kinh. Trong cuốn sách đó có mục: "Thuật xem người và sự hiện hình tượng trong giấc mộng - nhìn xuyên bản tính người trong mộng như thế nào trong đó đề cập :

Trong mộng xuất hiện một chiếc thang điện hoặc như lúc khởi động điện, tất phải có lúc thăng lúc giáng. Mà các nấc thang giáng ấy biểu thị một sự cảm ứng nào đó đối với hành động và sinh hoạt của con người (đặc biệt là chức nghiệp, hôn nhân).

Lúc tăng cao lên là lúc đường đi thuận lợi. Lúc hạ xuống là lúc gặp hoàn cảnh khó khăn, trục trặc.

Nếu trong giấc mộng có bối cảnh nhà tù, sở cảnh sát v.v... thì ý nghĩa tượng trưng của chúng là :

1- Có cảm giác như mình có tội ác trong cách nghĩ và hành vi và tự nghĩ rằng mình phải bị trừng phạt.

2 - Coi thường những cái đó đang ở trong trạng thái thường ngày. Nếu trong mộng thấy các quang cảnh như con đường dốc, hành lang dài, cống ngầm v.v... ý nghĩa tượng trưng của chúng ta sẽ là:

1 - Có dự vọng tương đối mạnh muốn tránh sự bất ổn.

2 - Không yên lòng vì không có cách nào tránh khỏi sự ỷ lại vào mẹ...

Phi cơ tượng trưng cho sự vận động, nếu thấy nó hành động hoặc bị bức phải hành động và biểu hiện cụ thể ra thành :

1 - Tương trưng cho dã tâm muốn leo lên cao.

2 - Tượng trưng cho quyền lực muốn vươn lên địa vị cao.

3 - Dự vọng muốn thoát khỏi tay ai hoặc muốn thoát khỏi một sự kiện nào (nhổm dậy, bỏ đi).

- 4 - Tượng trưng cho sự tiến bộ (bay về phía trước).
- 5 - Tử vong (đi qua - tiến thẳng về phía trước).
- 5. Tử vong (đi qua - tiến thẳng về phía trước).

Nếu nằm mơ thấy cảnh sát, ý nghĩa tượng trưng của giấc mộng sẽ là :

1 - Có tâm trạng tự giác tiếp nhận sự trừng phạt vì phạm pháp hoặc vi phạm đạo đức.

2 - Tượng trưng không tiếp nhận ảnh hưởng sự xung động của bản thân mình hoặc của người khác - dục vọng khẩn cấp muốn được bảo đảm.

3 - Nếu xuất hiện việc trình thám thì ý nghĩa cũng giống vậy.

Nếu thấy mình là một cái xác chết, ý nghĩa tượng trưng của nó là :

1 - Cảm thấy cần phải chịu hình phạt vì hành vi hoặc ý nghĩa của mình.

2 - Đối mặt với một vấn đề gay go, thấy chỉ còn có chết mới giải quyết được.

3 - Biểu thị sợ chết.

Nếu mộng thấy thi thể của người khác, ý nghĩa tượng trưng sẽ là :

1 - Có yêu cầu phải trừ khử nguyện vọng của người đó.

2 - Sợ mất người đó hoặc mất tình yêu của người đó.

Nếu nằm mơ thấy đồng hồ treo, đồng hồ đeo tay, quyển lịch, ý nghĩa tượng trưng sẽ là :

1 - Sợ chết hoặc cảm thấy không yên lòng.

2 - Lo lắng cho mình trong cuộc đời hoặc sợ thất bại trong một cơ hội đặc biệt nào đó.

Nếu mộng thấy cô gái làm bạn với mình. ý nghĩa tượng trưng sẽ như sau :

1- Bản khoán sợ không ai yêu anh ta (chị ta) hoặc sợ không ai kết hôn với anh ta (chị ta).

2 - Nguyện vọng muốn trưởng thành thật nhanh.

3 - Muốn xa rời người nhà, gia đình nhưng không yên tâm với tiền đồ trước mắt.

Ngoài ra, phương pháp đoán mộng lợi dụng mối liên hệ hổ tương giữa các sự vật để giải thích điềm trong giấc mơ mộng và ý của con người. Cũng khá nhiều cách đoán mộng này thường gặp. Trong các sách đời Đường, Tống như : "Đôn Hoàng giải mộng thư", "Thái bình ngự lãm", "Bắc Đường thư sao" "Sơ học ký", "Nghệ thuật loại tụ" đều có những "chiêm từ" như :

Mơ bị đánh roi, muốn được sai khiến.

Mộng thấy ngũ cốc, điềm tốt, có tài lộc.

Mộng thấy gái đẹp muốn lập gia đình

Mộng thấy chõ đồ (đồ xôi và cơm) muốn lấy vợ

Mộng thấy bàn cờ vây, muốn chiến đấu

Mộng thấy khay chén, sẽ có khách đến

Mộng thấy mình cầm cung, đàn, sẽ có bạn bè

Mộng thấy bếp núc, lo tìm vợ.

Dương nhiên những nhà đoán mộng cao tay không câu nệ vào một phương pháp đoán mộng nhất định đã kể ở trên. Họ tổng kết tinh hình cụ thể của các giấc mộng lại, cùng với phong tục tập quán truyền thống, tâm lý con người v.v.. rồi sử dụng mỗi phương pháp một chút. Họ cố tình làm cho lời đoán trở nên hư ảo, huyền hoặc để cho người nghe giải mộng không nhận ra sự chấp vá của người đoán mộng.

PHẢN MỘNG

Từ ngữ phản mộng ra đời từ khi có cuốn "Tiềm phu luận mộng liệt" của Vương Phù. Sách nói : "Phàm mộng có trục mộng, phản mộng". Thế nào là phản mộng? Tác giả viết : Âm cục là cát , dương cục là hung , gọi là phản (mộng), lấy ví dụ : Trong trận chiến ở thành Phác, Tấn Văn công mơ thấy Sở Tử mai phục, muối đắp lên tận ngực. Vốn là điềm dữ. Nhưng lại được đại thắng trong chiến đấu. Đó là phản mộng (ngược lại).

Năm Hy Công thứ 28, hầu tước nhà Tấn nằm mơ thấy mình đánh nhau với Sở vương . Sở vương nằm lên người hầu tước nhà Tấn, cắn lên ngực hầu tước. Ông rất kinh sợ. Tử Phạm là người tùy tùng của ông, liền đoán mộng báo : "Đó là mộng tốt, chúng ta lên trời, nước Sở phủ phục nhận tội. Chúng ta đã thu phục họ một cách mềm dẻo".

Ở đây, Tử Phục vận dụng nguyên lý phản mộng để đoán mộng cho Tấn hầu. Ông cho rằng tuy Tấn hầu bị Sở vương đè lên trên. Nhưng mặt của Tấn

hầu, nhìn lên trời. Tuy Sở vương ở trên người Tấn hầu, nhưng mặt nhìn xuống đất biểu thị phục tội. Do đó giấc mộng này không phải là mộng dữ, là mộng lành, biểu thị Tấn quân có thể thắng được quân Sở.

Đời nhà Minh có Trần Sĩ Nguyên đỗ tiến sĩ vào năm Giáp Thìn. Gia Tĩnh, làm quan tri châu ở Châu Dịch. Ông đã tuyển được thành tập sách gọi là "Mộng chiêm dật chi". Tập sách có hai quyển nội thiên về lý luận đoán mộng và sáu quyển ngoại thiên về các loại điềm mộng. Cuốn sách thu thập nhiều chuyện về mê tín đoán mộng cổ đại. Nó tổng hợp các sách bàn về mộng của những chuyên gia ở nhiều thời đại. Ông căn cứ vào nguyên nhân khác nhau gây ra mộng và mối quan hệ khác nhau giữa mộng và điềm báo, quy nạp thành 9 loại mộng. Một là khí thịnh; hai là khí hư; ba là tà ngu; bốn là thể trệ; năm là tình dật; sáu là trực điệp; bảy là tỷ tượng; tám là phản cực; chín là lịch yêu. Trong đó "phản cực" tức là phản mộng hoặc mộng cực phản. Ông còn quy nạp những lý luận về những giấc mộng phản cực. Ông nói thế nào là phản cực: trong tiệc vui nhân duyên, mơ thấy than khóc. Trong chuyện khóc lóc tranh cãi kiện tụng lại mơ thấy ca múa. Khi rét thì mơ thấy ấm. Khi đói thì mơ no đủ. Ốm đau, mở tời thuốc thang. Khi lo lắng, buồn rầu thì mơ thấy áo bào màu đỏ giáng chiếu. Khi ăn mừng thì mộng thấy quần áo tang sô... Đó là các giấc mộng phản cực.

Trong cuốn "Tâm biên phân môn cổ kim loại sự" có ghi một số thí dụ về phản mộng như sau :

Tô Hiệp mộng thấy "sầu"

Tô Hiệp đời Thục, nhà nghèo ham học, đỗ tiến sĩ vào năm Quảng Chính thứ 19. Trước khi đi thi một ngày, Tô nghỉ trong "tăng phòng" chùa Thánh Thọ. Ban đêm nằm mơ thấy trên bức bình phong có cuốn sách ngoài viết chữ "sầu", phía sau lại thấy một đồ vật lạ rất to và cao. Tô tỉnh dậy rất lo. Thuật sỹ là Chu Thế Minh đoán cho và bảo : "Đó là điềm tốt đẹp". Chữ "sầu" là điềm không lành, không vui. Lại có đồ vật lạ bày từ trên cao xuống. Đó là điềm người quân tử sẽ làm quan to. Sau đó, quả nhiên Tô Hiệp trúng tuyển, được làm quan, vào đại phủ, giúp việc quan chức cao. Đi đâu cũng có nghi vệ đường bộ, lại làm chức Tào quan tại Quảng Đô. Năm năm sau, con của Tô Hiệp là Dịch cũng làm quan. Ông mất khi tuổi đã cao. Con trai ông được đưa vào "Đại nội chính", cháu chắt đều làm quan, vinh hiển một nhà (Yên nhân lục).

Ở đây, thuật sỹ Chu Thế Minh đã dùng nguyên lý phản mộng mà đoán. Lại thí dụ như :

Lý Lương Bách mộng chữ Hỷ.

Lý Lương Bách là con trai tiến sỹ Trung Phòng. Khi cha làm tri châu tại châu Trịnh, Lý Lương Bách đi theo. Ban đêm, Lương Bách mơ thấy có người mang cho một bài thơ. Thơ rằng :

*Cửu tiêu đan chiếu tam thiên cận
Vạn thất hồng hoa nhất đán khai
Nhật nguyệt sơn xuyên tu vấn giáp*

Dĩ quân lai đảo tiêu bình lai...

Lý Lương Bách khoe với cha về giấc mộng đẹp : Lý sẽ có tương lai tốt, đi xa khỏi châu Trịnh. Đến ngày 19 tháng sau, Lương Bách chết ở phủ Thiên Ứng. Giấc mộng đẹp không thành. Buồn vậy ! Về sau, Trương Quân Phòng cùng với đồng sự đi thuyền về phủ Thiên Ứng, hỏi rõ ngày chết và ngày đem chôn người chết rồi mới dịch, đoán được ra bài thơ và "tình" ra giấc mộng. Lương Bách sinh năm Bính Tuất, năm 27. Trong thơ nói : "Cửu tiêu đan chiếu tam thiên cận". Ba lần chín là 27. Lương sống 25 năm, gần với 27 năm nên mới "Tam thiên cận". Câu Vạn thất hồng hoa nhất đán khai" thì là vạn cánh hoa hồng đều một loạt nở đến cùng hết cả. Ý nói là hoa tàn vì đã nở hết cả, sắp lụi đi. Năm đó vào tháng 6, nguyệt đức, nhật đức đều phải ở vào địa phận Giáp nên câu thơ : "nhật nguyệt sơn xuyên tu vấn Giáp" là rất trúng. "Dĩ quân thân đảo tiêu Bình Lai" vừa hư ảo vừa lạnh lẽo. Đó là nơi nghỉ của các linh hồn. (Toạ thuyết).

Khi đoán giấc mộng này. Trương Quân Phòng cũng vận dụng nguyên lý phân mộng. Lúc đầu, tưởng giấc mộng gặp chữ Hỷ. Không ngờ ngược lại.

Mơ thấy đầu bò chảy máu.

Theo "Tam quốc chí, Thục thư, chuyện Tể tướng Uyển" ghi lại : Một lần Tể tướng Uyển nằm mơ thấy đầu bò chảy máu. Cho là ác mộng, liền tìm đến nhà đoán mộng Triệu Trực. Ông này đáp : ông nhìn thấy máu, sự việc rõ ràng. Sừng bò hợp với cái mũi, hình thành

VĂN HOÁ THẦN BÍ TRUNG HOA

chữ "công". Ông sẽ làm quan đến bậc "công". Vương Phù là người đầu tiên chủ trương lý luận phản mộng. Nhưng cách nói cho rằng hình tượng giấc mộng có phản chứng cũng đã có nguồn gốc lâu đời trong lịch sử nước ta.

Người đưa ra cách nhìn cho rằng thể nghiệm của giấc mộng thường được giải bày ngược lại những hoạt động ý thức của ban ngày là Trang Tử. Trong sách Tề vật luận, Trang Tử có nói : "Kẻ mơ uống rượu lại khóc hu hu; mơ thấy người khóc lại thấy người đi chân gia súc trên đồng". Cũng có hàm ý trẻ chân gia súc lao động khó nhọc suốt cả năm, đưa vào giấc mộng trở thành quân vương được hưởng thụ phú quý - Đó là kỳ trường dị giác, vì một người sống trong trần gian, thiếu rượu, thiếu thịt, chỉ tìm được những thức đó trong giấc mơ. Nếu nói về việc khảo sát giấc mộng cho nhu yếu sinh lý của thân thể con người, Trang Tử đã có nhiều lý luận.

Trong số chúng, có nhiều thành phần hợp lý. Trong "Quản chùng biên", Tiên Chung Thu tiên sinh bàn về câu nói của Trang Tử rằng : Điều huyền bí là ở chỗ nếu quá xét nét kỹ càng về tinh tiết, sẽ làm tổn hại đến sự hoàn chỉnh của đại thể. Trong "Chu mục Vương", Tiên Chung Thu tiên sinh đưa ra một loạt thí dụ về phản mộng. Tuyến chọn một số như sau :

"Chủ về âm mộng hoá, chủ về tật mộng ăn, người uống rượu có điều lo lắng, người ca múa khóc than".

Theo "Sử ký - Triệu thế gia", Hiếu Thành vương mơ thấy "vàng, ngọc chất lên thành núi". Quan vu

là Cảm đoán rằng : "Lo lắng đấy". Ông căn cứ vào sự lấy điềm từ phản tượng.

Sách Thế thuyết Tân ngữ chép : Có người hỏi Ân Hạo : "Tại sao đang có địa vị mà lại mơ thấy quan tài? Đang được tài lộc lại mơ thấy vật ô uế?"

"Trần Khánh chi truyện" trong sách Nam sử kể rằng ông thường mơ thấy mình đến nhà xí. Ông hoảng hốt cho là ác mộng. Lúc đó có người đoán mộng giỏi báo rằng : "Ông sẽ trở nên đại phú quý".

Bắc Tề thu chép : Tương sỹ mơ thấy tay cầm bó đuốc, đi vào mộ cha, nửa đêm sợ hãi tỉnh dậy, rất lo lắng. Sáng ra báo cho thầy tu nghiệp, thầy báo đó là cát mộng. "Hoành minh tập" ghi lại những chuyện như : Triệu Giản tử năm mơ thấy đứa bé con trần truồng, hát nghêu ngao, Tấn tiểu thần mơ thấy công lên trời nhưng thực ra Viên công đi đến chỗ lầy lội, bắn thiu,... Nhiều chuyện đại loại như vậy.

Trong Thái bình quảng ký, tập 129 có ghi : Một người ở Tấn Dương mơ thấy mình bị hổ ăn thịt. Mẹ người đó báo : Mê thấy chết thì sống. Giấc mơ ngược lại mà. Đường Cao tổ mơ thấy mình ngủ dưới giường và bị các con bọ ăn. Chí Mãn thiên sư bảo: "Người nằm dưới sàng (giường) là "sàng hạ", tức là "bệ hạ". Bị đàn bọ vây quây quần tức là nhiều người đi theo một người. Nhiều người ngưỡng mộ một người". Sách Dị Uyển chép, Lương Thanh mơ thấy mình bị dây phân

vào người. Đó là điềm sẽ có nhiều tiền bạc. Mơ thấy người đá, đó là điềm phải rời chỗ ngay.

"Chính sử dã kì" có ghi chép những thí dụ về giải mộng bằng phương pháp "phản cực" nhiều không sao kể xiết. Nay căn cứ vào từ chương và tiểu thuyết bạch thoại mà chép ra mấy câu chuyện : Trong tiểu thuyết "Hoàng minh bách gia" có Thất Phiên cười ngựa rồng và nói : "Có người bảo với bạn là đêm hôm trước mơ thấy mình khóc lớn. Sợ là mộng xấu". Anh bạn bảo: "Không việc gì, không việc gì. Ban đêm nằm mơ thấy mình khóc lớn thì ban ngày sẽ cười lớn".

Sách "Phách án Kinh kỳ" viết mộng là ngược lại. Mộng thấy phúc là hoạ. Mộng thấy cười là khóc. Trong "Tình thế nhân duyên truyện", Hồi Tiết Tố mơ thấy hung thần bỏ ngực mình ra, thay đổi trái tim. Hồi kinh hãi quá tỉnh mộng. Mẹ Hồi biết chuyện, an ủi : "Thấy điều hung trong mộng chính là điều tốt. Con không sợ".

Tiên sinh Tiên Chung Thu còn dẫn ra thí dụ phản mộng ở nước ngoài. Tiên sinh kể : Tục bên Tây cũng vậy. Tiểu thuyết "Con lừa vàng" thời cổ La Mã viết : "Mộng ban đêm biểu thị ngược lại những sự việc xảy ra lúc ban ngày". Sách cổ của Italia ghi lại : có người mơ được nhiều vàng. Nhưng khi tỉnh dậy chỉ là đôi bàn tay bị bôi bẩn. Trừ những điều kể trên ra, trong phong tục của một số dân tộc thiểu số ở nước ta cũng có nhiều chuyện về đoán mộng theo cách "phản mộng".

Theo tập hai của bộ "Tuyển tập tư liệu tu tưởng xã hội và triết học các dân tộc thiểu số ở Vân Nam", chúng ta thấy rõ nhiều điều. người Dao nằm mơ thấy cháy nhà là điềm tốt, sẽ phát tài. Mơ thấy người chết hay chính mình chết là điềm mình được hạnh phúc, sống lâu. Mơ thấy mình khóc là sẽ được phúc. Mơ thấy uống rượu, ăn thịt, đối với những Ching - Pô là điều xấu, không phải nhà mình có người chết thì bên láng giềng cũng sẽ có người chết v.v...

Mộng ban đêm dự báo sự việc ban ngày xảy ra một cách ngược lại. Đó là lý luận đoán ngược lại hình tượng giấc mộng, giải thích ý nghĩa của mộng và thuyết minh con người và sự việc. Nó được vận dụng thường xuyên trong việc đoán mộng. Lúc thì nhà đoán mộng bồng dung vận dụng phương pháp trực mộng, lúc lại vận dụng phương pháp tượng trưng, lúc lại dùng phương pháp phản mộng. Như vậy, làm cho tả hữu người được đoán mộng vẫn thấy được có nguồn gốc. Nhưng, chúng ta khảo sát phản mộng dựa vào các nguyên nhân sinh lý và tâm lý về hoàn cảnh trong mộng. Như vậy, chúng ta có thể nhận thấy cách nói về phản chứng của mộng là không đủ sự hợp lý, toàn diện.

- VI -

THẾ NÀO GỌI LÀ MỘNG LÀNH (CÁT), VÀ MỘNG DỮ (HUNG)?

Tất cả những phương thức chiêm, bốc trên đời này đều là dự báo ra những điều cát, hung, hoạ, phúc. Ví như : Thuật chiêm tinh dựa vào sự quan sát việc vận hành của tinh vân mà dự báo phúc hoạ cho con người.

Thuật chiêm, bốc có rất nhiều loại như bói mai rùa, tiền, bát quái v.v. .. là căn cứ vào dụng cụ bói mà sự đoán ra điều hung, cát. Như ở Trung Quốc có môn Văn Vương, môn bói bằng tiền. Phương Tây có môn xem quả cầu thuỷ tinh v.v... Môn bói bằng tiền là giải tiền ra, lắc, xếp nhìn xem đồng tiền ở mặt chính hay mặt sau, thứ tự ra sao mà đoán ra điềm dự báo là cát hay hung.

Ngậm thẻ xem mệnh, đó là kiểu bói để một số trang giấy gấp lại trên một chiếc hòm con. Trên tờ giấy có ghi những dòng chữ chỉ ra những điều hung, cát. Người ta mở lồng chim ra, cho con chim ngậm

lấy một que cho người muốn xem số phận của mình. Người đoán thế căn cứ vào những điều viết trên tờ giấy mà giải thích.

Bói sa bàn. Người ta đặt một cái ghế kiểu chữ "đình" bằng gỗ lên trên một sa bàn. Mặt sa bàn có phác ra nhiều chữ ngoằn ngoèo. Đó là những dòng chữ của thánh thần dự báo những điều lành, dữ. Giá gỗ (hay một que tre) đặt vào chữ nào trên giấy là lời thánh ứng với số phận người đặt chiếc giá gốc vào sa bàn.

Chiết tự. Người ta có thể tăng, giảm nét trong một chữ Hán nào đó, cũng có thể tách chúng ra hoặc đảo cấu trúc của chúng rồi đoán điều hung, cát.

Xem tướng mặt, căn cứ vào diện mạo, ngũ quan, xương cốt, khí sắc, thần thái, vân tay v.v... mà đoán ra lành, dữ, phúc họa của con người nhưng lấy tướng mạo làm chủ.

Xóc thẻ, trong ống gỗ sơn son có một số thẻ tre. Mỗi thẻ tre được cuốn vào một tờ giấy có viết sẵn. Người ta làm cho thẻ tre có tờ giấy rơi ra rồi đưa cho thầy số xem và giải thích cho.

Phê "tám chữ". Người ta hỏi người đến xem que về ngày sinh, tháng đẻ, thiên can, địa chi rồi xếp ra 8 con chữ để đoán que tốt xấu.

Tất cả những phương pháp chiêm bốc đều có mục đích cuối cùng là đoán và phân ranh giới điều lành và dữ. Như Vương Phủ đã nói trong "Bốc vi biên. Luận

Hành" : Đả "hôi" là có cát, hung. Đả bói mai rùa có điềm số, nhìn vào là biết hung cát. Thế thì tiêu chuẩn hung, cát ra sao? Sách "Xuân quan - Chu lễ" sớm đã chỉ ra : thầy đoán mộng có nhiệm vụ nắm vững điều hung, cát của sáu giấc mộng. Hàng năm, tại phòng của Chu vương, vào mùa đông thường cử hành nghi thức "hiển mộng lành" và giải "mộng ác". Nhưng phân chia ranh giới hung và cát ra sao? Những tư liệu về vấn đề này rất ít ỏi. Chỉ xin dẫn mấy thí dụ dưới đây trong cuốn "Mộng liệt biên, Tiên phu luận" của Vương Phù cũng nêu ra mấy phương pháp phân chia : Cát mộng như gặp hỷ sự biểu hiện nơi tâm tình. Ác mộng hiểu biểu hiện sự lo sợ, ưu thương. Các mùa xuân, hạ sinh trưởng, mùa thu đông buồn thương đều phảng phất vào giấc mộng.

Có những sự việc và hiện tượng lớn trong giấc mộng như : sạch sẽ, thanh cao, tươi tốt, khoẻ mạnh, mặt mũi sáng sủa, cây cối um tùm, cung thất đường bệ, các đồ đạc gọn gàng, ngay ngắn, sáng sủa, ấm áp, đi lên, hưng vượng. Những điều đó thuộc về cát mộng. Còn về ác mộng sẽ như sau : nơi chốn bẩn thỉu, mục nát, khô cằn, nghiêng ngả, bế tắc, u ám, có khuynh hướng đi xuống, buồn, công việc không thành, ưu tư lo lắng, chai và bình không có gì để dựng. Còn có những hiện tượng như : yêu ma quỷ quái, đáng ghét, vẽ vờ lãng nhăng, ca hát và múa như điên, trẻ con chơi đùa, cười vui v.v...

Những điều nói trên của Vương Phù trong "Giải mộng thư" đã để lại nhiều ấn tượng cho hậu thế. Ví dụ như ông đề ra : thanh khiết, tươi tốt, cây cối um

tùm, cung thất đường bệ, các đồ đạc gọn gàng, đi lên, hung vượng ... đều là ở cát mộng. Ngược lại thì : nơi chốn bẩn thỉu, mục nát khô cằn v.v... thuộc về ác mộng. Những nguyên tắc này lại còn tìm thấy được trong "Đôn Hoàng" di thư" "Giải mộng thư" , "Cu gia tất dụng sự loại". Những thí dụ như sau :

Mơ thấy nước xanh, trong - đại cát lợi

Mơ thấy nước trong (cát mộng)

Mơ thấy nước đục (ác mộng)

Mơ thấy gọi đầu - đại cát, có tài

Mơ thấy thân mình nhẵn bóng - đại cát

Mơ thấy tắm gội, rời nơi ở - khỏi bệnh, thăng quan

Mơ thấy giặt quần áo : có việc uống rượu, ăn uống.

Mơ thấy tắm rửa, bệnh đỡ-bách sự cát (mọi sự tốt)

Mơ thấy cây cỏ tốt tươi - nhà cửa thịnh vượng
(nhà đất vượng)

Mơ thấy trồng cây cối - chủ đại cát

Mơ thấy hoa nở - thân đại quý

Mơ thấy nhà đất được đổi mới - đại cát

Mơ thấy về nhà mới - đại cát, đắc cát

Mơ thấy mình đứng ra xây nhà mới - tốt lành

Mơ thấy ánh sáng mặt trời chiếu vào mình - khỏi bệnh

Mơ thấy trời hồng - cát, thấy trời tối đen - hung

Mơ thấy gương sáng : cát, gương ám hung :

Mơ thấy phần mộ gia đình : sáng cát - tối hung

Mơ thấy ánh sáng mặt trời chiếu vào nhà - đại quý

Mơ bay lên trời - chủ quý vị

Mơ lên, vào thăm mặt trăng - đại quý.
 Mơ thấy mình đang bay - đắc trường an
 Mơ thấy có người bay lên trời - sinh nam tử
 Những điềm mộng ngược lại với trên, thuộc về
 những ác mộng :

Mơ thấy quần áo đầy bùn - thân bị nhục
 Mơ thấy toàn thân toát mồ hôi - đại hung
 Mơ thấy phân ở dưới bếp - tranh cãi
 Mơ thấy cây cối chết - đại tang
 Mơ thấy người chết ăn - bị bệnh hoạn
 Mơ thấy gió thổi, nhà lác lư - bị bệnh
 Mơ xà nhà gãy - gia bị phá
 Mơ thấy đất bị lún - nhà đất không yên
 Mơ thấy màu đen khắp mặt đất - ôn dịch
 Mơ thấy rơi xuống giếng, ngồi dưới giếng - đại hung
 Mơ thấy mặt trời, mặt trăng lặn - cha mẹ chết
 Mơ thấy mình rơi xuống đất, mất quan chức
 lo lắng - hung

Trên đây là tiêu chuẩn đại khái về sự phân chia ranh giới giữa cát và hung. Nhưng về sau, do mê tín điềm mộng càng ngày càng phức tạp nên phương pháp đoán mộng cũng càng ngày càng nhiều. Như trực giải, tượng trưng, phá dịch, chiết tự, hài âm v.v... Chỉ cần giải thích được thông, cát mộng có thể giải thích thành ác mộng và ngược lại. Như trong "Tả truyện" : Tấn hầu đánh nhau với Sở vương, Sở vương mai phục, muối đắp lên tận ngực. Sở vương đề lên Tấn hầu. Tưởng là ác mộng. Nhưng Tử Phạm lại

bảo đó là cát mộng. Tán hầu được trời, Sở vương phục tội. Câu chuyện này chuyển từ ác mộng sang cát mộng do người đoán mộng giải mộng giỏi. Cho nên, trong cuốn "Mê tín về mộng và thăm dò giấc mộng" của tiên sinh Lưu Văn Anh có viết : Hung và cát là xác định và cũng là không xác định. Nếu không, người đoán mộng sẽ mất đi ý nghĩa thần học cố hữu của mình. Nhưng bất cứ một ông thầy đoán mộng nào cũng không dám giữ khu khu lấy một tiêu chuẩn hung, cát nào đó. Nếu không giấc mộng được đoán sẽ khó được ứng nghiệm. Người ta sẽ không đi đoán mộng nữa.

Có điều, trong những sách nói về mộng của Trung Quốc cổ đại, đại bộ phận những từ ngữ về đoán mộng đều thuộc cát mộng. Về ác mộng tương đối ít. Nhà đoán mộng cũng nặng về đoán cát mộng để phù hợp với tâm lý người đến nhờ đoán mộng.

Tóm lại, mộng hung, cát là một hiện tượng mê tín của xã hội. Nó có đặc trưng tự thân, có quy luật khách quan. Đối với hiện tượng mê tín đó, chúng ta nhận chân khảo sát, phân tích một cách khoa học là có thể nhận thức được sự nói năng bày đặt nguy hiểm của các nhà đoán mộng. Từ ý nghĩa đó, hiện tượng mê tín đoán mộng và các hiện tượng mê tín khác nữa đều có thể hiểu được. Mộng không thể dự báo điều hung, cát. Mộng tưởng lấy giấc mơ của con người ra mà dò đoán cát, hung, họa, phúc là việc làm phản khoa học dưới con mắt khoa học hiện đại.

- VII -

NGUỒN GỐC VÀ NGHI THỨC CỦA VIỆC CẦU MỘNG LÀNH VÀ TRỪ MỘNG DỮ

Phương pháp cầu mộng lành (cát) và tránh mộng dữ (hung) đã có từ lâu. "Kỳ" là yêu cầu, mong mỏi cát mộng. "Nhuộng" là bài trừ ác mộng. Cổ nhân coi hạnh phúc là do Thượng đế và thần thánh ban cho. Tai họa là do quỷ thần giáng xuống. Do vậy những người mơ phải ác mộng sợ bị báo ứng và sợ quỷ thần giáng họa nên chưa xảy ra chuyện gì, họ đã phải tìm nhà đoán mộng để qua thuật của nhà đoán mộng mà bài trừ ác mộng.

Phương pháp "kỳ" và "nhuộng" phát sinh là do sự tồn tại quan niệm về linh hồn. Tư duy của con người nguyên thủy sáng tạo ra sự tồn tại siêu tự nhiên, hư ảo về quỷ thần. Trong khi mọi người nhận định có sự tồn tại của quỷ thần thì ở mọi nơi, mọi người đã tổn mất bao tâm tư về thần, quỷ. Họ coi như thế giới

của quý thần cũng tồn tại song song với thế giới của con người. Mà giữa hai thế giới đó có sự thông linh với nhau. Bất cứ quý thần nào cũng luôn hoạt động để có mối quan hệ với con người, không phải chỉ có quý thần do con người chuyển thành mới ra như vậy mà các loại linh tinh trong giới tự nhiên cũng đi vào giấc mộng dưới hình thức quý thần. Do đó lôgích tu duy của người viễn cổ, sỏ dĩ người ta sản sinh ra mọi giấc mộng hung và cát, chủ yếu là vì quý thần tác quái, do đó cầu khẩn quý thần ban cho cát mộng, trừ ác mộng là thái độ của người viễn cổ Trung Quốc đối với hai loại giấc mộng.

Các li "kỳ" và "nhượng" mộng bắt đầu hình thành từ đời Ân, Thương : Từ kho tu liệu Giáp cốt đời Ân, chúng ta được biết mỗi khi người đời Ân nằm mơ thấy ác mộng đều phải cúng lễ các hồn quý thiêng, xin cho tài hoạ đừng giáng xuống. Thực tế, đó là thuật trừ ác mộng sớm nhất.

Qua "Chu lễ", chúng ta biết rằng, cứ hàng năm, vào dịp đông chí, vương thất nhà Tây Chu cử hành đại lễ "hiển mộng cho vua" rất long trọng, nghiêm túc. Lúc này quan đoán mộng trình bày thuật hiển mộng lành cho vua và trừ ác mộng. Đại lễ này được cử hành ở "Nhà đường" Theo "Xuân quan, Chu lễ", có viết :

Đoán mộng phải biết tính tuổi, quan sát trời đất, biện luận âm dương, xem hung cát và cát của 6 loại mộng : Chính mộng, quái mộng, tu mộng, tầm mộng, hỷ mộng, cụ mộng.

Cuối cùng dâng mộng lành cho vua và vua bái rồi nhận. Vua ban cho cả thiên hạ bốn phương để giảm trừ ác mộng.

Đoán mộng phải có những hiểu biết, quan sát mặt trời, mặt trăng, tinh vân của 4 mùa, phân biệt khí âm dương, vị trí và thời gian hội hợp của mặt trời, mặt trăng và tinh vân, đoán điềm cát và hung của 6 dạng mộng. Cuối năm, có ghi tổng kết những giấc mơ lành được ứng nghiệm. Cũng tổ chức lễ cuối năm và viết sách tổng kết dâng kính vua. Nhà vua bái và tiếp nhận. Trong buổi lễ cũng có nghi lễ trừ và giảm ác mộng cùng ôn dịch. Ôn dịch được biểu diễn dưới dạng "quỷ ác", là loại sản sinh ra ác mộng có cả một nghi thức tôn giáo trang nghiêm, tế lễ phục vụ cho lễ trừ ác mộng và dịch "quỷ ác", đánh đuổi ôn dịch, tà.

Theo sách "Mê tính về mộng và tìm hiểu về mộng" của tiên sinh Lưu Văn Anh có giải thích về nghi thức đánh đuổi tà, dịch ghi trong "Lễ nghi chí, Hậu Hán thư". Theo ông, phong tục này có từ đời Đông Hán gọi là "đại nan", tức là "nan". Trong "Thời tắc huấn",

sách "Hoài nam tử", Cao Dụ giải thích "nan" cũng có nghĩa là "trừ". Nội dung của đại nan gồm việc trừ các loại ác quỷ, các loại ác mộng. Hoạt động của việc đánh đuổi quỷ ác mộng vô cùng náo nhiệt, thường có ý nghĩa của những ngày lễ tết. Trước khi nghi lễ bắt đầu, các tú đệ trong Hoàng môn cung được chọn lấy 120 nhi đồng làm những "thần tử" trừ khử dịch và quỷ. Bọn trẻ chít khăn đỏ, mặc quần áo đen, trong tay mỗi người cầm một cái trống bỏi. Vai chính là "tướng" và 12 thần thú vật. Trên đầu, "tướng" đội da thú. Bên ngoài có 4 con mắt màu vàng lớn. áo trên màu huyền, quần đỏ. Mười hai con thú cũng hoá trang cẩn thận. Trên đầu mỗi con có một cái sừng. Thân đầy lông. Nghi thức được biểu diễn tại sân lớn trong cung. Đến tối, các quan văn, võ chia ra làm hai hàng rồi thành một vòng tròn. "Tướng" và 12 thần thú vật múa ở giữa biểu thị họ đã đuổi, trừ 12 loài quỷ dịch (dịch bệnh). Sau đó, người trong Hoàng cung lĩnh xướng, mọi người cùng hát theo. Hát rằng "Giáp tái thực (tiêu diệt) hung, Phạt vị thực hổ, Đằng giản thực bất tường, lăm chư thực cữu (tội lỗi) bá kỳ thực mộng..."

Sau cùng, trên sân xếp thành ba vòng tròn, mọi người hoan hô, tay cầm đuốc, xua đuổi quỷ ra khỏi cửa Doan môn. Trong nghi thức trừ đại nạn này, câu hát

Bá kỳ thực mộng tức là bá kỳ diệt tất cả các loại ác mộng xảy ra trong một năm và cũng là diệt trừ đại nạn.

Ở khu người Mán đen ở nước ta cũng có nghi thức xua đuổi ác mộng tượng tự. Người Mán cho rằng những giấc mộng dưới đây đều liệt và ác mộng :

- 1 - Mộng thấy hôn nhân hợp lứa tuổi
- 2 - Mộng thấy con trai mặc quần áo, con gái cỡi quần áo.
- 3 - Mộng thấy xuất binh, ngày tối đường cùng đường.
- 4 - Mộng thấy ăn uống trong yến tiệc
- 5- Mộng thấy cưỡi ngựa.
- 6 - Mộng thấy đàn ông gần gối có lửa cháy, chân có tro tàn.
- 7 - Mông thấy cô gái dùng tay làm gãy nhẫn đeo tay
- 8 - Mộng thấy răng cửa bị rụng

Những giấc mộng trên bị người Mán rất kiêng kỵ đáng phải được trừ. Cho nên , họ tế lễ, có nghi thức để xua trừ ác mộng. Người Mán làm cái công việc này gọi là bôi mao thầy cúng. Thầy cúng đến nhà cần trừ ác mộng. Tết con ngựa bằng rơm có

người cưỡi ngựa làm bằng cỏ. Phủ lên người cỏ những sợi vải xanh, đỏ, coi như người cỏ mặc quần áo. Người Mán gọi người cỏ là "ky tổ". Ngoài ra hai bên cột gỗ bánh cỏ dán hai cái tai của cùng một cái đầu. Phía dưới hai cái tai ấy có treo một sợi dây tơ. Đó là bình tướng của ky tổ. Người Mán gọi là "Bốc tổ".

Sau khi làm xong người cỏ, thầy cúng đứng giữa cửa chính của nhà đặt lên bên cạnh cửa một thung thóc. Trên thung thóc có đặt một bát cơm. Trên bát cơm là quả trứng gà và một chút muối. Bên cạnh lại đặt một chén rượu, thầy cúng đốt hai lá bách lạc rồi pha vào bát nước đó dùng thay nước trà. Thầy cắm vào phía trong nhà gần bậu cửa 3 cành bách lạc. Lại cắm ky tổ và bốc tổ ngay bên cạnh ba cành cây. Khi cắm, phải để sao cho mặt người cỏ và đầu ngựa hướng vào trong nhà.

Sau khi đã bày biện xong xuôi, thầy cúng bắt đầu, niệm chú, bắt đầu nghi thức trừ tà. Bất luận chiêm mộng đã ứng nghiệm hay chưa đối với chủ nhà, thầy cúng phải niệm chú. Cứ tụng niệm được một đoạn, thầy lấy chén rượu đặt trên cao nhất mà vẩy ra ngoài cửa, như vậy là hiến cho quý thiêng. Lúc đó, một người mang đến một con gà giò và vài bông lúa non. Người này quét tất cả mọi nơi, bắt đầu từ bàn thờ cúng thần nhà chủ. Quét cả đến chuồng súc vật. Như vậy là quét

trừ những điều không hay và tai hoạ. Thầy cúng tiếp tục tụng kinh trừ ác mộng, mặt hướng về phía "ky tổ" và "bốc tổ" biểu thị "ky tổ" sẽ tiêu trừ tất cả những tội lỗi. Thầy cũng lại lấy một cục than gỗ, quấn quanh nó bằng mấy cọng lúa non, tưới nước trà và rắc muối lên cục than có bọc lúa non rồi ném mạnh ra phía ngoài cổng. Vậy là tất cả những tai hoạ đã bị xua hết. Một tay cầm con gà giò, một tay cầm cành bách lặc, thầy cúng đập vào các bức tường, vách, cửa v.v... Như vậy là đuổi nốt các quỷ thần ẩn náu ở các nơi khác trong nhà ra khỏi nhà.

Buổi tế lễ trong gia đình như thế là xong. Thầy cúng cầm lấy ky tổ và bốc tổ, đi ra ngoài đồng (đã ngoài) để tế lễ ở dã ngoại. Sao lại phải có tế lễ dã ngoại? Như ai cũng biết : Kính quý thần thì kính thật nhưng phải xa họ ra. Kính nhi viễn chi mà ! Người ta sợ quý thần tạo ra ác mộng, nhưng lại cảm thấy không nên làm khó dễ cho quý thần. Họ cũng sợ các quý thần thường xuyên lưu lại trong nhà với tư cách bậc linh thiêng nên họ phải tìm mọi phương pháp sao cho quý thần đi chơi xa. Trên cánh cửa có dán ảnh vẽ thần cửa và có khi in cả các dấu tay. Ngoài ra, Khuong Tử Nha (Thái công) là vị thần được người Hán tôn sùng nhất. người ta lại dán đối câu đó ở ngoài cửa :

"Khuông Thái công ở đây

Mọi tà quỷ hãy lánh !"

Nghe nói Khuông Thái công là tổng quản của các tà quỷ, ác thần... Tuy nhiên đó mới là phương pháp phòng ngừa cái chưa đến. Khi tai họa đã đến thì chỉ còn cách tìm thầy cúng để tống tiễn quỷ. Trước tiên là phải đuổi hết cả các tà quỷ ra khỏi nhà. Tuy nhiên lại sợ các quỷ quay trở lại làm hại, cho nên phải dẫn những vị ác thần đó ra bên ngoài (dã ngoại). Như vậy các quỷ thần đói khát lại trở nên béo tốt mà đi tuần du ở nơi xa.

Tóm lại, hoạt động cầu cát trừ hung có căn nguyên từ mê tín đoán mộng đã trở thành một thứ tập tục tôn giáo điển biến trong lịch sử. Và do đó, nói lại mở rộng ảnh hưởng xã hội của mê tín, xã hội và cấu thành một bộ phận trọng yếu của mê tín đoán mộng.

- VIII -

CẤM KỶ VÀ ÁC MỘNG

Cấm kị (huý) là một danh từ có ý nghĩa rộng rãi trong văn hiến cổ đại Trung Quốc. Nó là những quan niệm ước thúc, hạn chế và gọi tên chung về cách ứng xử của các hành vi xã hội, tín ngưỡng.

Cấm kị, là một loại tập tục mê tín. Trong xã hội nguyên thủy và xã hội ngu muội lạc hậu hiện đại có nhiều điều cấm kị hoặc quy ước ổn định. Mọi người dùng chúng để quy phạm hoá hành vi tín ngưỡng của mình. Tập tục cấm kị thông qua lời nói truyền lan đi và cùng với hành vi thị phạm. Nó đã được lưu truyền hàng vài nghìn năm ở nước ta. Sự việc và hiện tượng cấm kị thấm thấu vào mọi mặt sinh hoạt của nhân dân với trăm nghìn điều kỳ quái, quái đản. Trong cuốn "Dân tộc học Trung Quốc". U Bich Nam đã tổng kết tập tục cấm kị của nước ta và chia ra làm 5 phương diện :

Một là : Cõi lực lượng tự nhiên trong giới tự nhiên hoặc vật tự nhiên như là thần thánh, sùng bái nó không thể xâm phạm. Như vậy, hình thành quan niệm và hành vi về cấm kỵ đối với mặt trời, mặt trăng, sao, gió, sấm, mưa, cầu vồng, nước, lửa, núi, đá v.v...

Hai là : Cõi những loài động vật và thực vật nào đó như là vật thần thánh có quan hệ gần gũi họ hàng với tổ tiên thị tộc của mình. Từ đó hình thành những điều cấm kỵ như nghiêm cấm bắt hoặc giết, tức cấm phạm tới những loại động vật và thực vật nhất định. Như thái độ đối với hổ, báo, bò, dê, chó, thỏ, hạc, ung, quạ, công, thiên nga, nhạn, rắn, ong, nhện, cóc v. v... cùng với cây trúc và một số thực vật khác.

Ba là : Sự sùng bái tổ tông đưa đến sự cấm kỵ các tượng trưng và các di vật của tổ tông. Như người Mãn ở đông bắc thường treo lên tường ở phía đông một cái bảng đề là "bản tổ tông". Trên đó có một cái "hộp tổ tông" (trong hộp đựng các vật tượng trưng, các bức họa và di vật của tổ tông) Đĩa thơm bằng gỗ với các hoa văn tộc Mãn... đề là những cấm vật.

Bốn là : Sự sùng bái linh hồn, quý, tinh linh đã đưa đến sự cấm kỵ về các quý, thần thánh cùng sự

hoạt động và nơi chốn hoạt động của các vị thiêng liêng đó. Tộc Li Li có quy định có người chết trong làng trại thì tất cả không ai được ăn ớt trong một khoảng thời gian. Ai ăn ớt sẽ bị coi là kẻ thù của người chết. Nhà có trẻ con chết, kỵ ăn thịt dê và hành, tỏi. Nếu không sẽ bị coi là xung phạm đến linh hồn của quý thiêng.

Năm là : Sự mê tín về số phận cát, hung, hoạ, phúc đã dẫn đến những điều cấm kỵ hình thành trên quan niệm cầu cát tránh hung. Như trong hôn nhân, cho rằng mệnh của cô dâu chú rể kỵ một số giờ và hợp với một số tân khách. Khi có mang kỵ ăn gừng hoặc thịt thỏ để tránh cho con sinh ra không bị 6 ngón hay có khuyết tật sinh lý như môi thỏ. Nếu không theo những điều cấm kỵ sẽ gặp tai hoạ. Hôn lễ kiêng ngày lẻ. Ngày vui không được đánh vỡ ấm chén. Không cưới vào tháng 5, 7, và 9. Dân tộc Oa không cho mang những thứ như gừng, lá chuối tiêu, lá hồng mao, lá mật hoa và lá trừ rùng vào trong nhà vì những thứ đó là những thứ của quỷ đưa vào nhà, không tốt. Dân tộc Oa không ăn thịt và trứng gà. Cũng cấm bán hai thứ đó vì cho rằng chúng là đồ quỷ dùng. Trong cuộc sống còn có nhiều điều cấm kỵ để dự phòng điều dữ, . Từ những con

đường này, đã ảnh hưởng đến với tâm lý và hành vi tín ngưỡng của mọi người.

Năm loại cấm kỵ này, hoặc ít hoặc nhiều đều để dấu vết trong hình tượng và sự việc của cuộc sống sản xuất và thấm vào ý thức của mọi người về mộng mị. Cho nên, trong điều thứ 22 của chương Ác mộng "Đôn Hoàng giải mộng thu" cho rằng tuân thủ các điều cấm kỵ, thì không gặp ác mộng ? Sách dẫn ra 20 loại cấm kỵ như :

- 1 - Lấy gạch miếu thờ kê chân giường.
- 2 - Giường ngủ đối thẳng vào xà nhà
- 3 - Lấy gỗ cây thần làm giường
- 4 - Lấy dây thừng bên trái buộc đũa
- 5 -- Mặt nhìn về phía bắc của giường.
- 6 - Dưới giường ngủ có hài cốt
- 7 - Vì người mà đi theo tà
- 8 - Nuôi chó hoặc gà trắng trong nhà
- 9 - Nhà ở phía trước và phía sau miếu thần
- 10 - Ăn lục súc chết
- 11 - Giếng chộp gặp nhau

- 12 - Cây đào trồng gần giếng
- 13 - Nô tỳ chết, vút sách xuống phía dưới
- 14 - Gia cụ hỏng lâu năm không đốt
- 15 - Đất thiêng có nham thạch hoặc có đá cối xay
- 16 - Ăn cơm không chú nguyện
- 17 - Vô cớ giết rùa rắn
- 18 - Lưỡi dao để ngựa
- 19 - Ngồi lên thành giếng
- 20 - Mặc áo của kẻ hung dữ .

Hai mươi điều cấm kỵ này phản ánh các tập tục cấm kỵ. Điều thứ nhất, không được phạm vào nơi lễ bái thần linh và miếu, đền. Như kê chân giường bằng gạch, đá thiêng, ở trước và sau miếu thần, đất có nham thạch hoặc đá cối xay v.v...

Điều hai : Không được vô cớ giết rùa và rắn là những con vật hoá thân của thần. Ở nước ta, rùa là một trong bốn con vật linh thiêng. Đó là thần. Trong xã hội nguyên thủy, với thị tộc Cổn, rùa là vật tô tem mà mọi người sùng bái". "Thiên quy sách liệt truyện" trong sách "Sử ký" có câu chuyện huyền thoại kể về một ông già ở phương Nam ẩm thấp lấy 4 con rùa

kê ở bốn chân giường. Sau hơn 20 năm, ông lão chết, người nhà chuyển giường phát hiện thấy 4 con rùa còn sống mặc dù trong suốt ngàn ấy năm, chúng chẳng ăn uống gì. Mới biết mệnh của rùa là sống lâu, do đó nhân dân ta dùng rùa tượng trưng cho sự trường sinh. Người ta khen nhau: "Tuổi hạc, tuổi rùa". Lại suy ra rùa sống lâu kinh lịch nhiều, lịch duyệt lắm... Vì vậy rùa có linh tính biết về tương lai nên tiến lên một bước nữa cho rùa là "linh quy" có thể làm môi giới giữa người với thần thánh, cho rằng rùa từ trên trời rơi xuống. Trong "Quy sách liệt truyện" trong "Sử ký" ghi : "Nguyên vương bảo : Rùa là thần linh, từ trên trời xuống".

Vì cho rằng rùa là thần linh từ trên trời xuống, là của quý trong thiên hạ, làm môi giới giữa người và thần thánh, nên trong cung thất nhà Ân đã lợi dụng mai rùa để bói. Đời Ân , bói bằng mai rùa được thực hiện với nghi thức cực kỳ thần bí và long trọng. Phải chọn ngày lành tháng tốt, quần thần phải chay giới, người trong cung vua phải tắm rửa rồi quỳ lạy. Tế trời và mặt trời rồi mới bàn đến vấn đề bói mọi mặt như : tế lễ, chiến tranh , ẩm thực, khí tượng, mùa màng, săn bắn, tại họa, phúc lợi v.v... Bốc sư dùng que gổ đốt nóng dùi vào mai rùa đủ sức tạo ra những vết

nút và hần. Đó là những hiện tượng đánh dấu những diên căn bói ra, gọi là những điềm báo trên mai rùa để phán đoán ra điều hung, cát.

Trên đây nói về loại rùa tự nhiên và phổ thông. Nếu như từ những báu vật tô tem của những cư dân nguyên thủy dần dà được thần thánh hoá và cuối cùng diễn biến thành rùa thần mang tính chất linh thiêng.

Bởi người xưa coi rùa là vật thần linh và rắn cũng là con vật thần linh. Người xưa ghép rồng và rắn lại làm một, gọi là long xà. Phần sau cuốn sách này sẽ thuật thêm về rắn. Sách "Đôn Hoàng giải mộng thư" cho rằng vô cớ mà giết rắn sẽ dẫn đến có ác mộng. Tai hoạ sẽ đến với kẻ giết nó.

Điều ba : Tiếp xúc với màu sắc không cát lợi - màu trắng.

Truyền thống của nước ta cho rằng ngày vui ky, mặc màu trắng. Có tang mặc màu trắng. "Lễ ký, điển lễ" nói : bố mẹ còn sống, áo mũ không cùng một màu trắng. Ngược lại, khi cha mẹ quy tiên, mũ áo phải là màu trắng. Cho nên trong "Giải mộng" nhấn mạnh không nuôi gà và chó màu trắng vì đó là điềm không lành.

Ngoài ra, phạm đến thân giếng, thân cây, tiếp xúc với vật hèn hạ như đồ dùng gia đình đã bị vỡ hoặc hỏng; mặc áo của kẻ hung dữ, chạm đến thân giường; dưới giường có hài cốt, làm những việc không đạo đức; vì người khác mà theo tà; ăn cơm không chú nguyện; nô tỳ chết; sách hạ đẳng v.v... đều là điều có thể dẫn đến ác mộng, không được yên ổn.

Những kiểu mê tín cấm kỵ tránh ác mộng là những hành vi và thủ đoạn có tính tín ngưỡng dự phòng tiêu cực. Trong nền sản xuất lạc hậu, sinh hoạt bần khổ và ở điều kiện người ta không tự chủ được vận mệnh của mình, tập tục cấm kỵ tránh ác mộng có tác dụng mạnh mẽ ru ngủ con người.

- IX -

PHÙ CHÚ TRỪ ÁC MỘNG

Với ác mộng, người Trung Quốc không những đã có thuật khử trừ, tránh những điều cấm kỵ, lại còn có phép phù chú.

Phù là gì? Thuyết văn giải tự viết : phù nghĩa là tín. Đời Hán làm phù bằng tre dài sáu tấc (đơn vị Trung Hoa cổ) do hai mảnh giống nhau ghép lại. Thoạt đầu phù là bằng chứng chỉ lệnh của Hoàng đế gửi xuống. Phù có một quyền uy to lớn nhất. Sau đó, các nhà pháp thuật, pháp sư cho rằng thiên thần cũng có "phù". Còn gọi là đồ, hoặc triện văn. Các áng mây màu sắc trên thiên không xuất hiện, các pháp sư gọi là thần phù. Thoạt đầu loại phù xua tà gọi là "đào phù". Người xua cho rằng quỷ sợ cây đào, trong cuốn "Huyền trung ký". Quách Phác có kể câu chuyện ở phía Đông Nam có Đào Đô sơn. Núi có cây đào lớn nên gọi là đào đô. cảnh xoè ba ngàn dặm trên có con gà trời. Sáng sớm, khi mặt trời mới mọc chiếu vào

cây này, gà trời liền gáy, các gà khác gáy theo. Phía dưới có hai vị thần, bên tả là Long, bên hữu là Viên. Hai vị thần cầm một nhánh sậy, đợi lúc quý dữ đến bất ngờ đã giết chết.

Thế là, thần trên núi Đào Đô bắt được quý. Quý sợ thần núi Đào Đô và cũng sợ tất cả mọi vật trên Đào Đô, sợ cây đào, quả đào. Do đó người ta không chỉ biết cây đào cho ra đào tiên, ăn vào sẽ trường sinh bất tử mà còn biết nó có thần lực đánh đuổi quý, tà...

Người ta cấm cành đào trước cửa để xua tà. Sách "Tán thư lễ chí" viết " Ngay đầu năm, người ta thường có cành sậy, cành đào ở cung đường hoặc cổng đình, chùa để giải trừ ác khí rồi lại vẽ cành đào, người cầm đào để dán trước cửa. Sách "Phong tục thông nghĩa" viết": Nhà quan huyện đốt nén, dán tranh người ôm quả đào. Cũng có cả tranh con hổ ở cửa ngoài... để đón trừ tịch và bài trừ hung khí. Về sau, nhân dân dùng luôn gỗ cây đào để làm vật liên xây dựng. Gỗ đào là tiên mộc, bách quý phải sợ.

Ngày, tháng kéo dài cùng với trời đất , vai trò trừ tà của gỗ đào được khẳng định và trở nên một vật tượng trưng, gọi là đào phù. Trên một bản gỗ đào người ta khắc lên hình ảnh của hai ông thần giữ cửa

là Thần Đồ và Úc Luỹ theo chuyện thần thoại. Thơ "Nguyên đán" của Vương An Thạch, có câu :

*Tiếng pháo nổ, trừ đi một tuổi
Gió xuân thổi ấm áp
Trăm nhà, vạn hộ vui náo nức
Mảnh gỗ đào mới thay "phù" năm qua.*

Ở bài thơ, mảnh gỗ đào mới là mảnh gỗ đào có dán hình vẽ của thần giữ cửa.

Về sau, "phù" không nhất định cứ phải làm bằng gỗ đào. Làm bằng gỗ khác cũng được, Có khi làm thành bản bằng đá, giấy rơm cũng được, giản đơn thô thiển cũng được, miễn là có lòng thành kính.

Phù là một loại tượng trưng, qua nhiều quá trình diễn biến. Trên bản gỗ của nó mang nhiều từ ngữ cầu phúc, trừ hung. Dĩ nhiên, những từ ngữ đó có thể đọc lên được. Chẳng qua chúng cũng chỉ là những "câu bí quyết" trừ tà. Muốn để cho những "câu" đó trở nên thần bí, không dò ra được nghĩa mà lại có cái pháp lực phi phàm, người ta phải viết chúng ở dạng không bình thường. Hoặc là viết theo kiểu trùng trùng điệp điệp, như thật như giả, nét bút phức tạp như là mê cung, hoặc bản pháp. Có người lại coi việc viết như một trò chơi. Tóm lại, phải viết sao cho có nghệ thuật

mà lại cao siêu. Thế là người ta dùng các kiểu chữ sao cho có vẻ huyền ảo sâu sắc, quái đản để biến chúng thành một hình thức, một loại phù hiệu đã được khẳng định, không thể đọc được nữa. Những chữ viết trên phù không biểu thị nội dung cụ thể, chỉ cần đạt một ý nguyện. Phù hiệu có tác dụng trừ tà. Người mang phù (bùa) có tâm lý mãn nguyện. Còn có những chữ viết của phù hiệu như mặt má. Thật là nét vẽ của quý. Gọi là "quý vẽ đào phù".

"Phù" đi đôi với "Triện". Triện là ghi chép ý của thần hoặc những lời răn bảo của thần. Phù và Triện được gọi liền với nhau, ghi danh sách và chúc trách các thần, mệnh lệnh và công việc chấp hành của các thần. Phù Triện có thể sai khiến được ma quỷ, bài trừ tà ác và thành tiên. Theo "Giải mộng thư" trong bộ sách "Cu gia tất dụng sự loại" có những lời lẽ để đối phó với ác mộng như :

Tý nhật mộng ác
Thư thiếp môn cát
Sửu nhật mộng ác
Chu thư hội cát
Đậu nhật mộng ác
Hắc thư hội cát
Mão nhật mộng ác

Hắc thu bệ cát
 Thìn nhật mộng ác
 Thụ bại môn cát
 Tý nhật mộng ác
 Thụ phòng bích cát
 Ngọ nhật mộng ác
 Mùi nhật mộng ác
 Thụ phòng môn cát
 Thân nhật mộng ác
 Chu thụ bích cát
 Dậu nhật mộng ác
 Hắc thụ bích cát
 Tuất nhật mộng ác
 Thụ trung bích cát
 Hợi nhật mộng ác

- Quyên thụ thiếp sàng...

Ứng tất cả các điều quái không lường tới

Cả những điều trong sách không ghi

Ban cho phù nần

Đặt nơi quỷ quái

Nam đeo trái nữ đeo phải

Ma quái tiêu tan...

Lịch pháp của nước ta phân ra can chi. Đó là do thiên can, địa chi gộp lại. Thiên can là : Giáp.

Át, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý, Địa chi là Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Mười can trời và 12 chi đất phối hợp với nhau một cách tuần hoàn thành một giáp 60 năm, là một châu (vòng), sau một châu lại tính bắt đầu từ đầu. Lịch cổ đại, dùng can chi để trở năm, tháng, ngày, giờ. Chủ yếu dùng cho ngày và năm. Dùng can, chi để ghi ngày đã được sử dụng trong thời văn Giáp cốt. Nhưng lúc đó, can và chi chỉ sử dụng để tính ngày. Dời Ân, đến đời Chiến Quốc vẫn thế. Tuy nhiên, thời cổ đại, ghi ngày có khi chỉ ghi thiên can mà không ghi địa chi, Trong "Sở từ" có nhắc đến : "Ta ra đi vào ngày Giáp".

Đến đời Hán, Ngụy, lại xuất hiện cách dùng địa chi tính ngày, chia ngày ra làm 12 chi.

Với cuốn "Yếm mộng phù triện" , người ta thấy có liên quan mật thiết tới mê tín về lời "thần chú" và cũng là mê tín những lời "chú" vốn dĩ là một loại từ cầu khẩn. Sau khi đạo Phật hưng thịnh, từ "chú" đồng nghĩa với "chân ngôn". Trong quá trình lưu truyền của đạo Giáo, "chú" thành ra khẩu quyết trừ tà và tại hoá. Khi mê tín này chuyển thành tập tục xã hội, thành ra "chú khử tà". "Lời chú" hầu như đã phát sinh ra cùng với ngôn ngữ nguyên thủy. Nó là sản vật tất

yếu khi nhân loại sùng bái ma lực ngôn ngữ của mình. Các nghi thức chúc mừng thời cổ thường lấy chú làm thủ đoạn để thông giao với thần linh. Và về sau, tất cả những loại "chú từ" và "khẩu quyết" đều được coi là lời "chú" có khả năng giao cảm với thần linh.

Là một thủ đoạn mê tín, những thuật sỹ giang hồ, thầy cúng, thầy lang dùng những lời "chú" để làm việc xua đuổi tà ma, khám bệnh, chữa bệnh. Họ niệm "chú" lên để thực hiện mọi công việc. Những lời "chú" này không giống với "khẩu quyết" nói chung. Thường thường chúng chỉ có âm, không có nghĩa, những tiếng được niệm lên là những ngôn ngữ thần bí để đánh lừa và làm cho tín chủ bị mê hoặc.

Trong các quan nha thời cổ đại không có chức tước chuyên nghiệp cho người có nhiệm vụ niệm "chú". Thời Tùy, Đường, họ trực thuộc vào thự thái y, chuyên vẽ phù và niệm chú để xua ma quỷ mà chữa bệnh. Các thầy phù thủy dân gian cũng dùng thần chú để mời mọc quỷ thần. Sự phát triển của những lời "chú" bị chữ viết kiểu đồ hoạch các phù hiệu thay thế và trở nên "phù chú" của các nhà "phương thuật". Trong "Đôn Hoàng giải mộng thư" có những câu phù chú sau để trừ ác mộng:

Phô địa tịch lãnh địa ngoạ giả bất tường
 Phu nhân ác mộng tam nhật bất thuyết hoá vi
 chân bảo.

Phàm nhân dạ đắc ác mộng
 Tảo khởi thả (sợ) mạc hướng nhân thuyết
 Kiền kính kỳ tâm
 Dĩ hắc thư thủ phù
 An ngoạ sàng cước hạ
 Vật lệnh nhân tri

Nãi khả chú viết :

Xích xích dương dương
 Nhật xuất Đông phương
 Thủ phù đoán mộng
 Ty trừ bất tường
 Độc chi tam biên
 Bách quỷ tiềm tàng
 Cấp cấp như luật lệnh
 Phu ác mộng tính vân, danh hành quý
 Ác tướng tính Giả, danh tự trần
 Ngôn tri như danh,
 Thủ như tự
 Viễn ngô thiên lý
 Cấp cấp như luật lệnh
 Xá

Hựu tính vu

Tự thế biểu

Ngô tri như danh

Thúc như tự

Sách "Giải mộng thư" trong bộ "Cu gia tất dụng sự loại" cho biết: Ngày xưa, Hoàng đế vẽ 12 phù để trừ ác mộng rồi cầm phù mà chú rằng : "Hách hách dương dương ; Nhật xuất Đông phương ; Đoạn tuyệt ác mộng ; Tịch trừ bất tường' Cấp như luật lệnh". Đọc liền 7 lần...

Hiện tượng phù chú này có ảnh hưởng rất lớn tới dân tộc của người Nhật Bản. Trong cuốn "Dân tộc học khái luận", tiên sinh Phương Kỳ Sinh viết : "Nhật Bản cũng có cùng một tín ngưỡng. Như khi gặp ác mộng thì phải niệm bảy lần những câu "chú" sau đây : "Hách hách dương dương, nhật xuất Đông phương, đoạn tuyệt ác mộng, tịch trừ bất tường". Sau đó, nhìn về phía Đông, thở hít vào. Thở ra ở hướng Bắc. Làm như vậy 7 lần có thể trừ hoạ. Người Nhật bảo rằng những lời "chú" này là từ Trung Quốc truyền tới. Chúng do Quán Lạc đời Tam Quốc viết ra là có bí pháp do Hoàng đế lan truyền lại. Đối chiếu với rất nhiều sách, thấy nội dung được nhất trí một cách cơ bản. Có thể tin được.

Tóm lại nhà đoán mộng cho rằng đoán mộng là thay thế mà giải thích điều hung cát. "Kỳ nhượng" dùng để nhờ quý thần mà bài trừ tà ma. "Kỳ nhượng" là câu điều tốt lành và trừ điều dữ. "Chú" là ngôn ngữ pháp thuật của thần để trừ tà. "Chú" được dùng ghép lại với "phù", gắn bó trọn vẹn và đẹp đẽ lại với nhau để có một pháp lực vô biên. Dưới giác độ dân gian mà nhìn, phù chú có một sức mê hoặc thần bí mạnh mẽ.

- X -

VƯƠNG SUNG - NHÀ TƯ TƯỞNG PHÊ PHÁN THUẬT ĐOÁN MỘNG SỚM NHẤT

Vương Sung là nhà tư tưởng tiến bộ, triết gia duy vật vĩ đại của thời cổ đại nước ta, nhà lý luận vô thần mạnh dạn. Trú tác của ông đến bây giờ chỉ còn lại bộ sách "Luận hành". Cuốn sách viết theo kiểu luận chiến, phê phán có hệ thống những hiện tượng thần bí (chiêm mộng, quỷ thần, bốc quẻ, phù thủy v.v...) lúc đương thời là lúc chiêm, bốc chiếm địa vị thống trị. Cuốn sách xây dựng lên cả một hệ thống tư tưởng về luận thuyết vô thần.

Nguồn gốc tư tưởng của chủ nghĩa thần bí bắt đầu từ thời viễn cổ. Lúc đó, con người bất lực trước các hiện tượng tự nhiên, thiếu tri thức khoa học, không khám phá được bí mật của tự nhiên nên thần thánh hoá giới tự nhiên. Đồng thời thần bí hoá các hiện tượng xã hội. Từ đó sinh ra đủ các loại thần và thuật chiêm, bốc thông giao với thần. Đoán mộng là một loại trong

các thuật chiêm bốc. Sau khi xã hội có giai cấp ra đời, giai cấp thống trị lợi dụng những phương pháp chiêm, bốc để củng cố nền thống trị. Chiêm, bói trở thành một loại tin ngưỡng của kẻ thống trị. Hễ có đại sự, là cầu cứu đến chiêm bốc, có lúc không gặp mộng mị gì cũng vẫn cử hành trình tự tôn giáo nhất định mà cầu (kỳ) mộng lành, xin thần thác mộng.

Đến đời của Vương Sung, Phật giáo đã được truyền đến Trung Quốc, Đạo giáo đã nảy mầm, các loại cấm kỵ tin ngưỡng đã nhiều đến mức kinh ngạc. Các loại pháp thuật chiêm bốc của chủ nghĩa thần bí cùng với tư tưởng tôn giáo thế tục thu hút nhau, hoà hợp vào nhau mà thành một cái cột trụ của chính quyền phong kiến. Đặc biệt bọn thống trị càng lưu ý đến thuật đoán mộng. Họ dùng đoán mộng làm căn cứ để tạo ra vương quyền. Như ở sách "Cao tổ bản kỷ" ghi "Mẫu thân của Lưu Bang đi chơi ở bên bờ một cái hồ lớn. bà mộng gặp được thần linh, khi về đến nhà ... và... thế là bà có mang... đẻ ra Cao tổ. Nghe nói lúc sinh ra Cao tổ, sấm chớp nhằng nhịt và đình tai, trời đất đen như mực. Phụ thân của Lưu Bang thấy long xà bò đến trước mặt để phủ hộ cho Lưu Bang được tuổi rồng. Trước khi lên đài, Lưu Tú bảo với Phùng Dị : "Tôi mơ thấy hoá thành rồng, bay lên

trời". Phùng Di thấy điềm của thần, càng cố giúp và phò tá để đưa Lưu lên ngôi vàng hoàng đế.

Trong thời kỳ "Luống Hán", đoán mộng là một loại mê tín thế tục, cùng giao lưu qua lại với các loại mê tín thế tục khác. Các loại mê tín thấm hoà vào với nhau và dựa nhau. Lúc này, đâu đâu cũng có những lời dự đoán viết ra gọi là "Tiêm" và "Vi". Tiêm là thác lời của trời mà viết ra những câu dự ngôn thần bí. Vi là mượn danh nghĩa Khổng Tử, dùng quan điểm mê tín để giải thích các loại kinh, sách Nho giáo. Theo "Phương thuật liệt truyện": Lưu Vũ đế, Lưu Tú tin "Tiêm" ngôn. Trong cuốn "Quang Vũ đế ký" ghi lại Tiêm ngôn nói rằng : "Lưu Tú phát binh bắt kẻ vô đạo Mão kim tu đức vi thiên tử". Thế là tuyên bố lên ngôi hoàng đế qua sự quyết định của "Tiêm" ngôn. Lúc này, đoán mộng cũng có nội dung của Tiêm, Vi, Ngũ hành. Tiêm, Vi cũng lấy nội dung ngũ hành mà bổ sung cho mình. Theo Vương Sung, lúc này có một cách nhìn như sau : Người nằm mơ thấy lửa được đoán là người có tài ăn nói, là vì đã có câu : "Khẩu giả hoả dã". nghĩa là miệng là lửa. Đúng thứ hai trong ngũ hành là hoả. Đúng thứ hai trong ngũ sự là ngôn. Hoả ứng với ngôn. Lửa là tượng trưng của lời nói. Ngôn và hoả phối hợp với nhau trực tiếp. Có người

đời Hán tên là Kinh Phòng tuyển được 3 cuốn sách về đoán mộng. Ông thường bàn về những tài hoạ trong ngũ hành. Ông cũng lưu ý đến cả thuật đoán mộng và viết ra một cuốn sách đoán mộng. Ông đưa nhiều nội dung ngũ hành vào thuật đoán mộng, gọi là để phù hợp với thuật đoán mộng. Trong thư tịch các chữ viết Tiêm, Vĩ lưu hành vào thời kỳ Lưỡng Hán, từ Hoàng đế Lưu Bang, tài liệu và bút tích về các điềm báo nhiều vô kể nếu ta biết khai thác. Như Hà Đồ hỏi Tá Phụ : "Hoàng đế gọi ông. lão là nhà giỏi này đến có điều hỏi chăng? " Ta năng mơ thấy hai con rồng ngâm một bức dư đồ trắng đưa ta sang bên kia sông". Ông lão nhà giỏi nói : "Hà xuất long đồ, Lạc (sông Lạc) xuất quy thư... Trời trao cho cơ đồ đế vương vậy !"

Do ảnh hưởng của Tiêm, Vĩ rất rộng, lúc đó người ta dùng Tiêm ngôn để giải mộng. Việc này đã thành một cái "mốt" thời thượng. Truyện "Thái Mậu" viết : Thái Mậu mơ thấy mình ngồi trong điện, nhìn thấy trên bàn có 3 cây lúa mọc rất tươi tốt. Thái ngắt lấy một bông ở giữa. Nhưng rồi lại lỡ tay để mất. Quách Hạ Cung đến chúc mừng Thái. Quách cho đó là điềm rất tốt và giải thích : Đại diện là hình tượng của phủ quan. Bông lúa là cái duyên giữa quan và dân. Lấy.

bông lúa ở giữa là hình tượng sân rộng. Vẽ chiết tự chữ hoà cùng chữ thất thành chữ trật. Dù có mất chữ thất trong chữ trật thì lại có bông lúa tốt tươi (là chữ hoà), chữ trật có chữ thất và chữ hoà đại diện cho bông lúa xanh tức là lục trật. Ông ta được làm quan bậc sáu (lục trật).

Nguộc lại với những điều của chủ nghĩa thần bí, Vương Sung có thái độ phê phán nghiêm túc đối với hiện tượng đoán mộng. Tuy nhận thức của ông không thể vượt qua được điều kiện lịch sử đương thời, nhưng ông kiên trì thế giới khách quan và tính thực tại mà dựa vào sự quan hệ giữa hiện tượng mộng mị với các cơ quan cơ thể của con người. Ông chuyên chú theo dõi và nhấn mạnh về quy luật và nguyên nhân tự sinh của hiện tượng mộng mị và bối cảnh của giấc mộng.

Trước hết, trong cuốn sách "Luận hành" Vương Sung đã phê phán sự tuyên truyền cho thuyết "hồn hành" của những nhà đoán mộng đời Hán. Trong thiên "Ký yếu" ông viết : Nhà đoán mộng gọi giấc mộng là "hồn hành". Thế nào gọi là "hồn hành" Thiên Luận tư chỉ rõ: Người đoán mộng cho rằng tinh thần vận động, thay đổi cùng với người và vật ... Như vậy, linh hồn đã được coi như tinh thần của con người. "Hồn

hành" tức là tinh thần vận động. Theo quan điểm của các nhà đoán mộng, khi người ta ngủ, tinh thần rời khỏi thân xác mà đi hoặc gặp gỡ với người nào đó, hoặc tiếp xúc với vật nào đó. Nếu linh hồn lên trời sẽ có thể gặp Thượng đế. Cho nên nói : "Mơ thấy Hoàng đế tức là hồn lên trời". Tuy nhiên, khi người ta ngủ, thân thể xương thịt chưa động đậy thì làm sao tinh thần có thể xa rời thân thể mà đi?

Nhà đoán mộng cho rằng: Tinh thần đến cơ thể con người là biểu tượng của cát và hung. Tinh thần nói ở đây không phải là tinh thần của người nằm mộng mà là tinh thần ở ngoài người nằm mộng, tức Thượng đế, thần linh, hay của một người khác. Di thần hồn ngoại giới thông giao với thần hồn người nằm mộng cho nên người nằm ngủ mới có "hành" mà sinh mộng.

Trong "Tứ nguy" và "Luận tử" trong sách Luận hành, Vương Sung đứng trên lập trường duy vật, căn cứ vào "tinh thần dựa vào hình thể" quan điểm ở đời, không có tinh thần nằm ngoài thể xác, đã phê phán có hiệu quả những luận thuyết mộng và hồn đó. Phương pháp phản bác và phê phán của ông là dựa vào tham nghiệm sự thực và sự phân tích lôgic. Thiên "Luận tử" dẫn ra những giấc mộng làm ví dụ, cho rằng : Trong

giấc mộng nếu sát thương người khác hoặc bị sát thương, đều vô sự. Hoặc giả nói tinh thần của một người nào đó trông thấy Vương Sung mà Vương Sung không nhìn thấy, nếu trường hợp trên quả không phải là sự thực thì những điều thấy trong mộng chẳng qua chỉ là ảo ảnh mà thôi. Ông nói : "Người nằm mơ không thể tri giác được điều mình làm cũng như khi chết không biết lúc sống làm gì". Mộng của con người không thể tách rời hình thể của con người, "hồn hành" rời khỏi con người là không thể tồn tại được.

Lại như truyền thuyết nói về Tề Cảnh công phạt Tống, nằm mơ thấy Thành Thang và Y Doãn lên cơn thịnh nộ. Giác mộng này có niên đại quá xa xôi, không có cách nào dùng sự thực chứng minh. Vương Sung liền dùng phương pháp lôgic để phân tích. Sách "Tứ nguy biên, Luận hành" thuật lại một câu chuyện căn cứ vào ý kiến của người đoán mộng. Chuyện kể : Tề Cảnh công mang quân đi phạt Tống, qua Thái Sơn mơ thấy hai người đứng đang rất giận dữ. Công báo lại với Án Tử. Án Tử liền bảo : "Đó là tổ tiên của nhà Tống : Thành Thang và Y Doãn đó, Công ngỡ cho rằng đó là thần núi Thái Sơn. Án Tử nói : "Ngài ngỡ thì tôi xin nói về hình dạng Thành Thang và Y Doãn. Thang tóc dài, má có tóc mai... Công nói : "Đúng

nhu thế". Ân Tử bảo Thang, Thái Giáp, Vũ Đinh, Tổ Ất, là các bậc vua chúa lớn không thể không có con cháu. Nay duy có Tống mà ông lại phạt Tống nên Thang và Y Doãn tức giận. Xin hãy rút quân mà hoà với Tống. Công không nghe, cứ phạt Tống. Quả nhiên quân của Công bị hại. Thang và Y Doãn biết trước không muốn Cảnh công phạt Tống nên hiện ra giận dữ trong giấc mộng để ngăn cản. Cảnh công không nghe, quả nhiên kết quả không tốt lành.

Nhà đoán mộng cho rằng nước Tống là hậu duệ của người Ân. Nếu như Tống bị Tề diệt, Thành Thang và Y Doãn sẽ không có người cúng tế cho nên họ giận dữ. Với cái luận thuyết hoang đường này, Vương Sung chia mũi nhọn vào mà đề xuất: "Ân Tử tin mộng, nói hình dạng của Thang và Y Doãn". Cảnh công mà nghe lời Ân thì sẽ đúng. Tần thôn tính thiên hạ, làm cho Y Doãn tuyệt hậu. Cho đến về sau, Thang và Y Doãn không được tế kỵ. Chẳng là đáng giận hay sao? Ở đây, Vương Sung cho rằng: Tần Thuỷ Hoàng thôn tính thiên hạ, làm cho Thang, Y Doãn hoàn toàn tuyệt hậu, sao họ lại không tức giận trong mộng? Nếu linh hồn của họ hãy còn tồn tại thì sao họ không tỏ thái độ phản ứng? Giấc mộng của Tề Cảnh công căn bản không thể chứng minh được hồn của Thang và Y Doãn

tiếp tục tồn tại, cũng không thể chứng minh được tinh thần Tần Cảnh công lia thể xác mà gặp gỡ với hồn của Thang và Y Doãn.

Hơn nữa, Vương Sung phủ định cơ sở của luận thuyết "hồn hành", công khai phản đối nhà đoán mộng dùng mộng để phản ánh hiện tượng cát, hung. Quan điểm cơ bản của ông là không có quan hệ tất nhiên giữa mộng với hiện tượng hung cát của nhân và sự. Sự ứng nghiệm cá biệt của một số giấc mộng chẳng qua là "thích ứng mà gặp nhau".

Những nhà đoán mộng thời Luỡng Hán thường nhắc đến cái gọi là "Trực mộng" hoặc "Mộng trực ứng" để thuyết minh điềm của hung cát. Vương Sung chỉ ra trong cuốn "Luận hành": Sao lại biết được Giản Tử thấy vua mà lại không phải vua? Chỉ có đoán mộng mới biết được. Lâu đài, sơn lăng là hình tượng vị trí quan chức. Người mơ thấy lâu đài, sơn lăng sẽ được bố trí làm quan mà thực ra, lâu đài sơn lăng cũng không phải là thuộc về quan chức vậy... Như kiểu Giản Tử nhìn thấy vua mà cũng không phải Thiên đế. Người bề tôi mơ thấy gặp vua. Vua tất không gặp và không cần ban ân tứ gì. Lấy người bề tôi đoán mộng lại thấy (đoán mộng) vua có ban thưởng cho hai hòm. Đó lại không phải là Thiên đế, lời không phải là Thiên đế,

vậy nói là cùng trăm hồn di chơi ở Quân Thiên cũng không phải là trời. Lỗ Thúc Mục Tử mơ thấy trời đè lên mình. Như thế là trời đè xuống đất. Đè xuống đất sẽ nhìn thấy các lâu đài. Trời không kịp rơi xuống. Nếu kịp rơi xuống lâu đài sẽ bị phá tan. Lâu đài không bị phá tan tức là trời không ập xuống đất. Không ập xuống là không đè lên mình. Không đè lên mình tức là cái đè lên mình không phải là trời, chỉ là hình ảnh của trời. Thúc Tôn Mục Tử nằm mơ thấy trời đè xuống mình không phải là trời, sẽ biết Triệu Giản Tử rong chơi trên trời không phải là trời...

Có người nói : Người ta có trực mộng. Gặp Giáp thấy Giáp ngày hôm sau. Thấy vua, ngày mai sẽ thấy vua. Xin thua vâng. Người ta có trực mộng. Trực mộng đều là hình tượng, hình tượng trực tiếp. Sao lại biết được? Kẻ nằm trực mộng mơ thấy Giáp, thấy vua sẽ thấy Giáp và vua, vào ngày hôm sau. Đó là trực. Nếu hỏi Giáp và vua Giáp và vua không gặp thì việc mơ thấy gặp Giáp và vua chỉ là hình ảnh. Dù biết việc Giản Tử mơ gặp vua cũng là giống vua thôi. Đó là mộng của con người mà. Người đoán mộng bảo đó là hồn hành. Mơ thấy thượng đế tức là hồn lên trời vậy. Lên trời giống như lên núi. Nằm mơ thấy lên núi, chân trèo núi, tay túm lấy các loại cây mà lên. Lên

trời không dựa vào gì thì lên làm sao được? Đường lên trời xa vạn dặm. Người đi, một ngày được trăm dặm. Hồn và hình thể cùng đi còn chẳng nhanh được, huống chi hồn đi một mình thì đi nhanh làm sao được? Nếu hồn hành cũng như hình thể, thì Giản Tử lên trời phải mất bao nhiêu năm mà mơ bảy ngày đã tỉnh dậy. Sao lại nhanh làm vậy?

Ở đây, Vương Sung phê phán giản lược về giấc mơ của quan đại phu nước Tấn là Giản Tử mơ gặp Thượng đế, coi như tốc độ vận động của hồn bằng với tốc độ đi của hình xác thì việc lên trời và xuống của Giản Tử phải mất bao nhiêu năm mới tỉnh dậy được, mà sao chỉ có 7 ngày đã tỉnh dậy? Tại sao thời gian đi và về lại nhanh vậy? Mặt khác, Vương Sung thừa nhận có điều gọi là trực mộng. Nhưng ông cho rằng "trực mộng" là một loại "hình tượng" cũng như hình tượng của Giáp, của vua mà thôi.

Nhưng đêm qua mơ thấy Giáp, ngày hôm sau gặp Giáp thì mộng chẳng phải là điềm báo tiên triệu của sự việc ư? Mộng có cát, hung chẳng phải là điềm báo có cát, hung của sự việc sao? Về điềm này, trong cuốn "Thiên bốc phê, Luận hành" Vương Sung có sự giải thích tương đối khoa học : Bói rùa, chọn cơ thể, tự có vận số điềm báo, tự có điều hung cát. Mà hung

cát thích ứng thì gặp nhau... Người ta xem thiện ác, chẳng phải trời trả lời mà thiện ác hợp mà gặp nhau. Bói mộng và bói rùa cũng giống nhau, bói rùa nhìn những đường nứt và đường đi nhằng nhịt trên mai rùa có thể nói : "Người ta ở trên đời, không thể nào không làm việc. Sau khi đã làm việc, không thể không có điều hung, cát. Nhưng hung, cát biểu hiện ở số những triệu chúng và hung, cát của nhân sự là hai việc. Có lúc hai điều này nhất trí với nhau.

Đó chỉ là sự ngẫu nhiên gặp may mắn chứ không phải là điều biểu hiện ý chí của Thiên đế hoặc thần linh. Chẳng có liên hệ gì cả. Cũng cùng một đạo lý như vậy, nhà đoán mộng có thể chia hiện tượng mộng ra thành hung, cát. Nhưng hung, cát của hiện tượng mộng và hung cát của nhân sự lại hoàn toàn là việc. hung cát của nhân sự, có lúc "thích hợp mà gặp gỡ đúng" cũng nên. Tuy vậy chúng vẫn không có liên hệ với nhau.

Vương Sung cho là các vị làm việc chiêm, bói muốn đạt được "thuật của mình" nên chọn nói về các điều cát và có phúc phận trước. Nói đến điều hung và họa thì dần đo. Làm cho người sùng bái chiêm mộng không tin lắm và ngày cả người tin cũng thấp thỏm.

Điều thứ ba, Vương Sung không chỉ phê phán tinh hu ảo và sai trái của thuật chiêm bói mà còn

tiến hành nhiều tìm tòi có ích về các cơ chế sinh lý, bệnh lý của con người làm sản sinh ra các giấc mộng. Thật đáng coi làm trọng.

Ông viết : Ban ngày, khi lực mệt nhọc, tinh lực cạn, ban đêm buồn ngủ. Khi ngủ, ánh sáng mắt phản ngược lại. Tinh thần thấy hình tượng nhân vật. Với những người ốm cũng thế khi lực mệt nhọc, tinh lực cạn. Tuy mắt không ngủ nhưng ánh sáng mắt nhiều loạn khi ngủ. Do đó cũng nhìn thấy hình ảnh nhân vật. Có người ốm thấy ngủ mà như không ngủ, như là nằm mơ. Người đó tự có tri giác với mộng nên cũng thấy sự vật, không thấy quý và người. Đó là hiệu quả của tinh cạn, khí mệt. Sẽ ứng nghiệm với cái gì? Với người điên cuồng thì thấy quý, nói điên dại một mình, không tương đắc được với người lương thiện. Khi bệnh nguy, tinh bị loạn. Khi người bệnh phát điên cuồng ba lần sẽ bị tinh thần suy nhược. ánh sáng mắt trời phản chiếu nên chỉ một mình thấy hình ảnh của nhân vật.

Vương Sung khẳng định mộng có nguyên nhân từ sinh lý, bệnh lý như xác thịt bị "khí mới, tinh cạn" và "ánh sáng phản" trong cảm giác. Ngoài ra, ông còn chỉ ra có ba loại người sáng tạo ra quý thần : Loại thứ nhất là người trong mộng. Loại thứ hai là bệnh

nhân, loại thứ ba là người bị bệnh hoạn về tinh thần. Còn người bình thường, vì ban ngày làm việc khó nhọc, khi ngủ bị nằm mơ. Người cổ cho rằng khi con người ngủ, trạng thái tinh thần biến đổi. Họ bảo : "Ngoạ là hoá (Ngoạ, hoá dã). Tinh khí thay đổi, không giống như khi thức. Tri thức về sinh lý đương thời không có thể làm cho Vương Sung có thể hiểu rõ nguồn gốc của việc giải mộng. Cho nên Vương Sung chỉ giản đơn cho rằng nằm mơ là phản chiếu của ánh sáng nơi mắt phát sinh ra ảo ảnh. Theo ý kiến của Vương Sung, người nằm mơ nhìn thấy người chết, liền gọi là quý thần. Vương Sung cũng cho rằng loại người thứ hai và thứ ba sáng tạo ra quý thần khi có ảo giác khí tinh thần. Vương Sung muốn đi từ hiện tượng tâm lý và tinh thần để giải thích vấn đề nguyên nhân sản sinh ra mộng và quý thần gặp trong giấc mộng. Đó thật sự là quan điểm duy vật tuyệt vời.

Trong "Thiên Đỉnh quý, Luận hành " : Ông viết :
 tinh lực ý niệm tồn tại trong ý tưởng, hoặc tiết ra mắt hoặc tiết ra miệng, tiết ra tai... Tiết ra mắt, mắt thấy hình. Tiết ra tai, tai nghe tiếng. Tiết ra miệng, miệng nói ra sự việc. Ban ngày nhìn thấy quý, ban đêm ngủ nằm mơ nghe thấy tiếng. Một mình ngủ trong phòng, hơi có chút sợ hãi, sẽ mơ thấy yêu quái vùn vào thân

phận mình rồi khóc than. Gọi là "tĩnh niệm" tức là có một tư niệm về tinh thần. Sách Thuyết văn phối : "Niệm thường tu (nghĩ) dã (niệm là ý nghĩa thường xuyên trong lòng). Tưởng có hai hàm nghĩa. Một là tưởng tượng, hai là hy vọng. "Tồn tưởng" luôn luôn hồi hộp nghĩ đến một vật gì đó.

"Tĩnh niệm" tất dẫn đến có "tồn tưởng" mà "tĩnh niệm tồn tưởng" nhất định phải tiết lộ ra ngoài, biểu hiện ra ở ngũ quan và ngôn ngữ. Ban ngày có thể là như nhìn thấy quý. Ban đêm sẽ mơ thấy điều mà ban ngày luôn nghĩ tới. Những giấc mộng do "tĩnh niệm tồn tưởng" dẫn tới gần giống với "tu mộng" trong "lục mộng" ở sách Chu Lễ. Nhưng từ những thí dụ đưa ra trong Chu Lễ ta lại thấy gần với "cụ mộng" (mộng sợ hãi) trong 6 loại trên. Thí dụ như có người ở trong phòng rộng rãi một mình, ban ngày tâm lý sợ hãi, ban đêm sẽ mơ thấy yêu quái đè lên thân mình mà khóc.

Tuân Tử đã từng nói : : Lòng nghi ngờ sinh ra ám quý". Ông thử và cố gắng giải thích điều nghi hoặc gặp tà quý. Về vấn đề này, Vương Sung cũng giải đáp. Trình độ sâu sắc của Vương Sung vượt qua Tuân Tử nhiều. Vương Sung giải thích việc sản sinh ra giấc mộng có nguyên nhân từ tâm lý và đồng thời ông cũng bác

trần bộ mặt nguy trang của các nhà đoán và chiêm mộng và ông xây dựng một hệ thống lý luận duy vật

Vương Sung cũng thừa nhận rằng ý nghĩa của nằm mộng là rất khó giải thích. Câu này tuy nói trước đây hơn hai nghìn năm, mà cũng qua hơn hai nghìn năm rồi, các triết gia cổ, kim, đông tây cố gắng thăm dò sự thật của giấc mộng, nghiên cứu nó không ngừng. Tuy có lý luận phân tích với tinh thần sáng tạo của Freud và thu được một sự tiến triển to lớn, nhưng hãy còn nhiều điều mờ mịt nan giải. Chúng ta chờ đợi nhiều nhà nghiên cứu có tinh thần như Vương Sung phê phán và làm sáng tỏ mê tin đoán mộng cũng như mở ra bức màn bí mật về giấc mộng.

- XI -

VƯƠNG PHÙ BÀN VỀ MỘNG

Vương Phù là nhà tư tưởng tiến bộ thời kỳ cuối Đông Hán. Sự tích bình sinh của ông không khảo cứu được tường tận. Ông sinh vào khoảng giữa Hoà đế và An đế đời Đông Hán, mất vào khoảng giữa Hằng đế và Linh đế. Niên đại hoạt động của ông là vào trước cuộc khởi nghĩa Hoàng Cân.

Lúc đó, xã hội có nhiều mâu thuẫn nghiêm trọng. Triều chính mục nát, đen tối. Bọn quý tộc, địa chủ, cường hào tham ô, bạo ngược. Lại thêm tai hoạ liên miên làm cho xã hội càng lung lay, chao đảo. Người dân không sống nổi. Vương Phù nghĩa khí không bằng lòng với thời thế. Cả đời không làm quan chỉ ở ẩn và đọc sách, viết sách, bình luận thời chính. Ông viết ra bộ "Tiềm phụ luận" gồm mười cuốn và 36 tập. Đại bộ phận sách là thảo luận và chính luận về thuật trị quốc an dân và văn chương. Một số dành cho vấn đề triết học thần bí. Do đó, ta biết vũ trụ luận của Vương Phù thuộc nhị nguyên luận. Ví dụ như ông bàn về đoán

mộng, bốc phệ, phù chú, xem tướng và các hoạt động mê tín khác. Tuy ông thừa nhận thiên mệnh nhưng đồng thời ông rất coi trọng tác dụng năng động của những người tu thân và hành động cần thận. Vì ông có những nhận thức độc đáo về đoán mộng, quan điểm của ông về đoán mộng có một ảnh hưởng và địa vị nhất định trong lịch sử đoán mộng của Trung Quốc. Chúng tôi thuật lại dưới đây tư tưởng về vấn đề đoán mộng của ông.

1 - PHÂN LOẠI CÁC GIÁC MỘNG

Trong "Tiềm phụ luận mộng liệt", ông phân chia ra mười loại mộng và bảo: "Về mộng có trực, có tượng, có tinh, có tướng, có người, có cảm, có thời, có phản, có bệnh, có tỉnh". Trực chỉ tượng mộng, tức mộng có ứng nghiệm trực tiếp. Tượng chỉ tượng mộng, tức mộng có hình tượng là điềm báo. Tinh chỉ tinh mộng, tức mộng có hình tượng của thần. "Tướng" chỉ tướng mộng tức giấc mộng có ghi nhớ. "Nhân" chỉ nhân mộng tức giấc mộng về địa vị của người. "Cảm" tức mộng cảm ứng với khí. "Thời" chỉ thời mộng tức giấc mộng cảm ứng với thời gian. "Phản" là phản mộng. "Bệnh" chỉ mộng bệnh tức là mộng về bệnh. "Tỉnh" chỉ mộng về tỉnh tỉnh.

Vương Phù lại giới thiệu về đặc trưng của 10 loại mộng. Gọi là "trực" mộng nghĩa là trước tiên có mộng đã rồi sau đó mới sai lệch gọi là trực. Gọi "tượng"

là có số sánh hình tượng. Tập trung điều tâm niệm với sự chú ý cao gọi là "tinh". Ban ngày suy nghĩ điều gì, ban đêm nghĩ đến điều đó chột cát chột hung. Không tin thiện và ác gọi là "tuồng". Quý, tiện, hiền, ngu, nam nữ, lớn nhỏ gọi là "nhân". Phong, vũ, hàn, thử gọi là "cảm". Ngũ hành, vương tướng gọi là "thời". Cục âm là cát, cục dương là hung gọi là "phần". Quan sát bệnh và mộng gọi là "bệnh". Tâm tình tốt hoặc xấu, sự việc có nghiệm gọi là "tính"

Tuy Vương Phù không phải là nhà đoán mộng. Nhưng ông phát biểu về đoán đại lược rõ ràng, bao gồm cả hiện tượng nội dung mê tín đoán mộng. Ông lý giải về trực mộng : Quan sát hành và sự, chiêm nghiệm thành khẩn. Ông đưa ví dụ Chấn Đại Thúc nằm mơ thấy Thượng đế cho biết là Thượng đế mệnh cho con Đại Thúc là Ngu ban cho đất Đường. Khi đứa trẻ được sinh ra, bàn tay có chữ ngu nên được đặt tên là Ngu. Khi Thành vương diệt nhà Đường, Ngu được phong ngay. Đó là "trực mộng". Truyện này tựa hồ như ứng thuộc vào kiểu mộng trực ứng. Thượng đế nói thật rõ ràng. Sau đó phát hiện vân tay người được ứng mộng có chữ Ngu để làm chứng cứ. Nhưng thực tế, loại trực mộng này cũng chỉ là một sự phụ thêm vào, a dua vào.

Khổng Dĩnh Đạt đời Đường cung cấp một chứng cứ tham khảo: Loại chữ Lệ bắt đầu có từ cuối đời

Tần, hoa vân tay tất phải là chữ viết theo kiểu Lệ. Chữ Ngu theo cổ văn viết ngoằn nghèo giống như vân tay. Cho nên chúng ta không nên tin rằng chữ Ngu lạc trong vân tay là do Thượng đế khắc cho. Ngay cả những lời thượng đế phán trong câu chuyện khó mà tin được.

Hơn nữa, Vương Phù thuật giảng về "tương mộng", "phản mộng" với một sắc thái mê tín đậm đà. Khi giảng về "cảm mộng", "thời mộng", "bệnh mộng" thì lại chú ý đến đặc trưng nguyên nhân về sinh lý và bệnh lý có ảnh hưởng đến giấc mộng. Khi bàn về "tinh mộng", "tưởng mộng", và "tính mộng" lại nói về nguyên nhân và đặc trưng tâm lý thần kinh tham dự vào giấc mộng. Khi nói đến "nhân mộng" lại nhấn mạnh, sự liên hệ giữa giấc mộng với địa vị, trí năng, tính biệt, tuổi tác của người nằm mộng. Những cách nhìn đó đều có những lý lẽ khoa học nhất định.

2. NGUYÊN NHÂN SINH LÝ, BỆNH LÝ CỦA MỘNG.

Trong 10 loại giấc mộng vừa nói tới, Vương Phù cho rằng 3 loại giấc mộng là "Cảm mộng", "Thời mộng" và "Bệnh mộng" chủ yếu là do nguyên nhân sinh lý và bệnh lý dẫn tới.

Ông đưa ra đặc điểm "cảm mộng" : mộng mưa và u ám làm cho người ta ghét mà không tỉnh táo ; Mộng ứng hạn làm cho loạn ly ; Mộng gió lớn làm cho người ta bay bổng. Những cái đó thuộc về "cảm

mộng". Vậy, cảm mộng là giấc mộng cảm ứng với khí. Các loại mộng mưa, tối, nắng, hạn, đại hàn, đại phong... nói trong Y học và triết học Trung Quốc cổ đại ở đây thuộc vào phạm trù của "khí". Những "khí" này kích thích vào thân thể người ngủ và làm cho người ta "cảm". Khi cảm sẽ sinh hoàn cảnh hoặc hình tượng giấc mộng ghét mà không tỉnh táo, loạn ly, oán và bi, bay bổng v.v... cho nên Vương Phù giải thích : Phong, vũ, hàn, thử gọi là "cảm". Tác phẩm nổi tiếng của y học cổ đại Trung Quốc "Linh khu - dâm tà phát mộng" có bàn về "dâm tà" và "chính tà" trên thực tế là trở về ngoại khí. Những ngoại khí đó tập kích vào con người, tất có "cảm ứng".

"Cảm mộng" của Vương Phù, một mặt có ảnh hưởng của y học, một mặt có được kinh nghiệm của cuộc sống. Chịu ảnh hưởng quan niệm về "cảm mộng" của Vương Phù, hậu thế ghi lại nhiều thí dụ về cảm mộng. Đàm Thiệu đời Ngũ Đại trong "Hán thư đạo hoá" "Cuồng phong nổi lên, hồn phách bay theo mộng". Viên Văn đời Tống có ghi trong sách viết: "Ứng dữ nhân bình". Một đêm, ông bỗng mơ thấy nửa thân thể của ông bị chặt ngâm chìm trong nước. Nửa thân chôn cắm vào đất. Sau khi tỉnh mộng, nghĩ lại, thấy dê rất lạnh, ông kéo chân từ nửa phần thân trên xuống nửa thân dưới, nửa thân trên bị lạnh. Cho nên mơ thấy bị dìm xuống nước. Cả cái chân dê lên nửa thân dưới nên mơ thấy bị chôn vùi vào đất. Cho nên người ta

thường nói "Lạnh' mộng thấy nước, nắng mộng thấy lửa". Đó là do cảm ngoại khí mà ra.

Với "thời mộng" Vương Phù bảo : Xuân mộng nẩy nở, hạ mộng cao và sáng, thu đông mộng chín và đầy. "Đó gọi là thời mộng". Mùa xuân là mùa muôn vạn cây cỏ phát sinh. Mùa hạ trời cao mà sáng. Thu, đông thì ngũ cốc chín, được thu hoạch và tàng trữ cất đi. Do đó, là một loại phản ánh thời tượng. Vương Phù cho rằng : "Xuân hạ mộng sinh trưởng, thu đông mộng tử thương". Đó là "thuận thời". Ông lại nói thêm : "Ngũ hành vương tướng vị chi thời". Thế là rơi vào mô thức của thuyết "Ngũ hành". Điều hợp lý của quan điểm này là ở chỗ nó chú ý đến ảnh hưởng của thời tượng với mộng tượng và sự liên hệ giữa mộng tượng với thời tượng. Nhưng nếu nhất định phải nói : Xuân mộng mộc, hạ mộng hoả, thu mộng kim, đông mộng thủy như vậy rõ ràng là quá giản đơn hoá nguyên nhân và hình tượng của mộng vốn rất đối phức tạp. Đồng thời ở đây, Vương Phù cũng không giải (thích) "ngũ hành vương tướng" có ảnh hưởng gì cụ thể đến hình tượng giấc mộng, làm cho mọi người thấy hăng hực khó hiểu.

Cần khẳng định ảnh hưởng của thời tượng đối với hình tượng giấc mộng. Nhưng trong một mùa, thời gian rất dài, thiên nhiên và cuộc đời xung quanh không ngừng biến đổi. Chẳng ai có thể chỉ mơ thấy một giấc

mộng mải. cho nên "thời mộng" đơn thuần sẽ ít thấy và những thí dụ về thời mộng cũng rất khó tìm.

Thế nào là "bệnh mộng"? Vương Phù giải thích: bệnh dương mộng thấy lạnh, bệnh âm mộng thấy nóng, nội bệnh thì mộng loạn, ngoại bệnh thì mộng phát, mộng của bách bệnh hoặc tán hoặc tụ. Từ ngữ "bệnh mộng" là do Vương Phù nêu ra đầu tiên nhưng lúc này một số các danh tác y học như "Nội kinh" bàn về các mộng thịnh suy, hư thực của tạp khí trên thực tế cũng đều chỉ "bệnh mộng". Trong cuốn "Mộng liệt" Vương Phù nói: "Quan kỳ sở tật, sát kỳ sở mộng" gọi là bệnh. Do đó, chúng ta có thể thấy sự khái quát "bệnh mộng" của Vương là từ nền y học cổ của Trung Quốc mà ra. Dương thịnh, dương suy, dương thực, dương hư... đều là dương bệnh. Âm thịnh, âm suy, âm thực, âm hư... đều là âm bệnh. Dương bệnh có thể mộng hàn. Âm bệnh có thể mộng nhiệt. Âm bệnh cũng có thể mộng hàn hoặc mộng nhiệt. Vương Phù cho rằng bệnh có thể dẫn đến mộng. Bệnh khác nhau sẽ dẫn đến mộng khác nhau. Quan điểm cơ bản này đáng được khẳng định.

3 - NGUYÊN NHÂN TÂM LÝ TÍNH THẦN CỦA MỘNG.

Bệnh đã có nguyên nhân sinh lý và bệnh lý, đồng thời cũng có nguyên nhân về mặt tâm lý tính thần. Đối với tâm lý tính thần, cổ nhân đã luận thuật từ sớm. Thận Đáo Tăng thời Chiến quốc nói: Ban ngày

mà vô sự thì ban đêm không có mộng. Nghĩa là ban ngày không có ấn tượng do các loại hoạt động sản sinh ra hoặc không cảm thụ một số hoạt động nào đó, không có hoạt động tâm lý tương ứng thì sẽ không thể sản sinh ra cảnh, tình và hình tượng giấc mộng tương ứng. Ngược lại, ban ngày "có sự" tức là nhìn thấy, nghe thấy một sự tình nào đó và có một sự cảm thụ sâu sắc. Ban đêm, những cái đó phản ánh trong giấc mộng. Hoạt động tâm lý ban ngày có thể chuyển hoá thành hoạt động của mộng tượng sinh hoạt ban đêm ở một trình độ nhất định.

Tuy vậy, thể nghiệm vẫn cứ là thể nghiệm. Theo yêu cầu của khoa học vẫn phải giải thích nguyên nhân của thể nghiệm đó bằng lí luận khoa học.

Trong cuốn "Mộng liệt" vương Phù nêu rõ nguyên nhân và cơ chế tâm lý tinh thần của mộng. Khi bàn đến "tĩnh mộng", "tuông mộng" và "tính mộng", ông nêu rõ ba loại mộng này không phải do yếu tố ngoại giới chiêm ngòi mà chủ yếu là do yếu tố tâm lý tinh thần dẫn đến.

Về "tĩnh mộng", Vương Phù giải thích: "Khổng Tử sinh ra trong thời loạn lạc. Ngày nghĩ đến đức của Chu công, đêm mơ đến điều đó. Như vậy là "tĩnh mộng". Tĩnh là "ngưng niệm chú thần" là chăm chú tinh thần và tâm niệm thường ngày. Khổng Tử sùng bái Chu công về "chế lễ, tác nhạc". Cả ngày nghĩ đến "phục

lẽ" để cứu thiên hạ nên luôn mơ đến những truyền thuyết về Chu công. Cái kiểu chăm chú tinh thần vào tâm niệm trên mặt tinh thần này phải là trạng thái bệnh tật. nếu ta đối chiếu với 6 loại giấc mộng đề ra trong "Xuân quan, Chu Lễ" thì cái kiểu "chăm chú tinh thần vào điều tâm niệm" thuộc vào loại "tu mộng".

Thế nào là "tu mộng" Vương Phù chỉ rõ:

Người ta có điều nghĩ (tu) sẽ mơ thấy điều đó. Có điều ưu tư, sẽ mộng tới điều đó. Ông bảo ban ngày có điều suy nghĩ, ban đêm mơ thấy điều đó gọi là "tuồng". Giống như trên đã nói, điều đó ăn khớp với câu : "ban ngày vô sự, ban đêm không có mộng". Đương nhiên người có "sự" tất có "tu". Không có "sự" sẽ không có "tu". "Tuồng mộng" là điển hình của "tu mộng". Nhưng có "ưu" sẽ mơ điều lo lắng, nó thuộc về loại "cụ mộng" (mộng việc sợ hãi) trong "chu Lễ".

Về "tính mộng", Vương Phù cho rằng : "Tâm tình con người tốt và ác không giống nhau. Lúc là cát, lúc là hung... Đó là "tính mộng". Tâm tình tốt và ác sẽ có điều nghiệm với nó gọi là "tính". Trước Vương Phù chưa có ai nghiên cứu về "tính mộng". Mọi người chỉ đề cập đến trạng huống tâm lý người nằm mơ, nhưng không nói về nguyên nhân của giấc mộng, nói về thái độ về giấc mộng của người nằm mơ.

Không còn nghi ngờ gì nữa. "tỉnh mộng", "Tuồng mộng" và "tỉnh mộng" là do nguyên nhân tâm lý tinh thần gây ra. Nhưng, cũng phải thấy "tuồng" và "tư", "tính" và "niệm" đều có hai lớp tính. Cho nên đối tượng cũng có hai lớp tính. Ban ngày, người ta "nghĩ", "tuồng", "niệm" đến những sự mà chính người đó đã nghe và nhìn thấy từ khi trước, cũng có thể là chưa từng nghe thấy hoặc trông thấy. Do vậy, hình tượng giấc mộng có thể là những "sự" ấy đã tái hiện lại trong giấc mơ mà cũng có thể biểu thị những sự chưa từng nghe hoặc nhìn thấy một cách huyền ảo, không thể coi nhất loạt như nhau.

4 - PHÊ PHÁN SỰ ĐOÁN MỘNG CÁT, HUNG

Phân tích mộng cảnh, rồi đoán điều hung, cát là nội dung chủ yếu của đoán mộng.

Chúng tôi cho rằng khi cuốn "Hoàng đế nội kinh" ra đời, đã phân tích hình tượng giấc mộng, phân tích về mặt sinh lý nguyên nhân giấc mộng về ban đêm. Điều này cũng có một tác dụng nhất định. Nhà triết học duy vật nổi tiếng đầu đời Đông Hán là Hoàn Đàm cũng tìm về cấu tạo nguyên nhân sinh ra giấc mộng. Ông cho rằng người động não quá độ sẽ có ác mộng, còn có thể sinh bệnh nữa. Ông nêu thí dụ : Triệu Chiêu Nghi Được hán Thành đế vời đến để làm phú (thơ, phú). Nàng nghĩ đi nghĩ lại rồi cũng viết xong bài phú. Lúc này, nàng đã quá mệt mệ bèn ngủ thiếp đi. Vừa

ngủ đã mơ màng đi vào giấc mộng. Nàng mơ thấy ngũ tạng của mình rơi là tả trên mặt đất, liền hốt hoảng cầm lấy những khúc ruột của mình nhét vào bụng. Tỉnh dậy kêu gào một lúc thì sinh bệnh ốm hơn một năm mới khỏi. Do đó có thể thấy suy nghĩ quá nhiều là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến ác mộng hay là bị ốm, chú không phải như nhà đoán mộng bảo rằng điều trong giấc mộng dẫn đến sinh bệnh. Nhà vo thần học Vương Sung đời Đông Hán cũng cho rằng : Nếu ban ngày quá mệt nhọc, khi mới tỉnh tận thì đêm ngủ sẽ phát sinh ra hiện tượng ánh sáng mắt phản ngược lại và nhìn thấy sự hoạt động của mình lúc ban ngày, rồi thành mộng. Người bị bệnh cũng phát sinh hiện tượng như vậy. Người được nhìn thấy trong giấc mơ không thể tự biết được. Đó là phản ánh của sự khi mới tỉnh tận, chú không phải là triệu chứng của cát, hung.

Vương Phù kế thừa tư tưởng của Hoàn Đàm và Vương Sung. Ông phê phán mê tin đoán mộng. Ông cực lực phản đối cái kiểu nói rằng trong giấc mơ nhận được sự gợi ý, mạch bảo của quý thần rồi tìm cách cầu cát trừ hung. Ông bảo : Mộng tao ra lúc bối rối và mệt rồi mơ hồ đi vào giấc ngủ. Không thể tin vào mộng. Ban ngày, người ta làm việc có lúc còn làm không được. Hướng chi, trong giấc ngủ tinh thần hoảng hốt biểu hiện ra một trạng huống thì làm sao mà coi là căn cứ giúp cho hành động. Ông chủ trương không nên chú ý đến điều hung cát trong giấc mộng. Chi

nên hành sự cẩn thận. Tự mình sẽ làm cho điều hung trở thành cát. Vương Phù đưa ra những thái độ không giống nhau về giấc mộng trong lịch sử để thuyết minh quan hệ giữa hiện thực và giấc mộng.

Ông nói : Ngày xưa, mẹ của Chu Văn vương là Thái Tụ mơ một giấc "cát" mộng lớn. Sau khi Chu Văn vương biết tin, ông không vì điềm mộng đại cát đó mà làm việc bừa bãi. Ngược lại, ông chú ý làm việc cẩn thận, nghe điềm mừng như việc lo lắng, làm việc hết sức mình. Cuối cùng, ông xây dựng được nền tảng triều đạ nhà Chu.

Ngược lại theo Tấn Ngũ trong sách Quốc ngữ, Quốc công nằm mơ thấy ông đang ở tôn miếu nhìn thấy một vị thần mặt có lông trắng, hai tay đầy móng vuốt như hổ. Khi nhìn thấy, ông sợ hãi, định bỏ chạy. Thần gọi Quốc công lại mà bảo : Người không phải chạy. Thượng đế ra lệnh cho nước Tấn tiến vào nước người. Quốc công bái thần rồi tỉnh giấc. Sau đó, Quốc công gọi Thái sử đến đoán mộng. Thái sử nói : Thần nhân trong mộng là thần ở Tây phương, chuyên quản về hình phạt. Giấc mộng này không cát. Quốc công nghe không vui, bèn cho Thái sử vào tù và lệnh cho toàn quốc ăn mừng cát mộng, tưởng có thể chuyển họa thành phúc. Đại phu Đán Chi Kiêu thấy thế, liền bảo: "Quốc công vốn kiêu sa vô độ. Nay lại bắt quốc dân ăn mừng. Chẳng đáng thẹn lắm ru".

Nếu như vậy, Vương Phù dùng thí dụ này để thuyết minh không có gì gọi là hung, cát. Tất cả quyết định ở mình có dùng chính đạo hành sự hay không.

5 - SÁCH "TIỀM PHU LUẬN - MỘNG LIỆT"

Sách "Tiềm phu luận" của Vương Phù, nhà xuất bản HỒ Hải tùng thư có lời chú thích của Ông Kế Bồi đời nhà Thanh là hoàn thiện hơn cả xưa, được coi là "dẫn chứng rõ ràng ý vị thâm thúy". Gần đây, một số học giả phát hiện ra ở đời Minh Vạn Lịch có bộ "Quy vân liệt". Chúng tôi xin giới thiệu toàn văn của chương trong tiềm phu liệt luận có tham khảo và bổ cứu từ nhiều cuốn sách : Phạm gọi là mộng, có trực, tượng, tình, tưởng, nhân, cảm, thời, phản, bệnh, tính...

Ngày xưa, Vũ vương mơ thấy Thượng đế nói với mình : Mệnh cho con người là Ngu và cho nó đất Đường. Khi đứa con đẻ ra trên lòng bàn tay có chữ Ngu nên lấy Ngu làm tên. Khi Thành Vương diệt nhà Đường, Ngu bèn được phong đất này... Đó là trực mộng. Kinh Thi có câu : "Gặp gấu là điềm sinh con trai, gặp rắn là điềm sinh con gái, gặp cá được mùa, xóm làng đông vui...". Đó là hình tượng của mộng. Khổng Tử sinh trong thời loạn, ngày nghĩ tới công đức của Chu công, đêm mơ thấy Chu, gọi là mộng ý tinh. Chuyện bây giờ là quý nhân mộng lành, tiện nhân mộng yêu quái, quân tử mộng vinh hoa, tiểu nhân mộng nhục nhã. Đó là nhân

vi. Tấn Văn công trong trận đánh nhau ở Phác Thành, mơ thấy Sở Tử mai phục, muối ngập tới ngực. Đó là mộng đại ác. Nào ngờ khi lâm chiến lại thắng. Đó gọi là mộng phản cục. Mộng mưa gió âm u làm cho con người loạn ly. Mộng đại hàn làm cho người ta oán giận và bi thương. Mộng gió lớn làm cho người ta phiêu bạt. Đó là cảm mộng khí. Xuân mộng nảy nở ; hạ mộng cao và sáng, thu đông mộng chín và đầy. Đó là thời mộng. Âm bệnh mộng hàn. Dương bệnh mộng nhiệt. Nội bệnh mộng loạn. Ngoại bệnh mộng phát, mộng bách bệnh, hoặc tán hoặc tụ là mộng khí. Tâm tình con người ta không giống nhau. Hoặc là cát, hoặc là hung. Gọi là mộng tính tình...

Cho nên, trước tiên phải có mộng sau mới không có sai lệch. Đó là trực mộng. So sánh hình ảnh thấy tương tự gọi là tượng mộng. Ngưng niệm chú thần gọi là tinh mộng. Ban ngày suy nghĩ, ban đêm mơ điều suy nghĩ đó, lúc lành lúc dữ gọi là mộng tướng. Nam nữ, trưởng, thiếu là nhân, Phong, vũ, hàn, thử thuộc về "cảm". Ngũ hành vương tướng là "thời". Âm cục là cát, dương cục là hung. Gọi là phản mộng. Xem tất xét mộng, gọi là bệnh. Tâm tình lành ác, nghiệm với việc, gọi là tính. Phàm tất cả có 10 loại này đại lược của đoán mộng vậy.

Còn quyết định điều cát, hung phần lớn không kể đến loại của mộng. Nguyên nhân vì sao? Có phải vì người

thức là dương, người ngủ là âm vì âm dương tương phản ư? Nếu như nằm mộng gặp điều cát mà trong lòng mình có ý vui vẻ phát ra tâm tình vui vẻ thì đó là điều cát thực sự. Nếu gặp điều hung, có ý sợ hãi và lo lắng, sẽ có tâm tình ưu thương bị đát. Do đó gọi là xuân hạ mộng sinh trường, thu đông mộng bị thương.

Đại thể quan sát giấc mộng : trong sạch, tươi mới, cứng cáp mạnh mẽ, cây cối tươi xanh, cung thất gọn gàng, đàn ông, khai thông, quang minh, ấm áp, có hướng đi lên... đều là cát hỷ, mưu sự tất thành. Bẩn thiu, mục nát, khô khan cằn cỗi, nghiêng về tà khí, ngột ngạt không yên, bế tắc, u muội, tan tác, xuống dốc... đều thuộc về ác mộng, làm việc không thành, Ngây thơ, múa diên đại... là hình tượng trẻ con chơi các trò... thuộc về hiện tượng buồn cười, vui... Đại loại là như vậy.

Có nhiều giấc mộng rất rõ rệt nhưng không đoán được, có giấc mộng rất tinh vi mà lại rất ứng nghiệm, sao vậy? Là vì người nằm mộng không hiểu nên không nói ra cho người đoán.

Người trải qua nhiều việc, bắt tay vào mà làm có khi còn không thuận hướng hồ giấc mộng tạo trong khi hoảng hốt. Duy có thần linh gợi ý mới đoán được.

Người được đoán mộng cũng phải quan sát biến cố của giấc mộng, thăm tra triệu chứng, khảo xét tình ý, khảo vương tướng để so sánh điều thiện ác.

Phàm người mong mọi điều tốt, tu đức sẽ thành công, có phúc. Thấy điều tốt mà bỏ qua thì phúc chuyển sang họa. Người gặp điều yêu quái mà biết đề phòng, có thể chuyển họa thành phúc. Như chuyện Thái Tỉ có cát mộng mà Văn Vương không báo với quần thần làm lễ bái cát mộng. Ngài tu tĩnh, đề phòng, coi hỷ sự như ưu sự. Nên đã làm thành chữ "cát" cho thiên hạ. Còn Quắc công thấy mình có được cát mộng theo ý của mình, bỏ tù sử quan, bắt toàn dân ăn mừng, coi ưu sự như hỷ sự. Cho nên giấc mộng trở nên hung và bị tiêu vong cơ nghiệp.

- XII -

**CHÂU TUYÊN ĐOÁN MƯỜI
TRÚNG CHÍN**

Châu Tuyên là nhà đoán mộng thế tục nổi tiếng thời kỳ Tào Ngụy đời Tam Quốc. Tiếng tăm ông lừng lẫy trong xã hội đương thời. Sách "Tam quốc chí - Ngụy thư" ghi lại : Suốt đời, Châu Tuyên là chiêm bói chuyên nghiệp. Ông rất nhanh nhẹn và khéo biện bạch. Ông có thể đoán mười trúng chín cho mọi người. Khi ông đoán mộng, không chỉ có lớp bình dân phổ thông rất sùng kính mà cả những lớp người thuộc vương công quý thích cũng rất tin tưởng vào thuật đoán mộng của ông.

Châu Tuyên tự là Khổng Hoà, người nước Ngụy ở Lạc An (nay thuộc Sơn Đông) khi ông làm quan Đô Sứ, thái thú Dương Bái nằm mơ thấy có người bảo ông : "Bát nguyệt nhất nhật Tào công đương chí, dĩ dũ quân trượng, ẩm dĩ tửu được" (Mộng 1 tháng 8 Tào công sẽ đến, tất sẽ cùng ngài uống rượu thuốc.

Ông phái người đến tìm Châu Tuyên đoán cho giấc mộng này. Lúc này là lúc có giặc Hoàng Cân khởi nghĩa. Châu Tuyên đoán rằng : "Phu trượng khởi nhược giả, được trị nhân bệnh, bát nguyệt nhất nhật, tặc tất trừ diệt" (giúp đỡ kẻ yếu cũng như lấy thuốc trị cho người bệnh, mồng 1 tháng 8 giặc sẽ diệt được). Đến ngày mồng một tháng tám, quân Hoàng Cân bị Tào Tháo đánh tan". Rất nghiệm !

Nguy Văn đế Tào Phi nghe mong manh tên Châu Tuyên, chưa lấy làm tin, bèn tự mình thử xem sao. Một hôm Tào Phi hỏi Châu Tuyên : "Ngô mộng điện thất lưỡng ngoạ đoạ địa, hoá vi song uyên ương" (Ta mộng thấy ở trong điện có hai viên ngói rơi xuống đất biến thành đôi chim uyên ương). Thế là thế nào? Châu Tuyên đáp : "Hậu cung đương hữu bạo tử giả" (ở hậu cung sẽ có người bạo tử). Phương pháp đoán, giải thích của ông là phương pháp dùng tượng trưng. Song uyên ương (hai con uyên ương) là biểu trưng cho nam nữ thanh niên. Còn lưỡng ngoạ đoạ địa (hai viên ngói rơi xuống đất) là tượng trưng cho tử vong. Vậy thì, "điện thất" tự nhiên là tượng trưng của hoàng cung. Nhưng Văn đế lại bảo là giấc mộng giả mà ông tự đặt ra. Châu Tuyên đáp : Mộng là ý tưởng của người, Nếu nói cái cách nghĩ đó ra, sẽ lộ rõ điềm của hung và cát". Câu chuyện nói chưa xong, đã có người đến bẩm báo trong cung có người tự sát. Quả bói của Châu

Tuyên ứng nghiệm chi là ngẫu nhiên. Ông gộp ảo giác của người nằm mơ với ý tưởng của người trong trạng thái tỉnh lại làm một mà đoán là sai.

Tiếp theo sau, Tào Phi lại hỏi Châu Tuyên : "Ngã tác dạ mộng thanh khí tự địa thuộc thiên" (đêm qua ta nằm mơ thấy khí xanh từ đất bốc lên trời). Nghĩa lý ra sao? Châu Tuyên nói : "Thiên hạ đương hữu quý tử oan tử" (Thiên hạ sẽ có người quý nữ chết oan). Cũng là dùng phương pháp tượng trưng. Coi từ ngữ "thanh khí" (khúc xanh) như tượng trưng cho "quý nữ tử"(quí nữ). Còn "tự địa thuộc thiên" (từ đất bốc lên trời) là hình tượng tử vong. Lần bói trước, Châu Tuyên không chế không gian nơi "hậu cung", thời gian hạn chế. Lần bói này, Châu Tuyên mở rộng không gian ra cả thiên hạ, thời gian không hạn chế, cho nên bói, đoán mộng như Châu Tuyên đương nhiên là chiêm 10 trúng chín.

Cuối cùng, lại hỏi Châu Tuyên : "Ta mài nét khắc trên đồng tiền để nó mòn đi nhưng nó lại càng sáng lên. Thế là thế nào? "Châu Tuyên không nói gì. Tào Phi lại hỏi, Châu Tuyên mới nói : "Từ khi bệ hạ thu xếp việc trong nhà, tuy bệ hạ có mong muốn, nhưng Thái hậu không nghe, tức là nét khắc trên mặt đồng tiền không bị diệt mà càng sáng lên". Ở quê bói này vừa dùng phương pháp phân tích tâm lý lại vừa dùng thuật bổ trợ thêm vào. Vì lúc Châu Tuyên chiêm bói

cho Tào Phi là lúc Tào Phi đã lên ngôi hoàng đế, ông tìm cách bức hại người em là Tào Thục, giết một lúc hai người ủng hộ Tào Thục là Đinh nghị và Đinh Dị. Sau đó lại đưa Tào Thục về đất được phong của Tào Thục để giam chân. Coi như đưa đến tử địa. Nhưng việc bức hại Tào Thục của Phi vấp phải sự ngăn trở của Thái hậu. Tào Thục chỉ bị hạ tước. Những chuyện đó, đến người ngoài đường cũng biết. Đương nhiên là Châu Tuyên rõ.

Căn cứ vào trạng thái tâm lý của Tào Phi lúc đó, Châu Tuyên liên hệ những việc làm của Tào Phi với việc mài đồng tiền, cho rằng đó là việc trong nhà của Hoàng đế. Đó là một quá trình thuận, đưa từ hình tượng giấc mộng đến nhân sự rồi lại từ những việc nhỏ trong nhà của Hoàng đế mà phân tích cận kề giấc mộng mài đồng tiền. Phương pháp như sau : lấy hoa văn đồng tiền là vật tượng trưng cho Tào Thục. Lấy câu : "Ta mài hoa văn đồng tiền" là dự vọng của Tào Phi. Câu "càng sáng ra" biểu thị dự vọng của Tào Phi không đạt được vì có sự ngăn trở của Thái hậu. Ngược lại, Tào Thục được nhân dân phổ biến đồng tình. Châu Tuyên lại bảo Tào Phi : Tuy có ý muốn như vậy, nhưng Thái hậu không nghe. Như vậy là nắm vững tâm lý của Tào Phi, lại phù hợp với thực tế. Do đó, Tào Phi rất tin phục Châu Tuyên và phong cho Châu Tuyên làm Trung lang lệ thuộc vào quản hạt của Thái sử.

Một thí dụ nổi tiếng của Châu Tuyên là ba lần bói cho Thái sử. Hỏi "Đêm qua tôi mơ thấy con chó tét bằng cỏ." Châu trả lời : "Ông sẽ được ăn một bữa ngon". Không lâu, ông ta đi chơi, được dịp ăn một bữa thịnh soạn. Ông lại hỏi Châu : "Tôi lại mơ nhìn thấy con chó tét bằng cỏ. Đó là điềm gì? Châu bảo : "Ông sẽ bị ngã từ trên xe xuống, bị gãy chân. Ông phải cẩn thận". Quả nhiên, không lâu, người hỏi bị ngã khỏi xe và gãy chân. Về sau, ông lại đến với Châu Tuyên để hỏi giấc mộng mới. Ông ta hỏi : "Tôi lại mơ thấy con chó tét bằng cỏ. Lần này thế nào? "Châu bảo : "Nhà ông sẽ bị cháy, hãy cẩn thận" ! Kết quả là nhà ông bị cháy thật. Ông ngạc nhiên vô cùng và nói : "Trước sau, cả ba giấc mộng đều không phải tôi thấy trong mơ. đó là tôi nói để thử ông mà thôi. Nhưng sao lại linh nghiệm thế". Châu Tuyên bảo ông : "Đó là thần linh xui ông nói. Chẳng khác gì giấc mộng thật sự của ông". Ông kia lại hỏi : "Ba lần đều mơ thấy con chó bện bằng cỏ. Sao ông lại đoán ba lần khác nhau? "Châu Tuyên bảo : "Con chó bện bằng cỏ để tế thần. Lần đầu, tôi tự đoán ông có thể sẽ được dùng một bữa ra trò. Sau khi đã tế thần xong, con chó bằng cỏ sẽ bị vút đi, bị bánh xe đè lên, cho nên tôi bảo ông sẽ bị gãy chân. Chó cỏ, sau khi bị bánh xe đè sẽ bị đem đốt. Lần thứ ba tôi dự đoán là có đám cháy lớn".

Trên đây là việc phân tích giấc mộng theo kiểu Châu Tuyên. Hình tượng của ba giấc mộng như nhau nhưng ý nghĩa tượng trưng của chúng không giống nhau. Giấc mộng đầu tiên tượng trưng là thức ăn. Giấc thứ hai có tượng trưng là xe cộ. Thứ ba là bốc lửa. Ba lần đoán mộng thấy con chó bện bằng cỏ là kiểu đoán mộng kết hợp giải thích mộng. Đó là suy luận lý lẽ từ sự việc. Xưa nay chưa hề có phương pháp đoán mộng như thế này. Do vậy, chúng ta đã thấy Châu Tuyên căn cứ vào trạng thái tâm lý của Thái sử và những điều kiện mà ông biết được mà áp dụng phương pháp phân tích quá trình nghịch mà đoán.

Lúc đương thời, Châu Tuyên có tuyển một bộ sách lấy tên là "Mộng thư", lưu truyền đến tận đời Minh rồi bị thất truyền. Gần đây, người ta phát hiện trong bộ Đôn Hoàng di thư có một tập gọi là "Mộng thư", Không biết rõ đó có phải là "Mộng thư" của Châu Tuyên không. Chúng ta còn đợi kết quả nghiên cứu. Từ những thí dụ đoán mộng thời cổ đại mà xét cách đoán của Châu Tuyên không cứng nhắc theo các chương cú của "Mộng thư" mà phân tích theo nhiều bối cảnh xã hội và trạng thái tâm lý của mọi người.

- XIII -

TRƯƠNG TRUNG ĐỘI MŨ SẮT : CHIÊM NGHIỆM TẮT ĐÚNG

Thời cuối Nguyên đầu Minh có một người kỳ tài, cú đoán mộng là đúng. Người đó tên là Trương Trung. Do ông ta luôn luôn đội mũ sắt nên gọi là Trương Trung đội mũ sắt. Lúc bình thường, ông ít nói cười, không thiết ăn mặc. Ông ta ở ẩn tại Mạc Phủ sơn. Ông thông hiểu sâu sắc về đoán mộng và thuật chiêm bốc. Khi ông đàm đạo về pháp tị binh với mọi người, ai cũng thấy lời của ông nói ra là đúng.

Khi Trần Hữu Lượng bao vây Nam Xương, đánh nhau với Chu Nguyên Chương và bị đánh đuổi đi, tham chính Đặng Dữ tiến cử Trương Trung cho Chu Nguyên Chương, khi Trương Trung đến với Chu Nguyên Chương, Chu hỏi Chương :

- Ta bình định Nam Xương, binh không muốn nhuộm máu... Như vậy, nhân dân có được yên định, nhưng mảnh đất này sáng, chiều đang đổ máu, nhà

của đã bị thiêu huỷ. Thiết trụ quan chỉ còn lại một cái điện mà thôi!" Quả nhiên một thời gian ngắn, người chỉ huy tên là Khang Thái mưu phản, đúng như lời Trương Trung đã nói.

Có một năm, Chu Nguyên Chương tế bách thần ở dưới núi Phúc Châu. Chu mời Trương Trung đến liền bảo : "Hai con ngựa trời, trọng có hai dáng nửa như bái lạy lại nửa như đang múa". Tế xong, Chu Nguyên Chương chuẩn bị hồi triều, con ngựa bỗng đứng lên với dáng múa, lát sau lại cúi đầu xuống ở tư thế bái vọng. Lại có người đến biểu một con ngựa nổi tiếng. Quả là phù hợp với câu "hai dáng".

Trương Trung lại nói : "Đình thự Tĩnh kinh động trong thành sẽ có chuyện không yên". Lát sau, lầu Trung Cẩn bị phát hoả. Đình thự của Tĩnh ở gần đó, bên trong, bên ngoài nào động lo lắng. Mọi người rất lo sợ.

Khi Trần Hữu Lượng bao vây Nam Xương lần thứ hai, Chu Nguyên Chương bỗng mơ thấy một giấc mộng không bình thường. Trong mộng có người khuyên Chu rằng : "phải đánh mạnh vào nơi hiểm yếu". Đêm hôm đó, hoa đèn được đốt lên, như là một cái nụ hoa. Trông thật đáng yêu. Trương mũ sắt ngồi bên cạnh, liền cất luôn hoa đèn. Mọi người xung quanh đều thốt lên : "Điềm may, thật đáng tiếc". Trương Trung bảo :

"Tôi đoán một giấc mộng cho Thái tổ. Giang Tây sắp có sự, phải viện trợ ngay cho Giang Tây". Ba ngày hôm sau, điệp báo đến báo tin khẩn cấp của Giang Tây. Chu Nguyên Trường tự soái lĩnh quân lính xuất phát. Chu lại hỏi ý kiến Trương, Trương Trung đáp : "Lần hành quân này xin chớ chậm trễ. Trong 50 ngày, sẽ thu được thắng lợi lớn". Quả nhiên đúng như thời hạn dự báo, quân đội của Chu đã bắt được thủ lĩnh của đối phương.

Bọn Thường Ngô Xuân đánh nhau với Trần Hữu Lương, dẫn quân thâm nhập vào bên trong, bị Trần Hữu Lương bao vây mấy vòng. Mọi người cho rằng không thể phá các vòng vây mà ra được. Họ nhờ Trương Trung bói cho một quẻ.

Trương Trung bảo "không lo, tự ra được thôi". Quả nhiên Thường Ngô Xuân đột phá các vòng vây mà ra.

Nhìn qua những thí dụ kể trên, hầu như Trương Trung là một nhà đoán mộng, nhà chiêm bói thần kỳ. Kỳ thực đó không phải là thần bí, chỉ là kết quả suy ra từ thực tế.

Trương Trung vốn là một nho sỹ, di thi trượt. Ông có một số tri thức và năng lực phân tích nhất định. Đồng thời ông được một dị nhân cho cuốn sách "Hoàng cấp kinh thế thư". Sách này do Chiêu Ứng đời

Tổng soạn, thuật lại lịch sử trị loạn và hưng vong từ đời Đường, Nghiêu đến hậu Chu. Chiêu Ứng nghiên cứu tượng số Thái cực biểu hiện trong sách, coi cái "tâm" là thái cực. Từ cái "tâm" mà suy ra vạn vật, xem xét mô thức hình thành vũ trụ, dùng "quẻ", "tượng" mà suy đoán mệnh vận trị loạn, thịnh suy từ xưa đến nay. Ông cũng đề cập đến những vấn đề hoang đường để rơi vào vũng bùn duy tâm chủ nghĩa. Nhưng ông cũng tổng kết quy luật hưng, vong của lịch sử một cách khách quan dùng để quan sát, phân tích sự vật, dự đoán tính tất nhiên. Ví dụ như chuyện Khang Thái mưu phản chẳng hạn. Khang Thái vốn là viên tướng của Trần Hữu Lượng. Sau khi Khang quy phục Trần, có rắp nhĩ tâm. Trương Trung quan sát tất cả những cái đó mới có được kết quả để hể đoán là đúng. Ngoài ra, những việc về đoán mộng của Trương Trung được người đời sau ghi lại có khả năng là dựa vào những điều bổ sung về sự kiến lập Minh triều của Chu Nguyên Chương, cho nên chúng ta không thể dễ dàng mà tìm được truyền thuyết đoán đầu trúng đấy lưu truyền trong lịch sử của Trương Trung.

- XIV -

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐOÁN MỘNG VỚI VIỆC XÂY DỰNG HOÀNG ĐẾ VÀ HOÀNG TỘC NHÀ THANH

Trong hoàng thất nhà Thanh lụy hành rộng rãi thuật đoán mộng và chiêm bói. Điều đó ảnh hưởng rất lớn đến chính trị triều Thanh.

Như mọi người đều biết, những năm cuối đời Khang Hy đã phát sinh ra nhiều rắc rối. Các thái tử cứ thay nhau mà được lập hoặc bị phế. Đã lập rồi lại phế. Những tình huống này có liên quan đến chiêm thuật đoán mộng của Khang Hy.

Khang Hy có cả thảy 35 người con. Con cả là Doãn Thị do thứ phi sinh ra, không được kế vị. Con thứ hai là Doãn Nãi do hoàng hậu Hiếu Thành Nhân sinh, ra đời không bao lâu thì mẹ chết nên Khang Hy đặc biệt yêu thương. Doãn Nãi chưa đầy hai tuổi đã được phong là thái tử. Có 35 con thật, nhưng con thì chết yếu, con thì còn quá nhỏ, những năm cuối cùng

ở bên cạnh của Khang Hy chỉ có chua nổi một nửa số con.

Mà nửa số đó, một phần dửng dưng, một phần an phận thủ thường. Trong số đó chỉ có 3 người là nhóm ngó ngòi báu. Đó là con thứ tư, Doãn Chân Ung Chính, con thứ tám là Doãn Dị và con 14 là Doãn Đề. Những người con còn lại chỉ là một số ăn chơi nhàn hạ. Có Doãn Chi là ùng hộ thái tử Ung Chính tự lập thành một phái, hoạt động kín đáo. Nào ngờ thành công cuối cùng lại thuộc về Ung Chính. Thế rồi, những người khác cấu kết lại với nhau, thông đồng với nhau.

Vì sao thái tử đã được lập từ sớm mà các người con của Khang Hy vẫn còn ngấp nghé ngòi báu ? Đó là việc có liên quan đến sự không sắc sảo của Hoàng thái tử.

Trong việc lập thái tử, Khang Hy muốn thái tử phải là một con rồng. Phái giáo dục bồi dưỡng cho thái tử không tiếc sức lực, do đó khi thái tử đã lớn trở nên người tinh thông hai ngữ Hán và Mãn, cuội ngựa và bắn giòi để làm người thừa kế hoàng đế. Thái tử đã được đủ mọi điều kiện mà hành vi vẫn không khiêm tốn, muốn làm gì thì làm. Điều này làm Khang Hy không thể chịu đựng được. Ngày 4 tháng 9 năm Khang Hy 47, thái tử bị phế và bị bắt giam.

Thế là lại có một loạt những huyền thoại về việc tranh ngôi thái tử kế vị lại được bắt đầu.

Sau khi đã phế vị thái tử mà phải mất bao nhiêu công sức bồi dưỡng mới có được ấy, Khang Hy càng tức bực, 6 đêm liền không ngủ được. ác mộng chợt đến. Ngày thứ bảy, Khang Hy nói với các đại thần trong triều : "Gần đây, cử chỉ của Doãn Nãi có điều không bình thường. Ban ngày ngủ, ban đêm ăn uống. Rượu uống 10 bát không thấy say. Mỗi lần tế thần thì sợ hãi, không thành lễ. Khi gặp mưa, chớp, sấm thì sợ hãi, luống cuống. Ăn nói điên loạn. Tất cả là do hồn quỷ ám ảnh".

Vì hồn quỷ làm loạn nên đánh mất bản tính. Đó là Khang Hy tìm lý do để phế bỏ y mà thôi. Kỳ thực cử chỉ của thái tử cũng không đến nỗi nào. Con người đã được lên hoàng vị ấy không có nhiều thực tế về việc triều chính. Ban ngày vui vẻ, nằm trên cao như con rồng, ban đêm thì ăn uống. Cái đó không có gì đặc biệt. Khi tế lễ thần ông ta không hoàn thành khâu lễ tiết ư ? Có thể là Khang Hy nhìn quá khe khắt. Càng khẩn trương thì càng có sai sót. Ngôn ngữ lung tung cũng là do quá khẩn trương mà ra. Còn sợ hãi những lúc có bão, sấm, chớp v.v... là sự thường tình. Những việc đó Khang Hy coi như là sự điên cuồng do ma quỷ tạo nên. Việc sùng bái, tin vào hồn quỷ lại gây ra nhiều chuyện lạ về đoán mộng. Ngày 15 tháng 10, người con thứ ba là Doãn Chi nói với Khang Hy là thái tử trúng thuật

trấn yêu của tăng Lạt-ma nên phát điên. Cái vị tăng người Phiên này tên là Pa-han-cơ-lung, ông có tật tù thừa nhỏ và có thuật phù chú.

Khang Hy không thể bỏ qua điều đó để việc phế bỏ Doãn Nãi được nhẹ nhàng. Ông liền bắt vị tăng người Phiên về. Pa-han-cơ-lung công nhận không giấu điều gì, khai rằng Doãn Thị là con cả muốn phù chú để phế thái tử, đã ra lệnh cho chúng tôi dùng thuật trấn yêu. Sau đó, lục soát phòng của Doãn Thị, quả nhiên đào được hơn 10 vật trấn yêu. Doãn Thị do đó bị cách tước và tống giam ngục tối.

Án tranh đoạt ngôi thái tử kế nghiệp gần như đã rõ chân tướng. Ngày 8 tháng 11, Khang Hy công bố đầu đuôi sự việc. Trong đó có một đoạn hoang đường vô căn cứ như sau : "Theo lời báo cáo của các quan hầu Thái tử, ngày 7 tháng 10 ta đã điều tra ra các vật trấn yêu. Doãn Nãi bỗng như điên dại và muốn tự tử. Lát sau mới tỉnh táo và nói với người khác "Tôi vừa mới có một ác mộng". Sau đó, hai lần Khang Hy cho gọi Doãn Nãi đến hỏi xem Doãn gặp giấc mơ như thế nào. Doãn Nãi trả lời là đã quên rồi, không nhớ được gì nữa. Khang Hy khuyên Doãn Nãi an tâm trị bệnh và bỏ các tật cũ.

Khang Hy tưởng thái tử đã bị phế trúng phải tà thuật thật. Thực ra, Doãn Nãi tinh tinh bạo ngược, quái đản, không điên chút nào, không có liên quan

gì đến yêu thuật của vị tăng người Phiên. Doãn thông mưu với một số người, bịa đặt ra một số câu chuyện về mộng, tự đóng giả là người điên dại để Khang Hy tin rằng mình trúng tà thuật mà sớm được thả ra rồi trở về địa vị cũ.

Khang Hy như người nằm trong trống, cũng muốn khôi phục lại địa vị Hoàng thái tử cho Doãn Nãi. Nhưng Hoàng thái tử là cái gốc của quốc gia, không thể tùy tiện được.

Sau trận bão táp này, còn phải có một thời gian để mọi người không có ý kiến và không cho là khinh suất. Ngày 15 tháng 11, Khang Hy kể cho các đại thần một câu chuyện về giấc mộng của mình làm chỗ tựa để phục hồi ngôi vị của thái tử : Sau khi Thái hoàng, Thái hậu lên trời, Người thường thác mộng rất linh nghiệm để báo cho ta về những điều trong tương lai. Gần đây, vì sự việc của Hoàng thái tử, ta mộng thấy sắc mặt của Hoàng thái hậu tỏ ra rất không vui. Về việc Hoàng thái tử bị oan khuất, Hoàng thái hậu cũng thác mộng cho ta biết cái ngày bắt thái tử là một ngày có sắc trời u ám. Trước hôm vào kinh, gió thổi ào ào trước kiệu giá. Hoàng thái hậu cho biết trước đây Hoàng thái tử bị yêu ma ám ảnh nên mất đi bản tính. Nay đã khỏi. Người đoán mộng cũng phù hợp vào lời nói của Hoàng thái hậu rằng bệnh của Doãn Nãi sắp khỏi, có thể khôi phục lại được bản tính lương thiện

của mình. Nhưng Khang Hy không nói ngay là phục hồi địa vị cho Hoàng thái tử mà chỉ báo để các vị đại thần biết trước.

Ngày hôm sau, Khang Hy vội vả thả Doãn Nãi ra và nói với Doãn Nãi đôi điều tốt lành, đổ hết trách nhiệm sai trái cho Doãn Thị. Từ đó về sau Doãn Thị bị giam tại nhà cho đến năm Ung Chính thứ 12 thì bị bệnh mà qua đời.

Tháng giêng năm Khang Hy 48. Doãn Nãi được phục vị làm Hoàng thái tử. Từ khi bị phế đến lúc này mới hơn 4 tháng, khó tránh khỏi trò cười cho thiên hạ. Nhưng theo cách nhìn của Khang Hy thì phế hay lập đều có căn cứ. Thế thì căn cứ ở đây, là giấc mộng gặp Thái hoàng, Thái hậu và do việc đề xuất của người đoán mộng mới có kết luận.

Dù đoán mộng thế nào, dù giải thích giấc mộng ra sao, tóm lại vẫn là phải phục vụ cho nền thống trị phong kiến.

- XV -

TÁC DỤNG XÃ HỘI TIÊU CỰC CỦA ĐOÁN MỘNG QUA CÁC VÍ DỤ VỀ MỘNG

Hoạt động đoán mộng trong xã hội cổ đại chiếm một vị trí quan trọng và có một ý nghĩa độc đáo đặc biệt. Vì những bối cảnh mộng mị thật ly kỳ cổ quái, huyền diệu không lường, khiến người ta có nhiều sự giải thích không giống nhau. Những cách giải thích này ẩn tàng những tư tưởng, cảm tình, nhu cầu, lòng tin và thế giới quan khác nhau của những nhà đoán mộng. Giai cấp thống trị thường đưa ý muốn của họ vào mộng để chúng được bộc lộ ra qua những sự giải thích vòng vo, quanh co. Đương nhiên cũng có tình hình là bọn thống trị cũng chịu ảnh hưởng của mộng và tin vào thuật đoán mộng của các nhà đoán mộng. Nói cho cùng sự đoán và giải thích của người đoán mộng cố làm cho phù hợp và phụ họa vào nhu cầu và ý muốn của giai cấp thống trị.

Trong những văn bản cổ đại Trung Quốc có ghi lại những chuyện kỳ quái về mộng và đoán mộng với bao nhiêu hình hình, sắc sắc. Chúng tôi chọn kể vài chuyện dưới đây :

1. TUYÊN TRUYỀN TƯ TƯỞNG "THỤ MỆNH TRỜI" VÀ "THÔNG GIAO VỚI THẦN LINH" CỦA KẾ THỐNG TRI

Trong tín ngưỡng tôn giáo cổ xưa của Trung Quốc, trời là Thượng đế. Sách "Xuân thu phần lộ - thiên Hiệu tế" viết: "Trời là đại quân (vua) của trăm thần". Còn đế vương trong trần gian lại là con của Thượng đế là "Thiên tử". Trong lịch sử Trung Quốc, một số kẻ thống trị, để có thể thống trị nhân dân có hiệu quả, đã tạo ra nhiều quân vương và Thượng đế, tạo ra giấc mộng thông với thần linh để chứng minh mình là con của trời, thụ mệnh trời, các giấc mộng cũng thuộc loại này, để thống trị được nhân dân có hiệu quả. Sau đây là vài thí dụ :

Triệu mộng về con hồ trắng 9 đuôi

Đến tuổi 30, Hạ Vũ vẫn chưa lấy vợ. Sợ muộn sẽ vi phạm lễ chế, bèn cầu khẩn rằng: "Nếu ta lấy vợ thì sẽ có mộng triệu gì xảy ra ?" Không lâu sau, Vũ nằm mộng thấy con hồ ly trắng 9 đuôi đi đến trước mặt mình. Vũ tự nghĩ: "Màu trắng là màu áo của ta. Chín cái đuôi tượng trưng của vương giả". Giấc mộng này dự báo Vũ sẽ lên ngôi vua.

Mộng lan

Thời Xuân thu, người thiếp của Trịnh Văn công tên là Yến Cát nằm mơ thấy thiên sứ ban cho cành hoa lan rồi có mang, sinh con là Trịnh Mục công.

Giống rồng Lưu Bang

Thân mẫu của Lưu Bang nghỉ ở bờ một hồ lớn, nằm mơ thấy gặp thần vào lúc sẩm chập đầy trời. Bà thấy con long xà đề lên bụng mình. Sau đó bà có mang và sinh ra Lưu Bang.

Mơ có điềm báo đế vương

Năm lên 13 tuổi Tiêu Đạo Thành mơ thấy có người chỉ vào chỗ Tiêu đang đứng mà bảo : "Đất của Chu Văn vương". Có người khoác bộ áo lông công bay lơ lửng trên không. Phượng hoàng từ trên trời bay xuống đậu trước mặt. Hai cánh của phượng hoàng xoè ra hơn 10 trượng ... Đó là điềm báo làm đế vương. Quả nhiên, khi Tiêu Đạo 42 tuổi là lúc nhà Tề thay nhà Tống và Tiêu trở thành Tề Cao đế.

Mộng cưới thanh long

Khi Tiêu Đạo Thành 70 tuổi mơ thấy mình cưới thanh long bay về phía tây, đuổi theo mặt trời cho đến khi mặt trời lặn xuống núi. Sau khi tỉnh dậy, Tiêu thấy không yên lòng và sợ hãi, bèn cho người đi mời nhà đoán mộng tới. Nhà đoán mộng nói: "Đó là hình tượng cao quý". Người khác cũng nói vào : "Thanh là màu gốc, chiều tới là những ngày cuối của nhà Tống".

Mộng làm con thượng đế

Theo "Nam Tề thu" Thời Nam Tề, Thôi Linh Vận nhậm chức Thượng phủ tham quân. Thôi năm mơ thấy Thượng đế báo với mình rằng : "Tiêu Đạo Thành là

con thứ 19 của ta. Năm ngoài ta đã thụ cho con địa vị thiên tử". Tính từ Tam hoàng, Cửu đế đến Tiêu Đạo Thành, Tiêu là vị khai quốc thứ 19.

Các mộng trên đều do các văn nhân viết ra và trong chính sử cũng có những giấc mộng tương tự, chủ yếu chúng minh hoạ cho quan điểm "quyền làm vua do thần ban cho". Động cơ tạo ra các giấc mộng này rất rõ ràng.

2. ÚNG HỢP VỚI CHÍNH TRỊ

Trong sinh hoạt chính trị của nhiều thời đại ở Trung Quốc, đoán mộng có một ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Có một số nhà đoán mộng hoàn toàn làm việc do nhu cầu của các cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh quân sự, hoặc giả bảo vệ và củng cố tâm lý và sinh lý của các vị quân vương. Những ví dụ và các cuộc đoán mộng này có động cơ chính trị rất rõ rệt giúp đỡ, bảo vệ địa vị thống trị của họ.

Thuật suy mộng của Tử Phạm

Theo sách Tả truyện thời Xuân thu, Tấn Văn công mộng thấy Sở Thành vương nằm phục bên người mình, hút lấy tủy. Ông rất sợ hãi, Tử Phạm nói : "Đó là biểu hiện của điềm "cát", mặt Sở Thành vương nhìn xuống dưới tức là xin chúng ta tha tội. Hơn nữa, tủy mềm mại có thể khắc chế được sự cứng rắn của răng".

Ấn Anh khéo giải mộng cho Tề Cảnh công

Sách "Ấn Tử Xuân thu" ghi : Thời Xuân thu, Tề Cảnh công lâm bệnh hơn 10 ngày. Đêm mơ thấy mình đánh nhau với hai mặt trời. Kết quả, mặt trời thắng. Quan đại thần là Ấn Anh vào triều kiến Cảnh công. Tề Cảnh công bảo : "Quả nhân mơ thấy mình đánh nhau với hai mặt trời. Thấy không thể thắng được, trăm lệnh cho ngừng chiến", Ấn Anh cho gọi một người đoán mộng đến đoán cho Cảnh công. Nhà đoán mộng đáp : "Giấc mơ này tôi không đủ sức bói, xin cho tra sách "Chiêm mộng kinh". Ấn Anh bảo không cần phải tra sách. Bệnh của Cảnh công không phải là bệnh nặng. Ông cứ giải thích cho Cảnh công rằng : "Tật bệnh thuộc âm, thái dương là mặt trời, là dương. Hai dương đấu với một âm. Bên âm thua là không nghi ngờ gì. Âm bại thì bệnh bại. Bệnh bại thì thân thể khoẻ". Người đoán mộng cứ theo thế mà giải thích cho Cảnh công. Cảnh công vui lắm. Ba ngày sau khỏi hẳn bệnh. Ấn Anh làm như vậy để phản đối cách "câu phúc trừ họa" của Cảnh công, để ông quan tâm đến việc dân, chú ý cải cách chính trị.

Ba con ngựa cùng tàu.

Theo "Tấn thư" thời Tam Quốc, Tào Tháo mơ thấy 3 con ngựa cùng ăn trong một tàu. Sau này

Tư Mã Ý, Tư Mã Sư, Tư Mã Chiêu liên tiếp làm tế tướng nước Ngụy, đánh đổ Tào Ngụy mà dựng nên nhà Tây Tấn.

Giấc mộng chặt cánh.

Theo "Tấn thư", Đào Khản đời Tần mơ thấy thân mình mọc ra thêm 8 cái cánh rồi bay lên trời. Thấy trên trời có 9 tầng. Một loáng đã bay quá tám tầng. Chỉ còn một cửa nữa là cửa cuối cùng. Nhưng không bay qua được. Người gác cửa cầm gậy đánh vào Đào rơi xuống đất, gãy mất một cánh bên trái. Đến khi tỉnh dậy, Đào còn thấy đau ê ẩm ở bên trái. Sau đó đường quan tước của Đào thênh thang, làm đốc 8 châu, chiếm cả thượng du sông Trường Giang, nắm rất nhiều binh quyền. Đào đã có ý nghĩ cướp lấy quyền từ tay nhà vua. Những nghĩ đến giấc mộng lại thôi không dám thực hiện ý nghĩ.

Mộng làm hoàng đế

Theo Lương thư, con trai của Lương Vũ đế đời Nam Triều là Tương Đông vương Tiêu Giáng khi còn ở trấn Tầm Dương. Ông nằm mơ thấy có người đến báo : "Thiên hạ sắp loạn, vương phải giữ vững". Đằng sau lưng của Tiêu Giáng lại mọc một cái nốt ruồi đen. Bà mẹ nhìn thấy báo đó là điềm quý lớn, quý hết chỗ nói. Khi Tiêu Giáng mang quân đi đánh miền Tây, Phù tu là Nghị Hạ Cách cùng theo đi miền Tây. Hạ

không muốn đi. Trước khi đi Hạ đến từ biệt người bạn thân là Giang Cách ra điều oán hận số phận, Giang Cách nói : "Tôi nằm mơ thấy Vũ đến hội kiến chu từ. Lúc đi đến chốn Tương Đông vương, Tiêu Giáng, Vũ để tự tay mình lấy mũ đội vào cho. Sau này Tương Đông vương nhất định là "đại quý", Tây hành là đại cát". Thế là Hạ Cách vui vẻ theo Tiêu Giáng đi chinh chiến miền Tây. Sau này Giản Văn đế chết vì tai nạn, quả nhiên Tiêu Giáng lên ngôi hoàng đế, xưng là Nguyên đế.

Ba giấc mộng của Phạm Trọng Yêm

Sách "Đại thiên thế giới" chép Phạm Trọng Yêm làm quan ở Châu Khánh viết một bài minh cho một viên quan đã tạ thế. Vì đề cập đến những ẩn tình trong đời tư của viên quan, nhiều người đã khuyên Phạm hãy nhẹ tay. Phạm cương quyết không nghe.

Trong vài đêm sau đó, Phạm Trọng Yêm mơ ba giấc mộng. Giấc mộng đầu tiên, viên quan đã chết đến xin ông chữa bùa cho. Nhưng Phạm không chữa lại. Viên quan đó bảo : "Nếu ông chữa lại cho, tôi lấy mệnh sống của đứa con cả của ông". Phạm Trọng Yêm bình tĩnh trả lời : "Chết và sống không thể yêu cầu mà được. Ông thử làm xem". Vài hôm sau, đứa con cả của Phạm là Thuận Hữu chết thật.

Giấc mộng thứ hai, ông thấy viên quan lại đến với khí thế hung hăng : "Nếu ông cứ không chữa bìa, tôi sẽ làm hại đứa con thứ hai của ông. Phạm vẫn trả lời nhu lần trước. Mấy hôm sau, quả nhiên đứa con thứ hai của Phạm-là Thuần Nhân lăn ra ốm. Mọi người biết chuyện lủ lượt đến khuyên Phạm chữa bìa. Nhưng Phạm nhất định không nghe. Vài hôm sau nữa, Phạm mơ giấc mơ thứ ba. Lần này Phạm thấy viên quan kính cẩn ca ngợi phẩm chất cao đẹp của Phạm, nhưng vẫn yêu cầu chữa bìa. Viên quan nói : Đứa con cả của ông vốn đến số chết. Nhưng lần này, nếu ông chữa bìa tôi xin bảo đảm bình an cho đứa con thứ hai của ông". Phạm Trọng Yêm dứt khoát : "Một chữ cũng không chữa".

Trong lịch sử Trung Quốc, đoán mộng tuy là một loại mê tín dân gian nhưng thường thường nó bị một số các chính trị gia lợi dụng để đạt được một mục tiêu chính trị nhất định nào đó.

3. TUYÊN DƯƠNG MỘNG CÓ THỂ ỨNG NGHIỆM ĐIỀU HUNG, CÁT. CỔ XUYẾT ĐỊNH MỆNH

Mục đích chủ yếu của đoán mộng là dự báo điều hung cát cho trần thế. Người đoán mộng cho rằng mộng có thể được ứng nghiệm, mộng thể hiện được hung cát, họa phúc cho nhân thế. Vì mệnh đã định rồi, trời đã an bài tất cả. Mọi người chỉ có thể tuân theo cái mệnh

trời. Thực tế điều ấy là để mọi người nghe theo cái mệnh của giai cấp thống trị, phục tùng và chấp nhận áp bức, bóc lột. Dưới đây là vài thí dụ về loại đó.

Thác mộng ngoài vạn dặm

Đời Đông Hán có Phạm Thúc, khi là thái học sinh có hết nghĩa anh em với Trương Chiêu. Khi ly biệt nhau, Phạm Thúc nói với Trương Chiêu : "Ngày này hai năm sau, tôi sẽ đến nhà thăm anh". Cuộc trùng phùng đến gần, Trương Chiêu chuẩn bị đồ nhắm và rượu. Đúng kỳ hẹn, Phạm Thúc đi xa hàng vạn dặm đến thăm. Hai người uống với nhau. Tan tiệc, lại mỗi người một ngả. Về sau Trương Chiêu bị ốm nặng Chí Quân Chương và Ân Tử Trinh là những bạn cùng một quận đến thăm. Trước khi chết, Trương Chiêu nói : "Nỗi tiếc lớn nhất của tôi là không được gặp Phạm Thúc một lần nữa. Hai vị là bạn học của tôi, còn Phạm Thúc là người bạn sống chết đối với tôi". Không lâu sau đó, Trương Chiêu chết. Cách xa hàng vạn dặm, Phạm Thúc bỗng mộng thấy Trương Chiêu đến nói với ông : "Phạm huynh, tôi chết vào ngày ấy, ngày ấy vĩnh viễn về suối vàng, bạn tuy không bao giờ quên tôi, nhưng làm sao có thể kịp đến với tang lễ của tôi". Phạm Thúc tỉnh mộng, bi thống khôn xiết, nước mắt đầm đìa, báo với thái thú xin nghỉ, vội vàng đi hộ tang. Lúc này, Trương đang được an táng. Nhưng không hiểu sao không khiêng quan tài lên được. Chỉ sau khi Phạm Thúc chạy đến đỡ quan tài mới có thể khiêng lên được...

Mộng thấy voi

Lúc còn trẻ, Trương Mậu đời Tấn nằm mơ thấy một con voi lớn. Ông hỏi người đoán-mộng tên là Vạn Thôi để biết xem đó là điềm gì. Vạn Thôi bảo : "Các hạ là thủ quận của một quận lớn. Nhưng kết cục không được tốt". Trương Mậu hỏi : "Tại sao?". Vạn Thôi trả lời : "Voi là con thú lớn. Thú thì phải "thủ" (giữ) cho nên được biết ông là quận thủ của một quận lớn. Mà con voi thường vì cái vòi của nó mà gặp nhiều tai nạn, bị người ta sát hại". Kết cục sau này của Trương Mậu đúng như Vạn Thôi đoán.

Tụng kinh miễn được tai nạn

Theo "Tống thư" ghi chép, có Vương Huyền Mạc là một tướng quân ở Ninh Sóc. Ông đi theo đoàn quân bắc phạt, bị đại bại. Quân đội tan tác. Chủ tướng chiếu pháp lệnh, đem chém đầu Huyền Mạc. Đêm trước hôm bị đưa đi giết, ông mơ thấy có người đến bảo : "Tụng Quan Âm Kinh một nghìn lần sẽ miễn được tai nạn". Sau khi tỉnh mộng, ông làm theo lời dạy bảo. Đến lúc sắp bị chém đầu vẫn không ngừng tụng kinh. Bỗng nhiên có lệnh trên truyền ngừng chém. Ông được thoát chết. Sau đó không lâu, ông đã lấy công chuộc tội.

Mơ thấy dưới nách mọc cánh

Tiêu Đạo Thành trú quân ở Hoài Nam. Thuộc hạ là Tuân Bá Ngọc ở Quảng Lăng. Đêm đó Tuân Bá Ngọc mơ thấy mình lên lầu Nam thành Quảng Lăng.

Có hai chú bé mặc áo xanh nói : "Thảo trung tiêu, cử ngũ tương truy trục" ("Tiêu" ở trong cò, 9-5 mới loại trừ được). Bá Ngọc nhìn xuống phía dưới thành, thấy trên đầu người nào cũng có cò. Thảo trung tiêu là cò tiêu ở giữa chốn cây cò, vậy cũng là họ của Tiêu Đạo Thành. Năm Thái Thủy thứ bảy, Bá Ngọc lại mơ thấy Tiêu Đạo Thành ngồi thuyền phía bắc Quảng Lăng. Bá Ngọc thấy dưới hai nách Tiêu có mọc cánh không đuổi ra được. Bá hỏi Tiêu : "Bao giờ có thể giương cánh lên được, Tiêu bảo : "Ba năm nữa". Trong mộng, Bá Ngọc là thầy phù chú, đã phù cho Tiêu. Cứ 6 câu phù chú thì có 6 con rồng bay ra, cánh dưới nách của Tiêu lại giương ra rồi cụp vào. Sau đó, Bá Ngọc báo với Tiêu Đạo Thành về giấc cát mộng. Năm Nguyên Trung thứ hai, Tiêu Đạo Thành công phá Quế Dương uy danh vang dội. Năm Nguyên Trung thứ năm, Tiêu Đạo Thành phế hoàng đế Lưu Tấn và nói với Bá Ngọc : "Giấc mộng trước đây của Bá Ngọc, đến bây giờ mới thực hiện được".

Mơ thấy điềm sống và điềm chết

Sách "Luong thu" ghi : Giản Văn đế bị thừa tướng Hầu Cảnh tống giam. Một hôm, Giản Văn đế báo với người tùy tùng : "Đêm qua ta mê thấy mình nuốt đất. Không biết là điềm gì ?" Người tùy tùng đáp : "Ngày xưa Trùng Nhĩ được người ta tặng đất, ông đã nhận. Về sau ông thành Tấn vương. Ngày nay, giấc mộng

của bệ hạ cũng giống như vậy đấy. Sau đó không lâu, bộ tướng của Hầu Cảnh là Vương Vỹ và một số người nữa mời rượu Giản Văn đế và nói: "Hầu Cảnh thù tướng thấy bệ hạ u uất và bị phản đã lâu nên phái chúng tôi đến đây để tiến rượu thọ". Văn đế cười: "Rượu thọ, rượu thọ đến cùng". Vương Vỹ và một số người cùng uống. Văn đế biết không thể từ chối được, uống đến thật say. Sau khi Văn đế say thực sự, Vương Vỹ và nhóm người lấy đất thó nhét vào miệng Văn đế cho đến chết. Giác mộng của Văn đế thật ứng nghiệm.

Vinh, nhục như mộng

Theo "Cựu ngũ đại sử", Bào Tuyền người Đông Hải đời Lương, học rộng, đọc nhiều sách. Lại có tài văn chương. Lúc trẻ tuổi có làm chút việc phụng sự Tiêu Giáng. Sau đó Tiêu Giáng tự lập là Lương đế. Bào Tuyền được Tiêu Giáng coi trọng. Khi Bào Tuyền nhận chức đô đốc ở Nam Thảo, bạn của Bào Tuyền nằm mơ thấy Bào làm điều phạm đến Tiêu Giáng. Khi tỉnh mộng, đến báo ngay với Bào. Không lâu sau, vì Bào bắt lặc ở Nam Thảo nên bị Tiêu Giáng (Nguyên đế) bắt giam. Lúc này bạn của Bào lại nằm mơ thấy Bào Tuyền mặc áo đỏ và đi dưới nước. Anh ta lại báo cho Bào biết chuyện. Người đoán mộng bảo: "Quân vô ưu, mã tượng hội miễn tội" (Ngài đừng lo, ở trên lưng ngựa thì tránh được tội). Ít lâu sau Nguyên đế miễn tội cho Bào Tuyền và phục hồi quan chức cho Bào.

Ban thường cho người trong mộng

Theo sách "Cửu ngũ đại sử", sau khi Đường Minh Tông tức vị. Đêm đó vua nằm mơ thấy có một người có dáng hình thanh tú. Hình như đã có quen biết với người này. Vua hỏi : "Có phải người là con trai của trại chủ La thị (họ La) không ? Sau khi tỉnh mộng. Vua sai mọi người thăm dò xem con trai người họ La có phục dịch ở đâu đây không. Khi tìm được con trai người họ La là La Châu Kính, vua thấy đúng là người đã gặp trong giấc mơ, là hậu duệ của một công thần. Minh Tông phong cho La Châu Kính làm Tiết độ sứ ở Đông Châu Kiểm hiệu Thái Bảo.

Mộng cười chim bằng

Theo "Tống sử", Trầm Hối đời Tống lên tỉnh thi. Đi đến đạo Thiên Trường bỗng mơ thấy mình cười lên chim bằng, bay bổng lên trời, bèn viết một bài phú gọi là "Phú chim bằng" để ghi lại sự việc này. Sau đó không lâu ông thi ở tỉnh, quả nhiên đỗ trạng nguyên đầu bảng.

4. TRUYỀN BÁ MÊ TÍN PHONG KIẾN, ĐÁNH LỬA QUẦN CHỨNG

Mộng là hiện tượng tâm lý rất phức tạp. Đó là một thú câu đố khó giải nhất trong đời sống tâm lý của nhân loại. Cuối cùng, nằm mơ và giấc ngủ là thế nào ? Hoạt động tâm lý giữa lúc nằm mơ và lúc tỉnh có gì khác nhau? Cái gì tạo ra giấc mơ ? Tại sao cảnh trong giấc mơ ly

kỳ, cổ quái không sao giải thích được ? Điều gì đưa đến giấc mộng ? Có gì phân biệt giữa tâm lý sinh hoạt khi nằm mơ và khi tỉnh ? Cho đến bây giờ nhân loại vẫn còn dò dẫm cả một loạt những vấn đề đó.

Ngày nay, tuy có nhiều người không tin vào bói, toán, chiết tự (đoán chữ) phong thủy, tướng mặt, phương thuật ...

Nhưng đối với giấc mộng, họ vẫn cảm thấy có một cảm giác thần bí, cảm thấy có một sức mạnh nào đó không thể với tới đang liên hệ với mình. Con người hiện đại mà còn thế thì nhận thức của người đời xưa đối với hiện tượng tâm lý như giấc mộng còn mong manh. Khi những người làm nghề thầy cúng và các nhà đoán mộng bịa ra bao nhiêu câu chuyện thần thoại thì họ cũng đều tin là thực, từ đó càng mê tín các nhà đoán mộng. Tình nguyện chịu sự lừa dối và điều kiện của các nhà đoán mộng, bốc sư v.v...

Những thần thoại có liên quan về chiêm, bốc có rất nhiều trong các bộ sách và sử. Chúng tôi trích ra một số chuyện để thấy tính hư ảo, viển vông của chúng.

Mơ cá được ngọc

Một hôm, Hán Vũ đế mộng thấy một con cá xin với ông buông thả chiếc lưỡi câu mắc vào miệng. Hôm sau, Hán Vũ đế đi chơi ven đầm nước, nhìn thấy một con cá ngậm lưỡi câu nơi miệng. Lưỡi câu còn lòng

thông sợi dây. Đúng là con cá ông gặp trong mộng ngày hôm trước. Ông vội gỡ lưới câu ra cho cá. Sau đó Vũ để được cá báo mộng thưởng biếu một viên minh châu (ngọc sáng).

Quý lính người lương thiện

Theo sách "Luong thu", Phó Chiêu người đời Nam Lương có chỉ lớn từ nhỏ. Năm Thiên Giám thứ 11, nhận chức Nội sử tại An Thành là Tín Võ tướng quân. An Thành từ đời Lưu Tống đến nay là nơi binh đao. Người chết rất nhiều. các phòng xá trong thành thường có ma quỷ quấy nhiễu. Ngày Phó Chiêu chuẩn bị sắp đến An Thành nhận chức, những người dân An Thành đêm mơ thấy các chiến binh, xe ngựa, vũ khí cứ rầm rập, nối đuôi nhau đi ra khỏi thành. Nhiều người tỉnh mộng, thấy những người đi lánh nạn trở về thanh ùn ùn như mưa to gió lớn. Có những ngôi nhà bị tàn phá vì chúng ở ngay nơi linh tráng tập trung xe, ngựa, cảnh này đúng như cảnh trong mộng. Nhưng từ lúc Phó Chiêu đến, tình hình trong thành các quận yên ổn, bình lặng. ở các gian nhà không thấy nào động. Nhiều người cho là Phó Chiêu là người chính trực cho nên quỷ cũng lánh đi ...

Đào Hoàng Cảnh và cuốn "Mộng ký"

Đào Hoàng Cảnh người Đan Dương cao 7 tấc tu. Khôi ngô tuấn tú, mắt sáng, tai dài. Người thon thả. Về học hành, hiểu biết, Đào ở dạng xuất chúng. Đào từ quan về ở ẩn nơi núi rừng lau lách, theo học

sư phụ Tôn Du Nhạc người Đông Dương. Đào học kinh pháp, đạo Phật, Đào khiêm tốn, tử tế với mọi người. Thời Nam Tề, Nghi Đô vương Tiêu Kiên bị Minh đế sát hại. Đêm hôm đó, Hoàng Cảnh mơ thấy Tiêu Kiên đi đến gửi lời cáo biệt. Hoàng Cảnh có dịp thăm hỏi Tiêu về những sự việc của thế giới u minh âm thế nên biết được nhiều điều bí mật và kỳ lạ. Thế rồi Hoàng tuyển và viết nên sách "Mộng ký". Thời Nam Lương, Đào Hoàng Cảnh mơ thấy Phật tổ ban cho "Bồ đề ký" và mệnh cho Hoàng là Thắng Lợi Bồ Tát. Đào đến Hà Dục vương tháp trong huyện làm lễ tuyên thệ xuất gia, chịu 5 điều giới. Đào có thuật dưỡng thân nên sống đến 85 tuổi.

Đêm mơ thấy bút thần

Thời Hậu Chu có người tên là Duệ Tôn. Một hôm, Duệ Tôn có việc về kinh. Dọc đường lưu trú ở điểm La. Điểm này có một cái miếu gọi là La Thần miếu. Ban đêm, Duệ nằm mơ thấy được thần miếu cho gọi đến và được chiêu đãi thật hậu hĩnh. Thần lại cho Duệ Tôn hai chiếc bút lông một to, một nhỏ. Lúc tỉnh dậy, Duệ Tôn rất bối rối. Về sau, Duệ Tôn trở nên Hàn lâm học sỹ, cho là ứng vào việc La Thần cho bút. Duệ lại được thăng quan, nói với mọi người : "Đó là sự hiển linh của hai chiếc bút lông". Khi Duệ Tôn đến nhận chức Trung thư, nhìn thấy

quan giúp việc của mình nâng hai cái bút nhỏ lên, một cái lớn, một cái nhỏ hoàn toàn giống hai cây bút trong mộng.

Giấc mộng về người con gái siêu độ.

Theo "Xuân Chu ký văn", Cao thị người Phù Ly đời Tống, 20 tuổi, vì khó đẻ nên đã chết. Cha nàng là Triều Nghị thương nhớ vô vàn.

Một hôm Triều Nghị mơ thấy con gái nói với ông rằng : "Nay con chỉ yêu cầu cha cho mời người đến vẽ chân dung của con sao cho thật giống rồi nhờ các vị tăng ở gần dán chân dung của con lên trên quả chuông ở miếu và cho người đánh chuông một ít tiền để sáng sớm, khi đánh chuông người ta cầu, chúc, nhắc đến tên con. Đến khi nào chân dung ~~ra~~ xuống mà bức họa không sây xước, nhàu nát gì là điềm tốt, tức là con đã siêu sinh ở tịnh độ". Triều Nghị tỉnh dậy, vội vàng sai gia nhân mời người vẽ ảnh, triệu các vị tăng đến và làm tất cả mọi việc như con gái đã dặn trong mộng. Sau vài tháng, Triều Nghị lại mơ thấy con gái mặc áo đỏ, đội mũ ngọc, nói với mình : "Cảm ơn công đức của cha. Con gái của cha đã lên trời". Lúc tỉnh mộng, chưa kịp nói năng gì, chỉ thấy có người gõ cửa. Ra mở cửa thấy mấy vị tăng mang đến cho xem bức vẽ đã rơi xuống lành lặn, gọn gàng, không sây xước gì.

Rùa đá thác mộng, báo ân

Theo sách "Hồ Hải tân văn tiền tập", Đồi Nguyên, ở châu An Phúc có một vị tăng chưa xuất gia, thấy giữa bụng rùa đá trước cửa miếu có một búi cỏ. Vị tăng liền nói: "Búi cỏ chướng quá, ta sẽ lấy lửa đốt đi cho sạch". Ban đêm vị tăng mơ thấy rùa đá đến báo: "Phía ngoài sân là sông lớn. Tôi là một viên quan nhỏ của Long vương. Dưới bàn của Long vương có cuốn "Cảm long kinh" và cái thuốc "Cảm long". Ngày mai tôi sẽ lấy cho ông mượn. Ông sao chép nhanh rồi trả lại tôi. Ông cũng giúp tôi đốt cháy búi cỏ giữa bụng tôi" ... Ngày hôm sau, dưới con rùa đá có cuốn kinh và một cái thuốc. Vị tăng học được thuật nhìn phong thổ, phong thủy của thần. Ông được coi là một vị thần tăng.

Chu Nguyên Chương và Quan Công đối thoại trong mộng

Đầu đời Minh, Chu Nguyên Chương tu tạo 10 ngôi đền và miếu. Riêng có miếu Quan Công là không động đến. Đêm đó, trong mộng, Chu Nguyên Chương thấy một người mặt đỏ, áo màu xanh lục, tay cầm đại đao, quỳ xuống, bái và nói: "Thần, Hán Thọ Đình hầu Quan Vũ có mặt. Bệ hạ lập miếu, sao bỏ rơi riêng có thần".

Chu Nguyên Chương nói : "Khanh không có công với nước, không lập được". Quan Công lại nói : "Trong trận đánh Thảm Dương của bệ hạ, tôi có cử 10 vạn âm binh trợ giúp, sao lại không có công". Chu Nguyên gật đầu. Sáng hôm sau, lúc tỉnh dậy, Chu Nguyên Chương lập tức hạ lệnh lập riêng một cái miếu. Hẹn ba hôm phải làm xong.

Quý sợ quan

Các năm Chinh Thống đời Minh, Lý Dụ người Phong Thành khi còn là học sinh, về quê ngoại thăm ông bà, họ hàng bên ngoại. Quê có dịch, ông ngoại, bà ngoại bị ốm, đều phải nằm trên giường. Ông ngoại của Lý nằm mơ trước khi Lý về đến quê một ngày. Ông ngoại nghe thấy bọn quý bàn nhau : "Ngày mai có Thượng thư bộ Lại tới. Chúng ta phải lánh đi một ít ngày". Một con quý khác bảo : "Có thể núp vào chiếc giường bỏ không trong bếp..." Ông ngoại nghe thấy rất sợ hãi và lấy làm lạ. Ngày hôm sau, Lý Dụ về đến nhà ông bà ngoại, ông ngoại vui mừng khôn xiết, đề nghị Lý viết cho mấy tờ giấy niêm phong có mấy chữ "Giấy niêm phong của Thượng thư bộ Lại". Lý Dụ ngạc nhiên quá, chẳng biết duyên cớ gì. Lý không muốn viết. Ông ngoại nài mãi, Lý đành phải viết. Ông ngoại còn vút chiếc giường bỏ không trong bếp ra phía ngoài nhà. Sau khi Lý Dụ trở về, bệnh tình của ông bà ngoại

đã khởi hân. Về sau, quả nhiên Lý Du đậu trạng nguyên và làm Thượng thư bộ Lại.

Quan âm thác mộng

Năm Gia Tĩnh đời Minh, Kinh vương mơ thấy có người nói với mình: "vá quần áo cho ta, ta phù hộ cho con cháu người". Kinh vương hỏi: "Người là ai?" Người kia trả lời: "Nhìn cho rõ, nghe cho thính, sẽ biết". Khi tỉnh, Kinh vương không hiểu lời nói kia có nghĩa gì. Một hôm nhìn tượng Quan Âm, chợt nhớ ra câu thần ngữ "nhìn cho rõ", đâu có phải là tượng quan? "Nghe cho thính,, đâu có phải là Âm? Bên cạnh phù của Kinh vương có Quan Âm các. Kinh vương nhìn thấy đền Đông bị huỷ hoại, các pho tượng bị mưa gió làm đổ gãy. Kinh vương liền lệnh cho tu sửa lại rồi lập bia ghi chép.

*

* * *

Ở trên, chúng ta đã phân tích tác dụng xã hội tiêu cực của thuật đoán mộng qua bốn mặt của vấn đề. Từ đó, chúng ta đã nghiên cứu và có được lời giải thích khoa học về giấc mộng, đã phê phán hoạt động mê tín phong kiến và theo chủ nghĩa duy tâm, đã xác định được tinh thần văn minh xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, sau khi nhân loại tiến vào thế kỷ 20 khoa học kỹ thuật được phát triển mạnh mẽ, những hoạt động mê tín phong kiến vẫn lưu hành một cách không suy giảm. Ở một số các quốc gia phương Tây, những hoạt động mê tín phong kiến như đoán mộng, bói toán vẫn cùng tồn tại với nền văn minh hiện đại. Đến ngay cả máy tính là tượng trưng cho khoa học tiến bộ cũng dùng để chiêm bói, bói toán. Chúng ta biết rằng khai triển cuộc đấu tranh với lĩnh vực hình thái ý thức lạc hậu là rất gian khổ. Đặc biệt là giai đoạn gần đây, chúng ta kiên trì mở rộng cửa ra nước ngoài. Một số hoạt động mê tín phong kiến bị phê phán trước đây là tro tàn, nay lại cháy trở lại làm nên "khói đen, chướng khí" trực tiếp ảnh hưởng đến đời sống của quần chúng, đến sản xuất và an ninh. Và có nhiều điều lạc hậu, cặn bã, cũng ùa vào nước ta trong lúc mở cửa. Những điều đó được dán nhãn tâm lý, khoa học, và biến thành hàng hoá. Thí dụ như môn đoán mộng khoa học, sách "Chu công giải mộng" v.v... Theo một báo cáo nào đó, có một cán bộ nhà nước đi công tác, rẽ vào chợ mua cuốn "Chu công giải mộng". Về đến khách sạn thấy trong sách có nói: "Nằm mơ thấy trên giường có máu nghĩa là vợ có "ngoại tâm". Ban ngày thì nghĩ thế ban đêm nằm mộng. Quả nhiên ban đêm anh ta nằm mơ thấy trên giường có vết máu. Thế là ngày hôm sau, anh ta vội về nhà, ép vợ phải

thừa nhận mối tình bất chính. Người vợ bị nổi nhục mà không hiểu gì cả, uống thuốc tự tử. Có người đàn bà có mang, nghe nói ăn dưa hấu sẽ đẻ con trai. Đây là trong mộng cho biết vậy. Nếu nằm mơ thấy hoa tươi sẽ sinh con gái. Người đó mong được nằm mộng đi đến nơi xa xôi chứ không muốn đặt chân đến vườn hoa của nhà có đủ loại hoa tươi. Còn nhiều thí dụ như vậy trong cuộc sống hiện thực ngày hôm nay. Do đó, việc dùng lý luận khoa học để giải thích về giấc mộng, tiêu trừ tác dụng xã hội tiêu cực của mê tín đoán mộng là một sự việc to lớn liên quan đến văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa. Điều ấy đòi hỏi chúng ta còn phải cố gắng, vất vả lâu dài mới làm được.

- XVI -

MÊ TÍN ĐOÁN MỘNG CHUYỂN SANG GIẢI THÍCH MỘNG BẰNG KHOA HỌC

Freud là một trong những nhân vật có kịch tính truyền kỳ phong phú nhất trong giới tư tưởng Tây Âu đương đại. Có học giả châu Âu cho rằng, ba con người vĩ đại gốc Do Thái ảnh hưởng đến sự phát triển tư tưởng Tây phương là :Karl Max, Freud và Einstein.

Với "Lý luận phân tích tinh thần" đã làm cho tên tuổi Freud lung lay trên thế giới. Lý luận giải thích mộng là một bộ phận tổ thành chủ yếu của học thuyết phân tích học tinh thần, là con đường cơ bản tìm tòi và mở ra quá trình tâm lý vô ý thức của ông. Cũng là ông thực hiện một chuyển biến vĩ đại đưa mê tín đoán mộng sang giải thích mộng một cách khoa học.

1. TẠI SAO FREUD VIẾT "GIẢI THÍCH MỘNG" ?

Từ lâu, người ta coi mộng là hiện tượng thần bí. Có người cho mộng là kết quả của linh hồn thoát lý thể xác như kiểu người nguyên thủy nghĩ. Có người

lại dựa vào quan điểm mê tín, cho mộng là kết quả của sự hiển linh hoặc sự gợi ý của quỷ thần. Có những nhà khoa học cũng đã từng giải thích về mộng. Nhưng những nhà khoa học muốn dùng quan điểm khoa học để giải thích giấc mộng thời kỳ trước Freud chưa thực sự làm sáng tỏ được bản chất của giấc mộng. Cũng có một số nhà triết học chỉ thoả mãn chung chung hoặc trừu tượng với một loại biểu hiện quy kết vào sự hoạt động của bộ phận não. Nhưng, cũng vì thiếu sự phân tích sâu sắc và cụ thể nên những kết luận trừu tượng đó không được nhiều người tiếp thu.

Ngược lại, những tà thuyết thần bí hoá giấc mộng có những tình tiết cụ thể sinh động lại hấp dẫn và làm cho một số người nói chung cảm thấy hứng thú. Là vì sự nghiên cứu khoa học về giấc mộng chưa thu được kết quả quan trọng, có ý nghĩa đột phá. Trên trận địa lý luận giải thích giấc mộng, tà thuyết mê tín vẫn chiếm địa vị cao hơn. Như Freud đã nói trong cuốn "Giải thích giấc mộng": Cách nhìn về giấc mộng do thời đại nguyên thủy lưu lại vẫn còn ảnh hưởng sâu sắc đến sự bình luận, đánh giá của những người bảo thủ nói chung về giấc mộng cho đến tận ngày nay. Họ cho rằng mộng có quan hệ mật thiết với sự tồn tại của giới siêu tự nhiên. Tất cả mọi giấc mộng đều bắt nguồn từ sự gợi ý mách bảo của các quỷ thần mà họ tưởng tượng. Cho nên, họ cho rằng sự gợi ý của

quý thần có tác dụng đặc biệt đối với giấc mộng, cho là mộng dự đoán tương lai.

Để mọi người thấy rõ địa vị lịch sử của học thuyết giải thích mộng của Freud, cần thiết phải trình bày một cách đơn giản những cách nhìn có liên quan đến giấc mộng trước Freud. Những cách nhìn đó quy nạp lại thành năm loại :

Cách nhìn số một, coi mộng là "thần luận". Các loại mê tín tôn giáo đều thuộc loại này. Những người nguyên thủy cho rằng mộng là sự gợi ý của thần, cho nên mộng còn đáng tin cậy và chính xác hơn những quan sát và cảm thụ của con người. Thổ dân người Ga-na ở Châu Phi quy định rằng nếu trong giấc mộng mà nằm mơ thấy mình "ngủ nghe" với vợ người khác thì sẽ phạm tội "thông gian" và bị xử phạt. Ở vùng thổ dân miền Viễn Đông Liên Xô cũ, nếu có người nào nói với đối phương : "Đêm qua tôi mơ thấy có được thửa đất của anh", như vậy, người nghe chuyện sẽ chấp tay mà đưa thửa đất cho người có giấc mơ đó. Tại Ba-bi-lon cổ giải thích mộng là sự hiển linh của Thượng đế. .. Những quan niệm mê tín này cho đến tận bây giờ vẫn còn lưu truyền ở những nơi có con người ngu muội, lạc hậu. Có khi, thậm chí cả ở một số người có giáo dục.

Cách nhìn thứ hai : "Mộng là biểu hiện khi tật bệnh hoặc có trục trặc gì trong cơ thể con người". Trước

đây 2000 năm, cách nhìn này được lưu truyền ở Ấn Độ. Bộ sách chữa bệnh cổ đại Ấn Độ có ghi : "Người nào nằm mơ nhiều lần thấy bị cá lớn nuốt hoặc bị ngã từ trên ngọn núi xuống thường là ám thị của một bệnh tật nào đó trong các khí quan hoặc sự phát sinh của một bệnh tật nào đó. Cách nhìn này ít nhiều mang theo một chút yếu tố duy vật thực sự.

Cách nhìn thứ ba coi mộng là một sự trung cầu cái "mỹ" và "cái thiện" nội tại. Đó là quan điểm của các văn học gia của chủ nghĩa lãng mạn từ thế kỷ 18 đến thế kỷ 19. Nhà thơ người Đức Goethe nói : "Tinh người có một năng lượng tốt đẹp nhất, tùy thời gian bị thất vọng hoặc được nâng đỡ. Trong đời tôi có nhiều lần đau khổ, nuốt nước mắt. Nhưng sau khi lên giường nằm, cảnh mộng có thể dùng mọi hình thức dẫn dắt và an ủi tôi, làm cho tôi siêu thoát khỏi nỗi bi thương mà đổi lại được sự nhẹ nhàng vui vẻ".

Cách nhìn thứ tư cho mộng là sự gợi ý đầy sức sáng tạo. Người ta thường nhắc đến giấc mộng của nhà hoá học Đức là Go-cu-le. Trước khi ngủ, ông quá đăm chiêu, suy nghĩ mà không có cách nào giải quyết được kết cấu phân tử của benzol. Nhưng trong mộng, ông rất tinh táo, thanh thản mà nhìn thấy từng nguyên tử một bày ra trước mắt mình như con rắn xếp cuộn lại... Ô! cái gì thế này? Có một con rắn tự cắn đuôi mình, di chuyển vòng tròn. Đột nhiên, ánh sáng bật

lên... Ông tỉnh dậy. Ông lập tức viết ra kết cấu vòng tròn của benzol. Một nhà vật lý người Đức là Ôt-tô-si-vét cũng có một giấc mộng. Trong mộng ông thấy làm thực nghiệm cùng một lúc với hai con ếch có thể giải quyết được lý luận "thần kinh truyền dẫn" của ông. Thế là lúc 3 giờ sáng tỉnh dậy, ông liền nhảy vào phòng thực nghiệm, thao tác đúng như trong giấc mộng. Kết quả là công trình nghiên cứu "thần kinh hoá học truyền dẫn" được tặng giải Nô-ben.

Cách nhìn thứ năm coi mộng là sản phẩm của tác dụng "tinh thần". A-ri-xtốt, học trò của nhà triết học cổ đại Hy Lạp Platon cũng coi mộng là một loại tác dụng tinh thần nhưng khác với Platon, ông cho rằng mộng là tư tưởng kéo dài đến trạng thái ngủ. Quan điểm này biểu hiện rõ một cách hàm súc là mộng có liên quan đến cuộc sống hiện thực. Tư tưởng này sâu sắc hơn tư tưởng của Platon. Cho đến cận đại, cũng có một số nhà tư tưởng, nhà văn tiếp tục coi mộng là ảnh hưởng của tình cảm cuộc sống. Giấc mộng không vừa lòng là kết quả của tinh thần tu lự lo lắng. Nhà triết học Đức Niết-so bảo : "Giấc mộng là sự bồi thường lại sự vui vẻ và mỹ cảm bị mất đi lúc ban ngày".

Năm cách nhìn nói trên không thể phản ánh toàn diện tình trạng nghiên cứu trước đây về giấc mộng. Trong lịch sử nhân loại, do mộng có tương quan chặt chẽ với cuộc sống hiện thực, do quan hệ mật thiết

giữa mộng với hoạt động tâm lý, tinh thần của nhân loại cho nên không kể là nhà khoa học, nhà triết học, văn học hoặc người bình thường đều cảm thấy rất hứng thú với giấc mộng và phân tích theo nhiều kiểu. Freud thấy rằng từ cổ đến giờ, tất cả các quan điểm giải thích về mộng đều có liên hệ với thế giới quan của mọi người, cho nên mọi người không ngừng bình luận và phân tích về giấc mộng. Thậm chí có thể nói rằng giấc mộng là một biểu hiện chủ yếu của thế giới quan. Ông bảo : "Quan niệm về mộng có trước khi khoa học ra đời. Tất nhiên nó được dần dần hình thành ra quan niệm của bản thân người xưa đối với chính thể vũ trụ. Ông còn thấy rõ các quan niệm đối với mộng trước kia vẫn còn ảnh hưởng sâu sắc và rộng rãi cho đến tận ngày nay. Cho nên chỉ có sự phân tích khoa học đối với giấc mộng mới có thể quét sạch được ảnh hưởng của những quan điểm phi khoa học, và do đó tiến thêm một bước nhận thức một cách chính xác bản chất tâm lý của nhân loại. Freud nói : "Chúng ta nghìn vạn lần không nên cho rằng cái lý luận nhìn mộng như một sức mạnh siêu nhiên ngày nay không còn nữa. Thực ra ngày nay, người ta không chỉ còn tin vào những thần thoại với những thần thánh quý quái mà các nhà tiểu thuyết vẫn cứ chấp bút viết chuyện quỷ thần đã bị khoa học quét sạch nhưng vẫn còn rơi rớt lại. Mà ngay cả những người có học tin vào tôn giáo, vào thần

linh vẫn giải thích mộng theo kiểu mê tín. Một số môn phái triết học chịu ảnh hưởng cổ xưa về giấc mộng cũng không xoá được cách nhìn đoán mộng theo kiểu ngày xưa trong đầu óc một số nhà tư tưởng. Chủ yếu là sự giải thích khoa học về phương diện tâm lý ngày nay không đủ tư liệu "đầy đủ" để giải thích". Đoạn trên đã chứng tỏ rằng trong quá trình viết cuốn "Giải thích mộng", Freud đã đấu tranh chống lại những tà thuyết phản khoa học, mê tín và đó là một động cơ quan trọng. Freud cảm thấy sâu xa rằng, nếu về mặt tâm lý không thể phân tích giấc mộng một cách sâu sắc và rút ra những kết luận khoa học, thì không có cách nào khác tiêu trừ nỗi tác hại của những tà thuyết.

Freud còn phát hiện thấy việc phân tích mộng giúp đỡ ông tự giác dùng phương pháp phân tích tinh thần do ông sáng tạo ra để tìm tòi quy luật hoạt động của tiềm ý thức. Do đó, ta thấy rằng việc nghiên cứu giấc mộng của Freud là do yêu cầu thực tế trong hoạt động thực tiễn nghiên cứu giấc mộng và kết quả tất nhiên khi ông nghiên cứu về thế giới tiềm ý thức do yêu cầu bức thiết của lương tâm khoa học.

Với sự khai phá cần cù của Freud, giấc mộng đã được đặt vào mảnh vườn của sự khảo cứu khoa học. Trước đây, mộng là lãnh địa của các nhà chiêm,

bốc, các nhà thuật sỹ giang hồ, là mảnh đất hoạt động của các nhà tôn giáo, mê tin... Nhiều năm gần đây, các nhà khoa học đã không coi trọng giấc mộng. Cho là nó không có mấy giá trị hoặc giả họ chỉ nghĩ đến qua loa. Họ chỉ nói gọn rằng mộng là sản vật suy ra khi gân cốt và não mệt nhọc, hỗn loạn. Nhưng ngày nay, qua sự cố gắng của Freud, sự giải thích về mộng đã trở nên ngành khoa học nghiên cứu về tâm lý nhân loại.

2. MỘNG LÀ SỰ THOÁ MẢN CỦA DỤC VỌNG

Mục đích nghiên cứu giấc mộng của Freud không chỉ dừng lại ở chỗ giải thích giấc mộng, mục đích chủ yếu của ông là thuận theo đường dây của giấc mộng mà làm sáng tỏ quy luật tâm lý chung của con người. Từ việc phân tích hiện tượng đặc biệt và cụ thể của giấc mộng, Freud đã lần lượt nâng cao lên đến nhận thức bản chất tâm lý của nhân loại. Với độc giả nói chung, không cần biết quá trình phân tích cụ thể về giấc mộng của Freud mà chỉ cần chú ý tới tổng kết luận thu được trong quá trình phân tích. Trong những điều tổng kết, chúng ta có thể nắm được bản chất tâm lý nhân loại. Nhưng nói đi phải có nói lại. Để có thể hiểu biết sâu sắc hơn kết luận chung của Freud về tâm lý nhân loại, cần phải thực sự và thực tế dựa vào con đường và các bước nghiên cứu cụ thể của Freud mà học tập cách phân tích tinh thần của ông. Có nhu

thế, mới có thể lý giải và nắm vững được kết luận chủ yếu của ông một cách sâu sắc như câu : "Mộng là sự thoả mãn của dục vọng".

Freud cho mộng là sự thoả mãn của dục vọng. Tuy vậy sự biểu hiện của dục vọng trong mơ, có lúc trực tiếp, cũng có lúc gián tiếp. Có lúc lại biểu hiện ra với hình thức ngược lại.

Có nhà tâm lý học làm cuộc hữu nghiệm nghiên cứu về biến hoá tâm lý. Ông bắt 32 học sinh tuyệt thực vài ngày để thí nghiệm cả quá trình thực nghiệm bụng lép kẹp. Trong quá trình thực nghiệm, có nhiều người mơ thấy mình ăn phàm như lang sói. Những câu chuyện họ nói với nhau nặng về vấn đề ăn uống, chế biến các thức ăn, phát hiện món ăn v.v... Nội dung các câu chuyện tỷ lệ thuận với sự lép kẹp của bụng. Có nhiều người vốn không ưa gì kỹ thuật nấu ăn hoặc các món ăn v.v... nay đã thích thú những điều về ăn uống. Thậm chí có người còn muốn sẽ trở thành đầu bếp hoặc về làm vườn ở nông trường sau khi cuộc thực nghiệm kết thúc. Số người vừa kể ra chiếm 1/3 số học sinh thực nghiệm.

Có một số giấc mộng phản ánh nguyện vọng hơi vòng vo, lắt léo một chút. Có lần phu nhân anh bạn của Freud nằm mộng thấy mình có kinh nguyệt. Chưa bao giờ phu nhân có giấc mộng như thế. Nàng bèn

đến xin ý kiến của Freud. Ông nói với nàng : "Phu nhân nằm giấc mơ vì trong đáy lòng có ý nghĩ là "có kinh nguyệt là tốt". Nếu ngược lại, giấc mộng đó có thể giải thích là gần đây kinh nguyệt của phu nhân tạm ngừng. Nghe xong, phu nhân đó kinh ngạc và thú nhận với Freud là nàng đã có mang. Nàng rất khâm phục Freud về cách giải thích của ông.

Phải nói, những ý muốn vô ý thức của nội tâm như vậy biểu hiện diện mạo vốn có của nó một cách trực tiếp hoặc vòng vo thì sự phán đoán cũng tương đối dễ. Đương nhiên do bản chất và cơ chế của mộng rất phức tạp, nhiều nội dung của những giấc mộng đối với nhân loại vẫn cứ là thế giới chưa biết được. Tuy vậy, theo phương pháp phân tích tinh thần của Freud, có thể giải thích được nhiều ổ khoá thần bí của giấc mộng.

Có lần một nữ bệnh nhân nói mình có qua một giấc mộng phản bác lại quan điểm "mộng là sự thoả mãn của dục vọng" của Freud. Nữ bệnh nhân kể : "Tôi mơ thấy mình muốn chuẩn bị bữa ăn tối. Nhưng chỉ có món ếch hun khói. Tôi định đi mua thức ăn nhưng lại là chiều chủ nhật nên các quầy hàng đều nghỉ. Muốn gọi điện thoại cho nhà ăn, điện thoại lại không thông. Do vậy tôi đành bỏ cái ý làm cơm tối.

Để phân tích ẩn ý của giấc mộng này. Freud không thoả mãn với những điều kể của nữ bệnh nhân. Qua điều tra chi tiết, ông tìm ra sợi dây có quan hệ với cuộc sống thường ngày của nữ bệnh nhân và tìm ra được long mạch tàng ẩn bên trong.

Vốn là, trước một hôm nàng ốm, chồng nàng đã bảo nàng là chàng đã béo lắm rồi, chàng phải chấp nhận trị liệu giảm béo. Cùng ngày, nàng phải đi thăm người bạn gái mà chồng nàng thường tán tụng làm cho nàng phát ghen lên, đồng thời thấy người bạn gái này rất gầy, mà người chồng rất thích những phụ nữ đầy đặn. Người bạn gái liền nói lừa nữ bệnh nhân : "Tôi ân hận không thể béo lên một chút. Không biết hôm nào chị mời tôi ăn một bữa ? Chị làm thức ăn ngon lắm !".

Biết được chi tiết đó. Freud giải thích với nữ bệnh nhân : "Kỳ thực, lúc người bạn gái muốn chị mời cơm khách, trong bụng chị đã có cân nhắc : "Thôi ! Tôi không mời chị đến nhà tôi ăn bữa cơm ngon. Nếu để chị béo lên một chút, sẽ làm cho chồng tôi động lòng ham muốn. Tôi không nấu cơm chiều nữa là tốt nhất. Còn giấc mộng của chị nói là không làm được bữa tối là để thoả mãn cái mục đích không để cho người bạn gái béo lên một chút. Mà, món cá hun khói cũng là món ăn mà người bạn gái của chị rất thích. Freud lại chỉ ra : Trong mộng người nữ bệnh nhân tiếp người bạn nữ vì cô ta cướp mất

sự ngưỡng mộ của chồng mình, mà nữ bệnh nhân lại muốn tranh lại sự yêu quý của chồng đối với mình... Giấc mộng này có thú tự".

Một nguyên vọng không được thoả mãn lại tượng trưng cho một nguyên vọng khác được thoả mãn. Với những giấc mộng không vui, Freud có một kết luận : "Mộng là nguyên vọng bị áp chế thông qua sự thoả mãn biến hình. Dục vọng bản năng vô ý thức. Mộng chẳng qua là sự thoả mãn bản năng vô ý thức mà thôi.

3. TÀI LIỆU VÀ NGUỒN GỐC CỦA MỘNG

Tài liệu và nội dung của mộng, suy cho cùng là từ đâu đến ? Trong những nguyên liệu đó, những thứ nào đến từ thế giới bên ngoài và cuộc sống hiện thực? Những thứ nào đến từ tiềm ý thức bên trong. Những sự tìm tòi này sẽ giúp chúng ta hiểu rõ quy luật hoạt động của tiềm ý thức và sự quan hệ của nó với đời sống bên ngoài, tiến thêm một bước nữa hiểu rõ những nhân tố nội tại và nhân tố ngoại lai và mối quan hệ giữa hai cái đó nằm trong nội dung hoạt động tâm lý của con người. Đồng thời có tác dụng bổ trợ tích cực cho việc làm lộ sự mê tín của thuật đoán mộng.

Freud phân chia đại bộ phận tài liệu và nguyên liệu cấu thành giấc mộng ra làm ba loại : Loại một lấy nội dung từ những sự việc có ấn tượng sâu đậm trong

mấy ngày gần nhất. Loại thứ hai, mộng có thể bắt nguồn từ những kích thích nhục thể. Loại thứ ba, mộng có quan hệ với những từng trải từ thuở còn thơ ấu.

Freud cho rằng giấc mộng có mối liên hệ trực tiếp với những dấu vết trong sinh hoạt thường ngày. Có chỗ như mỗi một giấc mộng đều có thể phát hiện thấy nó có nguồn gốc từ những sự việc một ngày trước khi có giấc mộng. Dưới đây là trích đăng vài thí dụ giữa mộng và phần gốc trong cuốn "Ghi chép về mộng" của Freud :

Mộng rằng : "Tôi đến thăm một người bạn mà gia đình này rất không muốn thấy mặt tôi ... Nhưng đồng thời cũng làm cho một cô gái đợi chờ tôi". Nguồn gốc của mộng : "Đêm hôm đó, một người đàn bà có họ hàng với Freud nói chuyện với ông ta. Bà ta nói bà ta muốn đợi cho đến khi nào trong tay nhận được hối khoán, cho đến khi...

Mộng rằng : "Tôi thấy hai mẹ con người ấy đi bên đường phố. Cô gái là một con bệnh". Nguồn gốc của mộng là ngày hôm đó Freud trị bệnh cho một cô gái, cô ta nói rằng mẹ cô ta phản đối việc cô tiếp tục tới nơi ông để điều trị.

Freud tin rằng nguồn gốc kích thích của mỗi giấc mộng đều bắt nguồn từ những từng trải trước khi ngủ.

Những ấn tượng phát sinh ra gần khi ngủ nhất có thể cấu thành tài liệu, tổ chức thành nguồn gốc giấc mộng. Đồng thời những ấn tượng từ rất lâu cũng có khả năng ảnh hưởng tới nội dung giấc mộng. Freud nói: "Chỉ cần những ấn tượng thời gian sớm, có quan hệ liên đới với những sự kích thích nào đó trong ngày xảy ra mộng, nội dung mộng có thể bao hàm những ấn tượng phát sinh ra trong mọi thời gian".

Freud khái quát nguồn gốc và hình thức cấu thành cụ thể của giấc mộng như sau :

Một loạt sự kiện phát sinh gần nhất lại có ý nghĩa trọng đại về tinh thần. Nó trực tiếp biểu hiện trong giấc mộng ; vài loại sự kiện phát sinh gần nhất mà lại có ý nghĩa, đúc lại thành một chỉnh thể ở trong mộng một hoặc mấy sự thực vừa mới phát sinh, và lại có ý nghĩa được biểu hiện thành ấn tượng không mấy quan trọng đồng thời phát sinh trong giấc mộng. Một loại kinh nghiệm có ý nghĩa đối với bản thân người nằm mơ, hơn nữa thường biểu hiện trong mộng bằng ấn tượng khác không mấy quan trọng được phát sinh ra gần nhất để làm nội dung giấc mộng.

Những từng trải buổi đầu trong thời thơ ấu cũng là một trong những nguồn gốc của mộng. Freud cho rằng thể nghiệm ở tuổi thơ nói chung không tiêu mất

đi. Nó nằm sâu trong tiềm ý thức. Giác mộng thông qua các loại phương thức mà biểu hiện nó ra ngoài một cách quanh co.

Tùng trải tuổi thơ có thể hiện rõ trong mộng. Loại thể hiện này có một số phương pháp lắt léo. Có lúc nó cần ngòi dẫn để đi đến liều thuốc nổ.

Freud đã sớm đi du lịch La Mã qua mộng và viết cuốn "Mộng du La Mã" để thực hiện nguyện vọng nghiên cứu của mình. Có lần ông mơ thấy mình ngồi trong toa xe hoả nhìn ra phía ngoài thấy sông Tai-bơ và cầu Sang-an-ki-la thoát sau qua cửa sổ. Xe lửa khởi động làm ông tỉnh dậy. Ông chưa từng tới thành La Mã, cảnh sắc La Mã trong mộng chẳng qua chỉ là trong bức hoạ điêu khắc mà ông đã thấy ở trong phòng khách của một bệnh nhân.

Trong giấc mộng thứ hai, ông thấy một người nào đó dẫn ông lên một ngọn núi, chỉ cho ông thấy thành La Mã bán ẩn bán hiện trong sương mù phía xa. Trong mộng, ông cảm giác kinh ngạc vì thành La Mã xa vậy mà cảnh vật lại rất rõ ràng.

Giấc mộng thứ ba, ông thấy mình đến thành La Mã. Nhưng phát hiện ra ngay thành phố cũng chỉ bình thường như những thành phố khác. Trong đó có con sông nhỏ, một bên bờ là những tảng đá đen, một bên

là cánh đồng thảo nguyên. Những bông hoa to trắng mọc trên miếng đất dài. Tôi gặp ngài Gúc-kơ, hỏi đường ông ta để đi một vòng trong thành phố. Sự thực ra, Freud căn bản không có cách nào nhìn thấy trong mộng một thành phố mà mình chưa hề đến. Những bông hoa trắng trong mộng là những bông hoa quen thuộc với Freud mà ông đã nhìn thấy ở Rivana - thành phố này có một lần suýt được giữ địa vị thủ đô như La Mã. Ở Ravina, các ao hồ xung quanh có loại hoa thủy bách hợp giống như các bông hoa Freud thấy trong mộng.

Giấc mộng thứ tư đưa Freud về nội thành La Mã. Phố xá có nhiều biển quảng cáo đề bằng tiếng Đức. Thì ra thời gian trước giấc mộng, ông có hẹn gặp người bạn ở Praha. Nhưng trong mộng, ông di chuyển Praha sang La Mã. Giấc mộng đồng thời cũng thực hiện giấc mơ từ thời học sinh là ông có nguyện vọng sang Praha chơi để tiện việc sử dụng tiếng Đức ở đó. Trong chuyến du chơi La Mã có rất nhiều ảnh tượng về nguyện vọng lúc còn nhỏ tuổi của ông.

Còn có một loại gọi là "Mộng gặp lại hàng năm", đó là những giấc mơ đã qua từ thời còn thơ ấu, đến khi thành niên chúng vẫn cứ ngoan cố xuất hiện trong mộng. Có một y sĩ 30 tuổi kể lại với Freud rằng từ lúc còn nhỏ cho đến bây giờ, anh ta thường mơ thấy

con su tử vàng. Con su tử rất sống động mà anh có thể vẽ ra được. Vẽ sau, anh phát hiện ra con su tử trong mộng. Đó là con su tử đồ chơi lúc nhỏ mà anh rất thích.

Freud còn nhận thấy rằng nguồn gốc về mặt nhục thể của giấc mộng. Những kích thích bên trong và ngoài cơ thể, ở nước ta, từ xưa đã có người quan sát thấy rằng mộng có quan hệ với những kích thích mà thân thể cảm nhận thấy.

"Hoàng đế nội kinh" đã cố gắng thử lấy những biến hoá của hiện tượng sinh lý, bệnh lý của cơ thể con người để giải thích mộng. Thời Tống, nhà thơ Hoàng Đình Kiên có bài thơ "Ngủ ngày hôm 17 tháng 6".

Tiếng ngựa nhai cành đậu khô sột soạt có thể kích thích khí quan thính giác của nhà thơ tạo ra tiếng mưa bão trong mộng và cảnh sóng cuộn. Tiền Trung Thu bình rằng tiếng ngựa nhai trong "ảo mộng" thành cảnh mưa gió lạnh lẽo. Người nghe thấy mình bứt nóng nực mà thoả ý muốn.

Nhà thơ yêu nước Lục Du viết gần vạn bài thơ trong đó có nhiều thơ viết về giấc mộng. Bài "Thập nhất nguyệt tứ nhật phong vũ đại tác" có mấy câu thơ :

*Cương ngoại cô thôn bất tự ai...
Thiệt mã băng hà nhập mộng lai ...*

Nhà thơ nằm lạnh cóng cô đơn tại một cô thôn mà nghĩ đến chóng giặc rửa hận bảo vệ biên cương. Ban đêm tĩnh mịch gió thổi tưởng như nghe thấy tiếng vó ngựa qua sông... Hình ảnh và âm thanh bay vào cảnh mộng của nhà thơ. Đây là thí dụ liên hệ chặt chẽ giữa giấc mộng với kích thích vào cơ thể. Freud phân chia các kích thích về mặt nhục thể ra làm ba loại : những kích thích cảm quan do ngoại vật đưa đến; trạng thái hứng phấn cảm quan nội chi có thể cảm thụ bằng cảm giác chủ quan những kích thích của nội bộ cơ thể phát ra từ các khí quan nội tại.

Học thuyết về tài liệu và nội dung giấc mộng của Freud cũng có khuyết điểm của nó. Trong đó chủ yếu nhất là ảnh hưởng của quan điểm "Quyết định luận". Freud cho rằng giấc mộng những hoạt động tâm lý khác đều có tính quy luật nghiêm ngặt. Nhưng Freud đã tuyệt đối hoá những quy luật đó đến nỗi dẫn đến phủ nhận nhân tố có tính ngẫu nhiên. Cho nên khi ông giải thích về hiển ý và ẩn ý của mộng, cố ý coi bất cứ một chút tài liệu nào đều là có ý nghĩa, là có ảnh hưởng của đời sống hiện thực.

Nếu nói đến "tác dụng kiểm tra" khi giải thích ý thức, ông rất coi trọng tính năng động chủ quan của ý thức và năng lực hoạt động tương đối độc lập có ý thức, thì khi nói đến quan hệ giữa nội dung giấc mộng với hiện thực và lịch sử, ông lại coi nhẹ tác dụng năng động này của ý thức. Ông tuyệt đối hoá ảnh hưởng

của kinh nghiệm lịch sử đối với giấc mộng đến nỗi ông cho mỗi một chi tiết của giấc mộng đều là sự tái hiện của hiện thực, đã làm cho người ta cảm thấy có chút khoa trương và cường điệu.

Tuy vậy sự giải thích nguồn gốc nội dung mộng và các tài liệu biểu hiện tính phiến diện lại bổ sung cho phần lý luận về quá trình vận động của giấc mộng của Freud.

Tức là nói rằng khi phân tích và thuyết minh quá trình vận động của giấc mộng, Freud đã tỏ ra có tính linh hoạt cao độ. Freud chú trọng tác dụng năng động chủ quan của hai mặt tiềm ý thức và ý thức. Thế giới quan của Freud lúc thì "cứng nhắc" lúc thì linh hoạt, chỉ có thể một lần nữa nói lên tính tự phát và tính không triệt để trong thế giới quan khoa học của Freud.

4. QUAN HỆ GIỮA MỘNG VỚI TÍNH DỤC

Freud cho rằng mộng có quan hệ nhiều đến tính dục. Ông coi những hình tượng trong mộng là tượng trưng của tính dục. Những hình tượng trong mơ như: gậy, cây, ô, dao, súng, con rắn (các vật có dáng cái gậy)... tượng trưng cho sinh thực khí nam giới. Còn các hình tượng như : cái buồng, bình hoa, gốc cây (các vật có hình dáng bình vật chứa)... tượng trưng cho sinh thực khí nữ giới. Tại sao xuất hiện loại khí tượng trưng này ? Freud giải thích rằng trạng thái vô ý thức của

con người bao gồm những xung động nguyên thủy và các loại bản năng đặc biệt là tính dục của con người. Những xung động và dục vọng đó không nằm trong phong tục, tập quán, đạo đức, pháp luật mà bị đè nén và đẩy xuống dưới tầng của ý thức. Nhưng chúng không bị tiêu diệt mà hoạt động tích cực một cách không tự giác để tìm tòi sự thoả mãn. Chúng nguy trang, không lộ hình tích, dùng một hình thức tương tự với các loại vật tương tự mà xuất hiện trong giấc mộng.

Freud gọi loại cơ chế đó là "kiểm duyệt giấc mộng". Cũng như ngày xưa, giới quan chức kiểm duyệt cắt xén những điểm mà họ cho là không thoả đáng trên các báo, tạp chí và sách... Cũng tức là cái gốc rễ vô ý thức không thể tùy tiện xuất đầu lộ diện trong hữu ý thức, vì cái gương soi của hữu ý thức và vô ý thức đều sáng lên trước mắt quan kiểm duyệt, có tác dụng ngăn trở không cho các thứ bị cấm kỵ đi qua. Vì lẽ đó mà ở trong mộng, những điều xấu, độc ác của dục vọng vô ý thức đều thay đổi trang phục, hình dáng, thậm chí có thể dùng trò đánh tráo mà đi qua trước mặt quan kiểm duyệt.

Một cô gái trẻ có giấc mơ như sau : nàng thấy một chàng trai muốn cưới lên một con ngựa bất kham nhưng không được như ý. Bị thất bại ba lần, lần thứ tư, chàng ngồi được lên yên rồi đi. Thoạt nhìn giấc mộng chẳng có gì là ly kỳ. Nhưng dùng "lý luận về tượng trưng" mà phân tích, giấc mộng này ghê gớm

đấy. Vì "cưỡi ngựa" là nguy trang của hành động "tinh dục". Phân tích ra thấy : "Một người con trai cưỡng bức để có hành động "tinh giao" với một cô gái rất ghét anh ta. Bị thất bại ba lần. Lần thứ tư đạt được mục đích..." Trên thực tế, cô gái đã có ba lần cự tuyệt người bạn trai. Lần này cũng muốn cự tuyệt đến cùng. Trong mộng "tượng trưng" biểu thị việc "tinh giao" thành công, chính là biểu thị nổi bật khoản của cô gái là mình có thành công hay không với hành vi của mình.

Một người phụ nữ trung niên kể về giấc mộng sau : Mình ở vào một chỗ nào không nhớ rõ. Hình như là ở trại thu hoá không có dây thép gai bao bọc. Nàng ở trong phòng, buồn bã. Có một đám người xô tới, mặc quần áo cho nàng, thậm chí mặc cả áo lông đến nổi nóng và mồ hôi. Một lúc sau, nàng mới thoát khỏi vòng vây, nhìn kỹ thấy có thể vượt dây thép gai... Bọn người đuổi theo, không chịu thôi. Nàng định đi nhờ xe người khác ở ngoài phố để thoát thân. Nhưng không ai cho lên xe. Bọn chúng đuổi sát, nàng đành chạy sang một đường khác. Một lát, bỗng thấy xung quanh vắng lặng. Trước mặt là hồ rộng, bất giác nàng thấy khoan khoái, ngắm nhìn phong cảnh. Đúng lúc ấy nàng cảm thấy phía sau có người. Nhìn ra, thấy một viên cảnh sát nước ngoài cầm chiếc gậy đứng sau lưng. Nàng bỗng mất hết tri giác...

Nhà phân tích tinh thần được biết chồng nàng lớn hơn nàng 18 tuổi, bị trúng phong phải nằm bẹp trên giường. Các con hầu hạ anh ta. Nhà phân tích nói đến ý nghĩa đại diện cho hình ảnh tượng trưng trong mộng, người phụ nữ trung niên đỏ gay mặt. Sự thực là nàng không được thoả mãn về tính dục. Lúc đầu, mọi người mặc quần áo cho nàng là nguyện vọng cõi trần trường ra của nàng bị ức chế. Nàng phản kháng sự ức chế này và chạy khỏi trạm thu hoá, có nghĩa là nàng chạy thoát khỏi cái ngôi vị của một người vợ "trinh khiết". Nhưng nàng vẫn phát giác thấy có những người đuổi theo (đại diện cho đạo đức và lương tâm) và bám chặt lấy nàng. Cái mặt hồ rộng phát hiện thấy sau đó là dục vọng mãnh liệt của nữ tính, là tượng trưng cho dục vọng mãnh liệt của nữ giới mong muốn được thoả mãn. Trong mộng có thể coi là trời đất được giải phóng. Nhưng khi người cảnh sát lạ cầm chiếc gậy (tượng trưng cho nam tính) lại gần, nàng mất hẳn đi tri giác...

Lý luận "quan hệ giữa mộng và tính dục" của Freud có ảnh hưởng tương đối lớn với giới học thuật. Trong tạp chí Tự nhiên số 7-1994, Vương Thụ Mầu viết bài "Phân tích cảnh mộng của sinh viên Mỹ", trong đó có câu: "vấn đề quan hệ giữa mộng với hoạt động và thể nghiệm tính dục". Freud đã sớm nêu rõ và luận chứng về những vở kịch thường diễn về hoạt động và thể nghiệm tính dục trên sân khấu giấc mộng sinh.

Vì thanh niên học sinh đang ở thời kỳ động tình sơ khai, lượng tiết tiền diệp thể thủy não tăng lên mạnh. Đặc biệt ở nam sinh viên lại càng mạnh. Nhưng về số lượng thì giữa học sinh Mỹ và Trung Quốc có khác nhau rõ rệt (nằm mơ thấy có quan hệ tình dục với người khác). ở nam sinh viên Mỹ là 98,6%, nam sinh viên Trung Quốc là 43%. Ở nữ sinh viên Mỹ là 91,7%, nữ sinh viên Trung Quốc là 14%. Tại sao vậy ? Do bối cảnh văn hoá giữa hai nước khác nhau. Ở Mỹ sự giải phóng tính dục và tự do tình dục với hạt nhân là chủ nghĩa cực đoan lợi kỷ và hưởng lạc đã thành nguyên tắc thông dụng. Không những tình dục công khai đầy rẫy trên báo chí điện, ảnh, quảng cáo và những hành vi tình dục ngoài hôn nhân, yêu đương loạn bậy và phóng dăng còn được đem làm hàng hoá. Còn ở Trung Quốc thì ngược lại, quan hệ tình dục nhấn mạnh "chuyên một", có trách nhiệm tuân thủ đạo đức và quy phạm của tình dục được coi là đức tính tốt đẹp. Sinh viên Trung Quốc cũng rất quan tâm đến vấn đề tình dục. Nhưng ở Trung Quốc, vấn đề tình dục là vấn đề sâu sắc và lớn lao. Hơn nữa bị ảnh hưởng của lễ giáo Trung Quốc cấm cố, khoa học lạc hậu nên có người còn coi tình dục là sự việc hạ lưu, đáng xấu hổ. Thật khó nói tới.

5. ĐÁNH GIÁ LÝ LUẬN GIẢI THÍCH MỘNG CỦA FREUD RA SAO ?

Freud phủ định một cách căn bản các loại mê tín đoán mộng của chủ nghĩa thần bí. Freud coi mộng

là hiện tượng tâm lý, là biểu hiện sinh hoạt tinh thần bình thường chứ không phải do một lực lượng thần bí nào thôi thúc mà cũng không phải là một ám thị của các nhân tố tiên tri đoán trước. Cảnh mộng là sản vật sinh hoạt tinh thần nội tâm của con người, không phải là kết quả hoạt động của một điều thần bí ngoại lai nào. Việc nghiên cứu giải thích mộng của Freud biểu hiện đúng khí vô thần học.

Lý luận giải thích mộng của Freud đề xuất ra một số nguyên tắc và phương thức làm việc của một số giấc mộng, thăm dò tìm kiếm cơ chế tâm lý phát sinh ra mộng đã là sự gợi ý cho các ngành khoa học khác như tâm lý học, y học. Sự gợi ý quan trọng đã là một đề mục cho nhiều loại nghiên cứu khoa học. Nó giúp đỡ cho triết học loại trừ được một lãnh địa thần bí duy tâm, giúp cho khoa tâm lý học khám phá ra tính chất phức tạp của sinh hoạt tinh thần nội tại. Lý luận đó của Freud đã giúp cho y học thăm dò nguyên nhân sinh hoạt tinh thần dẫn đến bệnh hoạn và nó cũng giúp ta nhận thức ra sự mê tín đoán mộng.

Đương nhiên, chúng ta cũng phải nêu rõ ràng, luận thuyết giải thích mộng của Freud cũng có vài chỗ không đầy đủ. Freud nhiều lần nói rằng luận thuyết giải thích mộng đã được xây dựng dưới sự chỉ đạo của tinh thần khoa học. Sự thực, luận thuyết đó còn bộc lộ rõ tính chất phi khoa học. Theo tinh thần khoa học,

định nghĩa của khoa học phải nêu ra bản chất và quy luật của đối tượng nghiên cứu trong điều kiện nhất định, quy luật khoa học phải có tính lặp đi lặp lại và tính có thể thí nghiệm được. Lý luận khoa học phải phù hợp với hiện thực. Lý luận giải thích mộng của Freud không đầy đủ tinh thần khoa học như vậy. Chỗ dựa của luận thuyết giải thích mộng của Freud là phương pháp tự do liên tưởng. Phương pháp này trong những điều kiện không giống nhau, các loại hình thức biến hoá, có tính chủ quan của phương pháp, tính tùy tiện trong phương pháp... rất khó có thể thu được những kết quả nghiên cứu đáng tin cậy, tức là nói rằng bản thân phương pháp đã là phi khoa học. Như vậy kết quả nghiên cứu do phương pháp phi khoa học thu được, rất khó có được đầy đủ tinh thần khoa học, giống như một sản vật của một loại "tu biện triết học".

Nguyên tắc cơ bản mà luận thuyết giải thích mộng của Freud chọn là một loại nguyên tắc có tính giải thích nghĩa, tức là sau khi rõ hết cả toàn bộ các nhân tố của giấc mộng rồi mới giải thích ẩn ý của giấc mộng rất khó thu được kết quả viên mãn khi ứng dụng, vì coi giấc mộng là một vật được xâu bằng một mớ của những nguyên tố tâm lý rồi phân giải. Lại do tùy người khác nhau mà xác định những ý nghĩa khác nhau có

liên quan đến họ. Cách giải thích nghĩa đó khó bảo đảm được tính chân thực, tính đáng tin cậy và tính xác định khi giải thích mộng. Sự thực lý luận giải thích mộng của Freud đã xây dựng một khái niệm tiên nghiệm tức, cái gọi là ẩn ý. Dục vọng bản năng vô ý thức của giấc mộng bất kể giải thích ra sao, cuối cùng đều khiến cưỡng mà quy kết vào loại ẩn ý đó. Đặc biệt là Freud dùng các tượng trưng tinh dục để đề cập ẩn ý của giấc mộng lại làm cho mọi người lúng túng, ngay cả học trò của ông cũng không dám tán thành.

Dù vậy, chúng ta phải công nhận Freud là một người vĩ đại đầu tiên thực hiện việc chuyển từ mê tín đoán mộng sang giải thích mộng một cách khoa học. Tuy Freud không phải là người Trung Quốc, nhưng với cuốn "Giải thích mộng" và những lý luận phân tích tinh thần do ông sáng lập ra, đã có một ảnh hưởng rất lớn đối với sự phát triển về tâm lý học cận đại Trung Quốc và đối với nhận thức khoa học của chúng ta, nhận thức về giải thích mộng.

QUYỂN TRUNG

CHỨNG TRIỆU MỘNG TRỜI

Văn hoá là một loại hiện tượng, là cái tượng hiện ra trong sự thể nghiệm của nhân loại. Văn hoá khác nhau biểu tượng cho những hạt nhân ấy thể nghiệm không giống nhau. Bất cứ hiện tượng văn hoá nào đều có hạt nhân của nó, hạt nhân ấy ngưng tụ cao độ trong sự thể nghiệm của những kẻ sáng tạo văn hoá, tượng trưng cho một đại đoàn thể giới thể nghiệm tràn đầy sinh lực. Trời là cốt lõi của văn hoá cổ Trung Quốc. Mộng thấy trời là vạn sự đại cát. Cho nên nhà đoán mộng muốn xem hung cát cho mọi người, bao giờ cũng đặt điểm báo mộng trời lên hàng đầu.

1 - ÁN Ý CỦA VĂN HOÁ TRỜI

Trong văn hoá cổ đại Trung Quốc, trời có một ấn ý về văn hoá sâu đậm và rộng rãi. Từ những tư liệu cổ đại, chúng ta khó có thể biết rõ quá trình nảy sinh của trời. Chỉ biết trời sinh ra vào khoảng đời Ân. Chu và Chu công Cơ Đán là nhân vật chủ yếu đã nói về trời và thiên mệnh. Trong sách "Chu thư Thượng

thu", thường lấy danh nghĩa trời để bàn đến việc chính phạt nhà Ân. Cuộc chinh phạt này tập trung biểu hiện sự thay chuyển cốt lõi văn hoá tức là lấy trời người Chu thay cho trời người Ân.

Cốt lõi (hạch tâm) văn hoá đời Chu lấy trời làm nguồn. Đức làm gốc. Trời đây là trời trong lịch sử chứ không phải trời của tôn giáo do đó mà không có ý nghĩa là "thần tối cao". Trời ứng với người, thiên mệnh biểu hiện ở lòng dân. Làm ngược lại lòng dân là trái với đức hạnh của bậc vương giả. Đó là thế giới của người, là thế giới duy dân phục vụ, không có đất dung thân của "thần" theo ý nghĩa của phương Tây.

Nhưng trời với tư cách là cốt lõi văn hoá của Trung Quốc còn ẩn tàng. Trong thời Xuân Thu Chiến Quốc đến Tần Hán mới phát sinh những thay đổi to lớn. Trong sự đại xung đột, và dung hợp lớn thời Xuân Thu Chiến Quốc, hình thức chuyển hoá của hạt nhân văn hoá không phải là Trời đồng hoá với vua như thời Ân Chu - trời thay vua - mà là tạo lập lại Trời, cho Trời một hàm nghĩa văn hoá mới.

Trong thời kỳ này, người ta coi Trời là nam tính sống đôi với Đất. Giải thích "Chân dịch", lấy quẻ Càn làm đại diện cho trời, quẻ Khôn làm đại diện cho đất. Càn là hình thái khai triển ánh sáng lúc mặt trời mọc, vừa gần gũi với âm của từ "kiện" (khoẻ mạnh). Trong hai yếu tố ban đầu cấu trúc nên vũ trụ, dương là sáng

tạo, hoạt động , khoẻ mạnh... đều thuần túy do dương khí cấu thành. Lớn nhất là Trời. Dấu hiệu của dương là ba gạch ngang chồng lên nhau, mệnh danh là Càn tương dương với Trời . Sau đó , lại dùng hai chữ tam chồng từ trên xuống dưới, biểu thị sự phức tạp biến hoá của đạo trời. Quê trên, dưới đều dùng chữ Tam, tượng trưng cho "dương" thuần túy nhất, kiện tối cao nhất để nhấn mạnh biểu tượng của trời không thay đổi.

Theo với thời gian, người nhận thức về thế giới mỗi ngày một khá hơn. Người ta lại nói về trời đất là cứng, mềm quan niệm thống nhất đối lập nam và nữ,v.v... Trời là cùng quan niệm như : cứng , dương, đàn ông. Về sau, người ta có quan niệm triết học âm dương biến hoá vạn vật nói rõ trong "Chu dịch" cho rằng thuật ngữ về mặt quan hệ nam nữ là vật có thể cảm nhận có ý nghĩa quan trọng nhất, trong đó thường lấy nam giới đại diện cho trời. "Chu dịch" nói "Thiên địa " cảm "mà hoá sinh ra vạn vật", "thiên địa bất giao""thì vạn vật không hưng thịnh" . "Thiên địa ở đây chỉ nam nữ. "Cảm", "giao" là thuật ngữ về hành vi tính dục của nam nữ. Người đời sau cho là tác giả của "Chu dịch" mở rộng việc giao cấu của hai tính ra tới lĩnh vực bao la "thiên địa giao hợp" để ca ngợi sự vĩ đại của vật phẩm sinh thành vũ trụ.

Trong bộ bách khoa toàn thư đầu tiên Trung Quốc là "Lá Thị Xuân Thu" có viết : "Trời đất lúc

bắt đầu có . trời nhẹ mà thành, đất tắc có hình. Điều này nhất trí với thần thoại về sáng thế trong "Tinh thần huấn" sách "Hoài Nam tử : Ngày xưa khi chưa có "tượng" mà cũng không có "hình", ảo ảo, minh minh, mang mang, hồng hồng . Không biết thế nào là tận cùng, không biết dùng chân của nó ở đâu. Có hai vị thần trông nom trời đất thấy nó lớn không có chỗ tận cùng, mênh mang không biết chỗ nào dùng lại, bèn phân biệt ra âm dương, tách thành bát cực. Cứng và mềm hợp với nhau : Vạn vật bắt đầu thành hình. Khi đục là côn trùng. Khi tinh là người. Hai vị thần giữ việc khai thiên lập địa này là một nam một nữ, gọi là thần nam nữ. Họ thông qua "cứng mềm kết hợp lại thành" mà sáng tạo ra thiên địa vạn vật. Người sau cũng coi thiên địa là hoá thân của hai vị thần ấy, coi họ là đôi vợ chồng lúc nào cũng giao hợp với nhau chặt chẽ. Từ việc giao hợp của họ mà càng ngày càng nhiều đứa con được sinh ra. Bọn trẻ con liền đi ra khỏi nhà đưa cha lên cao hơn một chút (hoá thân của trời) như vậy là tách rời bố mẹ, bay ra chiếm một không gian để sống. Bọn trẻ con nằm mộng thấy trời có nghĩa là chúng được điều may, được như ý. Trong truyền thuyết khác, trời được miêu tả thành một vị thần nắm sinh mệnh của con người : "Mệnh là từ trời giáng xuống" là câu cách ngôn của miệng của người Trung Quốc. Thường có thể thấy người ta đem câu này dán ở cổng. Nghe nói Trời căn cứ vào công và tội của người

mà giáng cho họ "vận" tốt hay xấu. Trời dùng hình thức thác mộng mà giáng lâm xuống nhân gian. Trong "Giải mộng thư" của bộ "Đôn Hoàng di thư" ghi chép lại : "người mơ thấy mình lên trời sẽ là điềm sinh quý tử". Nếu mơ thấy trời đổ sẽ là điềm mất mùa lớn . Hai loại số phận hoàn toàn khác nhau. Thời cổ, trời biểu thị "số phận", "số trời". Người mẹ mất con kêu lên : "Trời ơi !" Có nghĩa là trời cướp đứa bé của bà đi. Vì vậy mà các giáo sĩ Cơ đốc nước ngoài đến Trung Quốc đã nghiên cứu và cho rằng nên chuyển dịch từ "Thượng đế" của Cơ đốc giáo thành "Thiên chúa".

Trong các tác phẩm vận học từ nhiều đời nay của Trung Quốc, nhất là trong "Sở Từ", ta thấy người ta sùng bái trời rất ghê gớm. Trời là cha mẹ của nhân loại, cho nên bất kỳ người nào bị khổ hoặc đau buồn, lo lắng... đều kêu trời giống như con người khi đau ốm hoặc buồn khổ đều dựa vào cha mẹ.

2 - ĐIỀM HUNG CÁT KHI CÓ MỘNG TRỜI

Chương 1 trong "Giải mộng thư" là chương về thiên văn. Nó nói rõ những điềm hung cát khi nằm mơ thấy trời, thiên đế, trời đổ, mặt trời, mặt trăng, sao, tuyết, sương, mưa v.v... Có 41 điều, có những điều chủ yếu như sau :

Mơ thấy mình lên trời - sinh quý tử

Mơ thấy trời sáng - hợp đại hỷ

Mơ thấy nhìn trời - chủ trường mệnh.

Mơ thấy Đế Thích - đạt cát.

Mơ thấy trời - chủ đắc tài.

Mơ thấy trời sụp - năm đại mất mùa .

Mơ thấy mặt trời, mặt trăng- chủ đại xá

Mơ thấy mặt trời, mặt trăng chiếu vào mình- đại quý

Mơ thấy mình bái mặt trời, mặt trăng - đại cát.

Mơ thấy sao - chủ quan sự

Mơ thấy sao băng - gia trạch bất an.

Mơ thấy tuyết rơi - đắc quan

Mơ thấy sương móc - ưu tử táng

Mơ thấy sấm , mưa - đắc tiểu nhục

Mơ thấy trăng, sao lặn - đại hung.

Trong bộ thứ ba nói về mặt trời và mặt trăng của "Đôn Hoàng di thư", còn phát hiện thấy :

Mơ thấy mặt trời, mặt trăng đấu nhau - đại bại

Mơ thấy nhật, nguyệt di động - đại xá

Mơ thấy quỳ trước mặt trời, mặt trăng - quý hoặc cũng là sinh quý tử.

Mơ thấy mặt trời mới mọc - danh vị thăng

Mơ thấy mặt trời, mặt trăng-cát hoặc còn là đắc tài

Mơ thấy mặt trời phát sáng, chiếu vào mình-đại cát

Mơ thấy đội trăng, mặt trời - hào quý, có ân xá

Mơ thấy chiếu vào mặt trăng, mặt trời - quý nhân đại cát.

Mộng thấy mặt trời - cầu điều gì cũng tốt

Thời cổ và nhất là thời thượng cổ, vì khoa học chưa phát triển, nhận thức của con người có hạn, không giải thích được các hiện tượng tinh vân biến hoá nên tin tưởng rằng các hiện tượng kỳ lạ như sao chổi, sao đổi ngôi, nhật thực, nguyệt thực v.v... đều có sức mạnh chúa tể, là những nguyên nhân sản sinh ra các tai hoạ cho con người và sinh ra điềm hung, cát. Đó là một loại mê tín về điềm báo. Trong tư liệu nguyên thủy đời Ân, Chu, chúng ta phát hiện được những ghi chép mê tín về điềm báo. Trong đó các từ ngữ chiêm bốc như : "Quý Dậu trình nhật tịch hựu thực, giai nhược. Quý Dậu trình nhật tịch hựu thực, phi nhược". Nghĩa là : Hôm nay xảy ra nhật thực, đó là sự việc tốt hay sự việc xấu? Đó là người ta coi nhật thực như một điềm báo. Người ta lợi dụng mặt trời, mặt trăng, sao để bói, chiêm. Thuật chiêm tinh cổ Trung Quốc có ảnh hưởng lớn trong lịch sử. Những điều ấy phản ánh vào giấc mộng của mọi người rồi thành một tiêu chuẩn để phán đoán điều hung cát.

Không chỉ có sao phản ánh được điều hung, cát mà giấc mộng về trời của mọi người thể hiện ra : như

sấm, lạnh, nắng nóng v.v... Cũng trở thành tiêu chuẩn để các nhà đoán mộng phán đoán hung cát. Bộ "Đôn Hoàng di thư" có ghi về Thiên bộ đệ nhất như sau :
Quyển "Hữu biệt giải mộng thư" có ghi :

Mộng thấy cổng trời và ông trời - giàu sang, thọ

Mộng thấy người ở trên trời xuống trần - đại cát

Mộng thấy trời - hoạn hoạ tiêu trừ

Mộng thấy cổng trời - hữu kỳ sự

Mộng thấy trời mở cửa-tất có chuyện chiến tranh.

Mộng thấy lên trời - đại cát, sinh quý tử

Mộng thấy viêm thiên - nước có chiến sự

Mộng thấy trời mưa dầm - thân gặp hoạn nạn

Mộng thấy trời đất lớn nhỏ - việc quân sự nổi lên không có lợi.

Mộng thấy trời màu trắng - giải được hoả hoạn

Mộng thấy màu xanh - giàu có. Màu đỏ - hung

Mộng thấy mưa rơi vào mùa xuân, mùa hạ - cát.

Vào thu đông - hung

Mộng thấy bầu trời bị xé ra - đại cát lợi

Mộng thấy sao Bắc đẩu - có điều lo lắng.

Đoạn trên chủ yếu biểu hiện sự cát hung dựa vào khí mây trên trời gặp trong giấc mộng. Chúng ta

biết rằng vào thời kỳ xa xưa người ta quan sát khí tượng là để biết trước về gió, mưa, sấm, mưa đá... để phục vụ cho sản xuất, có mang theo một số nhân tố duy vật thô sơ, tức là theo con đường phát triển của khí tượng học. Đến thời kỳ Chiến Quốc, Tần, Hán, việc quan sát khí tượng được đưa vào phạm vi xem khí sao và thành thuật số thần bí. Giá trị vốn có của nó bị mất đi.

Xem khí tượng, chủ yếu là xem vân khí tức là căn cứ vào sắc, tướng hình thái của mây mà phán đoán hung cát. Theo "Chu Lễ" ,, chức Bảo Chương quản việc chiêm tinh là chính, còn phải căn cứ vào sắc của "năm thức mây" mà đoán hung, cát, . Trịnh Huyền chú : Quan sát sắc mây trong bốn ngày hạ chí, đông chí, xuân phân, thu phân, màu xanh là cơn trùng, trắng là tang, đỏ là hình hoá, đen là nước, vàng là mùa màng. Đây rõ ràng là dựa vào lý luận, "ngũ hành" để dự đoán về dân sự. Tục xem vân khí cũng đã thấy ở văn Giáp cốt. Trong các bốc tử cũng có chiêm, bốc về mây. "Tả truyện" viết : Có người nằm mơ thấy đám mây như nhiều con chim đỏ bay sát vào mặt trời. Ba hôm sau, Sở Tử cho người hỏi Châu Thái sử. Ông trả lời: "Đây là giấc mơ của Sở vương chăng". Châu Thái sử căn cứ vào sắc mây mà dự đoán Sở vương có tai hoạ. Ông bảo nếu tế lễ có thể chuyển sang khúc xạ khác. Châu Thái sử dựa vào sắc mây mà dự đoán Sở vương gặp hoạ và cách cúng tế để chuyển hoạ sang người khác.

Phương pháp xem vân khí mà phán đoán hung cát tất cũng phản ánh vào đầu óc mọi người và phản ánh vào giấc mộng. Do đó có thể thấy nhà đoán mộng dựa vào sắc mây trong mộng mà phỏng đoán hung cát của một số người. Thực tế đó là sự phản ánh của thuật khí tượng cổ đại.

Nội dung giải mộng trong chương sách viết về thiên văn tổng quan thực tế là biểu hiện sự sùng bái giới đại tự nhiên của con người thời Đường, cũng là hình thức tôn giáo nguyên thủy sùng bái vật tự nhiên và sức mạnh tự nhiên, trong đó cũng có một bộ phận nhỏ thuộc về Phật giáo. Còn lại là sự sùng bái các thiên thể tức là sùng bái mặt trăng, sao và bầu trời, bao gồm cả cổng trời.. Là thần linh và vương quốc của thần linh có thể khống chế hung, cát, họa, phúc của con người. Như trên đã nói : mơ thấy trời, họa họa được tiêu trừ. Mơ thấy cổng nhà trời là có điều may... Nước ta sùng bái cổng nhà trời rất sớm. Trong "Sở từ", Khuất Nguyên viết : Cửa nào rộng mở, chừ ! Ta cười mây đen mà qua !" thế nào là cổng trời? Hồng Hưng Tố trong "Sở từ" bổ chú: Cổng nhà trời là cái cổng của Tử vi cung , là nơi ở của Thượng đế". Do vậy, mơ thấy cổng trời, nơi ở của Thượng đế là có điều may mắn sẽ tới.

Ngoài ra sự sùng bái thiên thể biểu hiện trong " Đôn Hoàng giải mộng thư" còn bao quát cả sự sùng

bái mặt trời. Mặt trời mọc và lặn có thời gian nhất định. Điều đó có quan hệ đến sinh hoạt của con người. Cổ nhân không hiểu biết hiện tượng này nên lễ bái mặt trời. Có những lời bói ở Ân Khu chép nghi thức đón và tiễn mặt trời. Dân gian Đôn Hoàng thấy mặt trời làm điều may nên có ngạn ngữ : "Mộng thấy mặt trời là có việc làm, có quan tước". "Mộng thấy mặt trời cần gì cũng được". Mặt trời mọc là cát, mặt trời lặn là hung". Trong đấy cũng có sự sùng bái mặt trăng. Tuy vậy, mặt trăng không đi một mình, bao giờ cũng gắn liền với mặt trời. Điều này hầu như có tiếp thu một vài quan điểm tinh tượng học của Tây phương. Tinh tượng học phương Tây cho rằng các vì sao, mặt trời, mặt trăng có một vài tác dụng nào đó với con người, cũng như tác dụng của sắt đối với từ lực trong từ trường. Cho nên mặt trời, mặt trăng, tinh vân có thể thông qua các con đường, kênh, lạch nào đó mà đi đến thân thể con người. Điều đó có khác biệt nhất định với chiêm tinh học.

Sách "Đôn Hoàng giải mộng thư" còn thừa nhận sự biến hoá của các tinh tú biểu thị cát, hung, hoạ, phúc của con người. Tinh vân thường đại biểu cho sự bất trắc (không lường được) và bất cát. Cho nên cổ đại có "tế sao", là lễ sao để trừ tà ma. Khi thấy sao đổi ngôi, sao Bắc đẩu là điều triệu không tốt. Người

ta còn cho mưa, tuyết, sấm, sương, mây v.v... đều có ý chỉ uy lực. Chúng nắm cát, hung, họa, phúc của con người, cho nên chúng cũng ứng vào mộng. Chiêm mộng và chiêm tinh của Trung Quốc cổ đại có liên quan mật thiết với nhau. Những nhà đoán mộng và chiêm tinh coi thiên địa, vạn vật đều có thần. Với hoạt động của nhân loại, các thần có một thiên tượng nào đều dự báo phúc họa, hung cát cho con người. Những hiện tượng như nhật thực, sao chổi, sao băng v.v... rất được chú ý và bị gọi là "thiên biến". Nằm mơ thấy "thiên biến" là điều rất đáng sợ, nên người ta lại cầu thần phù hộ để giải trừ tai nạn. Ở Trung Quốc cổ đại, nhà đoán mộng và nhà chiêm tinh hỗ trợ cho nhau cùng tồn tại, cùng hội cùng thuyền với nhau. Họ là hai nhà phương thuật lớn.

- II -

MỘNG THẤY ĐẤT VÀ ĐỊA MẠO ĐẤT

Ở Trung Quốc, địa (đất) chiếm một địa vị rất thần thánh. Thiên hệ từ sách "Chu dịch" viết : "Ngày xưa. Bào Hy Thị làm vua thiên hạ, ngẩng lên quan sát "tượng" trời : nhìn xuống quan sát "pháp" đất, nhìn hình chim thú thấy hợp với đất gần lấy từ thân mình, xa lấy từ muôn vật v.v... bèn sáng tạo ra "bát quái". Đoạn ghi chép này phản ánh rằng tổ tiên của nước ta coi trọng việc nhìn trời xét đất (quan sát trời và tướng mạo đất), như thế nào. Cũng nói rõ rằng "bát quái" có ảnh hưởng trong mấy nghìn năm lịch sử của nước ta, cũng sản sinh ra từ đây. Địa (đất) chiếm một địa vị quan trọng trong tâm khảm người dân Trung Quốc. Do vậy, hiện tượng đoán mộng và xem địa mạo được đặc biệt coi trọng. Hai hiện tượng này lại có liên hệ nội tại với nhau. Hai loại phương thuật này cũng chiếm vai trò rất nổi bật. Chúng là hai anh em sinh đôi với nhau.

1 - THUẬT XEM TƯỚNG ĐẤT CỔ ĐẠI CỦA TRUNG QUỐC

Ai cũng biết quẻ "Khôn" trong bát quái đại diện cho đất. Thiên Khôn quái, sách Chu dịch viết: "Khôn" là đất, vạn vật được đất nuôi nấng ! Đất có một giá trị đáng sùng bái và là điều cao cả. Tập tục truyền thống Trung Quốc chịu ảnh hưởng của "Chu dịch" mà rất coi trọng đất. Phàm như những khi "động thổ xây dựng" đều phải quan sát địa hình, xem có "đắc địa" về mặt phong thủy không. Rồi mới chọn đất thích hợp, tránh "hung địa". Đáng lẽ ra, việc xây dựng doanh trại, lâu phòng phải quan sát địa lý không có quan hệ gì với thần học, nhưng vì tư duy của người cổ bị hạn chế, cho rằng việc quan sát địa lý quan hệ tới quý thần, có nghĩa là đến phúc họa của người ở trên mảnh đất đó, nên phải xem tướng đất cho thích hợp thì đất đai mới bình an làm ăn mới thịnh vượng con cháu mới phúc. Nếu mảnh đất có ma quỷ thì sẽ lụn bại, tiêu điều, tai ương đến cả con cháu.

Trong những thư tịch ghi về tướng đất trong xây dựng các công trình hồi Tiền Tần, tuy có lộ ra điều sợ hãi về quý thần và thiên mệnh, nhưng phương pháp xem đất này phản ánh chút ít quan điểm duy vật thô sơ, sắc thái mê tín rất ít. Vua nhà Thương là Bàn Canh dời đô đến đất Ân, tuyên bố : "Thiên đế mệnh cho ta thụ mệnh ấp mới này. Nơi đây sẽ thịnh vượng mãi mãi". Người nhà Thương dời ấp và xây dựng ấp là căn

cứ vào ý chí quyết định của quý thần qua việc chiêm, bốc. Trên thực tế là do tình trạng của các cuộc chiến tranh bộ lạc, khí hậu, nước nổi, đồng ruộng và nguồn tư liệu v.v... quyết định.

Người Chu cũng dời đô và xây dựng ấp mới nhiều lần. Công Lou dời đến đất Thi, Cổ Công dời về Kỳ Sơn. Thành vương xây dựng ấp Lạc ba lần. Mỗi lần như vậy, phải xem tướng đất, cùng với công trình xây dựng, căn cứ vào điều kiện tự nhiên mà chọn miếng đất thích hợp rồi mới chiêm, bốc hung cát, sau cùng mới xây dựng. Trong quá trình xem tướng đất, còn phải ước lượng bóng mặt trời, tức là xác định phương vị giữa doi đất với ánh mặt trời. Như vậy là thuật xem tướng đất nhà Chu, về quan niệm tuy bị ảnh hưởng của thần nhưng phương pháp về cơ bản lại phù hợp với lý luận khoa học.

Bắt đầu từ Tần, Hán, thuật xem tướng đất tiến bộ hơn, phát triển thành địa lý học và đồng thời cũng lạc vào địa hạt thuật mê tín. Có 3 điểm để rơi vào tiêu chí thuật mê tín : Một là cho rằng vị trí của âm trạch quan hệ đến tiền đồ của hậu đại tử tôn. Hai là kết hợp với lý luận âm dương ngũ hành. Ba là coi việc xây dựng cung thất, mộ địa của con người có liên hệ với sự vận hành của thiên thể đi đến cấm kỵ "Hoàng đạo", "Thái tuế", "Nguyệt kiến"...

Trong Tứ huy thiên, sách "Luận hành". Vương Sung viết : Một là tránh nhà xoay vào hướng Tây. Nhà hướng Tây là bất tường, bất tường tất có sự chết chóc. Sở dĩ điều ấy nên ở đời không ai làm nhà hướng Tây. Điều huy kỵ này không quan hệ gì với điều kiện tự nhiên. Cũng còn có cả những huy kỵ về phương vị. Trong sách còn cho rằng năm và tháng động thổ xây dựng đúng vào năm Thái Tuế tại Tý, năm Nguyệt Kiến tháng Dần, Tý vị, Dần vị... sẽ bị tai ương. Như vậy gọi là "Động thổ vào Thái Tuế", đó là điều cấm kỵ. Cũng có nghĩa là kết hợp tướng đất với việc quan sát trời lại với nhau.

Thuật xem tướng đất đời Hán đã phát triển thành phần mê tín trong thuật xem tướng đất đời Tần có pha trộn thêm bộ phận hoang đường của bát quái âm dương lại đem phương pháp đoán dò phương vị mặt trời bao hàm tính khoa học xưa kia biến đổi thành thuật mê tín hoang đường. Từ lúc này, việc xem tướng đất đo sang hướng tà thuật.

Thuật xem tướng đất ở Trung Quốc có nguồn gốc sâu xa, thâm nhập vào dân gian, lạm dụng ở thời Tiên Tần, phát triển ở sau thời Tần. Hán đồng thời nó được tăng thêm nhiều sắc thái mê tín. Nhà đoán mộng đã căn cứ vào nguyên lý của thuật xem tướng đất.

2 - DÙNG HUỒNG ĐẤT TRONG MỘNG XEM CÁT HUNG

Trong "Đôn Hoàng giải mộng thư" có một số nội dung các giấc mơ biểu hiện, hung, cát, như "Địa lý chương đệ nhị, viết :

Mộng thấy đất chuyển, đất sụt - nhà không yên

Mộng thấy đất sáng - giàu lớn.

Mộng thấy đất nằm - của cải nhiều

Mộng thấy quét đất - có việc kiện tụng.

Mộng thấy trở đất vào nhà - đại cát.

Mộng thấy nổi đất lên - chức quan sẽ tới.

Mộng thấy chui vào đất - đại cát

Mộng thấy nhà đất có bạc - cãi nhau.

Mộng thấy lấm đất bẩn áo - đại hung.

Mộng thấy tường - có chuyện kiện cáo.

Trong "Giải mộng thư" sách "Đôn Hoàng di thư" còn ghi rất nhiều điều liên quan đến đất :

Mộng thấy nhà ruộng xanh - hữu hỷ sự.

Mộng thấy đất rung - rời chuyển.

Mộng thấy lửa từ đất bốc lên - bị bệnh

Mộng thấy đất nứt - lo mộng hao tổn

Mộng thấy đất trên bụng ngực - mất con cháu.

Mộng thấy mua ruộng - đại cát phú quý

Mộng thấy ở nơi cao - phú quý.

Một số điều nói trên cho thấy biểu hiện tập trung của người dân Đón Hoàng cổ sùng bái đất. Đất là điều kiện cơ bản cho sinh tồn của mọi người. Xa rời đất, không còn cách nào mà sống nữa. Nghe nói, thủy tổ của người Chu là Khương Nguyên. Khương Nguyên là thần của trái đất. Bài "Công Lưu" có câu: "Đất rộng mà bằng phẳng gọi là Nguyên". Thần nông nghiệp của người Chu là Hậu Tắc. Sử sách có ghi Hậu Tắc là con của Khương Nguyên. Cách nói này hợp với lôgic là vì Khương Nguyên là thủy tổ người Chu, là thần của trái đất, mà nông nghiệp lấy đất đai làm cơ sở. Tắc (cao lương) và những thú ngũ cốc khác đều sinh trưởng ở đất. Như vậy, Khương Nguyên là thần nông nghiệp và là thần nông truyền thuyết của người Mãng, người mẹ của đất quyết định về trồng trọt của con người. Người mẹ của đất chỉ dẫn mọi người tìm được các giống ngũ cốc. Đó là truyền thuyết của người Tạng. Trong truyền thuyết Hy Lạp, thần nông nghiệp là nữ thần của đất. Với người Babylone cổ, thần thực vật, hạt giống là con gái của nữ thần đất đai.

Ở nước ta, từ rất sớm đã có nghi lễ "tế đất". Người cổ tế thần đất bằng cách vấy máu con vật hy sinh, rượu, máu người lên mặt đất, coi như là những lễ phẩm. Những gò, đồng được nhân cách hoá thành thân thể

của thần. Sau đó lại còn gọi là "xá thần", "hậu thổ" và lập thần vị để lễ bái. Sau đời Xuân Thu Chiến Quốc, có các cấp thổ thần của các châu, huyện, hương lý ... Nơi nào cũng lập miếu, đền để tế lễ thần. Nhiều triều đại rất coi trọng hoạt động tế thần. Sự sùng bái này thấm thấu vào nội dung các giấc mộng, phản ánh trong "Đôn Hoàng giải mộng".

Sách "Đôn Hoàng giải mộng" nói nhiều về những giấc mộng liên quan đến đất, cho rằng nằm mơ thấy trồng trọt ở ruộng là điềm giàu có, sung túc. Mọi người dựa vào mảnh đất canh tác mà sống và (phát tài) lên được. Sách "Bạch Hổ thông nghĩa "nói" đất đua đến vạn vật là nhờ có thần. Đất nuôi nắng vạn vật. Nhưng cũng huỷ hoại vạn vật. Mơ thấy mưa đất là đại cát. Mơ thấy đất sụt là gia trạch không yên".

Sùng bái các hòn đá là một hiện tượng văn hoá rất thú vị trong tập tục sinh hoạt Trung Quốc. Cổ nhân thường cầu mưa trên mòm đá. Nếu sau khi cầu mà vẫn chưa mưa thì phải gõ lên mòm đá. Một số phụ nữ cầu tự ở mòm đá. Ở Tú Xuyên có một cái miếu. Trong miếu có một hòn đá thật to có 5 lỗ. Các phụ nữ đến cầu con ném một số đá sỏi vào các lỗ. Nếu ném trúng được vào lỗ trên cao nhất thì được giàu có. Ném trúng lỗ dưới cùng, sẽ được vinh dự. Ném trúng các lỗ bên trái hoặc bên phải là sẽ có con. Trúng bên trái sinh con trai, trúng bên phải sinh con gái.

Ở Dài Loan gọi thần bảo vệ nhi đồng là "Su phụ đá" Mọi người mong cho các con mình được khoẻ mạnh như hòn đá. Nếu sinh con, người mẹ phải cúng lễ hòn đá 4 lần trong một năm để tạ ơn cho đến khi đứa bé lên 6 tuổi mới thôi. Ngoài ra ở cổng các phủ, huyện thường có sư tử đá. Dân gian thường thích dùng đá núi Thái Sơn để trừ tà.

Trong "Đôn Hoàng giải mộng" có ghi rất nhiều giấc mộng về những hòn đá được sùng bái.

Nói tóm lại, chúng ta thấy thuật xem tướng đất hoặc hiện tượng sùng bái đất đều phản ánh sự coi trọng đối với đất. Mộng là phản ánh sự tồn tại của xã hội.

III. MỘNG VÀ SỰ SÙNG BÀI SƠN THẦN

Trung Quốc là nước có nhiều núi. Có nhiều danh sơn thắng cảnh làm thế giới phải ngưỡng vọng, như núi Hy Mã Lạp Sơn là chòm cao của thế giới có băng tuyết quanh năm, núi Kim Phù Dung, Hoàng Sơn là kỳ quan trong thiên hạ, núi chọc thời Ngũ Nhạc, núi tứ đại Phật Sơn có mây khói bao phủ lâu dài và Vũ Dương Sơn, Lư Sơn, Tinh Cương Sơn, Vũ Di Sơn, Nhạn Đãng Sơn, Thái Hành Sơn, Trường Bạch Sơn v.v... Những năm cuối cùng đời Xuân Thu ghi lại có chừng 447 núi lớn. Nếu kể cả núi nhỏ, sẽ có 5370 ngọn núi. Núi chiếm 33% diện tích của Trung Quốc.

Trung Quốc coi "Núi" là tượng trưng nguyên thủy của Tổ quốc. Tô Đông Pha, Nhạc Phi đều ca tụng núi. Mao Trạch Đông viết :

Giang sơn như thủ đa kiêu

Dẫn vô số anh hùng cảnh triết yêu...

(Sông núi như thế nhiều vẻ đẹp, khiến bao nhiêu anh hùng phải cúi lưng).

Sông núi ở đây chính là hình tượng Tổ quốc. Một số người trong lịch sử gọi cuộc đấu tranh giành chính quyền quốc gia là cuộc đấu tranh "lấy giang sơn". gọi hoàng đế ngồi trên ngôi thống trị là "toạ quang sơn".

Trong lòng người Trung Quốc, núi có địa vị vô cùng quan trọng. Trong ví dụ quan của tổ tiên người Trung Quốc, núi chiếm địa vị tương tự với địa vị thống trị của Hoàng đế, trong dân gian. Núi mang tính trì cửu (lâu dài), trong trật tự vũ trụ. Mọi người sùng bái núi Ngũ Nhạc và sự sùng bái đó còn tồn tại đến tận ngày nay. Từ trước đến nay, nhiều người cống hiến vật hy sinh tới núi Ngũ Nhạc. Núi Ngũ Nhạc đại diện cho "Ngũ phương". Đông Nhạc Thái Sơn ở Sơn Đông, Nam Nhạc Hành Sơn ở Hồ Nam. Trung Nhạc Cao Sơn ở Hà Nam. Tây Nhạc Hoa Sơn ở Thiểm Tây. Bắc Nhạc Hằng Sơn ở Sơn Tây. Cả 5 quả núi này cây cối xanh um, trên đỉnh núi đều có đền, miếu của đạo Giáo.

Tương tự với núi Ngũ Nhạc, còn có nhiều núi biệt danh cho sự thờ phụng và tôn sùng của đạo Phật. Ví dụ như ở Tú Xuyên có Nga Mi Sơn.

Ở Trung Quốc, hầu như đại đa số núi đều có hung thần. Ở phía bắc Trung Quốc có tín ngưỡng cho rằng linh hồn những người đã chết đều lên trên núi mà trú tá. Cho nên những vật cúng cho người chết cũng được mang lên núi. Người cổ Trung Quốc coi hiện tượng núi sập như là tượng trưng cho sự ra đi của một hoàng đế.

Cho nên núi và hoàng đế có liên hệ với nhau, cảm ứng với nhau. Bài Đăng Thiệp trong cuốn Bao Phác tử, có viết : "Núi không kể to nhỏ đều có thần linh". Những vị thần núi này đều nắm điều hung cát của con người. Trong Sơn lâm thảo mộc thiên, bộ Đôn Hoàng giải mộng có rất nhiều hiện tượng thần linh hoá các trái núi và nội dung sùng bái núi như: sùng bái núi như :

Mộng kiến đầu đái sơn giả, đắc tài,

Mộng kiến sơn lâm trung hành giả, cát.

Mộng kiến đầu đái sơn giả là nằm mơ thấy đầu đội núi. Chuyện từ đời Đường, theo sách "Vân khê hiếu nghị", Tống Ngôn có giấc mơ đó được giải thích ra là: "Tú tài Tống Ngôn mơ đội núi sẽ thành danh lớn". Quả nhiên qua khoa thi, Tống Ngôn đỗ nhiều

cấp đến cao nhất, danh tiếng lừng lẫy, làm quan to cũng có nghĩa là giàu có phát tài. Chuyện này biến thành gần như tục ngữ : "Mộng kiến đài sơn giá, đắc tài", cũng còn nhiều điều sùng bái sơn thần như :

Mộng kiến thượng sơn, sở cầu giai đắc.

Mộng kiến toạ cao lâu sơn nham thạch, sở cầu giai đắc.

Nghĩa là nằm mơ thấy mình lên núi hoặc ngồi trên những mỏm núi cao thì cầu điều gì đều đạt được. Thiên Tế pháp trong sách "Lê ký" có ghi : Sơn lâm, núi xuyên qua nhiều nơi : gò đồng ; núi có mây phủ và núi vào lúc có mưa gió hoặc có quái vật... đều xuất hiện thần linh cả. "Thuấn điển", sách "Thượng thư" có ghi rằng nhà Hạ có cử hành lễ vọng ở sông núi, lễ khắp các vị thần. Sách "Thượng thư" còn nói vua Thuấn "Tháng hai, tuần thứ phía đông đến núi Đại Tông, tháng năm tuần thứ phía nam đến núi Nam Nhạc, tháng tám tuần thứ phía Tây đến Tây Nhạc, tháng mười một tuần thứ phía Bắc, đến núi Bắc Nhạc. Tức là nói Vua Thuấn có đi "tuần thú" và "tế lễ" ở núi Thái sơn, Hành Sơn, Hoa Sơn, Hằng Sơn.v.v... Các hoàng đế nhiều triều đại làm lễ phong Thiên tế trời đất, cũng tiến hành một cuộc đại tế lễ đối với sơn thần. Khi tế lễ sơn thần, theo phong tục quy định vua cho chôn các vật dụng bằng ngọc và bằng đá xuống đất, ném các tế phẩm như chim, dê v.v... lên núi hoặc treo các tế phẩm lên cành cây trên núi cao. Việc tế lễ sơn thần

được tiến hành long trọng trong phạm vi không khí văn hoá đó. Mọi người dần dần phát triển nó lên thành đoán điềm cát, hung trong mộng. Như câu: "Mộng kiến sơn lâm trung hành giá, cát", nghĩa là mơ thấy người đi trong núi rừng là điềm tốt.

Ở các dân tộc ít người của Trung Quốc không thiếu gì những ví dụ về sùng bái sơn thần. Ví dụ như tộc Pu Lang, cứ đến hai ngày mồng năm và mồng sáu tháng giêng hằng năm đều có tổ chức tế sơn thần. Lúc tế, thầy cúng và gia trưởng (hoặc một em bé trai) đứng trước một gốc cây, bày các tế vật như gà trống, gạo, rượu, trà, hương, tiền giấy. .. ra, thầy cúng niệm lời cầu, giết gà, nấu cháo gà rồi ăn cháo gà. Nhưng phải cho máu gà thấm vào một tờ giấy. Tờ giấy thấm máu gà đó được dán lên thân cây để xin sự phù hộ của sơn thần. Ai nằm mơ thấy nghi thức tế thần đó sẽ được sơn linh thiêng bảo vệ cho bình an vô sự.

Núi, không chỉ sinh đẻ ra và nuôi nấng những truyền thuyết thần thoại cổ đại Trung Quốc mà còn ăn sâu vào tâm lý dân tộc, phong tục tập quán, hình thành một thứ văn hoá về mộng.

- III -

SÙNG BÁI NƯỚC, LỬA VÀ ĐOÁN MỘNG HUNG CÁT

Mạnh Tử đã nói : "Không có lửa và nước, người ta không sống được". Đó là những nhân tố cực kỳ quan trọng trong đời sống thường ngày. Nếu trong giới tự nhiên không có nước và lửa thì nhân loại không lao động được, không sinh tồn được, cũng không thể có văn minh, cho nên nước là cái nôi của nền văn minh của các quốc gia cổ. Nền văn hoá huy hoàng sán lạn của nước ta xuất hiện với sự sinh đẻ, dưỡng dục của lưu vực sông Hoàng Hà.

Trong xã hội nguyên thủy, người ta sống bằng săn bắn và hái lượm, từ sống ở dưới nước rồi dần dà tiến lên xã hội nông nghiệp. Người ta không phải sống ở sát bờ nước nữa mà có thể sống xa nước. Nước và nông nghiệp bắt đầu kết bạn keo sơn với nhau.

Dương thời, nguồn nước thường là dựa vào nguồn nước mưa thiên nhiên và các dòng sông. Cho nên, trong

sự sùng bái giới tự nhiên của tổ tiên ta rất coi trọng thủy thần và thần mưa, bởi vì họ có quan hệ trực tiếp đến phúc và họa trong cuộc sống.

Thời viễn cổ, người ta chỉ biết sùng bái thần sông trong địa khu của mình ở. Vì dòng sông ở khu vực của họ có quan hệ mật thiết đến cuộc sống của họ, là nguồn nước và nơi bắt cá. Những cái không thể thiếu được. Bất kể dòng sông mang lại lợi hoặc hại cho họ, mọi người vẫn cứ coi là uy lực của nó. Đó là một sức mạnh siêu nhiên, thao túng dòng nước động hay tĩnh, chảy từ từ hay xiết có nghĩa là thưởng hay là phạt mọi người. Vì vậy, mọi người phải tế lễ thần sông.

Sau đời Chu, tình hình tế lễ thần sông có nhiều thay đổi. Lúc này người ta vẫn chỉ tế lễ thần sông ở nơi họ cư trú. Nhưng các quan cai trị lại tế lễ các dòng sông nổi tiếng của cả thiên hạ. Điều này phản ánh sự mở rộng của khu vực thống trị và tính ý lại của triều đình vào kinh tế tài chính địa phương.

Tế tự thần sông trong dân gian tiến hành một lúc với sự tham gia của toàn thể dân chúng. "Hoạt lễ liệt truyện" trong sách "Lễ ký" phản ánh chuyện Hà Bá lấy vợ. Quan huyện Tây Môn Báo hỏi chuyện một trưởng lão, thấy ông già kêu khổ vì có nạn Hà Bá lấy vợ. Quan huyện ngạc nhiên quá đỗi, liền bảo: "Chuyện gì lạ vậy?" Lão trưởng kể: "Mọi người phải đóng góp hàng mấy trăm vạn đồng, dùng 23 vạn cho

Hà Bá lấy vợ, còn lại phải gánh cả tiền cho thầy cúng, phải chọn con gái còn trinh xuống sông làm vợ Hà Bá. Nếu không, Hà Bá sẽ dâng nước làm lụt cả vùng..." Tây Môn Báo muốn ngăn cản kiểu mê tín này, liền đi quan sát lễ Hà Bá cưới vợ rồi cho ném mù phù thủy cùng với mấy đệ tử của mù xuống sông làm vợ Hà Bá. Ông bảo mù: "Mù xuống báo cáo với Hà Bá rằng trên này đang đi chọn thêm vài người con gái đẹp nữa, đẹp hơn để ném xuống!". Việc làm này khiến cho các quan lại trong huyện hoảng sợ. Nhưng cũng từ đó không còn cái nạn "Hà Bá lấy vợ" nữa. Chuyện này không có thật nhưng quả là người dân sợ Hà Bá sẽ chìm chết mọi người nên phải chịu mọi phí tổn cho việc tế lễ Hà Bá. Tục mê tín và cúng lễ này rất phổ biến trong thời Chiến Quốc. Người ta đã nhân cách hoá Hà Bá và cử hành nghi lễ tốn kém. Nhưng tục lệ mê tín và nghi lễ này rõ ràng là từ thời cổ truyền lại và đã thành nếp truyền thống. Nếu không do truyền thống nó không thể bỗng dưng nảy sinh ra được.

Theo các sách ghi lại, có nhiều phương pháp tế lễ thần sông. Nhưng có hai hình thức tế lễ tương đối nguyên thủy và tiêu biểu hơn cả là phương pháp tế nổi và tế chìm. Phương pháp tế nổi để các tế phẩm nổi trên mặt nước. Phương pháp tế chìm để các tế phẩm chìm xuống đáy nước. Sau khi tế, tế phẩm mất đi không hình không bóng, phù hợp với cách nghĩ ảo tưởng cho là thần sông đã lấy đi.

Có nhiều khu vực người dân sống cách xa dòng nước. Do đó lấy nước để sống đã thành vấn đề lớn. Trong tình huống này, tổ tiên chúng ta mò mẫm ra việc đào giếng.

Theo các sách ghi chép, nước ta phát sinh ra cách đào giếng từ rất sớm. "Dật Chu thu" viết "Hoàng đế đào giếng", sách "Thế Thuyết" viết "Bá Ích làm giếng", sách "Sử ký" viết "Vua Thuấn đào giếng". Các truyền thuyết này tuy không có chứng cứ xác đáng nhưng từ bài ca dao đầu tiên "Kịch nhường ca" (Bài ca đào đất) đã có câu "Mặt trời mọc thì dậy, mặt trời lặn thì nghỉ, đào giếng mà uống, cày ruộng mà ăn". Văn giáp cốt ở Âm Khu đã có chữ "tinh" là giếng. Tục là đời Ân, Thương đã có giếng. Trong xã hội cổ đại, cái giếng là cực kỳ quan trọng. Có giếng làng, giếng chợ, tổ tiên của chúng ta thường sinh hoạt, giao dịch, nghỉ ngơi ở quanh cái giếng.

Sách "Sử ký" ghi : Năm đầu Vũ đế đã phát động một vạn lính đào mương, Từ Chinh dẫn nước sông Lạc vào Thương Nhan. Bờ để lở, bèn đào giếng sâu hơn bốn mươi trượng, thường xuyên làm giếng, dưới các giếng nước thông nhau, phía đông tới Sơn Lĩnh khoảng hơn mười dặm, nước giếng thông từ đó mà có. Hàng hai nghìn năm về trước, tổ tiên ta ở khu vực Tây Bắc đã phát sinh ra phương pháp cải tạo tự nhiên này.

Trong bộ "Đôn Hoàng giải mộng thư", chương 4 nói về "thủy, hoá, đạo tặc" đã viết :

Mộng thấy đào giếng - được tin xa

Mộng thấy giếng sùi nước - giàu to

Mộng thấy nhìn giếng - có tin hoả tốc

Thời đó ai đào giếng sẽ được tiếng đồn đại xa gần, được tin cậy và hoan nghênh.

Nhân loại thời viễn cổ sùng bái hoá thần là Chúc Dung. Bắt đầu từ người Sở, trong chế độ mẫu hệ, là một người phụ nữ. Về sau, người ta tế táo quân thường chủ tế là nữ. Theo "Khổng Tử gia ngữ" viết : "Cúng táo quân do người phụ nữ làm chủ tế".

Người thượng cổ rất coi trọng bếp lửa. Hiện giờ một số địa phương còn bảo một gia đình nào đó bị "lật bếp", có nghĩa là bị tuyệt diệt. Đó là dấu vết của phong tục ngày xưa lưu lại. Do đó, thần lửa tự nhiên được đóng vai thần bếp. Một khi bếp được thần hoá, nó trở nên điều thần thánh. Ở nước ta có phong tục cúng lễ bếp rất phổ biến. Sách "Kinh Sở Tuế thời ký" viết: "Hàng năm cứ đến mùng 8 tháng 12 là ngày cúng lễ, ngày ấy dùng thịt lợn và rượu để cúng thần bếp". Sách "Tây dương tạp trở" cũng viết : "Thần bếp... ngày Kỳ Sửu, giờ Mão lên trời... Ngày này cúng tế thì được phúc".

Chính vì thần bếp có ảnh hưởng lớn với dân chúng nên có câu : "Bếp chủ trì việc ăn, người nằm mơ thấy mình được chén. Mơ thấy lửa đỏ bếp là điều lành".

Ngoài ra chữ "hoà" là lửa đồng âm với chữ hoạt là hoạt động. Ngày tết, người ta thường thích đốt lửa to để tán tụng thần tài.

Trong "Giải mộng thư, mộng thủy, hoà, đạo, tặc, đảng sự" trong "Cựu gia tất dụng sự loạn" có viết như sau :

Mộng thấy lửa cháy nóng rực-được nhiều tiền của

Mộng lửa đốt núi rẫy - đại hiển hách

Mộng thấy đông người vây quanh lò-hoà hợp, tốt.

Mộng thấy nhóm lửa - đại cát lợi

Mộng cầm hoà cười thuyền - địa vị cao sang

Nói tóm lại, thời cổ đại nước ta rất sùng bái nước và lửa. Chính vì vậy mà trong các sách đều ghi lại những lời chiêm, bói có quan hệ với nước và lửa. Chương 4 sách "Giải mộng thư" nói riêng về thủy, hoà, đạo, tặc đã viết :

Mộng thấy ở trong nước - đại cát

Mộng rơi xuống nước - đại hung cho lợn

Mộng thấy ngăn nước - đại hoạ hung

Mộng thấy uống nước - chủ tố tụng

Mộng thấy nước - đại cát lợi

Mộng thấy nước lớn - chủ hôn nhân

Mộng thấy cầm lừa đi - đại thông

Mộng thấy nhómlửa - chủ đại cát

Mộng thấy nước sông, hồ, biển - thông thoát

Mộng thấy đào giếng - được tin xa

Mộng thấy giếng phun nước - hợp đại phú

Mộng thấy nhìn giếng - được tin xa

Mộng thấy nằm trong giếng - đại hung

"Giải mộng thu. Mộng thủy hoả đạo tặc đảng sự" trong "Cụ gia tất dụng sự loại" lại còn một số chiêm từ bổ sung như sau :

Mộng thấy đi trên nước - đại cát

Mộng thấy đứng trên nước - hữu hung sự

Mộng thấy nước chảy không dừng-được của cải lớn

Mộng thấy nước chảy quanh người-hữu ngục tụng

Mộng mang nước đi đường - đại thông đạt

Mộng thấy nước chảy menh mang - hữu tân hôn

Mộng thấy nước lớn trong vất - đại hung

Mộng thấy nước sông, hồ, biển - đại cát

Mộng thân ở trong nước - quý nhân phù hộ

Trong sách "Thuật xem tướng người" do nhà xuất bản Hoa văn Bắc Kinh xuất bản năm 1988 cũng có viết về những lời bói có liên quan đến nước và lửa, xin trích dưới đây :

Mộng thấy trên đường gặp mưa - sẽ có phúc khẩu

Mộng thấy nước nhỏ giọt không dừng - sự sẽ thành

Mộng thấy lội nước mà đi qua - bệnh lâu ngày bỗng nhiên đỡ

Mộng đi ngược dòng nước - sự nghiệp thuận lợi, tài sản đại tăng

Mộng nước lớn trào mặt đê - hưởng thụ tuổi trời

Mộng xuôi nước sông mà đi-nhiều chuyện phiền não

Mộng thấy đầy sóng-sự nghiệp nhiều lần gặp khó khăn

Mộng thấy đốt nóng - sẽ có thêm áo mới

Mộng đến nơi hoá táng - cát sự đến nhiều

Mộng thấy lửa đỏ trong lò-sẽ có hạnh phúc đến bất ngờ

Mộng thấy lửa dậy trong núi - sẽ có hoạ cãi nhau

Những câu ngữ chiêm bói này hầu như xuất thân từ thời hiện đại, phản ánh sự tiến bộ của sức sản xuất xã hội, sinh hoạt vật chất được cải thiện, quan niệm về giấc mộng của con người cũng có sự thay đổi tương ứng.

. IV .

PHẬT VÀ ĐOÁN MỘNG

Thế giới lý tưởng của nhà Phật là hư vô, phiêu diêu. Thế giới của mộng cũng như là mây khói, tiêu tan mất tích. Trong hai thế giới hư ảo ấy lại có mối liên hệ nhất định với nhau.

Phật giáo được truyền vào Trung Quốc lúc nào ? Đến bây giờ cũng rất khó xác định. Lịch sử lấy mốc từ việc Hán Vũ đế nằm mơ, sai người đi tìm đạo Phật. Năm Vĩnh Bình thứ 7, Hán Minh đế nằm mơ, gặp một người bằng vàng. Minh đế bèn mời người đến giải mộng. Thái sử Phó Nghị nói : "Trong mộng, người gặp một vị đấng đạo phương Tây gọi là Phật". Minh Đế liền phái Thái Âm và 18 người nữa đi miền Tây cầu đạo Phật. Ba năm sau, Thái Âm và những người cùng đi, mời hai vị tăng Ca Diếp Ma Đằng và Chúc Pháp Lan đến Lạc Dương cùng với một số kinh nhà Phật, Tượng Phật được thờ trên lưng một con ngựa trắng. Minh đế xây dựng chùa Bạch Mã. Hai vị tăng ở trong

chùa, đã phiên dịch 42 chương kinh. Phật giáo được lưu hành tại Trung Quốc từ đó.

Sau khi Phật giáo được truyền nhập vào Trung Quốc từ thời kỳ Tây Hán, qua vài trăm năm hấp thụ và tiêu hoá, đã hoàn toàn trở thành một bộ phận của văn hoá Trung Quốc. Nó thấm thấu ào ạt vào mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, phong tục. Chẳng có chỗ nào nó không xâm nhập vào. Đời Đường là thời kỳ thịnh vượng của Phật giáo. Ở Trung Quốc nhiều tôn phái mọc lên như rừng, tăng lữ nhiều vô kể. Tuy đạo Phật ở Trung Quốc không giữ tư cách là quốc đạo, nhưng trên thực tế nó đã được tôn sùng.

"Thái Bình quảng ký" là cuốn tiểu thuyết đời Đường có nhiều nội dung về Phật giáo, nhưng thật sự hấp dẫn quần chúng, chỉ có hai phần là "Thích chúng" và "Báo ứng".

Phật giáo tuyên truyền rằng hãy tin vào Phật là có thể giải trừ được tất cả tai nạn ở nhân gian. Tục ngữ có câu: "Thà làm con chó trong thời bình còn hơn làm con người trong buổi loạn lạc". Nhưng dù ở trong thế giới thanh bình cũng khó tránh được những tai hoạ bất trắc. Tin Phật thì có thể tránh được. Trong "Báo ứng" sách "Thái Bình quảng ký" có kể: Thời Đường Cao Tông có Bạch Nhân Triết vận chuyển gạo đi Liêu Đông, qua biển gặp gió to. Bốn bề đen như mực. Bạch vội vàng đọc 300 lần kinh "Kim Cương".

Thế là như nằm mơ, thấy một vị tăng đến báo : "Người đã niệm chân kinh nên ta đến cứu người". Một lát sau, gió yên sóng lặng. Lại ở "Vương Lệnh vọng" sách đó kể rằng : Vương Linh Vọng chợt gặp mảnh thú... vội vàng niệm chân kinh. Mảnh thú nhìn Vương rồi cúp đuôi bỏ đi, nước dãi đầy đất.

Tin Phật không những chỉ miễn trừ được tai nạn mà còn có thể chuyển hung thành cát. Cũng trong "Báo ứng" có chuyện Mục Nhan Thông đọc kinh Kim Cương 10 lần trong một ngày. Tên giặc cướp Lý Mật muốn bắt Mục về áp, giết để tế cờ. Mục biết trước, liền nhảy xuống thành mà chạy, Lý Mật vác dao đuổi theo. Mục nhảy xuống vực mà không bị thương tích gì. Trên không có tiếng nói : "Vì người niệm kinh nên may mắn thế đấy. Có thể về nhà được rồi"... Sách trên còn kể chuyện một người tên là Khai Hành Lập không biết chữ thường mang theo kinh Kim Cương bên mình, lại thường thắp hương lễ bái ở nhiều nơi. Có lần, hơn 10 tên giặc xông đến cướp tay nải của Khai. Trong tay nải của Khai có kinh Kim Cương nặng đến hàng năm sáu chục cân, không lấy được. Sau đó, những tên giặc này cảm động, cải tà quy chính.

Đối với người dân nói chung, Phật giáo là một cách lý giải và đối phó với cái chết. Ý nghĩa của Phật giáo rất tinh thâm. Nhưng nói đi nói lại, mục đích của nó là dẫn dắt mọi người đi đến "giải thoát" triệt để.

Đạo Phật cho rằng sự trôi buộc của đời người là "khổ", chỉ có chết mới giải thoát khỏi cái "khổ". Cho nên, thời Nam Bắc triều, đạo giáo đã gọi miá mai đạo Phật là đạo có thuật "học chết". Nói chung, các tín đồ đạo Phật không sợ chết. Cho rằng chết chỉ là đi đến chỗ tốt hơn. Có chuyện : Người ở chốn u minh dẫn Trần Văn Đạt xuống một cái đài xây dưới mặt đất. Trần Văn Đạt lúc nào cũng cầm cuốn kinh Kim Cương liền hỏi, người đó trả lời : "Đây là đài Bát Nhã để đợi Trần Văn Đạt, các vị ở chốn u minh đều rất mực kính trọng". Những chuyện tương tự như vậy có đến hàng trăm ghi trong "Thích chứng" và "Báo ứng" trong "Thái Bình quảng ký". Mỗi người chúng ta không tránh khỏi bệnh, chết, tai nạn. Hy vọng được chuyển điều "hung" sang điều "cát". Sau khi chết lại được đến "chỗ tốt hơn". Đó là nguyện vọng chung từ người quyền quý đến người dân bình thường. Mà nhà Phật lại tuyên bố là có thể thoả mãn được những yêu cầu đó. Hơn nữa, người sùng tín đạo Phật thường thấy trong giấc mộng thường mang ảo giác như có âm nhạc, vông lọng đến đón mừng mình hoặc sẽ xuất hiện những hiện tượng kỳ lạ mà nhà Phật tuyên truyền là có công hiệu nếu tin vào Phật. Phật giáo có một ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội nhà Đường. Sự sùng bái Phật thành ra một phong khí trong kho báu văn hoá Phật giáo. "Giải mộng thư" có ghi : những giấc mơ gặp gỡ mọi người và mọi sự vật liên quan

đến Phật thường là những giấc mơ nhiều "cát", "lợi". Trong "Phật đạo Âm nhạc, chương đệ bát" sách "Đôn Hoàng giải mộng thư" có viết :

Mộng thấy đi vào chùa - chủ hỷ sự

Mộng thấy Bồ Tát - chủ trường mệnh (thọ)

Mộng thấy Kim Cương - được người giúp đỡ

Mộng thấy tăng ni - trăm việc đều không hợp

Mộng thấy xin đồ chay - đại cát

Mộng thấy đốt hương - có sự hôn nhân

Mộng thấy miếu thần - người tiên cầu thức ăn.

Ở đây, Phật chỉ Thích Ca Mâu Ni. Nằm mơ thấy Phật, sẽ được Phật phù hộ. Trong Phật giáo, Bồ Tát là dưới Phật. Nhưng Bồ Tát được Trung Quốc hoá, nói chung gọi là "Tam đại sỹ" gồm Văn Thu, Quan Âm và Phổ Hiền. Nghe nói Phổ Hiền có đức hạnh, kéo dài được tuổi thọ của con người. Quan Thế Âm có thể cứu 12 loại tai nạn. Khi gặp tai nạn, chỉ cần niệm tên Ngài là sẽ được Ngài cứu vớt hoặc giải thoát. Ngài cứu khổ, cứu nạn cho tất cả mọi người không phân biệt quý, tiện, hiền, ngu. Cho nên lại có tên là "Đại từ bi cứu khổ cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát". Khi nằm mơ thấy Bồ Tát, nhà đoán mộng cho là có thể kéo dài được tuổi thọ. Kim Cương lực sỹ gọi

tất là Kim Cương, dùng để chỉ hai vị thiên thần cầm chày kim cương để bảo vệ Phật pháp, tục gọi là Hanh Ha, thường được bố trí đứng ở hai bên trái và phải của chùa hoặc thiền viện. Đứng bên trái là Mật Chấp Kim Cương. Đứng bên phải là La Diên Kim Cương. Tượng Kim Cương thường cỡi trần, trông rất dũng tướng. Tú đại thiên vương của Trung Quốc cũng được gọi là Tú Đại Kim Cương. Vị này tượng trưng cho sức mạnh, uy vũ. Trong giấc mơ thấy các vị đó là sẽ được giúp đỡ.

Nhu trên đã nói, Phật giáo có ảnh hưởng to lớn đối với nền văn hoá Trung Quốc. Ngay cả trong nghệ thuật âm nhạc và vũ đạo cũng tràn đầy âm thanh nhà Phật, hài hoà kỳ diệu và hao hao những dáng múa Phật.

Âm nhạc Phật giáo truyền vào Trung Quốc sớm nhất gọi là "Bối tán", Bối là đưa lời tán tụng vào quản huyền là dịch âm của tiếng Phạn, nghĩa là ca vịnh kinh Phật. Nghe nói thanh âm của "Bối tán" tương đối ai oán. Theo "Pháp Uyển chu lâm" đời Đường, khi bàn về lai lịch của âm "Bối tán" nói : Tào Thực thường du ngoạn Ngưu Sơn bỗng nghe thấy vắng lại âm thanh. Phan Triên không nghe thanh nhã mà ai oán, liền ghi lại thành "Bối tán". Tào Thực không tin Phật, Trần Dần Khác khảo về chuyện này cho là ngụy tạo. Nhưng

chuyện này cũng nói rõ : "Bối tán" làm cho con người có cảm giác thể lương. Trong chương 8 viết về âm nhạc đạo Phật của bộ sách "Đôn Hoàng giải mộng thư" viết :

Mộng thấy tấu nhạc - khóc than

Mộng thấy đánh trống - có tin xa đến

Mộng thấy múa - có chuyện kinh sợ

Mộng thấy ca hát - có chuyện cãi cộ

Mộng chơi đàn cầm sắt - có chuyện cười xin

Mộng thấy thổi sáo - chủ hợp đại cát.

Vì âm nhạc nhà Phật thể lương, khi người ta mơ thấy thú âm nhạc đó, nhà đoán mộng phụ họa coi là có chuyện than khóc. Chúng ta hãy nhìn những bức vẽ trên vách Đôn Hoàng mà xem, những tu thế vũ đạo thật phiêu dật ưu mỹ, có một loạt những hình tượng bay bổng trên trời như ảnh bay ngang trên không. Có tu thế bay nghiêng có hình tưởng ngựa mà bay lên hoặc bay xuống khiến người xem phải kinh ngạc mà thốt lên lời khen ngợi. Nếu nằm mơ thấy những bước vũ đạo đó, nhà đoán mộng cho sẽ là có sự khùng khiếp. "Mơ thấy người ca hát, có cãi cộ". Điều này do nhà đoán mộng dựa vào kinh nghiệm trong cuộc sống của con người nên chuyển hình tượng giấc mộng

ca hát thành chuyện đôi co gắn với nó, sau đó từ đôi co suy ra cái cọ. Mơ thấy người đàn cầm sắt (đánh đàn cầm, sắt) cho là chuyện cưới xin theo các thư tịch cổ Trung Quốc. Cầm sắt là thú "nhạc khí trên trời" đại biểu cho quan chức, do đó nhà đoán mộng cho rằng có đàn cầm sắt là có chuyện vui mừng.

Với những lời đoán mộng trên, chúng ta thấy người đời Đường sùng bái đạo Phật là trạng thái bình thường của xã hội đương thời, là phong khí của xã hội.

- V -

TẾ CÂY VÀ CHIÊM MỘNG

Cây là loài thực vật phổ thông ở Trung Quốc. Tuy vậy, dưới góc độ văn hoá, cái cây phổ thông ấy được con người, qua óc tưởng tượng, gửi vào trong nó vô vàn điều tốt đẹp, cũng như điều quái đản. Cây thêm vào văn hoá Trung Quốc một vầng hào quang thần bí.

Từ rất sớm, Trung Quốc đã là một nước đại nông nghiệp, thực vật được người Trung Quốc sùng bái và thần thánh hoá, trước hết là những loại cây có quan hệ với sản xuất nông nghiệp như cây đào và cây dâu v.v...

Cây đào được "thần hoá" trước nhất. Ví dụ thiên "Hải ngoại Bắc Kinh" trong "Sơn hải kinh" nói rõ núi Khoa Phụ phía bắc có rừng gọi là rừng đào mộng tròn 300 dặm. Khoa Phụ là vị anh hùng thời thượng cổ đã chạy thi với mặt trời. Sức nóng của mặt trời làm ông khát nước. Ông muốn đến uống nước ở sông Hoàng Hà nhưng chưa tới nơi đã chết. Chiếc gậy tượng trưng cho chất anh hùng mà ông vút ra biến thành rừng đào

rộng 300 dặm. Cây đào và rừng đào có một ý nghĩa linh thiêng. Ngoài ra sách cổ nước ta còn nói đến "tâm mộc" dài ngàn dặm.

Cây dâu được gọi là "cây bất tử". Đó là biểu hiện nguyên thủy của sự sùng bái thực vật linh thiêng. Không kể phương Nam hay phương Bắc, người Hán hay người dân tộc thiểu số đều có tập tục tế lễ các cây lớn.

Ở Phúc Kiến, Đài Loan, người dân gọi những cây đại thụ và những cây sống lâu năm là những "cây thần", không những không dám đụng chạm đến chúng mà còn thắp hương, dâng lễ vật. Ở các miền dân tộc phương Bắc, người ta tôn sùng những cây cao lớn trong rừng và tế lễ những cây to ở xung quanh làng mạc. Sự sùng bái, tế lễ các cây to và cao đã trở thành hoạt động của tất cả các dân tộc. Nhất là trong thời đại săn bắn, tộc Mãn thường luôn lễ bái thần cây. Dân tộc Hà Nhi ở Vân Nam có hoạt động tế lễ cây rất nguyên thủy. Họ gọi tế cây là "tế rồng". Lễ tế được chọn giữa tháng hai và tháng ba âm lịch. Lễ tế trong 3 ngày, tiến hành bí mật không cho người ngoài tộc và người ở trại khác tham dự. Đối tượng lễ bái không phải là con rồng mà là "long thụ" đặc biệt cao, to. Nó được gọi là "thần bảo vệ" cho thôn, trại. Nghi thức

tế lễ rất long trọng, thống nhất trong toàn trại. Lễ tế bắt đầu, sáng sớm thứ nhất người ta dọn một bãi đất bằng phẳng giữa trại (thường là nơi đặt nhất cuộc đầu tiên hoặc xây dựng vật đầu tiên ở trong trại). Sau khi san phẳng đất người ta đặt bàn cúng lên chỗ đất bằng. Trên bàn đặt một thùng ngũ cốc, một đấu gạo, bốn cái bát, một bình rượu. Trên đấu gạo có chiếc nhẫn hoặc đồng tiền bạc. Một ông già thông minh trong trại rót rượu vào các bát rồi tụng niệm lời cầu nguyện. Ông già này phải là một người có uy vọng và tinh thông lịch sử và văn hoá của dân tộc mình. Ông cúi đầu trước cây tổ tổ lòng thành kính với thần, xin thần bảo vệ trại, thôn được 4 mùa thịnh vượng...

Từ xã hội nguyên thủy cho đến xã hội hiện đại, tại sao người ta lại sùng bái những cổ thụ cao to, đại thụ lâu năm? Chúng tôi cho rằng ở những đầu óc mê tín này có một điểm chung là sùng bái sức sống và sức phồn thực biểu thị sự thịnh vượng đó thấm thấu vào cả lĩnh vực các giấc mơ. Cho nên trong "Đôn Hoàng giải mộng thu" có nhiều "chiêm tử" về những giấc mộng có liên quan đến cây cối như :

Mộng thấy cây - đại cát

Mộng thấy cây sinh trường - đại cát.

Mộng thấy cây chết - có đại tang

Mộng thấy cây gậy - mất huynh đệ

Mộng thấy trèo lên cây - có việc vui mừng

Mộng thấy chặt cây trúc - cãi nhau

Mộng thấy cây cỏ rậm rạp - gia trạch vượng

Mộng thấy củi gỗ trong nhà khách - đại hung

Mộng thấy cây nở hoa - thân đại quý

Mộng thấy hoa rụng - vợ chết

Mộng thấy nhiều loại quả hỗn tạp - có thai

Mộng thấy măng trúc - xảy việc lo lắng

Mộng thấy cây bông khô héo - mẹ ốm

Ngoài ra , trong "Đôn Hoàng di thư" có chương mục "Giải mộng thư" ghi một số "chiêm từ " như :

Mộng thấy dâu ở phòng khách - lo việc quan

Mộng thấy cây mọc ở trên mộ - giàu có

Mộng thấy trong cổng mọc cây cỏ - phú quý

Mộng thấy chặt cây - cầu gì được nấy

Mộng thấy ở trong rừng - đại cát lợi.

Chúng ta biết rằng người và động vật, đời nọ tiếp đời kia sẽ chết đi. Nhưng có một số cây sống hàng mấy trăm năm, thậm chí vài nghìn năm. Có những cây

bị dẫn đi mà bộ rễ lại nảy ra mầm mà lớn mạnh lên. Có nhiều loại cây có sức phồn thực kỳ diệu. Người ta sùng bái những sức mạnh siêu phàm như vậy. Mặt khác có những cây, loài thực vật là nguồn cho tư liệu sinh hoạt của con người, là chỗ dựa cho con người. Nhưng không phải lúc nào chúng cũng có thể thoả mãn được nhu cầu, dục vọng của con người. Ví như cây ăn quả, có năm nhiều quả, cũng có năm ít quả. Hoặc có khi do một nhân tố bỗng nhiên nào dẫn đến được mùa... Người ta cho những tình huống như vậy là do dụng ý của thần đối với mọi người. Từ đó nảy sinh ra mê tín tế bái thần cây. Người ta cho rằng : "Năm mơ thấy cây cối sinh trưởng là điều tốt", mà mơ thấy cây chết là sẽ có đại tang.

Thư tịch cổ ghi về một số cây có tác dụng thần bí đặc biệt như sách "Son Hải kinh" ghi : Có loại cỏ hình như kiệu nhưng lá xanh ăn no được, tên là chúc du. Có loại cây dạng như lúa mà đen, hoa chiếu sáng bốn phía, tên là mê cốc, đeo nó không bao giờ bị mê. Có loại cỏ chữa được bệnh rất hiệu nghiệm. Lại có loại cây mà sau khi ăn một vài củ sẽ không thấy đói mãi v.v... Như vậy là thừa nhận sức mạnh thần bí của một số loài cây. Có khi, khoác một vài loại thực vật lên mình sẽ không bị mê hoặc, không phát sinh bệnh

tật, hoặc ăn một vài loại cây cối nào đó có thể có ảnh hưởng tốt đến đời con, đời cháu. Người ta công nhận ngay sức mạnh thần bí và tính chất thần thánh của một số cây. Có nhiều loài cây là hoá thân của thần linh. Chuyện kể rằng : "Người con gái của Hoàng đế chết hoá thành cỏ "diêu" có lá nhỏ, hoa vàng, quả nhu đậu khấu. Ăn quả diêu, người sẽ đẹp ra... Sách "Sơn Hải kinh" cũng lại kể ra có nhiều loại thực vật ăn vào không thấy mệt nữa, ăn xong không quên, ăn xong không ưu phiền, mà thấy đẹp hẳn ra v.v... Những loại thực vật được kể đến dù ít dù nhiều đều có sắc thái thần bí. Lời đoán mộng nói rằng : "Nằm mơ thấy cỏ mọc xanh tươi tức là gia trạch được vượng. Người mơ thấy hoa nở sẽ thấy điều quý và sang: Mơ thấy hoa rụng thì vợ chết. Mơ thấy quả tạt là vợ có mang v.v..."

- VI -

**MỘNG THẤY RỒNG-
ĐIỀM BÁO TỐT LÀNH**

Người Trung Quốc cổ đại mê tin giấc mộng, đặc biệt rất thích mộng rồng. Các bậc quân vương phong kiến trước và sau khi tức vị thường mơ thấy mình cưỡi rồng bay lên trời. Nào là ngồi rồng lên mây, hoặc mơ thấy treo lên rồng, hay mơ thấy rồng, mơ nuốt rồng, mơ bắt được rồng, mơ gặp rồng vàng v.v... Tất cả những chuyện nằm mơ xung quanh rồng đều được ghi chép trong lịch sử, dã sử, tạp ký, nhiều không kể xiết... Tại sao vậy?

Rồng là vật thần linh ở Trung Quốc, ai ai cũng biết cả. Rồng được con người yêu quý nhất trong các loài vật và có sức sống nhất. Mấy nghìn năm nay, ở Trung Quốc khi hạn hán, thường đắp tượng rồng để cầu mưa. Để cho các công trình xây dựng và cầu cống được an toàn, không bị tai nạn về thủy hoả, người ta trang sức hình con rồng ngay trên nóc các toà nhà hay ở thân cầu. Thấy nam nữ kết đôi hạnh phúc, người ta bảo : "Long phượng trình tường".

Muốn cho con trai tiến bộ thành đạt, người ta bảo: "Mong con thành rồng". Nằm mơ thấy gặp rồng được coi là bậc sao sang hay quý nhân. Các ngày lễ hội có múa đèn rồng, đua thuyền rồng v.v... Tất cả những chuyện ấy suy đến cùng là do trong tâm khảm người Trung Quốc, con rồng là tượng trưng cho tinh thần mạnh mẽ không có gì ngăn cản được. Hình thái con rồng trông hoành vĩ mà đẹp, giương nanh múa vuốt bay lượn giữa mây. Con rồng tiến thẳng, vươn lên, khoẻ mạnh, vượng khí. Do đó gần 1000 năm nay, rồng được dung hợp phát triển trong lịch sử, tu tưởng, tôn giáo, thần thoại và dân tục Trung Quốc. Trong "Giải mộng thu" thường thấy rồng là giấc mộng quý, đại cát, đại lợi.

Trước nhất ta gặp những lời giải thích sau trong "Long xà, thiên đệ thập" trong "Đôn Hoàng giải mộng thu" hoặc trong "Cư gia tất dụng sự loại" dưới đây :

Mộng thấy rồng vào chợ - có địa vị cao sang

Mộng thấy cá khô - thiên hạ bị hạn

Mộng thấy trong giếng có cá lớn - đắc tài

Mộng thấy rắn vào lòng - sinh quý tử

Mộng thấy bắn rồng - đại cát

Mộng thấy bẫy cá - trăm việc được giải

Mộng thấy cá chép - vợ có thai

Mộng thấy cưỡi rồng - có tước lộc

Mộng thấy chim én bay tòi - có khách xa đến

Mộng thấy rùa rắn nhìn nhau - có của

Mộng thấy giun - điền trạch đại cát

Mộng thấy cá bơi dưới nước - có của cải

Qua những "chiêm từ" kể trên thấy những giấc mộng gặp rồng, rắn thường là những giấc mộng lành, đẹp. Điều ấy giải thích thế nào? Để trả lời ta hãy bắt đầu từ nguồn gốc của rồng.

Các loại tô tem của xã hội nguyên thủy Trung Quốc có nhiều. Đối tượng sùng bái thường là các động vật và thường tồn tại thực tế trong đời sống hiện thực. Rồng có đặc trưng của một tô tem. Rồng được phát triển từ một động vật có thực trong cuộc sống. Động vật đó là : rắn. Trong "Sơn Hải kinh" có sự miêu tả về các thần thượng cổ nước ta trong đó có loại rồng rắn không tách khỏi nhau. Người ta bảo : Long xà(rắn rồng) hoặc cá hoá long(cá hoá rồng). Về việc miêu tả con rồng, người xưa viết :Thần sấm mình rồng mà đầu người.

Các thần từ núi Thiên Hạo đến núi Nam Ngang-mình rồng mặt người.

Diên duy-đầu người mình rắn

Cổ-mặt người mình rồng

Hiên viên-mặt người mình rắn, đuôi đầu giao nhau.

Các thần từ núi Đan Hồ đến Đê Sơn - mặt người mình rắn.

Các thần từ núi Quán Sầm đến núi Đôn Đè-
mặt người mình rắn.

Chúc long-mặt người mình rắn màu đỏ

Tương Liễu-chín đầu, mặt người mình rắn cổ
khoang màu xanh.

Nhị Phụ-mặt người mình rắn

Các thần từ núi Thu Sơn đến Bình Sơn:
mặt người mình rắn.

Trong sách "Sơn Hải kinh" có rất nhiều con vật
mình người mặt rắn. Hình tượng mặt người mình rắn
nói rõ rằng rồng rắn khi ấy không tách rời nhau. Mặt
người mình rồng thực chất là tô tem của các bộ lạc
khác nhau dùng rắn làm tô tem. Do địa vị, sự mạnh
yếu, thế hệ và phương pháp biểu hiện khác nhau của
các bộ lạc, đặc trưng chủ yếu trên tô tem tuy giống
nhau nhưng vẫn có nét khác nhau. Các thần "mặt người
mình rắn", "mặt người mình rồng" trong "Sơn Hải kinh"
chính là tô tem khác nhau của các bộ lạc cùng sùng
bái một tô tem chung. Đưa mặt người lên thân động
vật là một hình thức biểu hiện của tô tem đã có từ
đời Hán. Rồng bắt nguồn từ rắn, những vật trên rồng
chúng mình rồng và rắn có đặc trưng giống nhau :
mình dài, có vẩy, ngủ mùa đông.

Ý nghĩa tượng trưng của con rồng sau khi đã đi
vào đời Thương thì hàm nghĩa tô tem của nó mất dần.
Nhưng tinh thần của con rồng lại được phát triển rộng
hơn. Có nghĩa là hàm nghĩa của tất cả mọi tinh tượng

trung về con rồng được xác định rõ từ đời Thương, Chu và kéo dài, ảnh hưởng đến mấy nghìn năm sau. Từ lúc này, rồng được phong là thần vật, có thể nói ra được điều hung cát là vì rồng đại diện cho ý trời. Đó là con vật linh thiêng để cầu mưa và làm ra mưa. Người ta gọi rồng là thánh nhân, rắn là quân tử.

Sau thời Tần, Hán, ý nghĩa tượng trưng lại được tiếp tục phát triển. Do kẻ thống trị muốn có được uy quyền lớn hơn mà gắn liền rồng với các vị đế vương. Từ đó có câu : "Thiên tử do rồng sinh ra". Theo "Sử ký", thân mẫu của Hán Cao tổ thường nghỉ bên bờ hồ lớn, mơ thấy gặp thần lúc ấy mưa to gió lớn, bà nhìn lên, thấy giao long nằm trên. Bà có mang và sinh ra Hán Cao tổ cũng có mặt rồng, râu rồng. Về sau các vị vua được đánh giá cao : "Chiên long thiên tử". Hoàng tử, hoàng tôn được coi là thuộc giống rồng. "Đế vương tử đó được kết hợp với rồng và cả hai được gắn với giấc mộng.

Không những con rồng có mặt khắp trong các cung vua mà cũng có mặt khắp nơi trong dân dã. Thậm chí có mặt quá nhiều trong giấc mộng của mọi người.

Từ đời Ân, Thương đến giờ, địa vị của con rồng vẫn được đặt cao đến nỗi không một con vật nào sánh được. Con phượng hoàng cũng dưới hàng nó. Vai trò của con rắn có bị kém đi. Những giấc mộng về rắn không thể nào so sánh được với những giấc mộng về rồng. Hai giấc mộng đó khác nhau nhiều về giá trị. Một tác giả Mỹ viết : "Mơ thấy con rắn ở Trung Quốc

có nhiều cách giải thích. Nằm mơ thấy rắn đuổi theo là có vận may. Mơ thấy rắn màu đen sẽ sinh con gái. Mơ thấy rắn trắng sẽ sinh con trai". Ở Đài Loan, mơ thấy rắn có nghĩa là tài sản sẽ bị tổn thất. Thấy rắn quấn tròn lại xung quanh người nằm mơ tức là cuộc sống của chủ nhân giấc mộng đó sẽ có nhiều biến đổi. Điều này căn cứ vào hiện tượng biến đổi lột xác của rắn mà suy ra. Nếu một người con trai mơ thấy một con rắn tức là người đó lại có một người bạn gái mới. Tượng trưng của giấc mộng rắn lại gần với thế tục. Có khi rồng là nam, rắn là nữ. Ngày xưa rắn thường hoá thành con gái để ra với cuộc đời và cũng đưa những giấc mộng tồi con người.

Người ta hạ giấc mộng về cá, rùa, ngao v.v... xuống địa vị thấp hẳn để nâng cao vị trí những giấc mộng có liên quan đến rồng.

Con rồng với hình tượng mọi mặt của nó đã có ảnh hưởng sâu sắc tới nền văn hoá dân tộc truyền thống.

Tóm lại, hình ảnh con rồng đã lưu lại một ảnh hưởng sâu sắc trong văn hoá dân tộc Trung Hoa. Nó ấp ủ ước nguyện được sống hạnh phúc, truy cầu cái chân, cái thiện, cái mỹ của tổ tiên ta. Nó làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân Trung Hoa và còn biểu hiện sức sáng tạo nghệ thuật ưu việt của nhân dân Trung Quốc. Hình ảnh rồng mãi mãi đại diện cho sức sống lành mạnh và đặc tính phong phú đa dạng của văn hoá dân tộc Trung Quốc.

- VII -

TỪ "ĐÔN HOÀNG GIẢI MỘNG THU" XEM MỐI QUAN HỆ VỢ CHỒNG ĐỜI ĐƯỜNG

Thời cổ đại ở nước ta, trong xã hội mà người đàn ông là trung tâm đã thịnh hành quan điểm đạo đức luân lý của Nho gia : "người chồng là rường cột của vợ". "Tang phục truyện" trong sách Lễ ký có câu : "Người cha là trời của con", "Người chồng là trời của vợ". Điều ấy biểu thị địa vị của vợ chồng khác biệt như trời và đất. Lại nói rằng : "Vợ chồng nhất thể, vợ chồng hoà quyện vào nhau" Một khi đã thành vợ chồng, nhân cách của người vợ bị chồng thu hút nên mất đi tính độc lập. Hơn nữa theo lời giáo huấn "chồng là rường cột của vợ", trong xã hội cổ đại, người chồng coi vợ là khác thể của quyền lợi trong tay mình, tùy ý mua bán, xử lý. Với một xã hội nam nữ không bình

đẳng như vậy làm sao có được đến quan hệ bình đẳng chân chính giữa vợ và chồng.

Tuy vậy, chúng ta hãy đọc chương thứ 14 nói về "Hoa phán vợ chồng" trong bộ sách "Đôn Hoàng giải mộng thư" hầu như sẽ thấy địa vị người phụ nữ trong gia đình ở địa khu Tây Bắc đời Đường có được chút khấm khá hơn. Thử xem những giấc mộng :

- Mộng thấy vợ vui - được của cải của người
- Mộng thấy vợ đánh - được vợ giúp sức
- Mộng thấy đánh vợ - mất của
- Mộng thấy vợ chồng vãi nhau - có chuyện chia tay
- Mộng thấy vợ chồng nắm tay nhau - đại cát
- Mộng thấy vợ trang điểm lộng lẫy - tất chia tay
- Mộng thấy vợ - thay đổi công việc
- Mộng thấy vợ có thai - đại hung
- Mộng thấy vợ ôm - mất của
- Mộng nhìn thấy vợ - được tài sản lớn
- Mộng thấy vợ đeo dao - gặp lại con
- Mộng thấy cửa mở - vợ ngủ đêm bên ngoài
- Mộng thấy hai người con gái gặp nhau - hung
- Mộng thấy vợ đeo thoa đánh phấn - cãi nhau

Thời cổ đại Trung Quốc, vợ chồng không bình đẳng trước pháp luật. Pháp luật đời Đường quy định : Vợ đánh chồng bị tội đồ 1 năm. Đánh chồng đến chết bị xử trảm. Nhưng chồng đánh chết vợ bị giảm xuống hai đẳng cấp dân thường. Chồng đánh vợ, pháp luật không để ý. Đến đời Minh, Thanh quy định : Chồng đánh vợ dưới mức thương tích, không được bàn đến. Chồng đánh vợ trên mức bị thương tích sẽ bị giảm hai đẳng cấp thường dân. Nhưng bên nữ phải kiện mới xét tới. Nhưng ở "Đôn Hoàng giải mộng thư" lại đưa ra : Mơ thấy vợ đánh mình, có thể sẽ được nhờ vào sức của vợ. Mơ thấy mình đánh vợ là điềm không tốt, tài sản bị mất đi.

Đời Đông Hán, Ban Chiêu viết bộ sách "Nữ giới" đưa ra vấn đề người con gái không nên cười để giữ được một điều trong tứ đức. Nhưng trong "Đôn Hoàng giải mộng thư" lại bỏ qua cái điều đó của Ban Chiêu cho rằng : "Năm mơ thấy vợ vui tức là sẽ được "tài của".

"Đôn Hoàng giải mộng thư" còn chủ trương hai vợ chồng phải đoàn kết với nhau, bình đẳng, cùng yêu nhau. Cho nên lời đoán mộng nói là " năm mơ thấy vợ chồng cầm tay nhua là đại cát. Tục ngữ nói : "Vợ hiền thì chồng bớt tai hoạ" và "Người đàn bà khéo thường rủ được chồng ngủ".

Ngoài ra lời đoán mộng còn nói : Nằm mơ thấy vợ là được tài, của... Những điều đó phản ánh, ở vùng Tây Bắc thời nhà Đường địa vị người phụ nữ trong gia đình là rất quan trọng.

Tại sao vào đời nhà Đường, địa vị của người phụ nữ trong gia đình vùng Tây Bắc được khá hơn? Có mấy lí do sau :

1 - Tổ tiên hoàng tộc đời Đường thuộc về tập đoàn 6 trấn được Hồ hoá ở sâu trong Hồ Bắc Tây Bắc. Họ là những nhà quyền quý mới dựa vào các cơ sở là các lực lượng vũ trang, nhờ có Mộng thấy cửa mở - vợ ngủ đêm bên ngoài, công trạng quân sự mà cướp được chính quyền. Sau khi thống nhất được Trung Nguyên, sắc thái Hồ hoá vẫn còn giữ được nét đặc sắc của chính quyền thời Đường sơ. Cho nên những nhà thống trị đời Đường không xét nét lắm về lễ phép của Nho gia. Đặc biệt là đối với khu vực phát nguyên của họ là Tây Bắc. Phong thái của người dân rất ít bị ảnh hưởng quan niệm lý luận của Nho gia.

2 - Vì các triều đại Đường Thái Tông, Đường Cao Tông, Võ Tắc Thiên thi hành chính sách chèn ép các sĩ tộc Sơn Đông với đặc trưng Nho phong nước

Lễ lẽ thói hôn nhân của Nho gia bị dả kích, ảnh hưởng đến lễ giáo : "Chồng là giường cột của vợ".

3 - Quan điểm chồng là rường cột của vợ" đã bị Võ Tắc Thiên làm cho mờ nhạt vì Võ Tắc Thiên không xuất thân từ sĩ tộc khuê môn. Thân phận là một phụ nữ vào triều lập "chế", đã từng bị lớp sĩ tộc cũ và hoàng gia phản đối mạnh mẽ. Đồng thời để chống lại và loại trừ đối phương, Võ Tắc Thiên đã rất nỗ lực đấu tranh cho địa vị người phụ nữ, cải tạo hình thái ý thức cũ. Võ Tắc Thiên rất bất bình với lễ giáo của Cao tông quy định khi bố chết phải để tang 3 năm mà mẹ chết chỉ để tang có một năm. Theo sách "Lễ Nghi ký Cựu Đường" thu, có ghi : Năm đầu hiệu Thượng Nguyên, Võ Tắc Thiên xuống biểu viết : "Ta nghĩ, người mẹ đối với con có lòng từ ái đặc biệt sâu sắc. Không có mẹ không được sống, không có mẹ không được nuôi nấng. Cho con nằm chỗ ráo, mình nằm chỗ ướt, nuốt cay đắng, nhổ ngọt ngào, sinh đẻ, nuôi nấng vất vả. Ân nghĩa thật cao nặng, Loài cầm thú vô tri cũng biết thương mẹ. Ba năm còn nhớ nhưng. Lý phải báo đáp, sùng kính. Tang để mẹ cũng phải như bố, tôn kính cha chu đáo, cũng phải báo đáp, với lòng từ của mẹ... Nay phải để tang mẹ 3 năm cũng như tang bố". Chế độ này chỉ được thi hành khi Võ Tắc Thiên

lên chấp chính thực sự. Bản thân việc Vô Tác Thiên xung đế đã làm một sự đả kích lớn đối với quan niệm Nho gia trọng nam khinh nữ. Là một cuộc khiêu chiến với lễ giáo phong kiến trói buộc người phụ nữ. Trong thời chấp chính, bà đã thực hiện được nhiều chính sách nhằm tôn trọng người phụ nữ...

Chính vì những nguyên nhân đó mà trong "Đôn Hoàng giải mộng" mới xuất hiện nhiều lời "đoán mộng" có liên quan địa vị của người con gái, người vợ đời Đường.

-VIII-

ĐOÁN MỘNG VÀ NGUỒN GỐC CỦA TÊN GỌI

Con người là nhân vật chính trên vũ đài lịch sử. Tên người là sự đánh dấu. Xa rời tên người thì cả bộ nhị thập tứ sử cũng không có gì đáng nhắc đến. Nghiên cứu tên người là để có được chiếc chìa khoá đi vào lịch sử.

Có người nói, nếu soạn một cuốn từ điển các tên người của Trung Quốc để phản ánh toàn bộ lịch sử và văn hoá Trung Quốc thì nó sẽ là một cuốn sách thiết thực và cụ thể hơn bất cứ một cuốn sử, sách nào. Nội dung của nó sẽ phong phú hơn mọi cuốn lịch sử.

Tên của mỗi người, ít hay nhiều có liên hệ với trình độ văn hoá sâu hoặc nông, giản đơn hay phức tạp. Tên người tự nhiên cứ tăng dần số lượng. Trong đó nguồn gốc những tên gọi cần được lưu ý vì chúng có một ý nghĩa đặc thù. Ở đây ta hãy nói về những tên gọi bắt nguồn từ đoán mộng.

Nhiều người đặt tên gọi từ những giấc mộng. Người cổ thường làm vậy và bây giờ mọi người cũng vẫn làm thế. Bài "Tu can" trong Tiểu Nhã, Kinh thi có câu : "Cát mộng duy hoà , duy hùng, duy bi" (Mộng tốt như thế nào? Có gấu đục gấu cái). Lại nói : "Đại nhân chiêm thi, mộng hùng mộng bi, nam tử chi tường" (bậc đại nhân đoán mộng thấy mộng gấu đục gấu cái làm điềm lành sinh con trai). Lời chú nói : Gấu đục gấu cái ở trên núi, nó là điềm "duang", nên đẻ con trai"... Đó là một kiểu tín ngưỡng của người xưa. Khi đứa con chưa ra đời, nếu nằm mơ thấy giấc mộng tốt, có thể đoán trước là sinh con trai tuấn kiệt. Trước lúc sinh đẻ, nếu có mộng phải cho đi "đoán", nếu là cát mộng thì sẽ lấy đó mà đặt tên con.

Vì dụ, như thời Xuân Thu, Tấn công tử khi mới ra đời mộng bị đen. Mẹ ông từng nằm mơ thấy thần vỗ vào mông đen của đứa bé mà nựng : "Sẽ có được nước Tấn !" Mẫu thân của Tấn Công tử liền đặt tên con là "Mông đen" . Vốn dĩ mông đen là tật cần giữ kín, không nên nói ra , nay Tấn công tử lấy tên là mông đen làm quy cách, thời Xuân Thu kiêng nói ra tật kín. Nhưng vì mơ thấy thần dặn cho Mông đen làm Tấn vương nên không sợ để lộ ra điều xấu, không sợ việc làm ngược lại với quy định. Tuy vậy sau chuyện giấc mộng

về công tử Mông đen sẽ là Tấn vương được lan truyền đi, người mẹ cũng có thể thẹn thùng đôi chút.

Từ cổ đến kim, việc đặt tên theo giấc mộng có điềm tốt có rất nhiều trong các sử sách.

Ví như người thiếp của Trịnh Văn công tên là Yến Cát mơ thấy thiên sứ cho nàng một đoá hoa lan. Nàng sinh ra Mục công, thấy hoa lan có mùi thơm vương giả nên đặt tên con là Lan.

Mẹ Nhạc Phi nằm mơ thấy chim đại bàng đậu ở nóc nhà. Bà sinh ra Nhạc Phi, đặt tên con là Nhạc Phi tự là Bằng Cử (chim đại bàng cất cánh). Mẹ Lục Du nằm mơ thấy Tàn Thiệu Du. Bà sinh con, đặt tên là Lục Du. Nữ sỹ tài hoa thời cổ đại của chúng ta có tên là Diệu Nguyệt Hoa là vì mẹ bà nằm mơ thấy ánh trăng chiếu vào bụng mình trước khi bà sinh con.

Chuyện kể có Trình Quyền là con Trần Hoài Tin, lúc đầu tên là Cháp Cung. Trong mộng, Trình Cháp Cung mơ thấy các cửa hàng nhà ở của phố Thương Châu đều có dán và viết nhiều chữ "Quyền". Cung liền đổi tên mình sang tên Quyền để hưởng ứng giấc mộng. Quả nhiên sau khi Trình Hoài Tin qua đời, Trình Quyền nhận chức tập lĩnh quân vụ rồi lên tiết độ sứ.

Năm thứ 9 đời Thuận Trị nhà Thanh, khoa Nhâm Thìn có người ở Vô Tích đỗ Trạng nguyên tên là Trung

Ỡ. Khi bé, ông cầu mộng ở miếu Trung Khiêm. Đêm nằm mơ thấy thân tựa vào mình và cho 54 vạn hạt dưa. Lúc tỉnh dậy, nhà bói mộng khuyên anh ta nên đổi tên cũ để lấy tên mới là Trung Ỡ (Ỡ là tựa vào). Sau này lấy vợ được ít lâu, nhân lúc hai vợ chồng nhàn nhã uống trà với nhau, người vợ bỗng lấy nắm hạt dưa ra đặt xuống bàn và xếp thành hai chữ Trạng nguyên. Trung Ỡ bỗng nhớ ra giấc mộng lúc nhỏ. Sau đó, dự khoa thi cùng 54 cống sinh, đỗ đầu, giành đại khôi nguyên. Tất cả mọi việc đều phù hợp với giấc mộng.

Loại chuyện này thường thấy trong các bút ký, tiểu thuyết. Nhà tiểu thuyết tán đũ chuyện khi tìm được dấu vết khoa học.

Tiền thân của tên gọi là một ô - tem của xã hội tô - tem. Nó bám theo một con người từ lúc mới sinh ra trong cõi dân gian. Nó không chế số phận một đời người, có sức linh thiêng thần bí. Sau đó, loại tô tem cá nhân ấy qua quá trình tu sức của các văn nhân mà thành ra tên gọi, nên vẫn bảo lưu kiểu mê tín tinh thiêng liêng thần bí này.

Tên tức là mệnh. Tên gắn liền với mệnh. Người ta tin tô - tem cá nhân giáng thế thường phát sáng trong giấc mộng của bố mẹ. Trước khi ra đời, nếu là giấc "cát mộng" thì chắc chắn đứa bé sẽ là hình ảnh

của tô - tem và lấy đó đặt tên cho nó, khiến cho tô - tem và tên gọi đứa bé là một. Sau đó mới dự bói, đứa con tất có cả một lai lịch. Sau này sẽ không còn nghi ngờ gì rằng nó sẽ là đứa bé anh tuấn. Cái phương thức mê tín này rất phổ biến trong xã hội cổ đại Trung Quốc. Theo mộng đặt tên là việc làm rất tự nhiên, không còn phải bàn luận nữa. Có điều, đương thời không còn gọi là tô - tem nữa mà gọi là điềm mộng hoặc dấu hiệu mộng.

Trong rất nhiều điềm mộng và dấu hiệu mộng, số không nghiệm chiếm 9 phần 10. Nhưng mọi người không nhắc đến. Có khi chỉ một trong nghìn trường hợp là nghiệm hoặc do là người đoán dự đoán được là được tính. Như vậy sẽ đủ để mọi người gần xa tán tụng. Họ cho rằng "sao giáng trần".

Sách "Khổng Tử thế gia" viết : Thúc Lương Hột và Nhan thị cầu đảo ở Ni Khâu mà sinh ra Khổng Tử nên đặt tên Khâu, tự là Trọng Ni. Tên gọi này cũng là sản vật mê tín tô - tem. Ngay cả việc Lưu Bang dựng chuyện bà mẹ mơ thấy giao hợp với rồng có mang mà sinh ra Lưu, cũng là một kiểu sùng bái mê tín tô - tem. Thời cổ, những tên gọi thường được lấy ở giấc mộng ra. Kỳ thực phần nhiều là tự biên ra rồi qua nhà đoán mộng thêm thắt, tô vẽ cho chút ít điều phi phạm để đề cao thân phận.

Trong lịch sử văn hoá Trung Quốc có rất nhiều điển cố về mộng. Như mộng gấu, Khổng Tử mộng Chu

công, Yến Cát mộng hoa lan. Trang Tú mộng bướm. Giang Yểm mộng được bút thần, Lý Bạch mộng bút nở hoa... Thế rồi nhiều người lấy mệnh danh như : Mộng Hùng, Mộng Châu, Mộng Dán (đào hát), Mộng Điệp, Mộng Bút, Mộng Hoa, Mộng Long, Mộng Giao Long... Có người lấy tên là Lưu Vũ Tích tự Mộng Đắc... Nhiều người cũng bắt chước theo. Kể cả người không nằm mơ cũng làm theo. Nếu ở gia đình hay một dòng họ nào có người thật đột xuất, mọi người sẽ biên tập ra một lô chuyện như là mẹ anh đã nằm mơ thấy gì, có điềm báo gì. Nhà đoán mộng lại thêm giấm ớt... Chỉ cần có quan điểm duy vật một chút cũng dễ dàng nhận ra những điểm hoang đường trong đó .

- IX -

**THẦN THOẠI - GIẤC MỘNG
CỦA DÂN TỘC THỜI VIỄN CỔ**

Mỗi dân tộc đều có thần thoại của mình. Nó là phản ánh sự giải thích của người dân đối với tự nhiên và sự đấu tranh trong cuộc sống buổi đầu. Thần thoại là gốc rễ của giấc mộng và văn hoá của dân tộc thời viễn cổ mà cũng là kho tàng tinh thần rực rỡ mà người xưa để lại cho chúng ta.

Thần thoại Trung Quốc rất phong phú. Nhưng thời cổ đại chưa có từ "thần thoại".

Thuật ngữ "thần thoại" được mượn từ giới nghiên cứu thần thoại thế giới. Từ "Thần thoại" bắt nguồn từ Hy Lạp là "truyền thuyết" hoặc "chuyện". Đến trước công nguyên chừng 5 thế kỷ, thần thoại trở thành từ có ý nghĩa riêng là "truyền thuyết" tồn tại trong tinh thần thánh. Ý nghĩa đó gắn gũi với quan niệm về thần thoại thời cận đại, đó là : Từ sau thời cận đại, các nhà thần thoại học trong và ngoài nước tuy không nhất

trí trong sự giải thích hàm nghĩa từ thần thoại nhưng nội dung cơ bản của nó đại thể là giống nhau. Nguồn gốc của thần thoại là giấc mộng của nhân dân thời thượng cổ là hình thức mộng ảo căn cứ tâm lý, nguyện vọng của mình để vẽ phông lại, giải thích và trình bày về sức mạnh tiềm tàng trong giới tự nhiên và xã hội. Nó giản dị hơn thần thoại, là câu chuyện về hành vi siêu phàm của các vị thần.

1 - MỘNG - VƯỜN ƯƠM SẴN SINH RA THẦN THOẠI

Đối với những người hiện đại mà không có được một sự giáo dục nhất định, mộng vẫn cứ là một hiện tượng thần bí. Như vậy, đối với người nguyên thủy dã man và mông muội lại càng không hiểu rõ mộng. Không rõ bộ mặt chân thật của giấc mộng "Lu sơn". Cho nên Engels cho rằng thần là do giấc mộng tạo nên. Trong cuốn "Lut Vích Phơ Bách và sự tổng kết nền triết học cổ điển Đức", Engels viết : Trong thế giới cổ đại, người ta hoàn toàn chưa biết đến cấu tạo của thân thể mình và chịu ảnh hưởng của các cảnh tượng trong mộng (giữa người mông muội với người dã man ngày nay còn có quan niệm : hình tượng con người xuất hiện trong giấc mộng là linh hồn tạm thời lìa khỏi xác thịt. Điều này được một học giả phát hiện năm 1884 khi quan sát người Indiana (Ang điêng) ở Guy - a - na. Họ có quan niệm rằng tư duy và cảm giác không phải là hoạt động của thân thể mà là một thứ hoạt động

đặc biệt độc đáo của linh hồn trú ngụ trong thể xác con người và lia khỏi con người khi chết. Từ đó, mọi người không thể không suy nghĩ tới quan hệ của linh hồn với thế giới bên ngoài. Nếu linh hồn rời người chết để tiếp tục hoạt động thì không cần phải nhiều nghĩ đến khả năng linh hồn có thể mất đi hay không. Thế là có quan niệm linh hồn không chết. Ở các giai đoạn phát triển này, quan niệm đó tuyệt đối không phải là một sự an ủi mà là một thứ vận mệnh không thể kháng cự được, là một loại bất hạnh thực sự, ví như ở người Hy Lạp là như vậy. Óc tưởng tượng cho rằng cá nhân bất tử ở khắp nơi, không phải là do nhu cầu an ủi của tôn giáo mà là do cảnh khốn cùng do tính cục hạn chung gây ra bị sự nhân cách hoá sức mạnh thiên nhiên thế là lúc đầu nảy sinh ra "thần".

Không rõ linh hồn tồn tại sau khi thể xác chết đi đã trải qua những gì, nhưng mộng vốn là hiện tượng tâm lý và sinh lý bình thường. Khi ta ngủ, có một số điểm của não hưng phấn không bị ức chế toàn diện và triệt để, nên tiếp tục hoạt động mà sinh ra mộng.

Chính vì những nhân tố của các điểm hưng phấn có liên quan đến tác dụng của những vết hằn do những kích thích quá mạnh của tri giác, cảm giác trước hiện thực khách quan trước đây của con người, cho nên những cảnh mộng nói chung có mối liên hệ nhất định

với cánh lao động, sinh hoạt thường ngày. Do đại bộ phận vỏ đại não ở vào trạng thái ức chế mà những điểm hưng phấn trở nên bị cô lập, điểm nọ với điểm kia mất đi sự liên hệ hữu cơ, thường nối lại với nhau bằng một phương thức kỳ lạ, ít ngờ nhất, nên giấc mộng thường có tình hoang đường. Trong giấc mộng có những hoạt động cổ quái, hình hình, sắc sắc. Có khi đi đây đi đó với cả người đã chết mà thân thể vẫn bất động. Cho nên người ta cho rằng nằm mộng không phải là thân thể hoạt động mà cái tinh thần đặc biệt gọi là linh hồn hoạt động. Quan niệm về linh hồn mộng đã dần xuất ra.

Linh hồn là gì? Các tài liệu văn tự của người dân cổ xưa không để lại gì? Nhưng theo cách nói về linh hồn, mà người đời sau kế thừa người xưa phát triển, chúng ta không khó khăn gì mà suy ra dạng nét của linh hồn. "Tả truyện", năm thứ hai mươi năm đời Chiêu công có ghi: "Sự tinh sáng trong tâm gọi là "hồn phách". "Hồn phách" đi rồi (con người) sao có thể lâu dài được? "Thuyết văn giải tự" viết: Hồn là khí dương. Phách là khí âm. Sách "Bảo Phách Tử" viết: Hồn phách rời nhau thì người ốm, đi hết thì người chết.

Trong thần thoại Trung Quốc cũng có không ít truyền thuyết về "chiêu hồn". Có truyền thuyết về "chiêu

hồn" của tộc "Kô" như sau : Một chàng trai cùng với hai người bạn rủ nhau đi làm công. Ba người làm việc trong một mỏ đồng. Họ làm hơn mười ngày mà chưa về nhà. Người mẹ rất mong nhớ chàng trai, mong ngóng mãi mà con chẳng về. Bà tìm đến thầy bói, xem một quẻ. Thầy bói bảo : "Hung nhiều cát ít" Bà lại tìm đến một người bói quẻ khác. Ông ta bảo : "Con bà xuống đất rồi nhưng bây giờ vẫn còn cách, lúc nào về nhà, bà đợi cho đến lúc gà gáy sáng, gõ kên đầu giường và gọi tên anh ta lên 3 tiếng. Con bà ở xa có thể nghe được tiếng bà gọi. Có thể cứu vãn được". Bà mẹ về làm đúng như lời thầy bói dặn. Đến lúc gà gáy, bà kêu lên một tiếng rồi hai tiếng, đứa con cũng không nghe thấy gì. Tiếng kêu thứ 3 của bà nổi lên, đứa con ở mỏ đồng nghe rõ, vội vàng chạy về nhà. Vừa mới ra khỏi, mỏ đồng đổ sập xuống làm cho hai người bạn của chàng trai chết. Khi hai mẹ con gặp nhau, chàng trai nói chuyện lại. Từ đó, có tập tục "kêu hồn" "hoặc "chiêu hồn".

Đó cũng chính là câu chuyện truyền khẩu về lai lịch của tục "chiêu hồn". Tất nhiên điều này không thể giải quyết vấn đề nguồn gốc thật sự của tập tục chiêu hồn. Nhưng nó phản ánh hiệu quả của tục chiêu hồn đối với người xưa. Chiêu hồn có thể gặp "hung" mà

hoá "cát", có thể miễn trừ được vận không may. Tộc "Mãng" ở khu núi phía tây Ngụy Sơn, Vân Nam có kinh "chiêu hồn", trong đó có ghi :

Ôi ! người ta sinh ra ở đời
 Căn có hồn, phách vững vàng
 Người có 3 phách 7 hồn
 Và 72 phần hồn
 Khi hồn phách khoẻ mạnh
 Bỏ sức chẳng ngại gian nan
 Lao động không nghỉ tay
 Kiếm tiền, làm giàu, muốn sánh trời cao
 Chăm sóc nhà cửa, không nghỉ ngơi...
 Hồn sinh ra cùng với sinh mệnh
 Sinh mệnh ẩn trong thân ta
 Người vốn sinh ra từ quả hồ lô của thân
 Con người sinh ra từ cây hồ lô.
 Người và thần chia thành giới hạn
 Hồn vẫn ổn định cùng với sinh mệnh
 Sinh mệnh phụ vào thân thể khó thay đổi,
 chuyển dịch.
 Tôi là người ... thuộc dòng họ...
 Có một ngày, bị sợ hãi.

Có lẽ gót chân vấp phải đá khi đi đường

Tim nhảy lên đập hồi hộp

Có lẽ thấy bên dưới có con gà rừng bay lên

Cũng có thể là thấy bên đường có rắn

Hồn liền tụt sau lưng

Nó quên đoái nhìn đằng sau một cái

Đá năm ngày không có cảm giác

Đã mười hôm rồi, không có cảm giác
khác lúc thường

Qua đi 21 ngày

Sức khoẻ thất thường

Nghe nói ăn không biết ngon miệng

Đêm ngủ toát mồ hôi lạnh

Chân tay rã rời không còn sức

Sáng bảnh mắt còn ngủ gật

Ôi ! A Di tiên sinh

Ngài đã từng quan sát sự thần bí của
hương, lửa, khói.

Thậm chí đã bốc quẻ thần, tìm ra nguyên nhân

Đã ghi bằng bút tình hình tường tận về thổ
âm phủ phía bên kia...

Thì ra, ngày hôm ấy, hồn đã rời rưng

Ngày ấy phạm điều "hung"
 Quan quản hồn nơi kia địa phủ đi tuần tra
 Những người sai, dịch năm phần, hồn cũng đi theo
 Từ đường sả trên trời cao
 Nhìn thấy tình hình dưới đất
 Nhìn thấy mảnh hồn khổ, cô đơn
 Sinh lòng thương hại
 Không kịp làm rõ lai lịch
 Liền mang nó mà đi...

Sau khi đọc kinh chiêu hồn, còn cúng nhà
 thuộc âm phủ, thượng đàn thành hoàng, hạ đàn
 thành hoàng, phán quán tu lệnh, quan hộ tịch, tư
 lệnh Hồng bút, quan dẫn đờn... bằng một con gà
 trống 3 tuổi, miếng thịt lợn phần lưng vừa béo vừa
 dày, thỉnh cầu xin báo đảm, phóng thích cho linh hồn
 được trở về...

Bất kể văn hiến cổ Hán tộc hoặc dân tộc thiếu
 số thời cổ đại Trung Quốc đều phản ánh nhận thức
 của mọi người cho linh hồn là chúa tể của thân thể
 (ý nói sinh mệnh). Người ta có linh hồn là sống,
 thiếu nó là chết. Cho nên trong "Luận hành" Vương
 Sung viết : "Con người chết cũng như nằm mộng.
 Mộng là sau sự hết. Hết là nối sau chết. Con
 người hết mà không nhận thấy thì chết, hết mà
 biết, thì chết lại sống lại giống như mộng. Nhưng
 mộng hết, chết đều là thực. "Nhận xét này của

Vương Sung bắt nguồn từ sự quan sát cuộc sống, có thể có nguồn gốc từ xa xưa, điều này có tác dụng gợi ý đối với việc tìm tòi sự nảy sinh ra quan niệm linh hồn nguyên thủy. Có quan niệm về linh hồn. Người xưa cho rằng linh hồn tồn tại vĩnh viễn và vạn vật đều có linh hồn, có ý thức cũng như con người, cảm thụ cũng hoạt động có ý thức. Mưa gió cũng vận hành có ý thức. Mặt trời và mặt trăng lên, xuống có ý thức, thảo mộc cũng sinh trưởng có ý thức... Như vậy là nhân hoá giới tự nhiên thành người. Thần linh đầu tiên cũng ra đời. Nó là sự dung hợp giữa sức tự nhiên với con người.

Khi " thần " xuất hiện, người xưa bắt tay vào miêu tả tình hình hoạt động của chúng, họ căn cứ vào vốn tri thức nghèo nàn và ý nguyện mạnh mẽ, hoặc căn cứ vào ảo giác của giấc mộng mà miêu tả tô-tem đã trở nên tổ tông của thị tộc mình ra sao, thần của động vật nguy hại đã phù hộ con người ra sao, thần thực vật mang lại tai họa và hạnh phúc con người ra sao, thần sông và núi quản lý sông và núi ra sao, thần thiên văn quản lý hiện tượng trên trời ra sao... Các sự mô tả cấu thành thần thoại đầu tiên từ cảnh giấc mộng - linh hồn - linh hồn bất diệt - vạn vật hữu linh - thần - thần thoại thượng cổ.

Thần thoại Trung Quốc đã từng bước phát triển men theo con đường trên.

2. THẦN THOẠI ĐOÁN MỘNG THỜI CỔ ĐẠI Ở TRUNG QUỐC.

Thời cổ đại, Trung Quốc có nhiều truyền thuyết về đoán mộng. Trong đó có những truyện nổi tiếng nhất như truyện Ân Cao tông (Vũ Đinh) nằm mơ thấy thần minh cho mình một vị quan giúp việc giỏi là Phó Duyệt và Chu Văn vương mơ thấy thần cho mình Khương Thái Công... Hai truyện thần thoại này có một ảnh hưởng lớn đến đời sau. Chúng được ghi chép lại trong nhiều sách như "Thượng thư", "Quốc ngữ", "Trang Tử", "Sử ký". Gần đây, Viên Kha cũng đưa vào sách "Truyện thuyết về thần thoại Trung Quốc". Chúng tôi giới thiệu một số tình tiết.

1. Thần đem Phó Duyệt ban cho Vũ Đinh.

Theo "Quốc ngữ" và "Sử ký", đức hạnh của Ân Cao tông Vũ Đinh rất lớn, khi ngài tức vị, đã lập chí làm cho sự nghiệp Ân Thương được phục hưng. Nhưng không tìm được bề tôi giỏi cho mình, cho nên Ân Cao Tông rất ưu tu, phiên muộn. Trong thời gian để tang cha 3 năm, không muốn nói một câu, như người câm. Nếu cần nói, chỉ dùng chữ viết.

Sự ưu tu, lo lắng của Vũ Đinh làm cho thần minh, Thượng đế, thần linh cảm động, đã thác mộng cho Vũ Đinh. Một đêm, Vũ Đinh mơ thấy Thượng đế ban cho bề tôi giỏi (Thượng thư) là một người hơi gù lưng,

mặc chiếc áo vải gai thô, vai bị thông dây thừng, đang cúi xuống làm việc. Vũ Đinh trông thấy người tội nhân này liền nói chuyện với y. Trong tình cảnh mông lung và hoảng hốt, Vũ Đinh cảm thấy người phạm nhân đó nói với mình về nhiều đại sự trong thiên hạ. Mỗi câu nói của người đó đều làm động lòng Vũ Đinh. Vũ liền hỏi tên người đó, thì có tiếng chuông ban mai làm tỉnh giấc...

Ngày hôm sau vào triều, Vũ Đinh liền khắc hình của phạm nhân gặp trong mộng lên một tấm gỗ, đưa cho các quan xem, lệnh cho các quan đi khắp nơi tìm người trong hình khắc.

Quần thần tìm đã lâu, cuối cùng tìm thấy một người nghe nói là một phạm nhân bị tù ở Phó Nham, Bắc Hải. Người này mặc áo vải gai thô, cánh tay khoác dây thừng, lưng hơi gù, bộ mặt giống hệt hình mà Vũ Đinh khắc trên bản gỗ. Họ bèn đưa ngay người này về cung.

Mới nhìn, Vũ Đinh đã thấy đấy đúng là con người mình đã gặp trong mộng. Không nén được mừng rỡ, liền nói chuyện với người đó. Đây là lần đầu tiên ông nói chuyện sau ba năm chịu tang. Phạm nhân gặp và nói chuyện với Vũ Đinh cẩn trọng, lưu loát không ra vẻ một người bị phạm tội, mà là một con người có học vấn cao sâu, ôm một hoài vọng to lớn. Tài năng của Phó Duyệt rất ăn ý với Vũ Đinh. Ngay lập tức.

Vũ Đình phong cho Phó Duyệt làm Tế tướng, đặt tên cho phạm nhân là Phó Duyệt vì tìm thấy Phó ở Phó Nhai. Ở đây, Phó Duyệt sống trong một hang động gọi là "Thánh nhân động" (cách huyện Lục Bình tỉnh Tây Sơn 25 dặm).

Sau khi giữ chức Tế tướng, Phó Duyệt quả nhiên quản lý, cai trị đất nước đâu ra đấy, giúp cho Vũ Đình thực hiện được ước vọng là phục hưng Ân Thương.

Truyền thuyết nói rằng sau khi chết, linh hồn Phó Duyệt đã hoá thành một vì sao (Sở từ - Viễn Du), xuất hiện ở phương Đông, giữa ngôi sao "Kỳ" và ngôi sao "Vỹ" là ngôi sao nhỏ sáng. Đó là sao Phó Duyệt.

2. Văn vương mộng thấy trời ban cho Thái Công.

Chu Văn vương là người xây dựng nền móng cho nhà Tây Chu. Ngài rất coi trọng thuật chiêm, bói. Truyện cũ kể rằng, khi ông bị Trụ bắt giam thường bói "kinh Dịch" tìm hiểu lẽ trời, thường hay cử hành nhũng nghi thức bái "cát mộng". Để lật đổ nền thống trị tàn bạo của Thương Trụ và để báo thù cho con trai, Chu Văn vương có yêu cầu bức thiết phải tìm ra một vị có tài năng, giỏi văn, giỏi võ, đại hiền tài phò tá cho ông. Trong các giấc mộng, ông thấy các vị hiền tài đó mỉm cười lại gần ông. Theo bản khắc đá là : " Thái Công Lã Vọng biểu", đời Tấn có ghi :

"Một hôm, Văn vương mộng thấy, Thiên đế mặc áo bào đen đứng ở đầu bến Lệnh Cô, một ông già râu tóc bạc trắng đứng sau. Thiên đế gọi tên Văn vương và bảo : " Cơ Xương, ta ban cho ngươi một ông thầy và là người giúp việc giỏi tên là Vọng", Văn vương vội vàng sụp lạy, ông già kia cũng sụp lạy. Giấc mộng đến đây thì tỉnh.

Văn vương nghĩ : trước đây cũng đã nghe thấy có người nói đến một người hiền tài như vậy ở trong nước. Nhưng không biết tên ông ta là gì và ông ở nơi đâu?. Do vậy Văn vương luôn đem theo một đám tùy tùng đi săn bắn hoặc đi du chơi khắp Đông, Tây, Nam, Bắc với hy vọng tìm thấy con người đại hiền đã gặp trong mộng.

Như vậy ta biết thời Chu rất thịnh hành việc đoán mộng và đoán số. Các cơ quan thống trị đặt ra những bộ môn chiêm toán gồm hai trung sĩ, hai người về số, bốn người giúp việc ; thuộc " Xuân quan". Một hôm, Văn vương đi săn, được người giải mộng bói cho ông :

Đến bên sông Vị săn bắn
Sẽ được mẻ thu hoạch to
Không phải ly, cũng chẳng phải long
Không phải hổ, cũng không phải gấu
Đại được hiền nhân là công hầu

Thuợng đế cho người kẻ giúp việc đặc lục.

Chu Văn vương làm theo những điều "đoán" nói trên, dẫn một đoàn lớn người, ngựa, rầm rộ đi săn bên bờ sông Vị. Đoàn vào mãi đến đêm nước, tít tận trong rừng sâu rậm rạp, chỉ thấy một ông già có bộ râu dài bạc trắng. Ông đang ngồi dưới một khóm lau, đội nón nan, mặc áo xanh, bình tĩnh câu cá.

Chu Văn vương thấy dáng mạo và phong độ ông già giống như ông già trong mộng, đứng bên cạnh Thiên đế. Văn vương vội vàng xuống xe, kính cẩn đi tới gần và nói chuyện với ông. Ông già không hề kinh ngạc, cứ ung dung đối đáp với thái độ bình tĩnh. Hai người nói chuyện với nhau được một lúc, Văn vương vui mừng vì thấy mình đã gặp được con người đang cần tìm, một vị đại hiền tài có hiểu biết siêu việt, học vấn uyên bác. Vương khẩn khoản nói với ông già : " Thưa lão tiên sinh, trước đây, lão thái công của tôi khi còn sống, thường dặn tôi là sẽ có một thánh nhân đến với chúng tôi, dân tộc Chu của chúng ta do đó sẽ được thịnh vượng, phát đạt. Người có thể là thánh nhân đó chăng? Chúng tôi nghĩ đến ngài từ lâu rồi".

Nói xong, Văn vương mời ông già lên chiếc xe ngựa đã chuẩn bị sẵn. Văn vương tự mình điều khiển

xe. Sau khi đưa về kinh thành, Văn vương phong cho ông làm Quốc sư, gọi là "Thái công Vọng".

Thái công Vọng họ Khương nên mọi người gọi là Khương Thái công. Ông có tài năng và học vấn cao, vẫn thường nghĩ sẽ mang tài năng của mình ra giúp cho đời. Nhưng hơn nửa đời ông sống trong âm u, khuất nẻo, cùng khổ và đảo điên. Đến khi tinh lực của ông đã có nhiều suy thoái, ông mới đến bờ sông Vị, dựng một lều cỏ, câu cá kiếm sống hàng ngày. Lúc này, căn cứ vào sách "Vệ thư Trung hầu" có viết : "Ban đêm, Thái Công mơ thấy "Bắc Đẩu phụ tinh" gợi ý cho mình làm việc chinh phạt Trụ. Khương Thái Công sẽ là người được thiên thần phái làm phụ thần cho Văn vương. Do vậy Khương cũng hy vọng gặp Văn vương để thực hiện khả năng kinh luân của mình. Nhưng, năm này, năm khác cứ trôi đi, tóc của ông từ tiêu muối đã trở nên bạc phơ. Nơi hòn đá mà ông quỳ xuống để ném câu nay đã hằn sâu dấu vết. Chính cái lúc hy vọng của ông mờ mịt, trái tim tưởng chừng như nguội lạnh đi... thì Văn vương đến với ông".

Sau khi Khương Thái Công gặp Văn vương, lại có một truyền thuyết thần thoại nữa : Văn vương phong Thái Công là "Quán đàn lệnh". Năm sau, vào một đêm gió lạnh, Văn vương mơ gặp một người đàn bà cực đẹp khóc ở giữa đường. Hỏi duyên cớ, người đàn bà

đáp : "Tôi là con gái Thái Sơn được gả làm vợ Đông Hải, muốn về. Nhưng Quán đàn lệnh đang hành đạo, có đúc, tôi không về được, tôi đi ắt có mưa to gió lớn, mưa to gió lớn sẽ huỷ mất đúc". Khi Văn vương tỉnh dậy, hỏi chuyện Khương Thái Công, quả thấy ngày hôm đó mưa to gió lớn thổi qua áp của Thái Công. Văn vương liền phong cho Thái Công làm Đại Tư Mã.

Những điều ở trên chẳng qua là để thần thánh hoá một vị danh thần đời Chu sơ. Tuy những truyền thuyết thần thoại không hoàn toàn giống nhau, mà mọi người vẫn thích nhắc đến.

3. ẢNH HƯỞNG CỦA THẦN THOẠI ĐỐI VỚI ĐOÁN MỘNG

Thời cổ đại, đoán mộng thuộc vào một trong những thuật bói toán. Thần thoại và thuật bói toán là một liên thể biểu hiện trong và ngoài. Giữa chúng có liên hệ máu thịt với nhau. Không chỉ những người thầy đoán mộng là những người giữ gìn, thừa kế, truyền tụng và phát triển thần thoại mà những hoạt động của họ có lúc còn có thể trực tiếp tham gia vào việc kể chuyện thần thoại.

Thần thoại cổ đại Trung Quốc chủ yếu là thần thoại về giới tự nhiên. Nó là sản vật của sự vô tri và ảo tưởng của người xưa chi phối đại tự nhiên. Trước mặt đại tự nhiên uy mãnh và thần bí, mọi người kinh hoàng, sợ hãi, kinh ngạc, và sùng bái. Do vậy, mọi

người đặc biệt tôn sùng trời, đất, mặt trời, gió, sấm, điện, nước, lửa, núi, sông, thần tiên... và sản sinh ra nhiều truyền thuyết thần thoại. Các nhà đoán mộng nhầm trúng vào tâm lý đó của con người mà tạo ra nhiều lời bói mộng. Như ở "Giải mộng thu" trong bộ "Cư gia tất dụng sự loại" có ghi :

Mộng về thiên văn, sao và các hiện tượng khác :

Mộng lên trời vào mặt trăng - đại quý

Mộng trời tạnh - buồn lo tan hết

Mộng ánh sáng mặt trời chiếu - khỏi bệnh

Mộng thấy trời mở - được quan tước

Mộng bay lên trời - có địa vị cao sang

Mộng trời lỗ - lo lắng về cha mẹ

Mộng trời đỏ - cát

Mộng trời tối đen - hung

Mộng trời sáng dần - thọ mệnh, cát

Mộng mặt trời, trăng lên - cha mẹ chết

Mộng nuốt mặt trời, mặt trăng - sinh quý tử

Mộng mặt trời mặt trăng khuyết - tranh đấu.

Mộng về sấm, mưa, gió, điện và các hiện tượng khác:

Mộng bị sét đánh - đại quý, cát

Mộng gió thổi áo - có tật bệnh

Mộng mây nổi dậy bốn bề - giao dịch cát

Mộng tuyết rơi - hết lo buồn

Mộng sấm sét - có quan tước

Mộng cầu vòng mọc - nổi chuyện binh đao

Mộng đi đường gặp mưa-được uống rượu, ăn thịt
 Mộng sương xuống - việc bất thành
 Mộng mưa to, gió lớn - có người chết
 Mộng mây đen kín đất - có dịch bệnh
 Mộng thấy mây ngũ sắc - đại cát

Mộng về sông, núi, đất, đá và các hiện tượng khác:

Mộng đất nứt - có địa vị
 Mộng động đất - thăng chức
 Mộng đào đất - có chuyện cãi nhau
 Mộng thấy đá lớn - của cải gia tăng
 Mộng dời đá vào nhà - đại cát
 Mộng thân nhập vào đất - bách sự cát
 Mộng núi lở nước lớn - đại hung
 Mộng đập tay vào núi - sinh quý tử
 Mộng ở núi rừng lên huyết - cát

Những từ ngữ về đoán mộng này phản ánh quan niệm của người xưa sùng bái thần tự nhiên. Theo đà phát triển của xã hội, hoạt động của thần mang tính xã hội có liên quan đến con người cũng nảy sinh. Những truyền thuyết về mộng đại loại như truyền thuyết về Cao Tông (Vũ Đinh) chẳng hạn, các nhà đoán mộng lại tương ứng biên tập ra một số lời đoán mộng khác như :

Mộng thiên tử - chủ đại quý, cát
 Mộng thái tử - chủ vương hầu, cát
 Mộng nói với cổ nhân - chủ thông minh
 Mộng yết kiến ngài đối diện với quan trường-sứ cát

Mộng thấy vương nữ - chủ đại cát lợi
Mộng có quan viên cầu gặp - đại cát
Mộng gần gũi đại quan - đại cát
Mộng gặp thần nhân - đại cát
Mộng người xưa đánh nhau - có bệnh tới
Mộng thấy gọi mình là quan nhân - cát
Mộng có sứ quân nhập môn - đại cát
Mộng vái đại quan - quý, cát, lợi
Mộng tiên thánh đến nhà - đại cát
Mộng đọc bài tha tội - vạn sự cát.

Những lời đoán mộng này đều có cơ sở từ truyền thuyết, thần thoại. Các vị đoán mộng ngày xưa nói chung đều thông thuộc các điển cố thần thoại, thông hiểu kinh điển. Họ là những người truyền thụ, kế thừa của thần thoại. Trong quá trình "chiêm", họ dựa vào những căn cứ thần thoại mà giải thích.

Thần thoại có ảnh hưởng đến việc "đoán mộng" của đời sau.

- X -

ĐOÁN MỘNG MUÔN MÀU MUÔN SẮC VÀ VĂN HỌC MỘNG ẢO

Mộng là thần bí, chứa đầy ngụ ý. Trong văn học sử Trung Quốc có rất nhiều tác phẩm văn học đã lấy đề tài từ mộng. Sớm nhất như "Kinh Thi", "Tả truyện"... của các chu từ thời tiền Tần cũng đã ghi lại nhiều chuyện về "chiêm mộng". Từ cơ sở ấy, đến Đường, Tống lại phát triển thành một loại văn học mộng ảo như : "Mộng du tiên lão ngâm lưu biệt" của Lý Bạch, "Mộng Lý Bạch" của Đỗ Phủ ; "Giang thành tử, át mao chính nguyệt nhị thập nhật dạ ký mộng" của Tô Đông Pha... Ngoài ra, trong có truyện ký của người đời Đường như : "Chấm trung ký". "Nam Kha Thái thú truyện", "Lâm Xuyên tứ mộng", từ nhiều chương trong Liêu Trai chí dị đến Hồng Lôu Mộng của Tào Tuyết Cần... các tác giả của nhiều đời đã miêu tả "mộng" với muôn màu nghìn sắc, hình thành một hành lang văn học mộng ảo rất rục rờ. Văn học đã cho mộng một sinh mệnh vĩnh cửu. Mộng lại làm phong phú nội dung biểu hiện

của văn học. Văn học mộng ảo đã thành một vấn đề không thể dễ dàng coi nhẹ trong văn hoá mộng.

I. VĂN HOÁ ĐOÁN MỘNG THỜI TIÊN TẦN.

Thời trước Tần, hoạt động đoán mộng là một sự kiện đột xuất trong sinh hoạt chính trị. Sinh hoạt chính trị lại là mảnh đất màu mỡ cho văn học. Nếu nó là nguồn gốc chủ yếu của nội dung tác phẩm văn học thời Tiên Tần thì trong các tác phẩm văn học trước Tần không ít tác phẩm phản ánh những truyện về đoán mộng. "Kinh Thi" là một tổng tập thơ ca sớm nhất của nước ta ghi lại bằng văn tự. Về đại thể, nó phản ánh diện mạo xã hội và tình cảm, tư tưởng của người dân đời Chu. Đọc Kinh Thi, ta thấy như đọc lịch sử phát triển của tộc Chu từ Hậu Tắc cho đến giữa thời Xuân Thu.

Ai cũng biết, từ đời Chu, Trung Quốc đã xuất hiện chức quan đoán mộng để giải thích điềm "cát", "hung" trong mộng. Cũng có nghĩa là chế độ hoá việc giải thích giấc mộng. Như vậy là người đời Chu đã rất coi trọng việc đoán mộng. Thiên "Nghệ Văn chí" trong sách Hán thư cho rằng trong tất cả các thuật, chiêm, bói và phương pháp chiêm bói, đoán mộng là quan trọng nhất. Không những trong cung đình coi trọng việc chiêm mộng, có chức quan đảm nhiệm mà trong dân chúng cũng rất thịnh hành hoạt động đoán mộng. Trong Kinh Thi đã phản ánh một cách đầy đủ,

cận kê bất cứ việc gì trong dân gian đều quy vào triều chứng mộng để đoán hung, cát. Ví dụ :

Hạ ngoãn thượng đàm, trên bày chiếu trúc
dưới bày cỏ

Nãi an tử tẩm gối cao (không lo, hết sầu não)

Nãi tẩm nãi hung (ngủ được sớm, dậy được sớm)

Nãi tẩm nãi hung (Mộng đêm qua tốt hay không tốt)

Cát mộng duy hà (Mộng tốt mơ thấy điều gì?)

Duy hùng duy bi (Gấu đục hay gấu cái hiện đều tốt)

Duy huỷ duy xà (Có rắn mào, có rắn được vận tốt)

Đại nhân chiêm chi (Thái bốc đoán mộng, giảng giải)

Duy hùng duy bi (Mơ thấy gấu đục gấu cái có
phòng đẹp)

Nam tử chi tường (Điềm sinh con trai khoẻ mạnh)

Duy huỷ duy xà (Mơ thấy rắn dài, mơ thấy rắn mào)

Nữ tử chi tường (Vây là điềm sinh con gái).

"Tu Can" là bài hát do các nhạc công cử hành khi làm lễ tế khánh thành "Tẩm cung" của Chu Tuyên vương. Bài hát phản ánh quan niệm tôn giáo của người thời viễn cổ, ca ngợi "Tẩm cung" là nơi Chu vương ngủ rồi nằm mơ. Nếu mơ thấy gấu sẽ sinh con trai. Nếu mơ thấy rắn sẽ sinh con gái. Tại sao lại như vậy? Vì, mơ thấy gấu sẽ sinh con trai là một tín ngưỡng. Người nguyên thủy thời chu phát triển tín ngưỡng hình ảnh tô-tem, gấu là con vật hung và mạnh, tràn đầy sức lực. Gấu thuộc dương, là điềm "cát", sinh con trai. Tín ngưỡng gặp rắn sẽ sinh con gái cũng là do phát

triển của tô-Tem của tộc Hạ, rắn mềm mại, ẩn hiện ở trong bụi rậm, thuộc âm. Đó là điềm "cát" sinh con gái. Hơn nữa, trong xã hội nguyên thủy, người của tộc Chu và tộc Hạ đều sống ở vùng thuộc lưu vực sông Vy (Thiểm Tây). Họ có quan hệ hôn nhân với nhau. Người Chu hay lấy con gái người Ty mà người Ty là hậu duệ của người Hạ. Quan niệm tôn giáo giữa hai họ đan xen vào nhau trong tín ngưỡng đoán mộng.

Ở bài Vô dương trong Kinh Thi có nội dung những giấc mộng về "ngũ cốc phong đăng" người người thịnh vượng, trong có các câu như :

Mục nhân nãi mộng (quan chân nuôi ban đêm nằm mộng)

Chúng duy ngư hĩ (Mơ thấy biến thành cá)

Thực duy kỳ hĩ (Cá rắn biến thành cá ửng)

Dại nhân chiêm chi (thái bốc đoán mộng nói cặn kẻ)

Chúng duy ngư hĩ ngư (Mơ thấy châu chấu biến thành cá)

Thực duy phong niên (Điềm báo được mùa thật vui thay)

Thực duy kỳ hĩ (cá rắn biến thành cá ửng)

Bảo gia trần trần (Người người hưng vượng thật tốt tươi)

Trong thơ ca nói : quan đoán mộng, cho rằng quan chân nuôi nằm mơ thấy cá là điềm năm được

mùa, du dật. Mơ thấy cò về rùa, rắn, chim ưng là đoàn tụ với vợ, sinh con cái, nhân khẩu phồn thịnh. Vì rùa rắn tượng trưng cho trường thọ và sinh đẻ nhiều.

"Tả truyện" là tập sách được biên tập buổi sơ kỳ Chiến Quốc ghi lại những cổ tích, lịch sử thời Xuân Thu. Nó chú trọng ghi lại sự hưng vong của quốc gia, chiến tranh trong thời Xuân Thu. Đồng thời cũng ghi chép về các vương hầu, quý tộc, quan chức, những hành động và ngôn luận của các danh nhân trong xã hội. Nó còn dành một số mục khá phong phú về những giấc mộng ly kỳ, cổ quái, và các kiểu đoán mộng nhiều màu sắc cùng những sự kiện lịch sử có liên quan đến giấc mộng.

Tả truyện ghi : "Sở vương xây dựng xong đài Chương Hoa, mời các chư hầu cùng đến dự lễ khánh thành. Lỗ Chiêu công sắp đi, mộng thấy ông là Tương công Tử Thận nói : "Ngài không nên đi, Tương công tới nước Sở, vì mộng thấy Chu công mà đi. Nay Tương công không phải là tổ, ngài đừng đi". Tử Phục Huệ Ba nói : "Đi, tiên quân chưa từng đến nước Sở nên ông tổ Chu công bảo đi. Tương công đã đến Sở rồi mà tổ bảo ngài không đi là làm sao?"

Tả truyện (năm thứ 16 đời Ai công) ghi : Vệ hầu đoán mộng. Lúc này một bề tôi được sủng ái của Vệ hầu xin Đại Thúc Di rượu, nhưng không được, liền câu kết với người đoán mộng, bảo Vệ hầu : Ngài có

một đại thần ở Tây Nam. Không "khử" đi e có nguy hại. Thế là Vệ hầu đuổi Đại Thúc Di đi, đến nỗi Đại Thúc Di phải chạy trốn sang nước Tấn. Và, mâu thuẫn giữa Đại Thúc Di với Vệ hầu gần như huỷ diệt cả nước Vệ.

Tả truyện, năm thứ 7 đời Chiêu công ghi : Mục tử nằm mơ thấy trời đè lên mình, "không thắng". Nhưng sau Ngụy Trọng Du "bèn đánh thắng". Tuy vậy, thầy đoán mộng bảo : "Thắng trời là điềm không lành cho nên sau này không "cát lợi".

Tả truyện, năm Tuyên công thứ 3 ghi : Yến Cát mơ thấy Thiên sứ cho mình một bông hoa lan và bảo : "Ta là Bá Ngự, là tổ ngươi. Đây là đứa con trai"... Về sau, Yến Cát sinh con trai. Đặt tên là Lan.

Tả truyện, năm đời Thành công thứ 16 ghi : Lã Kỳ mơ bắt mặt trăng trúng. Lùi lại xa xuống vũng bùn...

Tả truyện nói chung phần trước ghi về các giấc mộng, phần sau tất thuật lại phần ứng nghiệm của nó, như trước dẫn về giấc mộng của Lã Kỳ, mặt trăng trong mộng đại diện cho "họ khác", bắn vào mặt trăng cho nên bắn vào Sở vương. "Sa vào bùn" thuộc vào hình ảnh cái chết nên đoạn sau của chuyện nói thêm Lã Kỳ bắn trúng mắt Sở vương, nhưng Lã Kỳ cũng bị bộ hạ của Sở vương bắn trúng cổ, gục xuống cánh cung mà chết. Còn giấc mộng của Tấn vương về Đại

Lục thì có ứng nghiệm thần kỳ. Trước tiên là Tấn vương Triệu thầy đoán mộng Tang Điền đến "đoán". Thầy Tang Điền phán : "Xem ra quân vương không kịp thời thường thức lúa mạch mùa mới". Tấn hầu bị bệnh nặng, cần đến sự giúp đỡ của danh sư người nước Tần. Trước khi thầy thuốc đến, Ngài lại có giấc mơ gặp hai đứa trẻ con. Một đứa bảo : "Thầy lang là danh y, ông ta sẽ làm mình bị thương, biết chạy trốn đường nào?" Một đứa bảo : "Cứ bảo đau ở giữa bụng, cả phía trên, cả phía dưới xem ông ta làm gì nào!". Thầy thuốc khám bệnh cho Tấn hầu nói : "Bệnh ở phía trên và phía dưới của bộ phận giữa ngực và bụng. Phiem thạch không dùng được, châm kim cũng không được. Thuốc uống cũng không xong". Đến tháng 6, mùa lúa mạch chín, Tấn hầu cho rằng thầy đoán mộng Tang Điền phán lung tung. Ngài ăn lúa mạch trước mặt thầy. Không ngờ, sắp ăn thì bụng phát chướng, đi ngoài rồi chết ngay tức thì.

Tác giả Tả truyện đã cố gắng, không ngại mọi khó khăn, phiền phức, tường thuật được rất nhiều sự kiện về những giấc mộng. Mục đích của tác giả là muốn thông qua tất cả những sự kiện đó mà cho mọi người biết mộng là điềm của "hung", "cát". Mà những điềm ấy sẽ ứng nghiệm hoặc sớm hoặc muộn. Nhà đoán mộng có những thủ đoạn kiểm nghiệm trước điều "hung", "cát". Sự thực là, đương thời đức thánh Khổng cũng rất mê tin đoán mộng. Theo thiên Đan Cung sách

Lê ký, ngài nói : "Đêm qua ta mơ thấy bị đặt ngồi giữa hai gian phòng. Ta sắp mất vậy". Tang lê đòi Thương, quần linh cứu người chết ở giữa hai gian phòng.

Khổng Tử mơ thấy mình ngồi giữa hai gian phòng mà nhìn thức ăn thì cho là điềm hung.

Đến thời kỳ Chiến Quốc, do ảnh hưởng của vô thần luận được phát triển dần, thị trường đoán mộng của giai cấp thống trị trên cũng bị thu hẹp lại, những miêu tả về hiện tượng đoán mộng bị giảm đi trong nhiều tác phẩm văn học thời này. Nhưng những tác phẩm văn học miêu tả về những giấc mộng chưa mất hẳn trong lịch sử. Như Tống Ngọc người Sở thời Chiến Quốc đã viết "Phú Cao Đường" và "Phú thần nữ" ghi về những cuộc kỳ ngộ của Sở vương. Người đời sau đã dùng giấc mộng Vu Sơn, giấc mộng Cao Đường hoặc mây mưa Vu Sơn để tả mỹ nữ hay tả những mối tình ảo hoá vô thường, biến hoá không lường hoặc cuộc mây mưa giữa nam nữ.

2. THƠ VÀ TỪ VỀ MỘNG ẢO THỜI KỲ ĐƯỜNG, TỐNG...

Những nhà văn đời Đường, Tống không chỉ sùng thượng trí tuệ của mộng mà còn đặc biệt thích miêu tả cảnh mộng. Trong các bài thơ, từ, họa phẩm và trong các cuốn tiểu thuyết đều miêu tả kỹ càng, kỳ diệu, chi tiết về giấc mộng. Đó là đặc sắc của nghệ thuật và văn học thời Đường, Tống.

Thơ về mộng, trong nhân loại chỉ chiêm những chương sách tương đối ít. Nhưng sự miêu tả về mộng dưới ngòi bút của các nhà thơ, nhà văn học đời Đường, Tống lại nhiều và được vận dụng tới đỉnh cao. Họ viết lên những trang sán lạn trong lịch sử văn học Trung Quốc. Hai bài "Mộng Lý Bạch" của Đỗ Phủ:

Tử biệt dĩ chốn thanh
 Sinh biệt thường trắc trắc
 Giang Nam chương lệ địa
 Trục khách vô tiêu tức
 Cố nhân nhập ngã mộng
 Minh ngã thường tương ức
 Khung phi bình sinh hồn
 Lộ viễn bất khả trắc
 Hồn lai phong lâm thanh
 Hồn phản quan tái hắc
 Quân kim tại la vống
 Hà dĩ hữu vũ dục ?
 Lạc nguyệt mãn ốc lương
 Do nghi chiếu nhan sắc
 Thủy thâm ba lãng khoát
 Vô sứ giao long đặc

Dịch :

(Tử biệt đã nuốt lời
 Sinh biệt thường băng khuâng
 Giang Nam miền đất dữ

Tim khách bật tâm hơi Cố nhân vào giấc mộng

Biết ta thường nhớ mong ta
 Ngại, hồn lúc bình sinh
 Đường xa, khôn lường trước
 Hồn đến, rừng phong xanh
 Hồn về, cửa ải tối
 Nay quân sa bẫy lưới
 Làm gì có cánh bay ?
 Trăng lặn, đầy khắp phòng
 Ngồi nhìn rõ nhan sắc
 Nước sâu cùng sóng rộng
 Không khiến giao long được

Hình tượng Lý Bạch nhiều lần xuất hiện trong giấc mộng của Đỗ Phủ khiến ông vô cùng vui sướng và được an ủi cùng với niềm ưu phiền, tư lự, lo sợ sâu sắc.

Trong khổ thơ này, Đỗ Phủ miêu tả thân tình giữa hai người. Thơ về mộng có thể biểu hiện được sự vận động siêu không gian và thời gian của hoạt động tâm lý. Như Sầm Tham đã viết :

Động phong tác dạ Xuân phong khởi
 Diêu ức mỹ nhân Tương giang thủy
 Chấm thượng phiến thời xuân mộng trung
 Hành tận Giang Nam số thiên lý

Dịch:

(Đêm trước động phòng gió xuân thổi
 Nhớ về người đẹp nước sông Tương

Mộng xuân trên gói giấy lát bưng
Đến tận Giang Nam nghìn dặm xa)

Ở đây "nghìn dặm" và "giấy lát" biểu hiện sự mê ly, óng ánh của giấc mộng và cũng biểu hiện sự sâu đậm và mãnh liệt của tình cảm. Những bài viết đó ảnh hưởng đến những "tù đoán mộng" của nhà viết "tù" là An Nhi Đạo đời Tống. Bài "tù" "Bướm ấp hoa" có mấy dòng :

Mộng nhập Giang Nam yên Thuý Lộ
Hành tận Giang Nam
Bất dữ ly nhân ngộ
Thuý lý tiêu hồn vô thuyết sù
Giác lai điều trưởng tiêu hồn ngộ

Dịch :

(Mộng vào Giang Nam theo khói nước
Đi hết Giang Nam
Gặp không gặp người xa ta.
Hồn mất trong giấc ngủ, không nơi để nói
Tỉnh dậy, tàn phai lỗ gặp hồn.)

Mộng đến Giang Nam, Miên man khói, nước. Ý nghĩ về mộng phiêu du, bồng bềnh nghìn dặm, ẩn hiện chập chờn một sắc thái thần bí, mở ra một khung cảnh hư ảo luôn biến đổi.

Trong những nhà văn đời Đường, Tống viết những bài thơ thật đẹp đến lạ lùng, phải kể đến Lý Bạch

và Lý Hạ. Thơ về mộng của họ thật là "đời đời, đạo đạo", là thơ du tiên. ý trong thơ thật hùng vĩ, hình tượng mới mẻ đột ngột, ly kỳ mà biến đổi nhiều, như thơ "Mộng thiên" của Lý Hạ là bài điển hình.

Trong những nhà thơ đời Đường, Tống, người viết vào loại nhiều nhất là nhà thơ Lục Du. Ông đã viết 160 bài lấy đề tài từ giấc mộng. Kể thêm những bài thơ lấy đề tài khác mà có đoạn hoặc có những yếu tố liên quan về giấc mộng, thì còn nhiều hơn. Ông là nhà thơ về mộng. Lục Du có thể thoát khỏi sự ràng buộc gò bó của cuộc sống hiện thực, tung hoành một cách tài tình để tạo ra những tưởng tượng lạ kỳ, đặc biệt và đẹp đẽ, làm nổi bật cho dạng thơ về mộng. Trong thơ về mộng, nhà thơ có thể lên trời, xuống đất, tùy ý phiêu bồng. Dưới đây là một mảnh trăng lệ của bài "Ký mộng".

Mộng phiếm biến chu vũ trụ tiền
 Trung lưu phát diện phong lãnh nhiên
 Lâu dài phiêu diêu tri kỳ điệp
 Vân vật điểm tuyết đa dư nghiên
 Bồng phòng thứ truy thái vô chủ
 Ngư ca lãng xương thanh mãn xuyên

Dịch :

Mộng chèo thuyền nhỏ đến trước miếu Vũ
 Giữa dòng gió lạnh thổi ngang mặt
 Lâu dài phiêu diêu, dài trùng điệp
 Mây dùn tó về thủa về sinh

Bồng phòng hoa lá buồn không chủ
 Man mác như ca chát đầy sông)

Lại như mấy dòng thơ khác nữa cũng của Lục Du :

*Cương ngoạ-cô thôn bất tự ai
 Thượng tư vì quốc hung luân đài
 Dạ tiện ngoạ thính phong suy vũ
 Thiết mã băng hà nhập mộng lai.*

Dịch :

*(Nằm lạnh ở cô thôn chẳng thấy buồn
 Còn mong ra tận lo vì nước
 Đêm tàn nằm nghe tiếng gió mưa
 Ngựa sắt trên sông vào giấc mộng)*

3. HÝ KHÚC MỘNG ÁO THỜI KỲ NGUYÊN, MINH

Nhân sinh như mộng. Đó là tư tưởng triết học nhân sinh từ thời cổ đại Trung Quốc. Từ thời Chiến Quốc đã có chuyện "Giấc mộng Trang Sinh mơ hoá bướm". Từ đó trong văn học cổ đại Trung Quốc đã hình thành một truyền thống so sánh giữa cảnh của mộng với cảnh thực để xem sự hoang đản của xã hội hiện thực, làm nổi bật sự hư vô của nhân sinh mà kêu gọi sự vĩnh hằng của ảo tưởng tinh thần. Truyền thống này cũng bị ảnh hưởng của sự du nhập và thịnh hành của đạo Phật. Những văn nhân, sỹ phu, đại sỹ phu chịu ảnh hưởng lớn hơn cả. Nội dung về mộng không

những có nhiều trên mặt thơ, từ, tiểu thuyết v.v... mà cũng là chủ đề quan trọng trên mặt trận hí khúc. Trong hí khúc, dù tỷ lệ của giấc mộng chiếm một tỷ lệ nhỏ, nhưng nó lại bộc lộ được tình cảm chân thực của kịch tác gia, diễn ra những sự lạ kỳ, huyền ảo, đưa mọi người vào sự đam mê, vào tình hư ảo của kịch mộng. Nó có tính lý tưởng và tính ngụ ý cao, có sự gợi ý sâu sắc, sự cảnh tỉnh mãnh liệt. Nó cũng đưa lại cái cảm tưởng không ảo, hư vô vừa sâu sắc vừa lâu dài.

Đời Nguyên, vị đại sư của kịch mộng là Quan Hán Khanh. Đời Minh có Thang Hiến Tổ.

Quan Hán Khanh là người Đại Đô (nay là Bắc Kinh). Ông phóng túng, hiểu biết rộng, có tài về văn chương, có tính khôi hài, phong lưu mã thượng, nổi tiếng một thời. Ông sáng tác chừng trên 60 vở tạp kịch. Trong đó có : "Mộng thành bướm", "Mộng áo đỏ", "Mộng Tây Thục" v.v...

Vi dụ như vở "Mộng Tây Thục" viết về lúc Lưu Bị xưng đế, nhớ đến hai người em là Quan Vũ và Trương Phi. Gia Cát Lượng "nhìn" sao biết hai người đó đã chết nhưng không báo cho Lưu Bị. Sau đó hồn của Quan Công và Trương Phi về thác mộng cho Lưu Bị và dặn Lưu Bị báo thù.

Lại như "Mộng áo đỏ", thư sinh Lý Khánh An và nàng Vương Nhuận Hương đã đính hôn với nhau từ nhỏ. Sau nhà họ Lý suy bại. Cha của Vương hối

hôn. Nhuận Hương không nghe, hẹn Lý đêm đến vườn hoa để giúp đỡ Lý về tiền tài. Vương sai cô hầu là Mai Hương mang tiền đi, bị tên cướp Bùi Viêm giết chết. Khánh An lại bị vu là tội phạm, bị xử tử hình. Quan phủ đoán phủ Khai Thành được thần đến báo mộng, biết Lý bị oan, bèn tha cho Lý về, thành hôn với Vương thị.

Tác gia hý khúc đời Minh, Thang Hiến Tổ cũng là một nhà văn đã viết "Lâm Xuyên tú mộng". Ông giữ một địa vị quan trọng trong những tác giả hý khúc viết về mộng. "Lâm Xuyên tú mộng", "Hàm Đan mộng". "Lâm Xuyên tú mộng" còn được gọi là Ngọc Danh Đường. Lâm Xuyên là quê quán của Thang Hiến Tổ. Ngọc Danh Đường là thụ phòng của Thang. Cả 4 bộ kịch truyền kỳ này đều có những tình tiết tinh tế về tình cảnh giấc mộng. Cho nên gọi là "4 giấc mộng".

Đặc trưng nghệ thuật của Thang Hiến Tổ là có chất mộng ảo. Điều này biểu hiện rất mạnh mẽ trong "Nam Kha mộng" và "Hàm Đan mộng". "Nam Kha mộng" gồm 44 cảnh, lấy nội dung từ truyện "Nam Kha thái thú truyện". "Hàm Đan mộng" lấy đề tài từ "Chấn mộng ký", tiểu thuyết truyền kỳ của Thẩm Ki Tế đời Đường. Bộ kịch mộng này gồm 30 cảnh.

Thang Hiến Tổ tuy có cải biên, bổ sung tác phẩm của người đời Đường nhưng lại kế thừa cốt truyện sẵn có từ trước, lấy giấc mộng của nhân vật làm tình tiết

trung tâm, qua thủ pháp tả giấc mộng kỳ ảo không bút nào tả xiết để sáng tạo nên hiệu quả mộng ảo khiến người loá mắt.

"Giấc mộng Nam Kha" kể chuyện Thuần Vu Phần nhà rỗi, uống rượu say rồi ngủ. Trong giấc ngủ, nằm mơ thấy được mời đến nước Hoè An, thành hôn với công chúa nước này, cai quản quận Nam Kha. Thuần được mời vào triều và được phong tướng. Sau vì hoang dâm vô độ, bị đuổi về nhà. Đến đoạn đó, Thuần bỗng tỉnh giấc: Mắt còn nửa nhắm nửa mở. Chút rượu còn thừa lại ở chén vẫn còn nóng. Thì ra những sự vừa xảy ra chỉ là một giấc mộng. Thuần toát mồ hôi, hoảng hốt và bỗng thấy nhân sinh như là một lú kiến, bị chúng tăng dẫn vào cửa Không (Phật).

Hàm Đan mộng kể chuyện Lã Động Tâm gặp Lu Sinh tại một quán ăn nhỏ ở phía bắc cầu Siêu Chân, Hàm Đan. Lã Động Tâm muốn siêu sinh tinh độ cho Lu Sinh, cho Lu một chiếc gối lung linh, trong suốt. Gối lên chiếc gối, Lu Sinh nằm mơ thấy mình lấy vợ, đi thi, trị thủy, chinh chiến, mắc oan, bị giáng chức, bãi tướng, được thưởng công, ốm chết v.v... cả một cuộc đời sóng gió 50 năm trời ... khi tỉnh dậy, nôi kê vàng đang đun vẫn chưa chín... Lu Sinh, tỉnh ngộ, bèn cùng với Động Tâm lên tu ở Bồng Lai, cuối cùng trở thành một đứa trẻ quét hoa đào.

Hai vở kịch trên nói về mộng mà mang sắc thái tôn giáo nồng đậm. Nam Kha mộng có chất Phật giáo, còn Hàm Đan mộng có chất Đạo giáo, đều có tính chất hư vô. Mộng là hư ảo. Tôn giáo cũng là hư ảo. Thanh Hiến Tổ ghép cả hai thứ hư ảo đó lại để phát huy cao độ sáng tạo thẩm mỹ. Mộng là lý tưởng, bất kể là "hung" hay là "cát", vẫn là bay lượn trên hiện thực. Nhưng cái nổi của nó vẫn là hiện thực.

Cổ nhân tán thưởng không người những chi tiết trong hý khúc về mộng. "Tây Sương ký" của Vương Thực Phủ cũng đầy hư ảo. Bàn về cảnh "Kinh mộng" của Tây Sương ký, Thánh Thán viết : "Trời đất của ta, mộng đó. Chúng sinh ư? Mộng đó. Ta không biết từ trước đến sau, lúc nào và giấc mộng và lúc nào ra khỏi giấc mộng. Kịch bảo : Tất cả vì "Pháp", phải làm theo cái gì đã nhìn tức là vô mộng vậy. Truyện bảo : Người ngu không có mộng. Người ngu không mộng. Không phải là không có mộng. Thực là ở trong mộng mà tưởng không phải mộng. Việc ảo hoá cũng là từ sự thực mà ra."

Dưới con mắt của Thánh Thán, Vương Thực Phủ dùng cảnh "Kinh mộng" để kết thúc vở Tây Sương ký có ẩn ý rằng vở kịch không phải là mộng mà ý nói rằng : "Vào mộng" là dinh thự Trạng Nguyên, ra khỏi mộng là gái điếm cổ tranh.

Thực tại là mộng ảo. Tiên cảnh cũng là mộng ảo, nhân sinh vừa là mộng vừa là không phải mộng. Đó là nội dung tu tưởng đột xuất trong hý khúc cổ đại Trung Quốc.

4) TIỂU THUYẾT VIẾT VỀ MỘNG TRONG THỜI KỲ MINH, THANH.

Sự xuất hiện hý khúc ảo mộng đời Nguyên, Minh đã cung cấp một số kinh nghiệm khả thi cho việc viết về mộng một cách đại quy mô và ở một trình độ cao hơn của các nhà văn đời Minh, Thanh. Hý khúc bị gò bó trong văn tự của kịch bản. Còn trong tiểu thuyết thì người viết có thể đề cập đến tất cả những gì tế nhị nhất, sâu kín nhất, trúng tâm lý người nằm mơ.

Cuốn sách được vinh dự gọi là cuốn sử về xã hội sau thế kỷ 16 của Trung Quốc là "Kim Bình Mai". Tác giả cuốn sách đã phản ánh phong thái xã hội, thể tình nóng lạnh, giá trị và đạo đức. Lại còn "mộng hoá", phát hiện ra lý tính cao độ của giấc mộng để phản ánh trực giác sự triệt để giác ngộ, bừng tỉnh của giấc mộng thời vi lai, phát hiện ra tính dự kiến nhất định của mộng.

Trong tiểu thuyết "Hồng lâu mộng" đời Thanh, tác giả Tào Tuyết Cần đã đạt đến đỉnh cao lịch sử văn hoá nhân loại. Trong các cuốn tiểu thuyết cổ, kim, trong, ngoài, chưa có cuốn nào vượt lên trên được nó.

Cuốn sách vốn có tên là "Thạch đầu ký". Sau đó lại căn cứ vào hồi thứ năm đề là : "Du ảo cảnh, chi

mê thập nhị thoa Ấn tiên giao, khúc diễn Hồng lâu mộng"... và đổi thành tiểu thuyết "Hồng lâu mộng". Điều đó không chỉ là cho cuốn sách được "nhã" hơn mà còn làm cho chủ đề và hình thức biểu hiện được nổi bật hơn. Tác giả dùng lời khuê tú mà đi vào cảnh ảo nên sách gọi là "mộng". Còn "hồng lâu" nói về tình nhi nữ trong các gia đình đại quyền quý, việc có thật, có không thật, con gái nhà giàu ở lầu hồng, có chùa, có núi. Trong thơ Trang Chu : "Tình dậy, mộng lại quay về con bướm". Tác giả lấy tên sách Hồng lâu mộng là vậy.

"Hồng lâu mộng" không chỉ cố sức miêu tả hiện thực mà còn hết sức tạo ra một thế giới lý tưởng trong mộng.

Tiểu thuyết viết về mộng của thời kỳ Minh Thanh có một ảnh hưởng trực tiếp đến việc sáng tác nghệ thuật của các văn học gia hiện đại. Trong các tác phẩm "Nhật ký người điên" của Lỗ Tấn, "Tàn xuân" của Quách Mạt Nhược và "Nửa đêm" của Mao Thuần đều có viết nhiều đến mộng. Họ đều muốn thông qua mộng để bóc trần mâu thuẫn trong cuộc sống hiện thực.

Mộng, đó là cái nút khó cởi của linh hồn nhân loại. Mấy nghìn năm nay gắn liền không thể tách rời với văn học. Những văn học gia có óc tưởng tượng phong phú, tình cảm tế nhị đã đưa vào giấc mộng biết bao tình cảm và tư tưởng vô cùng phức tạp, khiến cho mộng lại càng thêm thần bí khôn lường.

- XI -

NGHI ÁN VỀ CUỘC GẶP GỠ TRONG MỘNG GIỮA ĐẾ VƯƠNG VÀ NỮ THẦN

Từ hàng mấy nghìn năm đến nay, trên lịch sử văn hoá Trung Quốc có những bản án được bàn tán rộng rãi nhưng vẫn "treo đấy" chưa được giải quyết. Trong đó có bản án về "Cao Đường mộng".

Thái tử nhà Lương là Lương Chiêu Minh biên tập cuốn "Văn tập". Trong đó có hai bài phú của Tống Ngọc đời Chiến Quốc là "Cao Đường phú" và "Thần nữ phú". Cả hai bài phú đều viết về hai giấc mộng gặp nữ thần. Hai giấc mộng đều xảy ra ở Cao Đường. Cho nên gọi là "Cao Đường mộng". Đó là giấc mộng của ai? Câu trả lời từ mấy ngàn năm nay vẫn ở tình trạng phân vân.

Giấc mộng Cao Đường trong nguyên văn tích xưa, Sở Hoài vương và Tống Ngọc đi chơi trong mây. Họ đứng ở đài Vân Mộng mà nhìn lên Cao Đường mù mịt hơi mây. Ngọc bảo : khi xưa, tiên vương thường

du Cao Đường. Ngay ban ngày, Ngài nằm ngủ và đi vào mộng. Ngài gặp một người con gái. Cô này nói: "Con là con gái Vu Sơn, là khách của Cao Đường. Nghe tin quân vương tới, em nguyện giải chiếu và xếp gối hầu vương. Vương nhân đó mà hạnh ngộ cùng nàng.

Ở đây, người thuyết mộng là Tống Ngọc. Người nghe mộng là Hoài vương. Người nằm mộng là "tiên vương". Tiên vương là ai? Rất nhiều sách ở rất nhiều nơi đều có ghi chép.

Tương Dương kỳ cựu ký viết : Sở Hoài vương du chơi ở Cao Đường mộng gặp thần nữ. Thi nhân đời Nam Bắc triều khi vịnh về giấc mộng thần nữ đều tránh nói đến tiên vương. Các thi sĩ đời Đường khi nhắc đến tiên vương cũng không nói gì đến Sở Hoài vương mà chỉ gọi là quân vương hoặc Kinh vương. Họ đều có những bài thơ minh họa cho cách nhìn của họ. Có nhiều người cũng cho rằng chính Tống Ngọc gặp nữ thần vì chữ vương và chữ ngọc giống nhau v.v...

Cho đến ngày nay, vẫn chưa rõ là Sở vương hay là Tống Ngọc gặp nữ thần. Điều này người ta vẫn mê mết theo đuổi.

- XII -

**BÍ ẨN VỀ MỘNG TRONG
"HỒNG LÂU MỘNG"**

Mộng là người bạn suốt đời của mỗi người. Nó là yếu tố và đề tài chủ yếu của Hồng lâu mộng. Tào Tuyết Cần nói rõ trong sách có từ "mộng" và "ảo". Đó là tôn chỉ của sách và có ngụ ý cảnh tỉnh người đọc. Sau khi miêu tả việc làm thơ ở Hương Long mộng, tác giả viết : Một quyển sách lớn là mộng, tình của Báo Ngọc là mộng, sự dâm dật của Giả Thuy là mộng... Cuốn sách "Phong nhiều nguyệt giám cũng từ mộng mà có. Cho nên Hồng lâu mộng cũng là mộng. Có cả thảy 32 giấc mộng lớn nhỏ. Giấc mộng dài nhất là :

Du ảo cảnh, chỉ mê thập nhi thoa

Ấm tiên giao, khúc diễn Hồng lâu mộng.

Giấc mộng kéo dài cả một hồi gồm trên 8000 chữ. Giấc mộng ngắn nhất là lúc Giả Báo Ngọc mơ thấy biết tin Tân thị mất và ở hồi thứ 89, Lâm Đại

Ngọc mơ thấy có người gọi : "Bảo Thoa là bà Bảo Hai". Cả hai giấc mộng này đến đều chỉ có hai câu, chỉ dùng từ 12 đến 13 chữ.

Một cuốn sách viết về mộng nhiều như vậy, thật hiếm thấy trong những trước tác văn học cổ, kim, trong, ngoài. Do đó, ta thấy Tào Tuyết Cần coi trọng và thích thú về mộng - một hiện tượng tâm lý đặc biệt.

Căn cứ vào cơ chế sinh lý của mộng, chúng ta có thể chia chúng thành hai loại hình cơ bản. Một loại là cảm quan nhận được kích thích truyền tới đại não gây nên sự liên tưởng trực tiếp giống như mùa đông ngủ đắp chăn không đủ ấm mà "mộng rơi vào tầng mây lạnh". Hai là việc gia công cải tạo những vết hằn ký ức ở trên vỏ đại não, như Tô Đông Pha ghi lại giấc mộng của chính mình khi về quê nhìn thấy người vợ chết đã 10 năm : "Nàng tô điểm bên song đang chải tóc, nhìn tôi mà không một lời, nghìn hàng nước mắt nhỏ xuống ...". Trong bài "Giang thành tử, ất mao chính nguyệt nhị thập nhật dạ ký tải". Còn Tào Tuyết Cần thì đưa thêm những giấc mộng vào mộng. Ngoài những sắc thái thần bí nhân tạo do nhu cầu kết cấu nghệ thuật nói chung đều phù hợp tiêu chuẩn nói trên, tức là phù hợp với quan điểm sinh lý, tâm lý của mộng. Do vậy mà tuyệt vời và có tính sáng tạo.

Dưới đây, chúng tôi dựa vào hai loại hình nói trên mà tìm hiểu sự miêu tả mộng trong Hồng lâu mộng :

I) MỘNG TÍNH DỤC TRONG LẦU HỒNG.

Thiếu niên nam nữ đến một giai đoạn tuổi tác nhất định đều phát sinh hứng thú đối với dị tính và sản sinh ra yêu cầu tính dục mỗi lúc một mãnh liệt hơn.

Mới đầu, cái khát vọng đó không được thoả mãn một cách thực tế mà thường được thực hiện trong mộng. Hồi thứ 5 trong Hồng lâu mộng viết về Giả Bảo Ngọc với cô cháu dâu lớn tuổi hơn mình là Tần Khả Khanh có giấc mơ tính dục. Trong khi ở ngay sát cạnh, ngày đêm sớm tối với Giả Bảo Ngọc có rất nhiều cô hầu (a hoàn) nhỏ, xinh đẹp. Họ với Giả sớm tối sống chung với nhau, chơi đùa với nhau. Đáng lẽ một trong những cô hầu xinh đẹp này phải đi vào mộng với Giả. Nhưng tại sao không phải là các cô ấy mà lại là Tần Khả Khanh đã có chồng, lại ở xa mãi tận Đông Phủ?

Nhà tâm lý học cho rằng : khi nam, nữ bắt đầu có sự hứng thú với người khác giới, những người làm cho họ nảy sinh tính dục thường không phải là những người cùng lứa tuổi với họ mà là những nam nữ lớn tuổi hơn, họ đã có vợ có chồng. Vì ở họ, tính thú hai mạnh mẽ hơn. Tính thú ba là tính thú hai đã thành

thục, về phương diện tính cách đã có đặc trưng nam tính hoá hay nữ tính hoá, ngoài ra vì họ đã có vợ có chồng nên tính dục nồng nàn hơn, có nhiều điều không câu nệ, giữ kẽ ...

Đó là nói chung, còn Giả Bảo Ngọc dặt Tần vào mộng mà không phải dặt người khác lại do hoàn cảnh cụ thể. Trước tiên, Tào Tuyết Cần đưa Giả Bảo Ngọc đến Đông Phủ, ngủ ở phòng của Tần thị.

Hôm đó, Giả Bảo Ngọc theo mẹ sang Đông Phủ nếm mơ, ăn tiệc. Sau bữa cơm, Giả muốn ngủ trưa. Tần thị dẫn Giả vào buồng trong. Giả không muốn ngủ tại đó. Thế là Tần đưa Giả sang tận buồng của mình, tự trông nom cho Giả ngủ.

Đây là giường ngủ của nàng. Giường, trướng, nệm, gối đều là những đồ vật dầu dãi ngày đêm với thân thể nàng. Dương nhiên, tất cả những thứ đó mang sắc thái tính cách của nàng cũng mang theo cái mùi vị đặc biệt của nàng. Chẳng hạn như cái chân hây còn lưu lại hơn ấm của thân thể nàng mà chúng chưa kịp phai hết. Hơn nữa, nàng vẫn ở ngay bên cạnh Giả. Lại còn cái tính khí của nàng, những tiếng nói nhỏ nhẹ mà Giả không nghe rõ cùng với cái bóng hình mờ mờ của nàng ... Tất cả đánh vào các cơ quan cảm giác của Giả. Khi tất cả những kích thích nhỏ ấy đưa đến vỏ não rồi kết hợp lại với nhau, sẽ có đủ để cấu trúc nên một hình tượng chỉnh thể, đủ trở nên

người trong mộng. Do vậy, Giả vừa mới nhắm mắt là ngủ ngay. Hầu như Tần thị vẫn ở phía trước, đứng dựa, thấp thoáng theo giấc mộng.

Khi những kích thích nhẹ nhàng ấy tạo ra mấy trung tâm hưng phấn và kết hợp lại với nhau thì đủ để tạo thành hình ảnh chính thể của cô Tần và từ đó trở thành người trong mộng của Giả. Cho nên "Bảo Ngọc vừa nhắm mắt lại liền mơ màng ngủ thiếp đi, tựa như Tần thị ở trước mắt bên mơ mộng đi theo Tần thị vào buồng. Nhưng sau khi Tần thị dắt Bảo Ngọc vào giấc mộng rồi lại xảy ra chuyện phong lưu kia? Điều này có liên quan đến sự miêu tả tâm lý của Tào Tuyết Cần.

Tào Tuyết Cần tả căn phòng của Tần thị với một loạt những đồ vật có liên quan đến những chuyện hương phấn, diễm tình ngày xa xưa. Nào là cái gương quý trong buồng gương của Võ Tắc Thiên, cái khay vàng mà Triệu Phi Yếu đứng lên để múa, quả bầu bằng gỗ mà An Lộc Sơn đã ném làm bị thương Thái Châu Nhũ. Lại còn cái giường nhỏ của công chúa Thọ Xương. Sau cũng là cái vải bọc nệm mà tự tay Tần thị giặt ở phía tây sân rộng và cái gối oanh mà Hồng nương đã sử dụng ...

Những điều miêu tả ở trên khó mà hiểu nổi nếu không nhìn vấn đề từ góc độ tâm lý. Ngày nay, người

ta thấy ẩn ý miêu tả là để mọi người thấy sinh hoạt của Tần thị là xa xỉ và đậm giạt...

Cái ẩn ý của tác giả còn ở chỗ bố trí cơ sở giữa Giả Bảo Ngọc và tình hạnh của Tần thị. Ví dụ có cái gối oanh. Từ oanh có ý nghĩa sâu xa. Trong một lớp kịch ở màn 4 của Tây Sương ký có miêu tả sự gặp gỡ giữa Thôi Oanh Oanh. Lúc này Tần thị trải gối và nệm ra tức là đóng vai diễn của Thôi Oanh Oanh. Người vất vả học tập như Giả Bảo Ngọc đã đọc qua Tây Sương ký sẽ dễ dàng liên tưởng điều đó.

Ngoài ra, Tào Tuyết Cần còn viết một đoạn đối thoại hơi mang chút gợi tình giữa Giả và Tần. Vì Giả không muốn ngủ ở phòng trong. Tần thị với những mảnh tình, nói lên : "ở đây còn không được thì ở đâu bây giờ? Hay là vào buồng cháu vậy" ... Giả Bảo Ngọc gật đầu mỉm cười...

Tình cách của Tần thị cũng giống như thể thái của nàng. Rất mực phong lưu khi có một bà già hỏi : "Có một chú nào nằm ngủ ở trong buồng cháu đấy ...". Nàng lập tức cười và reo lên : "Ôi dào ! Không phải ngại. Đã lớn lắm đâu mà phải kiêng kị ...". Ẩn ý câu nói này có chất gợi tình. Vì nó chỉ việc phong trung của nam nữ. "Đã lớn lắm đâu". Nếu mà lớn thì sao? Vừa vặn là các giai đoạn cảm giác về "tính" tình táo hẳn lên. Giả Bảo Ngọc nghe thế, không tránh khỏi có lòng này ý nọ...

Lúc này, Tào Tuyết Cần mượn một câu nói mờ ảo sau : lại đưa một cô em gái có tên gọi thuở nhỏ là Kiêm Mỹ, biểu tự là Khả Khanh, đêm nay ngày lành tháng tốt có thể thành nhân duyên. Nói xong, bị mặt dạn dò về chuyện mây mưa, đẩy Giả Bảo Ngọc vào trong buồng đóng chặt cửa lại. Giả Bảo Ngọc hoảng hốt, răm rắp theo lời nói mờ ảo, không tránh khỏi làm cái sự "nam nữ", khó mà thuật lại tường tận. Ngày hôm sau, cử chỉ mèm mại, lời nói dịu dàng mà ôn tồn của Giả cùng Khả Khanh khó bề phân giải.

2) NGUYÊN NHÂN MỘNG DI CỦA GIẢ BẢO NGỌC.

Thực tế mà nói, đối với một số nam giới trẻ, hiện tượng mộng di là chuyện bình thường. Đó là phản ứng sinh lý và tâm lý bình thường. Cũng không chỉ sinh ra ở nam giới mà ở cả nữ giới. Có điều họ không tiện nói ra. Khi họ giao hợp trong mộng thì vật phân tiết trong âm đạo cũng tăng nhiều như hiện tượng di tinh của nam giới. Mộng di là một nội dung hoạt động tâm lý của kỳ thanh xuân. Lúc này, hoạt động tâm lý về "tính" rất phong phú. Nhưng nó biểu hiện chủ yếu khi hướng về người khác giới, ảo tưởng về "tính". Trường hợp của Giả Bảo Ngọc là một ví dụ điển hình.

Giả Bảo Ngọc bị Tần thị an bài vào trong buồng ngủ của Tần. Sự bố trí cảnh trong buồng có vẻ đẹp yêu ma đã xâm nhập vào Giả làm nảy ra ý thức về "tính" và sự hưng phấn về "tính". Và thế là Giả có

một giấc mộng "tính dục". Sau khi Giả làm cuộc mộng du vào tiên cảnh, nghe các tiên nữ diễn tấu nhạc, Giả bị tiên nữ dẫn vào phòng và y hành thân với Khả Khanh. Và sau đó lúc hợp hoan với nàng thì sinh ra mộng di. Về sự việc này, hồi thứ 6 : "Giả Bảo Ngọc sơ thức vân vũ tình" (Giả Bảo Ngọc lần đầu biết tình mây mưa) trong Hồng lâu mộng viết :

"Lúc đó, Giả mê mê hoặc hoặc khi bị mất cấp, vội chồm dậy chỉnh lại y phục. Khi Tập Nhân đến buộc giải quần cho Giả, vừa đưa tay đến chỗ đùi cảm thấy một mảng nước dính dính lạnh lạnh, hốt hoảng rút lại hỏi : "Cái gì thế này? Bảo Ngọc đỏ mặt gạt nhẹ tay nàng ra. Tập Nhân vốn thông minh, lớn hơn Giả hai tuổi, gần đây cũng biết dần sự đời thấy cái quang cảnh này của Bảo Ngọc, trong lòng đã rõ một nửa, bắt giác cũng thẹn đỏ mặt, không hỏi gì nữa. Nàng sắp xếp quần áo đi về nơi ở của Giả mẫu, ăn qua loa bữa cơm chiều rồi trở lại, thừa lúc các bà giúp việc và các a hoàn không có bên cạnh, rút ra một chiếc áo khoác giữa mặc cho Giả Bảo Ngọc.

Bảo Ngọc xấu hổ, dặn : "Chị đừng có bảo với ai nhé?" ... Tập Nhân cũng mỉm cười và hỏi khê : "Cậu làm sao?..." Nói đến đây mắt nhìn xung quanh một lát rồi mới hỏi thêm : "Cái này ở đâu chày ra thế?" Bảo Ngọc chỉ đỏ mặt, không nói gì. Tập Nhân cứ nhìn Bảo Ngọc mà cười. Một lát sau, Bảo Ngọc mới kể tường

tận cho Tập Nhân nghe sự việc trong mộng. Nói đến chỗ tự tình mưa gió, Tập Nhân then che lấy mặt, ngả người xuống mà cười. Bảo Ngọc cũng rất thích tấm thân mềm mại và yêu kiều của Tập Nhân, kéo nàng về phía mình làm cái việc theo huấn thị của ảo giác.

Mộng di xảy ra trong thời thanh xuân có cơ sở tâm sinh lý. Về sinh lý, thanh thiếu niên sau khi phát dục, hàm lượng kích thích tố về tính tăng vọt, nhất là nam thiếu niên, tinh dịch tích trong cơ thể đến một lượng nhất định sẽ bài tiết ra ngoài, do đó nảy sinh hiện tượng mộng di và thủ dâm.

Bảo Ngọc đương thời vào khoảng 15 tuổi, là lúc bắt đầu động tình. Thêm nữa, suốt ngày tóc tai va chạm với các chị em và các cô hầu gái... Do vậy nằm mơ thấy ăn nằm với giới nữ là phù hợp với tình hình phát dục sinh lý của Giả.

3) CÂU ĐỐ THÁC MỘNG TRONG HỒNG LÂU MỘNG.

Ở trên đã nói, có hai loại mộng. Loại thứ hai là do vô đại não gia công, cải tạo những vết tích hằn lên của trí nhớ mà sinh ra. Hồi thứ 13 của Hồng lâu mộng (Tần Khả Khanh chết, Vương Hy Phượng trông coi Ninh quốc phủ) viết về Tần Khả Khanh thác mộng cho Vương Hy Phượng nói rằng : Giả phủ sắp bị phá sản. Trong sách viết tiếp : "Phượng Thư vừa mới nhắm mắt thiu thiu thì thấy thấp thoáng Tần thị đi đến cười

và nói : "Thím ngũ ngon, hôm nay cháu trở về, thím cũng không tiễn cháu một đoạn. Vì thím cháu hàng ngày đối xử tốt với nhau, cháu không thể bỏ được thím nên đến chia tay với thím. Còn có một điều tâm nguyện không thể không nói với thím, người khác vị tất đã nói".

Phượng Thư nghe thấy, vội vàng hỏi : "Có tâm nguyện gì cứ uỷ thác cho thím". Tần thị bảo : "Thím là vị anh hùng trong hàng ngũ phấn son. Những người đàn ông mũ cao áo dài cũng không sánh được với thím. Tục ngữ thường nói rằng : "Trăng đầy rồi trăng khuyết. Nước đầy rồi nước tràn". Lại nói : "Trèo cao ngã đau". Bây giờ nhà chúng ta đang hiển hách. Một ngày nào đó, vui quá sinh buồn, ứng với mỗi câu : "Cây đổ, khi chạy đi. Há chẳng là hư vinh của một cựu tộc thì thu sao?". Phượng Thư nghe nói, không vui, rất sợ hãi liền vội hỏi : "Nghe câu này lo lắng. Nhưng có cách gì để có thể giữ cho khỏi nổi lo âu này không? " Tần thị cười lạnh lẽo : "Ôi ! Thím đa cảm, bị cập nhật thái lai. Vinh rồi đến nhục. Xưa nay vẫn thế. Sức người làm sao giữ được. Nhưng nếu có trù liệu trước cho cái thế nghiệp suy vi này cũng có thể giữ dài thêm một chút... Nhất thời hoan lạc chớ bao giờ quên câu tục ngữ "Tiệc đông cũng có lúc tan", nếu không lo liệu sớm thì về sau có hối cũng vô ích ! Cháu cùng thím đã có một đận vui vẻ say sưa. Trước khi ly biệt, cháu xin tặng thím hai câu thơ để thím nhớ lấy". Nhân đó đọc lên :

*Tam xuân khứ hậu chu phương tận
 Các tự tu tâm các tự môm*

Nghĩa là :

*Ba năm tốt đẹp qua rồi
 Mỗi người tự kiểm lối đi thôi*

Phượng Thu còn định hỏi nữa nhưng chỉ nghe trên hai cánh cửa gỗ có bốn tiếng gõ liền chính là tiếng báo tang. Phượng Thu giật mình tỉnh dậy nghe có tiếng : "Bà Dung ở Đông Phủ ... mất rồi ..."

Chúng ta biết mộng phản ánh hoạt động tư tưởng của người nằm mộng, không liên can gì đến người ở trong giấc mộng. Do đó giấc mộng này không viết về Tần thị mà viết về Vương Hy Phượng. Thuyết thác mộng không có căn cứ khoa học. Nó do những tình tiết quan trọng ẩn náu ở nơi sâu thẳm đáy lòng của Hy Phượng mà ra.

Lại nói về Hy Phượng, nàng có dự cảm sớm về nguy cơ của Giả phủ không? Nếu nói là không thì giấc mộng này không có cơ sở tư tưởng. Luận đoán nói trên sẽ không có căn cứ.

Sự thực, Hy Phượng nhận thức về nguy cơ của Giả phủ rõ ràng hơn bất cứ ai. Trong sách, Hy Phượng nói với bà Lưu : "Bên ngoài trông tưởng oanh liệt là thế, ai biết cho rằng lớn có cái khó của nó. Nói ra

chẳng hay". Nếu Hy Phượng nói ra sẽ làm cho Giả mẫu, Vương phu nhân và mọi người không vui mà chính mình cũng bị mất tin nhiệm. Tiền đồ và vận mệnh của Giả phủ là ở trong tay nàng. Mà cũng chỉ có mình nàng chèo chống. Người có thể làm cho mọi người không vui hoặc bị mất tin nhiệm cũng là nàng. Vì lợi ích thiết thân của mình, Hy Phượng không nói ra điều mình suy nghĩ. Do đó, những suy tư, lo lắng bị áp chế mà chuyển vào đáy lòng sâu thẳm, thành ra tiềm ý thức.

Từ những chi tiết lớn trong Hồng lâu mộng, Hy Phượng đã dự cảm thấy Giả phủ sẽ sụp đổ, nhưng chỉ nói qua loa chút ít với Bình Như và Tần thị, còn nói chung là giữ chặt và bị ức chế. Nhưng với tiềm ý thức, càng bị chế áp, nó càng có sức hoạt động mãnh liệt. Nhất là với đêm khuya hoặc lúc thanh vắng, khi mà ý thức tự khống chế bị sút giảm nó sẽ phát ra mạnh mẽ với ý thức Tần thị phát mộng.

Ngoài ra, giấc mộng của Vương Hy Phượng vừa vận gặp cái chết của Tần thị, cũng không phải là ngẫu nhiên. Tác giả đã nhận thức thấy tính ngẫu nhiên hầu như là tiền đề của tính tất nhiên. Do đó, trước khi có giấc mộng này, tác giả đã viết kỹ quá trình phát triển bệnh tình của Tần thị, gọi lên cái diêm Tần sắp chết và cái quá trình này và sự ảnh hưởng của nó cũng được biểu hiện qua sự tham dự của Hy Phượng.

Chương thứ 11 của Hồng lâu mộng, Vương Hy Phượng và Bảo Ngọc đến thăm Tần thị, lúc này đang trong cơn nguy kịch. Nhìn thấy Tần thị quá gầy gò, hom hem, Hy Phượng kêu lên : "Ồ ! Sao chỉ có mấy hôm không gặp mà đã sòm lại thế này ! Lúc này Tần thị cũng biết mình là không sống nổi, buồn rầu đáp : "Tôi tự biết không qua nổi tét. Bảo Ngọc ở trong phòng, nghĩ đến giấc mộng hư huyền ngày trước. Lúc này chàng đang nghĩ và nhớ lại chuyện trong mộng, nghe thấy lời nói đó của Tần thị, thấy con tim mình bị hàng vạn mũi tên bắn vào, nước mắt trào ra. Sau đó, Vương Hy Phượng lại phụng mệnh Giả mẫu đến thăm Tần thị, thấy da thịt trên mặt và thân hình Tần thị khô héo. Tần thị chắc chắn sẽ chết.

Quan hệ giữa Hy Phượng và Tần thị thật mật thiết, Vương Hy Phượng thăm Tần thị lúc đang nguy kịch nên có thể phán đoán được tất cả cái chết của Tần thị. Như vậy là giấc mộng của Hy Phượng với cái chết của Tần thị vừa vắn gặp nhau. Điều này không kỳ quái, cũng không thần bí mà là sự phản ánh chân thực khách quan.

Tào Tuyết Cần đã khách quan nắm quan hệ giữa mộng và hiện thực mà về chủ quan ông cũng nhận thức được rõ ràng.

Ở chương thứ 16, trong chi tiết Bảo Ngọc mộng thấy Yên Bảo Ngọc có thể chứng minh điều ấy. Qua chi tiết này, Tào Tuyết Cần trước nhất không qua người nhà họ Yên bàn luận về hai chàng Ngọc họ

Giả và họ Yên, nói rằng tính tình và hình dáng hai người giống nhau. Phải chăng như thế mà Bảo Ngọc không thể khẳng định mà đâm ra nghi hoặc. Sau nữa lại để Bảo Ngọc mang tâm tư ấy đối mặt với tấm gương lớn mà ngủ.

Ở đây, trên là cơ sở và nguồn gốc tư tưởng của mộng, đáng chú ý là ở dưới, sau khi Bảo Ngọc tỉnh dậy, Xạ Nguyệt nói : "Thảo nào Thái Thái thường dẫn trong nhà tiểu nhân không dùng nhiều gương. Có nhiều gương soi, khi ngủ sợ hãi hay nằm mơ". Lại nói : Vừa rồi Bảo Ngọc "tự nhiên nằm xuống soi hình chơi, vừa nhắm mắt đã mơ lung tung, nếu không thì tại sao lại kêu tên mình lên". Hoá ra Bảo Ngọc mộng thấy người gọi là Yên Bảo Ngọc, chính là cái bóng trông thấy ở trong gương. Tình tiết này được sắp xếp rất khéo, hình như mượn nó để chứng minh thực chất của hiện tượng tâm lý, tức là bao gồm tất cả tâm lý của những người ở trong mộng đều là sự phản ánh của hiện thực khách quan giống như tấm gương phản ánh khách thể tác dụng lên nó.

Qua những thí dụ về các giấc mộng và sự phân tích chúng, mọi người có thể thấy Tào Tuyết Cần có sự nghiên cứu về hiện tượng tâm lý mộng. Không những ông đã nắm vững một cách sâu sắc về tâm lý tính dục của thiếu niên nam nữ mà còn nắm vững thực chất tâm lý rất chuẩn xác thông qua việc miêu tả "ác mộng", "hỷ mộng", "thác mộng", "đoán mộng"... Đó là hiện tượng phản ánh khách quan lên vỏ não của con người.

QUYÊN HẠ

- I -

NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN
NGẠC MỘNG TRONG "CHU LỄ"
VÀ CÁCH PHÒNG TRỪ

Trởng chiêm mộng. Xuân quan, sách "Chu lễ", chia mộng ra làm 6 loại, loại thứ 2 gọi là ngạc mộng, ngạc mộng là do kinh ngạc mà sinh ra mộng. Theo Trịnh Huyền, từ "ngạc" có nghĩa là kinh ngạc. Trịnh Huyền căn cứ vào nguyên nhân gây ra mộng. Lý Quang phủ đời Thanh căn cứ vào nội dung "điều gặp trong mộng" điều đáng kinh ngạc. Hai thuyết đều có lý nhưng không sát ý. Trong Chu lễ gọi ngạc mộng là ác mộng. Nó mang một nội dung đáng sợ, chủ yếu chỉ những giấc mộng gặp ma, quỷ.

Cuốn "Giản minh Niu - tôn" Anh ngữ từ điển giải thích ác mộng, là giấc mộng đáng sợ, làm cho người ta kinh động. Người nằm mơ thấy mình bị ác quỷ ám hoặc bị yêu ma, quỷ quái uy hiếp. Ác mộng với nam

giới thường là tinh linh ác độc, đến khi ngủ say, đặc biệt rất thích giao hoan với nữ giới trong mộng. Còn nữ ác ma là ma quỷ xuất hiện với thân hình đàn bà. Nghe nói, nó thích "chăn gối" với nam giới trong mộng. Hiện nay từ "ác mộng" dùng phiếm, chỉ tất cả những giấc mộng đáng sợ hoặc người nằm mơ thường bị ma bắt, mãi không tỉnh giấc. Vậy thế nào là "ma"? "Thuyết văn giải tự" viết : "Ma là điềm kinh sợ trong mộng". Tự Uyển giải thích là điều bất thường trong giấc ngủ. Quáng Vận giải thích gọi là "ác mộng" thường biểu hiện qua việc nhìn thấy hoặc gặp phải phảng phất trong mộng những sự việc đáng sợ hãi mà kêu lên rồi ú ó... loại mộng này làm cho người ta sợ hãi. Sau khi tỉnh dậy có thể nhớ lại nội dung giấc mộng. Cũng làm cho người ta tư lự băn khoăn về cực độ. Có thể là bị yêu mà trêu chọc hoặc bị mãnh thú, người độc ác săn đuổi hoặc mình và thân nhân ở vào bên bờ của vực tai nạn... Lúc đó muốn hét lên mà không được, chạy trốn cũng không được, không biết phải làm gì và thở không ra hơi. Trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê, cảm thấy thân thể và tứ chi khó nhúc nhích lên được. Tựa hồ như vật gì đè lên. Phải qua một sự lăn lộn mới tỉnh dậy được. Một số người đoán mộng cho rằng đó là do linh hồn của người nằm mộng bị đè nên dẫn đến.

1) AC MỘNG SẼ SINH RA NHƯ THẾ NÀO?

Ac mộng nảy sinh do có sự kích thích sinh lý của ngoại giới, cũng do vết thương tâm lý nội tại dẫn đến. Mộng ma thường là do khi ngủ, chàm chân kín mũi, hoặc tay đè lên ngực, làm cho hoạt động của tim bị trở ngại và mũi khó thở. Hiện tượng kích thích ngoại bộ này truyền đến vỏ đại não để đưa đến một phản ứng không chính xác và sinh ra ác mộng. Có trường hợp thấy quỷ quái đánh vào mình, muốn nuốt chửng mình nên muốn giãy giụa, kêu thét lên. Nhưng, bộ phận đại não là bộ phận chỉ huy chân tay vận động và miệng lên tiếng lại ở vào trạng thái bị ức chế. Ngoài ra, có người mắc một số bệnh mãn tính như viêm amidan, viêm khí quản v.v... làm cho khó thở mà sinh ra ác mộng ...

Từ nguyên nhân bên trong đưa đến ác mộng, ta thấy trước khi nằm mơ thấy ác mộng, tinh thần người nằm mơ thường trải qua một sự kích thích lưu giữ lại một vết thương tâm lý khó chữa khỏi. Trong bài thơ "Du Tưởng Tây tự" Hàn Dũ viết : "Nhu ngộ trong sông cả, lo sợ thành mộng ma". Mộng gặp ma có liên quan tới tâm lý sợ hãi, cảnh giác. Nhiều nhà tâm lý học cho rằng những người gặp ác mộng thường dính dáng đến những sự vật cơ bản đã gây cho họ sợ hãi từ những

lúc họ còn là trẻ nhỏ. Cái đó còn theo đuổi họ đến cả các chặng đường trong cuộc sống mà không thể nào vượt qua được. Trẻ con từ 3 đến 5 tuổi rất dễ gặp ác mộng. Đến tuổi thành niên, một khi cảm thấy mình không được bảo đảm an toàn hoặc nghĩ đến những sự việc đã làm cho mình phải hoảng sợ, không an tâm trong quá khứ, cũng dễ sinh ra ác mộng.

Những sự kiện đủ mọi loại trong cuộc sống như: người trong gia đình bị chết, biệt ly, ly hôn, bệnh hoạn .v.v... đều sinh ra hàng chuỗi giấc mộng. Gây ra những giấc mộng hoàn toàn tương phản hoặc tương ứng. Ác mộng không đáng sợ. Vấn đề quan trọng là ở chỗ đối xử sao cho cho chính xác. Những người thường xuyên bị ác mộng quấy rầy, có thể vì họ là những người mắc chứng tinh thần phân liệt. Cũng có thể họ là những người giỏi nghệ thuật hoặc giàu óc sáng tạo. Vấn đề ở chỗ ta phải ổn định tình cảm của mình làm sao cho không bị ác mộng đe dọa. Rèn luyện sức đón nhận về mặt tâm lý. Nếu được như vậy, ác mộng còn là "phúc phận" của ta.

Thông thường dễ phát sinh ra ác mộng khi bị người hoặc dã thú truy đuổi. Điều đó giống như nỗi sợ khi còn nhỏ, ta gặp một con vật khổng lồ, bị cha mẹ vô ý làm sợ hãi, bị hổ vồ, gấu ăn thịt trẻ con v.v...

hoặc có liên quan đến những kích thích làm ta sợ sệt và có cảm giác bị cô lập.

Mơ thấy đi thi bị rớt cũng là cơn ác mộng thường gặp. Có điều lạ là những người gặp ác mộng bị thi trượt lại là những người đã đi thi và thi đỗ. Nhưng vì trước đó một số năm phải tham gia mấy kỳ thi và đã từng có tâm lý sợ bị thi hỏng. Có một số người đã đi thi, đã đổ vào đại học thú nhận là họ đã từng mơ thấy mình thi rớt. Niềm lo lắng đó nhập vào tiềm thức. Mỗi khi họ phải đương đầu với một sự khiêu chiến hoặc trước nhiệm vụ nào đó, lại gọi sự lo lắng, sợ hãi đã in sâu vào đại não từ trước. Cũng có khi mộng lại triển khai về mặt hy vọng như ngày trước đã từng kết thúc tốt đẹp một vấn đề nan giải.

Mơ thấy mình trần truồng, loại giấc mơ này có liên quan ở một mức độ nhất định, cảm giác tự ti và cảm giác sợ hãi mình bị khoá thân. Do đó ta thấy cá tính và sự từng trải của người nằm mơ là chia khoá mở ra hàm ý của giấc mộng.

2. TRÁNH ÁC MỘNG NHƯ THẾ NÀO?

Làm thế nào để tránh được ác mộng? Y học truyền thống của chúng ta cho ác mộng là một trạng thái bệnh hoạn. Trong "Mạch yếu tinh vị luận", thiên "Tố vấn", sách "Nội kinh" viết: Âm thịnh sẽ mộng

liên quan đến hồng thuỷ. Dương thịnh sẽ mơ thấy đại hoả thiêu đốt. Âm, dương đều thịnh, mộng thấy chuyện chém giết nhau. Trên thịnh, mộng thấy bay bổng. Âm thịnh, mộng thấy bị rơi. No quá, mộng thấy cho, đói quá, mộng thấy lấy. Can khí thịnh, mộng tức giận. Phế khí thịnh, mộng thấy khóc. Nhiều côn trùng ngắn, mộng tụ tập. Nhiều côn trùng dài, mộng thấy đánh nhau đả thương. Do vậy, Nội kinh cho rằng : muốn tránh ác mộng thì phải tuân thủ nguyên tắc trị liệu "Ai thịnh quá thì xả bớt, ai không đủ thì bổ sung cho đủ".

Những nhà tâm lý học hiện đại cho rằng muốn tránh ác mộng, phải xem lại trong sinh hoạt đã xảy ra những sự việc gì làm cho ta cảm thấy sợ hãi, hoặc làm cho ta lâm vào thế cô lập không được giúp đỡ gì để tìm cách khắc phục chúng. Tuy vậy, trong rất nhiều tình huống, muốn cải biến những điều đó cũng không dễ dàng. Có khi nghĩ đến những điều tốt đẹp hơn làm cho tâm tình được nhẹ nhàng vui vẻ trước khi đi ngủ cũng là biện pháp tốt. Ở phương Bắc nước ta, sau những trò vui, thường có câu vè : " Nằm mơ đi lấy vợ - chỉ nghĩ đến điều hay". Ta tước bỏ tính chất hài hước đi mà chỉ lọc lấy phần tốt của câu vè làm tiên dược trị bệnh ác mộng.

Ở khoảng giữa thế kỷ này, nhà nhân loại học Sđao-to đến nghiên cứu bộ tộc Son - nê sống tại một

khu rừng ở Malaisia, đã phát hiện ra phương pháp dùng ý chí để trị ác mộng. Thổ dân ở đây rất chú trọng đến việc trị ác mộng và việc xử lý nó. Họ đều tin rằng mộng và sinh hoạt thật đều là chân thực cả. Cứ mỗi sáng sớm, người trong nhà và láng giềng đều bàn luận với nhau những giấc mộng đêm hôm trước. Họ dựa vào các giấc mộng để quyết định chọn một biện pháp xử lý thích đáng. Nếu trong mộng có sự thiếu lễ phép với một người bạn, sẽ tìm đến người bạn đó mà xin lỗi, biếu quà, sửa đổi lại hành vi của mình trong giấc mộng sau, Vì như khi gặp phải kẻ thù địch trong mộng mà không có ý thức đấu tranh dũng cảm, sợ hãi, bỏ chạy, mọi người đều giúp ý kiến, tìm ra cách đối phó. Sẽ chủ động đi báo thù trong giấc mộng sau, và sẽ chiến thắng. Hoặc là tìm phương pháp hoà giải.

Đại đa số người trong bộ tộc thổ dân này đều có thể dùng ý chí để chi phối giấc mộng.

Phương pháp đối xử với mộng của thổ dân Son-nê đã làm cho các nhà tâm lý học phương Tây rất thích thú. Nhà tâm lý học Ta - thơ đã bị ác mộng quấy rầy từ khi ông lên tám tuổi sợ hãi quá mà tỉnh dậy. Về sau, ông hạ quyết tâm không sợ sệt, bối rối trong giấc mộng nữa, tìm cách ứng phó với tình huống

kinh dị. Trải qua hơn mười lần như vậy, ý chí đã được rèn luyện và cũng khắc phục được mộng寐. Sau đó, ông thường gặp những giấc mộng vui vẻ. Con ông lúc bốn tuổi cũng bị mộng寐 dày vô, sau dưới sự hướng dẫn của bố đã giải quyết được vấn đề này. Tha - to liền phát triển kỹ thuật trị liệu này vào các giấc mộng của trẻ nhỏ và đã thành công. Một nhà tâm lý học nữ là Ga - pen - đơ đã phát triển kinh nghiệm của bộ tộc Son- nê. Bản thân bà khi lớn cũng có một thời gian bị ác mộng ám ảnh. Một lần nằm mơ bị kẻ xấu đuổi, bà choàng tỉnh dậy, trong cơn hốt hoảng, bà đã tự luyện tinh thần kiên định trong mộng, dùng cảm đối diện với kẻ truy đuổi mình, kiên quyết chống lại nó. Quả nhiên, có một lần mơ thấy kẻ xấu đuổi, bà đã khắc phục sự sợ hãi, dùng cảm chống lại. Đến lúc gay go, bà phát hiện trong tay có gói chất tung hoả mù và gậy nổ. Bà ném gói đó vào kẻ truy đuổi. Khi có tiếng nổ và khói bốc lên, kẻ truy đuổi biến mất... Từ đó trở đi, bà không bị ác mộng truy đuổi nữa. Như vậy ý chí có thể chi phối được giấc mộng.

Dương nhiên, cũng có người dùng thuốc để trị liệu mong cải biến trạng thái mộng. Nhưng đã có quá nhiều tài liệu chứng minh rằng ngược lại, dùng thuốc sẽ dẫn đến ác mộng. Mọi sự đều có mặt lợi

và mặt hại. Vạn vật đều như vậy, dùng thuốc càng ít càng tốt.

Đại não của chúng ta có thể dung nạp hai hình thức tinh thần hoạt động không giống nhau là ý thức tỉnh và ý thức ngủ. Về phương diện sinh vật học, trong cả quá trình tâm lý còn rất nhiều việc phải làm. Nhưng yếu tố sinh vật nào gây ra những khác biệt trong các giấc mộng? Còn phải nghiên cứu tiếp.

Trung Quốc cổ đại có rất nhiều hai thơ về vấn đề này như :

*Đa tình tự cổ đa di hân
Hảo mộng từng lai tối ý hy...*

Dịch nghĩa :

*Đa tình tự cổ nhiều di hận
Mộng đẹp, đến giờ, thua thốt thay !*

hay : *Tâm hảo mộng, mộng nan thành
(Tâm mộng đẹp, mộng khó thành)*

Hàng mấy nghìn năm rồi, khó thấy được nhiều giấc mơ đẹp. Giấc mơ đẹp làm người ta sáng khoái, thanh thần, vui tươi. Chúng ta không dễ xứng nên có những giấc mộng đẹp, chỉ có ý nói chúng là thứ giữ cho tâm lý được lành mạnh. Chúng ta không dễ

xương việc đi săn đuổi mộng đẹp và sống trong ảo mộng, nhưng với tư cách là một loại tâm lý lành mạnh, chúng ta đề xướng việc nên để các bắp thịt trên mình được thư giãn trước khi ngủ. Đồng thời cũng cố gắng để lỏng bộ não cho não tư duy thật ít thôi. Đặc biệt cũng nên tránh những vấn đề phức tạp. Nếu bạn là người có sức tiếp nhận về vấn đề tâm lý mạnh mẽ thì nên bỏ qua những sự kiện không thoải mái ra ngoài và luôn nghĩ đến những sự việc tốt đẹp. Chúng tôi chúc các bạn luôn có mộng đẹp.

- II -

Y HỌC TRUYỀN THỐNG TRUNG QUỐC BÀN VỀ MỘNG

Nói về mộng lại nghĩ đến câu chuyện hay thời cổ: "Giác mộng Nam Kha". Giác mộng đó có người nằm mơ thấy mình làm quan ở quận Nam Kha nước Hoè An, sống cuộc sống hào hoa, xa xỉ. Đến lúc tỉnh lại mới biết là hư mộng. Gọi là nước Hoè An, thực ra là cây hoè. Người nằm mơ có căn nhà nhỏ dưới gốc cây hoè. Ai cũng đều nằm mơ cả mà giác mộng phức tạp vô lường, hư vô, phiêu diêu. Nhưng cũng có cái thực. Căn cứ vào sự nghiên cứu của Đông y, trong cuộc sống của con người, thời gian hoạt động của mộng chiếm khoảng một phần mười thời gian sống. Mộng là một bộ phận của cuộc sống. Nó có ảnh hưởng đến sức khoẻ của mỗi người.

1. MỘNG LÀ MỘT HÌNH THỨC VẬN ĐỘNG TINH KHÍ.

Trước đây, về thời Tiên Tần, nhiều nhà tư tưởng đã giải thích bản chất của mộng. Trang Tử nói: "Mộng

là tinh của dương khí. Tâm mà vui vẻ hoặc phấn nộ, tinh khí cũng biểu hiện theo". "Mộng thu" nói: "Mộng là tượng (hình tượng), là tinh khí vận động". Y học Trung Quốc cho rằng tinh khí là cơ sở vật chất của sự hoạt động sống của con người. Mộng là một hình thức vận động tinh khí chứ không phải "điềm báo của thần" như một số nhà đoán mộng đã từng nói. Đó là một cách giải thích sâu sắc mà khoa học. Giác ngủ của chúng ta có thể phân chia ra hai loại, có giấc ngủ sóng chậm và giấc ngủ sóng nhanh. Hai loại sóng này thay nhau hoạt động. Hiện tượng lúc tỉnh có biết là mình nằm mộng hay không hoặc tỉnh dậy ở trạng thái thế nào có liên quan mật thiết với nhau. Nếu tỉnh dậy từ giấc ngủ sóng nhanh, ký ức về giấc mộng bị đứt đoạn. Nếu tỉnh dậy từ giấc ngủ sóng chậm, một vài khu vực của vỏ đại não hãy còn ở trạng thái hoạt động. Quá trình sinh ra mộng là trong giấc ngủ, lớp vỏ đại não vẫn giữ một vài liên hệ với ngoại giới. Do đó mộng không phải là "linh hồn xuất khiếu", cũng không phải là "điềm báo của thần". Nó là hiện tượng sinh lý không thể thiếu được khi chúng ta ngủ.

2. ĐẶC TRƯNG SINH LÝ CỦA HÌNH TƯỢNG MỘNG.

Y học truyền thống của Trung Quốc rất coi trọng cơ sở sinh lý của mộng. Ngay từ thời Tiên Tần, các

nhà y học đã tìm tòi nguyên nhân và cơ chế của ác mộng trên mặt sinh lý và bệnh lý. Thành quả của nó thể hiện trong sách " Hoàng đế nội kinh".

Chúng ta, ai cũng biết sách " Hoàng đế nội kinh" là cuốn sách sớm nhất, toàn diện nhất đã tổng kết toàn bộ những thành tựu về y học trước thời Tần, Hán, Đó là cuốn sách kinh điển về y học đã xây dựng cơ sở lý luận cho y học Trung Quốc. Nội dung của " Nội kinh " rất phong phú. Nó đề cập đến những phương diện : Âm dương ngũ hành ; âm tà phát mộng ; Ngũ vận lục khí ; Tạng phủ kinh lạc ; Nguyên nhân và cơ chế bệnh ; Chẩn pháp trị liệu ; Châm viên phương dược ; Cách sinh hoạt dự phòng...Sách cũng trình bày một cách hệ thống và toàn diện về con người và tự nhiên, sinh lý và bệnh lý, các loại bệnh tật và cách chẩn đoán... Từ đó hình thành nên hệ thống lý luận y học làm cơ sở vững vàng cho y học Trung Quốc xây dựng và phát triển.

Theo " Mộng kinh", mộng là kết quả của sự tác dụng lẫn nhau giữa "tâm" và "thân" con người. Đối với trạng huống thân thể con người, mộng chủ yếu phản ánh 5 phương diện sau : Một là phản ánh trạng thái cơ năng sinh lý, như " Thận khí thịnh thì mộng

ảnh hưởng đó tất nhiên làm cho lục phủ ngũ tạng nảy sinh các dạng biến hoá. Những biến hoá này biểu hiện ra thành hình tượng ở bên ngoài, đó là tạng. Chữ "Tạng tượng" đầu tiên xuất hiện trong sách Tố vấn. Nội kinh, hàm nghĩa của "Tạng" có chỉ nội tạng của con người. Thời Tiên Tần chưa có chữ Tạng, phải mượn chữ "Tàng" (ẩn kín) chỉ bộ phận bên trong của con người Thời Tiên Tần chưa có chữ "Tạng" phải mượn chữ "Tàng" (ẩn kín) chỉ bộ phận bên trong con người là một khí quan có tổ chức, có hình dạng nhất định : như lục phủ ngũ tạng. Nó còn có ý nghĩa là tàng giấu ở trong thân xác.. Vỏ của cơ thể ở bên ngoài, nội tạng nằm ở bên trong. "Tượng" cũng có hai hàm ý. Một ý chỉ các biểu trưng ra phía ngoài của hoạt động công năng sinh lý nội tạng của thân thể con người. Còn một hàm ý nữa là hình tượng, hình thái. Bất cứ nội tạng nào đều có một hình thái nhất định. Cho nên, hàm ý của hình tượng tạng vừa là khí quan có tổ chức, có hình thái nhất định ở bên trong con người, lại vừa bao quát cả hiện tượng công năng hoạt động sinh lý của những khí quan nội tạng. "Tượng" là hình tượng, là các phản ánh ra bên ngoài của tạng. Còn "tạng" là bản chất nội tại của "tượng". Hình tượng của tạng là sự thống

nhất thành một thể của hiện tượng hệ thống thân thể con người với bản chất.

Y học Trung Quốc nói đến ngũ tạng lục phủ. Đó là một trong những nội dung cơ bản của học thuyết tạng tượng. Ngũ tạng gồm : tim gan, tỳ, phế, thận. Lục phủ gồm : mật, dạ dày, đại tràng, tiểu tràng, tam tiêu và bàng quang. Các nhà y học cổ đại Trung Quốc áp dụng một phương pháp riêng để nghiên cứu thân thể con người.

Kỳ Bá nói: "Khí tràn trề ở phủ sẽ dư thừa ở ngoài, không đủ ở trong. Khí tràn trề ở tạng sẽ thừa ở trong, không đủ ở ngoài". Kỳ Bá cho rằng, sự biến hoá của tạng tượng có hai loại hình. Một là tạng khí có thừa. Một nữa là tạng khí không đủ (bất túc), thuộc về biểu hiện suy nhược của cơ năng, "thừa " hoặc "không đủ" cũng chia ra trong và ngoài. Nhưng dù ở tình huống nào cũng đều có ảnh hưởng đến tạng tượng. Ông cứ ra thí dụ hình tượng mộng với 12 nguyên nhân "có thừa" bên trong mà "không đủ" bên ngoài :

Âm khí thịnh tắc mộng (lợi nước lớn mà sợ hãi).

Dương khí thịnh thì mộng hoá lớn thiếu đốt

Âm dương đều thịnh thì mộng giết nhau

Trên thịnh thì mộng thấy bay.

Dưới thịnh thì mộng thấy ngà.

Chiu đói thì mộng thấy lầy

No quá thì mộng thấy cho.

Can khí thịnh thì mộng thấy tức giận

Phế khí thịnh thì mộng thấy sợ hãi, khóc lóc,
bay bổng

Tâm khí thịnh thì mộng hay cười, sợ hãi

Tỳ khí thịnh thì mộng hát vui, thân thể
nặng không thể cử động được.

Thận khí thịnh thì mộng thấy lưng và
cột sống rời nhau.

Phàm mười hai loại thịnh này tới thì thải bớt.

Ngoài ra ông còn dẫn ra mười hai loại nguyên
phân tạng khí bên trong không "đủ" mà bên ngoài lại
có "thừa".

Thiếu khí ở ngoài tâm thì mộng thấy gò núi,
khói lửa.

Khí ở ngoài phổi thì mộng bay bổng, thấy vật
lạ bằng kim loại.

Khí ngoài ở can thì mộng thấy rừng núi,
cây cối mưa gió.

Khí ở ngoài tỳ thì mộng thấy gò, đầm lớn, nhà nát.

Khi ngoài ở bàng quang, mộng thấy du hành.

Khi ngoài ở dạ dày, mộng thấy ăn uống.

Khi ngoài ở đại tràng, mộng thấy ruộng đồng.

Khi ngoài ở tiểu tràng, mộng thấy áp đông,
người lớn

Khi ngoài ở đằm mộng đầu tưng, tự võ.

khí ngoài ở âm vật mộng thấy tiếp vào bên trong.

Khi ngoài ở cổ mộng thấy chém đầu.

Khi ngoài ở đùi mộng đi mà không tiến lên được.

Khi ngoài ở cánh tay mộng thấy đi tiểu

Phàm 15 loại không đủ này, bổ sung thì mới được.

Chúng ta cho rằng trên kể về 12 "thịnh", 15 "không đủ" có ảnh hưởng đến giấc mộng. Vấn đề trừu tượng quá, lại có chút khiên cưỡng phụ họa. Mộng là phản ánh của hiện thực khách quan. Có điều sự phản ánh này là gián tiếp, là vô ý thức. Thậm chí còn lật ngược, có sáng tạo. Nội dung giấc mộng không chỉ có quan hệ với tình trạng cơ thể mà còn có quan hệ với sự kích thích của ngoại giới, sự hoạt động ban ngày... Đơn thuần chỉ tìm sự giải thích ở nội bộ cơ thể hay chỉ tìm ở "tính dục" như Freud là chưa toàn diện, mà như thế, tất sẽ đi vào con đường gập ghềnh. Cách nhìn

theo cuốn "Nội kinh, Dâm tà phát mộng", căn cứ vào nội dung mộng mà xác định các bộ vị có bệnh tật của thân thể là có một giá trị nhất định trên thực tế.

3 - Y HỌC CỔ TRUYỀN TRUNG QUỐC TÌM TÒI VÀ LUẬN BÀN VỀ MỘNG.

Xưa, do sự hạn chế của xã hội, nhận thức của mọi người về sinh lý, tâm lý, bệnh lý còn thô thiển, cũng không giải thích được hiện tượng mộng Một mặt khác, những tổ tiên của nước ta coi mộng là linh hồn ra khỏi "khiếu" đi du chơi. Họ cho rằng người ta khi sinh ra đã có linh hồn cư trú sẵn trong thân thể, khống chế sự hoạt động của thân thể. Khi người ta ngủ. Linh hồn trở về người ta tỉnh dậy. Sau khi người ta chết, linh hồn thoát ra khỏi thể xác mà đi lên trên. Nhiều vật dụng được chôn cùng với xác chết chứng tỏ mọi người cho rằng sau khi chết, người ta vẫn tiếp tục dùng các vật dụng chôn theo. Thịt, xương có thể mất đi, linh hồn không mất mà tồn tại độc lập. Giấc mộng là thí dụ chứng minh sự hoạt động tự do của linh hồn. Người ta cho mộng là điều rất thần bí.

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, nhiều nhà tư tưởng và nhiều sách nói đến mộng. Trong những sách viết về mộng, cuốn có ảnh hưởng nhiều nhất tới y học là

cuốn "Tả truyện". Sách có ghi : Quan thái y Hoãn được Tần vương phái đến trị bệnh và giải mộng cho Tấn hầu. Ở thời kỳ này, những nhận thức về bệnh tật còn rải rác ở trên các trang sách viết chữ chưa được đúc thành lý luận y học. Người ta gắn liền việc khám, chữa bệnh với việc giải thích mộng, đoán mộng.

- III -

SỰ HUYỀN BÍ CỦA ẢO MỘNG VÀ ĐOÁN, BÓI MỘNG

Người ta thường có câu cửa miệng khi gặp nhau : "Thế nào, nằm mơ thấy gì nào?" Câu nói thân mật này lại có một bí mật ẩn tàng về mặt tâm lý thần học. Đối với sự bí ảo của giấc mộng, đối với người nằm mơ mà nói, có thể là nghi nghi hoặc hoặc không trả lời được. Nhưng với nhà tâm lý học hoặc nhà đoán mộng mà nói, câu nói đó lại là một đầu đề hấp dẫn.

Lý luận về mộng ảo đã được các nhà thần kinh, tâm lý học nhiều quốc gia nghiên cứu và khảo sát. Mọi người nhất trí cho rằng chiêm mộng không có tính thần bí. Nó chỉ là sự tái hiện lên vỏ đại não sự vật của thế giới khách quan. Đại não là trung tâm chỉ huy các khi quan trong cơ thể con người. Tri giác của con người đối với thế giới xung quanh phải thông qua sự cảm nhận của thị giác, thính giác, khứu giác, xúc giác v.v... Khi ta ở trạng thái ngủ là lúc cả đại não bị ức

chế, cảm tinh của thân kinh trung ương trở nên rất dần dộn và chậm chạp. Chỉ có thị giác là bảo đảm được trạng thái không ngủ. Khi ngủ, bộ máy phân tích thị giác vẫn chỉ huy cơ thể tiếp thu những kích thích nhỏ và yếu. Chỉ có cảm giác được mới có thể thấy được mộng. Mộng thấy tức là nhìn thấy. Ví dụ như : tin hiệu trở dậy khỏi giấc ngủ là vừa vặn lúc người nằm mơ, lần đầu thấy người gọi điện thoại hoặc gõ cửa. Lại như có người ngủ nước hoa rồi ngủ sẽ mơ thấy lọ nước hoa có cả hộp và nhãn hiệu mà mình đã dùng qua.

Thần kinh thị giác của đại não rất nhạy cảm, có thể quan sát bằng cảm giác tất cả những kích thích nhỏ đến với cơ thể. Bất cứ một sự gây nhiễu nào với các khí quan, đều có thể truyền đến đại não đang ở trạng thái ngủ. Nơi đây, bộ máy phân tích thị giác làm cho đại não tái hiện sự vật trong mộng ảo. Ví dụ : nằm ngủ trong phòng rất ấm áp sẽ mơ thấy trời nóng nực hoặc lò lửa đỏ hồng. Nằm ngủ trong phòng đèn nấn sáng trung, sẽ mơ thấy mặt trời xán lạn hoặc lửa nổi lên bùng bùng. Khó chịu trong mình sẽ mơ thấy những sự việc gặp phải lúc ban ngày nói chung... Đau cuống họng sẽ mơ thấy bị ốm hoặc bị thương. Đau đầu sẽ mơ thấy đau vỡ, chảy máu, có khi còn mơ thấy đội mũ quá chật... Người bị các bệnh về dạ dày hoặc ruột sẽ mơ thấy ăn phải thức ăn thiu, rữa ; thấy đáng

miệng có vị mặn... Thậm chí trong lúc ngủ say, không nhận được kích thích nhỏ bên ngoài, cũng có thể biểu hiện ra rõ ràng bằng thị giác. Ví dụ như ta khe khẽ trói tay người đang ngủ lại, anh ta vẫn mơ thấy tay bị thương, ngón tay bị sưng hoặc găng tay quá chặt. Tóm lại, vỏ đại não con người có liên quan mật thiết với tất cả các bộ máy phân tích của các khí quan nhạy cảm. Nhất là với bộ máy phân tích của thị giác.

Trong khi khảo sát và nghiên cứu lý luận về mộng, các nhà khoa học và y học đều chỉ ra rằng : Trong giấc mơ, đại não của người đang ngủ có thể dự báo các điểm sắp tới của bệnh tật. Có thể trước vài tuần, vài tháng thậm chí vài năm nữa bệnh mới xuất hiện. Cũng có nghĩa là bất kể trạng thái bệnh tật nào chưa xuất hiện, đại não cũng có thể dự cáo cho người nằm mơ biết. Lại có thể chỉ cho biết một cách cụ thể bị đau ở bộ phận nào. Điểm này y học Trung Quốc cổ đại đã sớm chứng minh.

Bệnh tình của người bị trúng phong nằm ở một bán cầu não nào đó dần dần phát triển thành bán thân bại liệt. Sự thực chứng minh rằng người bệnh vẫn có thể nằm mơ thấy mình khoẻ mạnh, nếu bệnh tích ở vỏ đại não, người bệnh mới mơ thấy mình bị ốm. Chỉ có bản thân "kho tàng trữ tu tưởng" mới bị nhiều, mất đi hồi ức về sự khoẻ mạnh. Tại sao nhà đoán mộng căn cứ vào dự báo của người nằm mộng mà đoán được bệnh tật? Bí quyết chính là ở chỗ này. Các nhà

sinh lý, tâm lý học hiện đại còn cho rằng khi triệu chứng bệnh mới xuất hiện, mộng có thể dự báo nguy hiểm. Ví dụ một số bệnh nhẹ như viêm họng, viêm phế quản, trong một hai ngày đầu cơ dự báo trong mộng. Đau dạ dày mãn tính có thể thấy trong mộng ở tháng đầu. Bệnh phức tạp dự báo một vài lần trong 1- 2 năm đầu. Bệnh tinh thần, thần kinh dự báo trước vài tháng.

Lý luận về mộng ảo được sử dụng rất rộng rãi, không những dùng cho y học lâm sàng mà dùng cho cả các bộ môn về tư pháp, về các mặt điều tra hình sự. Về mặt này thuật chiêm mộng không giải quyết được nhiều. Về sau, chúng ta phải càng coi trọng việc nghiên cứu lý luận về mộng, thu hút thuật chiêm mộng có phê phán và chỉ dùng những yếu tố có giá trị của thuật chiêm mộng để mở rộng những tri thức mới trong lĩnh vực nghiên cứu cơ năng của đại não.

- IV -

ĐOÁN MỘNG VÀ DƯỠNG SINH, KHÍ CÔNG

Đề cập đến những phương pháp và lý luận về đoán mộng liên hệ với khí công và dưỡng sinh, phải nói đến sự liên hệ mật thiết giữa những lý luận về giấc mộng của các tiên hiền và Trang Tử, cùng với sự cống hiến về mặt này của Lão Trang, Chu tử. Chỉ có những "đạo gia" mới có thể hun đúc lý luận mộng với thuật dưỡng sinh vào một "lò". Như vậy là không phải chỉ làm cho khí công có được nội dung dưỡng sinh phong phú mà lại còn có thể thâm nhập vào ý thức đặc biệt của con người và kết cấu tầng sâu của tâm lý để thăm dò và nghiên cứu chân tướng của khí công. Lại còn có thể đưa sự tìm tòi tâm lý mộng và lý luận về khí công cổ đại lên một bước phát triển mới.

1. KHÍ CÔNG CỔ ĐẠI TRUNG QUỐC XÂM NHẬP VÀO THUẬT ĐOÁN MỘNG.

Trung Quốc là quê hương của khí công từ xa xưa. Nhưng nguồn gốc của nó không thống nhất.

Có người cho là từ ngẫu nhiên mà ra. Khi người ta mệt mỏi làm động tác vươn mình, há miệng, nhắm mắt lại rồi ngồi yên một lát v.v... sẽ thấy dễ chịu, hoặc khi đau lưng, nhức chân, tự mình xoa bóp, đập đập vào chỗ tê dại, sẽ thấy nhẹ nhõm hẳn. Đó là nguồn gốc của khí công. Nhưng trên đời này, những người xưa của nhiều nước cũng làm như vậy mà không có thuật khí công và phép dưỡng sinh khí công.

Lại có ý cho rằng khí công xuất phát từ vũ đạo. "Lã Thị Xuân Thu" viết : "Khí âm tích trệ, nhu dòng nước không thông, u uất đình đốn, gân cốt cứng nhắc không thông đạt... nên có vũ đạo điều tiết". Ở khí công có điều thân, điều tức và điều hình. Vũ đạo cũng có những sự điều chỉnh này. Nhưng các nước trên thế giới, đâu đâu cũng chẳng có truyền thống vũ đạo lâu năm mà sao không đẻ ra "Khí công học"?

Cũng có ý kiến cho rằng khí công xuất phát từ Đạo giáo. Tuy Đạo giáo là một tôn giáo bản địa của Trung Quốc ra đời sớm nhất. Đạo giáo có cả một kho tư liệu rất phong phú về khí công. Nhưng Đạo giáo ra đời muộn hơn sự ra đời của khí công vài trăm năm.

Từ trước đời Đông Hán, cả khu vực Hoa Hạ có Vu giáo (đạo cúng tế, phù thủy, phù chú). Thủ lĩnh của Vu giáo là Vu sư, có quyền thế rất lớn. Lúc này, bất cứ sự việc bé đến lớn đều phải qua việc bói thẻ, xin ý kiến của quý thần. Việc hành đạo và thuật hành

đạo của Vu đạo đã có liên hệ nhất định với nguồn gốc của khí công. Mà chính Vu thuật cũng là thuật đoán mộng. Chúng ta biết rằng người thời xa xưa dùng thuật đoán mộng để thăm dò, nghiên cứu tiềm ý thức. Thân thể và tư tưởng của Lão Tử cũng chứng minh quan điểm này. Vào giữa thời Ân, Chu đã có chức quan chuyên nghiệp đoán mộng. Cho đến đời Xuân Thu, việc đoán mộng do sử quan kiêm nhiệm. Lão Tử, người Sở đời Xuân Thu, là một sử quan. Ông nói : "Tin ngưỡng Vu thuật có trình độ rất sâu". "Sử ký" viết : Lão Tử thông thuộc kinh điển, thư tịch, quan sát sâu sắc sự biến đổi của thời cuộc, có một trí năng hạng nhất, có cái nhìn xa của thánh nhân, sáng suốt, thông minh, thấu triệt được mọi sự vật". Ông hoạt động cho Đạo giáo và Vu đạo. Chúng cùng có một quan hệ máu thịt với việc đoán mộng.

Lão Tử cho rằng thuật chiêm mộng và khí công học gọi ý cho nhau, dung hợp với nhau. Sách "Lão Tử", chương 52 và 56 có viết : Khép lại những khí quan ở mắt, tai, miệng, đoạn tuyệt với quan niệm về "dục", gạt bỏ kích thích cảm quan của ngoại giới ... sẽ đưa đến trạng thái ý thức "hư tĩnh" và cái trạng huống này cũng đi vào đường "mộng ảo". Điều này đã được tâm lý, sinh lý học hiện đại chứng minh. Nó cũng được nhà khoa học Mỹ là Khor Lan làm thí nghiệm. Ông công nhận, khi người ta đã gạt bỏ được kích thích ngoại giới, thì nội dung tư duy được cải biến dần dần.

Trong sách "Sinh lý, tâm lý học" ông viết : "Mộng thường được hình thành chơi vui khi đôi mắt ở trạng thái khép một nửa và sẽ xuất hiện ảo giác. Thậm chí có vài lần, khi người làm thí nghiệm tỉnh dậy rồi mà vẫn cơ hồ như đang có giấc mộng". Ta thấy khí công và dưỡng sinh chủ trương "nhập tĩnh" để đi vào mộng ảo cũng như vậy.

Chương 21 của sách "Lão Tử" viết : "Trong đạo Lão và đạo Vu có "vật", "hình tượng", "tinh". Trong "tinh" lại có "chân" và "tin". Tất cả ăn khớp với nhau, cũng là điều kiện cầu mộng và đương nhiên cũng là những điều kiện tất yếu để tu luyện khí công". Nghĩa là có sự liên hệ giữa khí công của đạo với đoán mộng.

2. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐOÁN MỘNG VỚI DƯỠNG SINH

Có người cho rằng nằm mơ nhiều sẽ ảnh hưởng đến sự nghỉ ngơi. Có người thường phàn nàn : "Đêm nay mơ nhiều quá, không có thì giờ nghỉ ngơi". Sự lo lắng ấy là thừa vì mộng là một quá trình sinh lý chủ động và có ý nghĩa.

Đoán mộng có ảnh hưởng đến dưỡng sinh. Những học giả nước ngoài đã có nhiều thành tích trong lĩnh vực nghiên cứu này. Nhà nhân loại học Stuart phát hiện thấy bộ tộc trong rừng sâu ở Malaysia rất tin tưởng vào những điềm báo của giấc mộng. Họ hoàn toàn

tin vào giấc mộng của người khác. Họ thường cùng nhau bàn luận và chiêm nghiệm các giấc mộng. Do được rèn luyện lâu dài nên họ có thể chi phối được các giấc mộng. Muốn mơ thấy gì là có thể mơ thấy cái đó. Họ còn giải quyết được những xung đột, mâu thuẫn với nhau qua các giấc mộng. Tác giả thấy dân tộc này, về mặt tâm lý xã hội, lành mạnh hơn ở các xã hội phương Tây. Rồi từ quá trình tự phát đến tự giác, thuật đoán mộng cũng do đó mà cùng phát triển với dưỡng sinh khí công.

3. ĐẠO CỦA LÃO TỬ VỚI MỘNG

Trong việc khai sáng và phát triển lý luận về khí công và đoán mộng. Lão Tử cùng Trang Tử là đại biểu Đạo giáo có một địa vị lịch sử quan trọng. Lý luận về mộng và khí công của đạo Lão có một quan hệ không tách rời khỏi nhau. Quan hệ này vừa biểu hiện ở phương diện lý luận dưỡng sinh vừa làm rõ được vấn đề nguồn gốc của khí công.

"Sử ký" cũng nói về Lão Tử. Ông là một vị quân tử ở ẩn. Hệ thống triết học của Lão Tử triển khai từ chữ "Đạo". Chữ "Đạo" đó cũng là cơ sở của lý luận về khí công. Tại sao Đạo là không mà cũng là có, nhiều thuyết bàn cãi về vấn đề này. Lão Tử cho rằng đạo là "vô". Lão Tử nói : "Nhìn không thấy gọi là di (yên), nghe không thấy gọi là hi, đánh không được gọi là

vi (bé nhỏ). Ba điều này không thể gắn với nhau, hỗn hợp mà thành một. Đó là cái dạng không có hình dạng, là tượng không có vật. Lão Tử lại nói thêm : "Giữ luôn ở trạng thái "vô dục" để "quan" được sự kỳ diệu", cho rằng chỉ có sự "hư tĩnh", "vô dục" mới "quan" được sự "ảo diệu" của Đạo. Ở đây, Lão Tử lại cho rằng "Đạo" có thể nhìn thấy được. Đạo là "có".

Như vậy giải thích như thế nào ? Chúng ta thấy từ "quan" không phải là quan sát mà là cái nhìn thấy được trong mộng. Lão Tử thông qua sự so sánh các trạng huống trong giấc mộng để phác họa ra những cảnh quan kỳ diệu sau khi đi vào trạng thái khí công. Lý giải được mộng tức là có thể làm rõ sự bí ẩn của "Đạo". Đạo là có. Cho nên vật thể trong mộng là có hình trạng mà Đạo lại là không. Mộng mất đi, không còn để lại dấu tích. Do đó có thể thấy rằng "quan" của Lão Tử là "mộng".

4. MỘNG VÀ ĐẠO CỦA TRANG TỬ.

Trang Tử tên là Chu, người thời Chiến Quốc, từng làm chức quan nhỏ coi vườn sơn, nhu, không bao lâu thì đi ở ẩn. Tư tưởng của ông tập trung phản ánh trong sách Trang Tử. Trang Tử kế thừa Lão Tử và được tiếp sau bằng Hoài Nam Tử đưa cơ sở lý luận của Lão Tử lên một bước nữa, sâu sắc hơn. Ông trực tiếp đưa mộng vào lý luận dưỡng sinh, làm

cho lý luận dưỡng sinh của đạo Lão đạt tới một trình độ mới.

Trang Tử rất coi trọng đạo dưỡng sinh, do đó chống ác mộng, loạn mộng, thích những giấc mộng bình yên, vui vẻ. Bản thân giỏi tạo ra mộng, sùng bái mộng. Trong "Tề vật luận" coi mộng như sự thể nghiệm của cả cuộc đời, cho rằng mộng có tác dụng quan trọng đến dưỡng sinh. Trong sách "Đại Tông sử", ông viết : "Mơ thành con chim bay lên trời, con cá tung tăng dưới nước... đạt đến cảnh mộng thích ý, không kịp cười, không kịp an bài mà cứ tự nhiên và hoà vào làm một với thiên đạo mệnh mông..." Rõ ràng cái cảnh mộng tự được, vui vẻ này là trạng thái hiệu ứng của khí công lúc đạt đến mức cao siêu. Điều này không phải giản đơn như trò đùa vui.

5. MỘNG GIÁC VÀ MỘNG CẢNH

Khoa học hiện đại cho rằng : "Khí" của khí công tuy không là vật nhìn thấy, không sờ mó tới, nhưng rõ ràng, nó có cơ sở vật chất. Những lý luận về khí hoá, khí huyết của Trung Quốc đều đề cập đến vấn đề "khí". Mọi người cho rằng trong nội tại cơ thể có một hệ thống vận hành khí huyết. Lão Tử và Trang Tử dùng mộng để bàn về hiện tượng khí công có khoa học chăng ? Sự thực ra, ảo giác hiện ra khi luyện khí công cũng phảng phất giống như giấc mộng. Có điều chỉ khác nhau ở chỗ mộng thể hiện trong giấc ngủ. Còn ảo giác thì biểu hiện trong trạng thái "nhập tĩnh"

luyện khí công. Do vậy, khí công ở vào cái trình độ như ảo, như mộng. Người xưa rất tin vào mộng, cho rằng mộng tuy ảo nhưng như-thật. Chính vì vậy mà Lão Tử và Trang Tử liên hệ mộng và khí công với nhau là điều tự nhiên.

Năm 1986, trong số 6 của báo "Khí công và khoa học", tiên sinh Chu Trung Quyền người Thiểm Tây đã trải qua ba giấc mộng kỳ lạ trong quá trình luyện tập khí công, thân thể cũng theo đó mà khoẻ mạnh. Giấc mơ đầu tiên, nhìn thấy ngọn cao của núi Thái Bạch, đá lớn, rừng, cỏ tạp, tuyết trắng. Lần thứ hai mơ thấy một vị tiên ông vẻ mặt hài đồng mà tóc thì bạc phơ, từ trên trời đi xuống để tiêu trừ quỷ quái. Vị đó cầm chiếc gậy bùa của tiên. Giấc mộng thứ ba đặc biệt kỳ lạ hơn cả. Ông nói : "Trong mộng, hai tay tôi giơ lên cao, hai chân gấp lại 90° với thân mà bay bổng trên trời, gặp một vật thể và thấy mặt đất nhấp nhô cao, thấp, liền tự hạ xuống thấp. Tôi rất vừa lòng... bay được chừng 10 phút, nhẹ nhàng hạ cánh xuống mặt đất rồi tỉnh dậy. Tôi thấy toàn thân dễ chịu như vừa được tắm nước nóng xong. Ngày thứ hai khoẻ mạnh hơn, tinh thần tỉnh táo, sáng suốt thấy vị ngọt ngào hơn cả lúc Tôn Ngộ Không ăn bàn đào ở vườn đào của Tây Vương Mẫu ..." Cả ba giấc mộng đó đều loại trừ tất cả những phiền muộn, phức tạp mà đi vào một cõi tự nhiên "túc tính", đẹp lạ lùng. Giấc mộng thứ hai tựa gần như Trang Tử mơ hoá bướm thì lại có được tác dụng dưỡng sinh.

TRƯƠNG TÀI BÀN VỀ MỘNG

Trương Tài là nhà triết học duy vật đời Bắc Tống. Ông khẳng định cách nhìn duy vật và nghiên cứu nhiều mặt về "bức", "dịch", "mộng". Có nhiều tác phẩm quan trọng. Ông quy kết cách nhìn về mộng của người xưa và cũng đưa ra ý kiến của mình. Có mấy điểm cần chú ý trong luận điểm của ông như sau :

a. Ông cho rằng mộng có cơ sở từ vấn đề sinh lý. Ông chia mộng ra thành : hình mở và hình đóng, để phân biệt "tỉnh" (trạng thái thức) và "ngủ" (trạng thái tiềm ý thức) có nguyên nhân sinh lý. Tỉnh là có tri giác mà có "tín", là hình mở. Sinh lý đặc trưng của mộng là hình "đóng". Vương Phù Chi đời Minh trong "Trương Tử Chính mộng chú" viết :Mở là vươn ra. Đóng là co lại. Vươn ra chỉ khi quan nhục thể có thể tiếp xúc với vật bên ngoài nên có ý thức tỉnh. "Co vào" là nói khi quan nhục thể về cơ bản, không có phản ứng với tiếp xúc bên ngoài, cho nên nghe, nhìn và vô tri vô giác. Điểm nói ở đây cũng giống như khoa học

hiện đại gọi là hệ thống thần kinh não hưng phấn hoặc bị ức chế.

b. Trương Tải đã tự giác hoặc không tự giác nhận thức hai trạng thái khác nhau giữa tỉnh và ngủ.

Ông dùng tỉnh là có chí và ngủ là "chí ẩn" để thuyết minh điểm này. Tỉnh liên hệ với "hình mờ", đặc điểm của nó là "chí giao tiếp với bên ngoài" tức là ý thức tỉnh có tỉnh tự giác và tỉnh mục đích, tự giác tiếp xúc với sự vật bên ngoài.

Ngược lại, khi nằm mộng, vì "hình đóng" chuyên về bên trong, ý thức không thể tự giác thông giao được với sự vật bên ngoài, không có "chí". Khi cũng ở bên trong, chí "ẩn". Có nghĩa là "thần" bị "tàng" mà không "linh".

c. Trương Tải còn nêu lên quan hệ giữa mộng với kinh nghiệm. Tức là mộng phản ánh kinh nghiệm quá khứ, dựa vào những ấn tượng ngày trước, tức là tất cả những thông tin tích trữ kết quả của sự liên tưởng lại. Tất cả những thứ này đều liên quan đến mộng. Không có "tập tâm" có "duyên", tức là nếu hoàn toàn không có kinh nghiệm, sẽ không có gì xuất hiện trong mộng. Đã hơn 1000 năm trước, những điều đã nêu ra của Trương Tải thật đáng quý.

- VI -

SÁCH "MỘNG TRAI" CỦA TÔ ĐÔNG PHA

Tô Đông Pha là nhà văn, nhà xã hội học cụ phách đời Bắc Tống. Ông là một trong Đường Tống bát đại gia. Ông viết nhiều, đọc nhiều, hiểu rộng. Ông có phát biểu chút ít về mộng.

Tô thúc đầu tiên nêu ra nguyên nhân của mộng có ảnh hưởng sâu sắc đối với việc nghiên cứu tâm lý mộng của người sau, ông cho rằng các hiện tượng vật chất trên thế giới đều không ngừng sinh diệt biến hoá. Sự tỉnh mộng của con người đều bắt nguồn từ những hiện tượng và biến hoá ấy, giữa tỉnh và mộng lại biến hoá lẫn nhau, tỉnh thấy biến hoá thành cảnh mộng, cảnh mộng lại ảnh hưởng vào lúc tỉnh ; do đó con người xét mộng từ đâu mà ra, làm cho rõ ràng, cho rằng "hình thần không tiếp nhau", tỉnh thần đi riêng một mình mà trên thực tế mộng bắt đầu từ nguyên nhân. Ông nêu ví dụ để chứng minh quy luật liên tưởng của mộng : Người chẵn dê nằm trên bãi cỏ, dê ở bên

cạnh có đầu có đuôi, có mình, bốn móng, bụng nghĩ nếu to lên một tí, cao hơn một tí có thể thành ngựa để cưỡi. Do đó từ ngựa mơ đến xe. Có xe mơ thấy lọng, xe lọng là xe của vương hầu, cuối cùng thấy mình là vương hầu... Cuối cùng tìm ra quan hệ giữa "tướng" và "nhân". Các mối liên tưởng, tượng trưng trong mộng đều có "nhân". Mộng ở dạng "tướng" là giấc mộng sản sinh ra với việc loại trừ cảm giác tâm lý (tư duy, liên tưởng, tính dục, v.v...). Mộng ở dạng "nhân" là mộng do cảm giác của chính thân thể dẫn đến.

Tô Đông Pha có cách nhìn duy vật. Ông viết cuốn "Mộng Trai Danh" nói về mộng với bút pháp trữ tình và tung hoành.

- VII -

TÂM LINH CẢM ỨNG ĐẶC BIỆT KỶ LẠ

Trong những văn kiện lịch sử của nước ta, thường có ghi chép một số hiện tượng kỳ lạ. Trong đó có hiện tượng tâm linh cảm ứng trong mộng. Những hiện tượng này xảy ra không chỉ với ngày xưa mà cả ngày nay. Không phải chỉ ở nước ta mà ở tất cả mọi nơi trên trái đất, cũng không phải chỉ xảy ra ở thời xưa mà ngay cả những thời gần đây nhất. Ngay cả những nhà khoa học hiện đại cũng thừa nhận sự tồn tại của những hiện tượng này.

Chuyện xảy ra ở đời Đường, trong sách "Tam mộng ký" của Bạch Hành Gián, em của Bạch Cư Dị có kể chuyện Bạch Cư Dị cùng với Nguyên Chấn có tâm linh cảm ứng trong cùng một thời gian, khác địa điểm. Số là, Giám sát sử quan tỉnh Hà Nam là Nguyên Chấn được lệnh đi tuần du Khúc Giang cùng với Lý Thuộc Trục, đến Từ Ân Phật xá. Ngày 21 đến Lương Châu. Hai anh em Bạch Cư Dị và Bạch Hành Gián cũng đến Khúc Giang trong mơ rồi đến nghỉ ở mấy

viện trong Từ Ân Phật xá. Trời lúc đó đã tối, Bạch Cư Dị lệnh cho bày tiệc rượu. Lúc đặt chén xuống bàn, Bạch Cư Dị bảo : "Nguyên Chấn đã đến Lương Châu rồi đây. Ông đề mấy câu thơ lên tường :

Xuân lai vô kế phá xuân sầu

Tuý chiết hoa chi tác tửu trừ

Hốt ức cố nhất vô tế khứ

Kế trình kim nhật đáo Lương Châu

Nghĩa là :

*Xuân đến không có cách nào phá được cơ buồn
mùa xuân*

Say bê cành hoa làm thẻ rượu

Bỗng nhớ người xưa nơi chân trời

Tính lịch đi thì hôm nay đến Lương Châu

Đúng ngày 21, Nguyên Chấn đến Lương Châu thật, nhận được thư có bài thơ của Bạch Cư Dị, Nguyên Chấn liền viết bài thơ ghi lại giấc mộng gửi Bạch Cư Dị. Thơ rằng :

Mộng quân huynh đề Khúc Giang đầu

Dã hướng Từ Ân, viện viện du

Đạc sù hô nhân bài mã khứ

Hốt kinh thân tại cố Lương Châu

Nghĩa là :

*Mộng thấy anh em ông ở đầu Khúc Giang
Cũng đến viện Từ Ân dạo chơi,
Quan trạm hô người mang ngựa đi,
Chợt giật mình thấy thân ở Cổ Lương Châu*

Hai người ở hai nơi, nhưng thời gian của hai giấc mộng trùng hợp. Các sự việc xảy ra đều trùng hợp, ăn khớp với nhau. Nhịp điệu của hai bài thơ cũng khớp nhau. Có vẻ như câu chuyện đượm màu thần bí. Nhưng có một cơ sở tình bạn gắn bó giữa hai người bạn thân. ở Tràng An có chùa Từ Ân và Khúc Giang là mấy danh lam thắng cảnh có nhiều tao nhân mặc khách lui tới. Hơn nữa, đời nhà Đường, vua ban yến cho những người đỗ Trạng nguyên ở Khúc Giang. Chùa Từ Ân lại có "chim nhận" là nơi Nguyễn Chấn và Bạch Cư Dị thường đến thăm. Những sinh hoạt giữa hai người ghi lên tim họ. Ban đêm xen cả vào những giấc mộng.

Về đời Thanh, có Viên Mai cùng em gái là Tố Văn cùng sống và cùng học hành với nhau rất hoà thuận và quý nhau lắm. Họ đều học rất cao, viết văn, làm thơ, phú. Ít người dám hỏi Tố Văn làm vợ. Sau đó, có một người đến xin cưới. Nhưng Tố Văn lại xin thoái thác. Nàng trở về làng giúp đỡ anh trai và dạy các cháu học. Từ đó không lấy ai nữa. Đến năm 40 tuổi, nàng ốm. lúc ấy Viên Mai phải đi công cán nơi

xa, Nàng không thu từ với anh về tình trạng ốm đau của mình. Nhưng trong mộng người anh biết nàng ốm mỗi ngày một nặng. Trái lại, trong mộng nàng cũng biết được cuộc sống của người anh vô cùng thân yêu của mình. Do vậy, Tố-Văn chết đi không có ý định đợi anh về vì nàng biết là anh không thể nào về kịp. Về sau Viên Mai có làm một bài "văn tế em". Nội dung rất phù hợp với những điều xảy ra, mặc dù Viên Mai ở rất xa. Hiện tượng này không phải ngày xưa mới có. Năm 1983, trên số tạp chí "Xã hội" ra kỳ thứ ba, có thuật lại một câu chuyện ở dạng tự thuật : Ngày 16 tháng 12 năm 1936, tiên sinh Phi Hiếu Thông cùng vợ là nữ sỹ Vương Đồng Huệ cùng tới miền núi Đại Dào thuộc Quảng Tây để tiến hành cuộc điều tra nhân loại học. Trong quá trình đi núi, vì người hướng dẫn bị mất tích, Phi Hiếu Thông lạc vào rừng tre, giẫm vào bẫy hổ, bị thương nặng nhưng cũng về được nơi cấp cứu ở một thôn núi. Vương ra khỏi được rừng tre. Nhưng chờ suốt đêm không thấy Vương trở về. Ban cứu hộ trở về báo tin Vương bị mất tích. Ban đêm, Phi được báo mộng cho biết Vương ở dưới nước. Bảy hôm sau, lần theo chi tiết của giấc mơ mới tìm thấy xác Vương ở một vực sâu. Thương ôi !

- VIII -

MỘNG VỚI DỰ KIẾN KHOA HỌC VÀ PHÁT MINH

Lịch sử của người và mộng dài như nhau. Có thể nói, ai cũng có mộng. Đêm đêm đều có. Nhưng từ xưa đến giờ, mộng vẫn chỉ là một câu đố. Đến thế kỷ thứ 20, khoa học hiện đại phát triển nhanh chóng đặc biệt là kỹ thuật điện não được ứng dụng vào việc nghiên cứu giấc ngủ, đã đặt được một cơ sở chắc chắn để nghiên cứu tác dụng của giấc mơ trong việc dự kiến khoa học và phát minh. Điều này càng ngày càng được coi trọng.

1. CÁNH MỘNG XUẤT HIỆN RA SAO ?

Khoa học hiện đại cho rằng quá trình ngủ có hai giai đoạn : ngủ sóng chậm và ngủ sóng nhanh. Ngủ sóng chậm được biểu hiện trên điện não đồ với sóng chậm. Ngủ sóng nhanh được biểu hiện trên điện não đồ với sóng nhanh. Trong cả quá trình ngủ, sóng chậm và sóng nhanh thay thế nhau và giữ một tỷ lệ, tiết

tấu nhất định. Ở trường hợp bình thường, sau khi ngủ, xuất hiện ngủ sóng chậm chừng hơn một tiếng đồng hồ rồi chuyển sang ngủ sóng nhanh chừng 10 đến 20 phút. Sau đó lại chuyển sang chậm. Trong một giấc ngủ hai dạng ngủ chậm và nhanh thay thế nhau chừng 4 đến 5 lần. Sóng nhanh chiếm chừng 20%.

Trong giai đoạn sóng nhanh, để sinh ra cảnh mộng phong phú, nhiều màu sắc, nhân cầu chuyển động nhanh, tần số hô hấp và mạch đập tăng lên, huyết quản não nổi giãn. Quan niệm truyền thống cho rằng nằm mơ có ảnh hưởng đến sự nghỉ ngơi, sẽ có hại. Nhưng cũng có một số học giả phủ nhận cách nhìn này. Một công việc thử nghiệm về mộng đã chia ra hai nhóm. Nhóm I để cho các thử nghiệm viên ngủ, căn cứ vào sự biểu hiện của sóng não điện đồ lúc nằm mơ rồi cắt đứt giấc mộng. Sau đó lại cho ngủ tiếp tục. Sau khi thử nghiệm vài đêm như vậy, đã nhận thấy ban ngày những người được thử nghiệm sức chú ý không được tập trung, lo lắng, căng thẳng và tính tình trở nên nóng nảy. Nhóm thứ hai được gọi là dậy sau giấc ngủ, đã không gặp phản ứng không tốt như ở nhóm một. Do đó, nằm mơ có lợi cho sức khoẻ.

2. MỘNG VÀ TÍNH DỰ BÁO

Mộng không có tính dự báo. Sự khác nhau giữa xưa, nay trong ngoài không lớn lắm. Ở châu Âu, lý

luận chia mộng ra làm hai loại hình đã được lưu hành vài thế kỷ. Một loại hình cho là mộng phản ánh hiện tại và quá khứ. Loại hình thứ hai cho là mộng dự tính tương lai.

Ở Trung Quốc, mọi người cho rằng các tình hình và lời nói trong giấc mộng đều có tính dự báo tương lai. Trong thời kỳ cổ đại đã xuất hiện "thầy đoán mộng", cũng giống như "thầy bói số mệnh". Họ là những vị quan có chức nghiệp. Có khi một người kiêm cả hai chức nghiệp. Những tiểu thuyết cũ đã phản ánh nhiều chuyện như vậy. Tương truyền Đường Thái Tông Lý Thế Dân đã gặp cơn ác mộng. Trong cơn mộng vua nhìn thấy một hung thần tay cầm dao truy đuổi mình. Đường Thái Tông sợ hãi chạy trốn. Tới lúc nguy kịch thì gặp một viên tướng mặc áo giáp trắng giúp mình đánh bại được tên truy đuổi. Như vậy là viên tướng mặc áo giáp trắng đã cứu được Đường Thái Tông. Đường Thái Tông hỏi tên tuổi của viên tướng, được viên tướng trả lời bằng 4 câu thơ :

*"Gia trú tiêu dao nhất diêm hồng
 Tứ hạ phiêu phiêu ảnh vô tung
 Tam thế hài đồng, thiên kim giá
 Bảo chủ khoa hải khứ chinh đông..."*

Nói xong, viên tướng nhảy vào doi đất "Long Khẩu" vươn ra mặt nước. Đường Thái Tông tỉnh dậy.

Dại quan đoán mộng giải thích : Một hung thần giống như người thường truy đuổi là nhất định có nơi đó làm phản. Người tướng mặc áo trắng là người anh hùng đẹp bộn phản loạn. Trong thơ lại nói : "Gia trú tiêu dao nhất điểm hồng" (nhà ở xa xôi một chấm hồng)... Ông ta ở tỉnh Sơn Tây. "Tiêu dao nhất điểm hồng" chỉ mặt trời lặn ở phía Tây. Rồi ông ta lại nhảy vào doi đất Long Khẩu... Long Khẩu là Long Môn. Vậy là nhà ông ta ở huyện Long Môn, tỉnh Sơn Tây. Ông ta lại nói : "Tứ hạ phiêu phiêu ảnh vô tung" (bốn bên rơi xuống ảnh không tung tích) là chỉ tuyết, có đồng âm với "tiết". Vậy ông ta họ Tiết. Tam tuế hài đồng, thiên kim giá (đứa trẻ ba tuổi giá ngàn vàng) là con người quý. Ông ta nhất định có tên Nhân Quý. "Bảo chủ khoa hải khú chinh đông" (giúp chủ vượt qua biển đi đánh phương Đông). Bọn làm phản nhất định xuất phát ở phía đông, cách mặt biển. Tiết Nhân Quý sẽ là người anh hùng chinh đông giúp bệ hạ...

Sau giấc mộng xảy ra không lâu. Cai Tô Văn ở Cao Ly làm phản chống nhà Đường. Đường Thái Tông đi dẹp loạn, cho người đến huyện Long Môn, tỉnh Sơn Tây tìm Tiết Nhân Quý cùng đi chinh đông. Đó là một đoạn trích từ cuốn "Tiết Nhân Quý chinh đông". Tất nhiên chuyện này chỉ là tô vẽ và đã được đưa lên sân khấu nhiều lần, để phản ánh cách hiểu mê tín của mọi người về mộng.

3. MỘNG VÀ TÍNH SÁNG TẠO

Đã biết bao nhiêu chuyện đông, tây, kim, cổ nói về quan hệ chặt chẽ, mật thiết giữa mộng với hoạt động sáng tạo của con người. Mộng còn có cả tính dự báo những điều sẽ xảy ra. Xin giới thiệu vài thí dụ :

Sách "Kim Cổ thi thoại" ghi : Nhà thơ Tạ Linh Vận người Cối Kê thường cùng người em là Huệ Liên ngâm vịnh thơ. Vắng em, nhớ khôn nguôi. Đêm mộng thấy Huệ Liên đến, như có thần giúp, nghĩ ra được hai câu thơ thật hay :

Trì đường sinh xuân thảo

Viên lâm biến minh cầm...

(Ao hồ mọc cỏ xuân

Vườn rừng vắng tiếng chim)

Trịnh Thuật Tố truyện trong sách "Bắc Tề thư" ghi rằng Trịnh Thuật Tố mộng được "Long ngâm thập lộng". Trịnh Thuật Tố tự Cung Văn người Khai Phong giỏi gảy đàn, soạn ra Long ngâm thập vịnh. Có câu "thường mộng thấy người đánh đàn cầm, tỉnh mà ghi được". Thật là tuyệt diệu.

"Khai Nguyên truyện tin ký" ghi rằng Đường Huyền Tông mộng được "Tứ vân hồi khúc". Minh Hoàng nằm mơ mình lên cung trăng, nghe bầy tiên

tấu nhạc, tiếng lưu loát mà trong sáng, người trần gian chưa bao giờ nghe thấy. Tỉnh dậy, ông dùng sáo ngọc thổi theo và sáng tác ra khúc "Tử vân hồi khúc" (Khúc hồi tưởng Tử vân). Ngoài ra, sách "Thái Chu ngoại truyện" ghi : Huyền Tông thường mộng thấy hơn mười vị tiên ngồi xe mà xuống, mỗi người đều cầm một nhạc khí mà tấu, tiếng uyển chuyển mà trong veo, thực là ở nơi tiên phủ. Có một vị tiên báo với Đường Minh Hoàng : "Đây là khúc "Thần tiên tử vân", hôm nay truyền thụ cho bệ hạ, dùng làm dấu cho chính nhạc, trình lên để truyền lại đời sau. Tỉnh lại, dư âm như còn văng vẳng...

"Thái Chân ngoại truyện" còn ghi Huyền Tông mộng viết "Lãng ba khúc". "Huyền Tông ở Đông Đô, ngủ ngày nằm mơ thấy có một cô gái dung nhan kiều diễm lạ thường, đầu tóc chải rẽ hai bên, ăn mặc đẹp đẽ, tay áo rộng, quỳ trước giường. Vua hỏi : "Nàng là ai?" Cô gái trả lời : Thiếp là con gái Long vương ở đầm Lãng Ba. Thiếp cũng có cung điện riêng. Nay bệ hạ hiểu được âm thanh của nhạc Quân thiên, xin mời bệ hạ ban cho một khúc để thiếp làm sáng danh loại tộc của thiếp. Vua làm khúc cổ hồ cầm gom góp của khúc cũ và mới, gọi là khúc "Lãng ba". Sau khi tỉnh dậy, vua cho ban nhạc nhà vua luyện tập rập khuôn khúc nhạc trên. Tập luyện xong, vua ra lệnh cho ban

nhạc biểu diễn ngay gần đăm Lăng Ba với sự có mặt các quan trong triều. Khi khúc nhạc tấu lên, đăm Lăng Ba nổi sóng cuộn cuộn...

Sách "Long Thành lục" có ghi truyện Huyền Tông mộng được khúc "Nghê thường vũ khúc" như sau : Năm Khai Nguyên thứ 6, Đường Minh Hoàng và một đạo sỹ mơ lên cung trăng. Họ được thấy các thần nữ ca múa dưới gốc cây quế lớn Quảng Lăng. Họ được thưởng thức những khúc nhạc véo von. Sau này, họ biên tập thành khúc "Nghê thường vũ khúc".

Sách "Quảng dị ký" ghi : Vương Sinh mộng soạn Tây Thi vân ca. Điều Hợp báo Trầm Á : "Bạn tôi là Vương Sinh mơ đến thăm nước Ngô, đứng đợi vua Ngô, thấy quanh mình là những đàn nhạc. Có đủ mọi loại đàn nhị, trống, tiêu, sáo. Họ mai táng Tây Thi. Vua ai điều, các quan khách làm lời vân ca, Đó là những âm thanh bí hùng. Người ta chủ trương "an táng" Tây Thi trong tiếng nhạc. Vương Sinh được làm khách. Lời như sau : Tây vọng Ngô vương quyết, Vân thương phong tự bài, Liên giang khởi chu trường, Trạch địa táng kim thoa, Mãn lộ giang tâm thảo, Tam tầng bích ngọc giai, Xuân phong vô xứ sở, Thê hận bất thắng hoài". Nghĩa là : Ngoảnh phía Tây nhìn cửa cung Ngô vương. Mây là thơ, gió là chữ. Sông tiếp sông nổi trường

găm. Chôn đất để táng kim thoa. Dây đường cò hồng tâm, ba tầng thêm bằng ngọc biếc. Gió xuân không có chỗ đậu. Thế lương lòng cho nặng". Lúc tỉnh ghi lại cả câu chuyện.

Không phải chỉ ở thời cổ đại Trung Quốc mới có rất nhiều phát minh được hình thành trong giấc mộng mà ngay cả thời bây giờ, trên thế giới cũng có nhiều thí dụ về những phát minh được nảy ra trong những giấc mộng. Giáo sư Hồ Khâm Tồn của trường đại học Manchester ở Anh quốc đã làm nhiều cuộc điều tra với các nhà khoa học có được tư duy sáng tạo nhờ mộng. Kết quả cho biết đã có 70% giáo sư thú nhận rằng họ đã được sự gợi ý của nhiều giấc mộng. Một giáo sư ở trường đại học Geneva, Thụy Sĩ đã phỏng vấn 69 vị giáo sư toán học về vấn đề này. Trong số đó, có 51 vị giáo sư trả lời rằng : "Giấc mộng trong khi ngủ có thể giúp đỡ giải quyết nhiều vấn đề". Nhiều nhà khoa học cũng đã làm những bản báo cáo nhấn mạnh rằng họ đã được sự giúp đỡ của các giấc mộng để giải quyết những công trình nghiên cứu.

4. ĐIỀU KIỆN ĐỂ GIÁC MỘNG CÓ ĐƯỢC TÍNH SÁNG TẠO VÀ TÍNH DỰ BÁO.

Các nhà khoa học và những nhà phát minh có những giấc mộng có tính sáng tạo và có tính dự báo.

Họ đã thu được thành công. Để được như vậy, phải có những điều kiện gì ? Chúng tôi cho rằng cần phải có đầy đủ những điều kiện như sau :

1. Đối với vấn đề đã được nghiên cứu đầy đủ, đại não của nhà nghiên cứu đã được tàng trữ lượng thông tin cần thiết ... Khoa học hiện đại nghiên cứu về giấc mộng đã chứng minh rằng những yếu tố trong cảnh mộng là những điều người nằm mộng đã trải qua trước đây, những gì đã thấy hoặc nghe thấy. Những cái đó là cơ sở khách quan cho giấc mộng có tính sáng tạo và dự báo.

2. Vỏ đại não đã hình thành trung tâm hưng phấn đối với mọi vấn đề cần giải quyết. Ban ngày suy nghĩ, ban đêm nằm mộng điều ấy. Mộng có liên quan đến những yếu tố tâm lý như kinh nghiệm, nguyện vọng, nhu cầu, tưởng tượng v.v... của người nằm mộng. Trong khi nằm mơ, hoạt động thần kinh chưa kết thúc lúc ban ngày, sẽ tiếp tục hoạt động trong giấc mộng để thực hiện nguyện vọng mà lúc thức đeo đuổi.

3. Phải có một quá trình gạt "thô", chọn "tinh", bỏ cái "nguy", lấy cái "chân" trong các cảnh mộng một cách có ý thức. Khi người ta ở trạng thái tỉnh, ý thức tự ngã tồn tại cùng với hoạt động tâm lý có ý thức của con người, có tính logic. Nhưng khi ở trạng thái

ngủ, ý thức tự ngã bị mất đi, hoạt động tâm lý vô ý thức thiếu tính lôgic, trong mộng xuất hiện những cảnh ảo cổ quái hiếm hoi, do đó cảnh mộng thường không đáng tin cậy lắm. Phải chọn thái độ nghiêm túc, thận trọng những nét sáng tạo trong cảnh mộng, như một nhà hoá học nổi tiếng của nước Mỹ đã nói: "Nếu sau khi ta đã tỉnh mà vẫn chưa làm rõ được những vấn đề cũ lúc trước, thì hãy dừng vội cả tin vào mộng".

4. Phải chuẩn bị nắm bắt những tinh sáng tạo trong giấc mộng.

Phải có bút và giấy ngay bên cạnh để ghi lại điều trong mộng cho khỏi quên. Nhất là những tư tưởng, ý kiến bỗng dung loé lên rồi lập tức vụt tắt. Đó là ý kiến của nhà bác học Kan-ning. Một giáo sư trường đại học Gơ-lắc, phụ trách giảng dạy về dược học, đã từng được giải Nôben, nói rằng có lần ban đêm ông tỉnh dậy, vội vàng ghi lại những ý nghĩ quý giá. Nhưng sáng hôm sau, cảnh mộng đã quên hết. May thay, đêm hôm sau, trong mộng, những cách nhìn tuyệt vời chưa kịp ghi hôm trước đã trở về một lần nữa. Lần này, vừa tỉnh dậy là ông ghi chép đầy đủ vào nhật ký.

5. PHẢI TIẾN HÀNH NGHIỆM CHỨNG ĐẦY ĐỦ.

Giấc mộng có tinh sáng tạo và dự báo thường có thể dự cảm và gợi ý cho việc phát minh, sáng tạo. Cho nên phải thực nghiệm trong trạng thái tỉnh, có

kiểm nghiệm, và luận chứng. Ý kiến này đã giúp cho nhiều nhà khoa học thành công.

Phát minh, sáng tạo chủ yếu được tiến hành trong trạng thái tỉnh. Nhưng trong mộng cũng có nhiều điều giúp đỡ cho tính sáng tạo, phát minh. Do vậy, chúng ta không nên bỏ phí những cơ hội mà mộng có thể giúp đỡ ta giải quyết nhiều vấn đề.

Nhưng nếu không kinh qua lao động bằng sức lực của não một cách bền bỉ, lâu dài, chịu gian khổ, không nỗ lực lao vào những hành động thực tiễn mà chỉ đợi vào mộng để có được sự sáng tạo hoặc nghe theo lời của một người đoán mộng, thì chẳng qua điều mong muốn cũng chỉ là một giấc mộng Nam Kha mà thôi...

MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	7
LỜI TỰA TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA	9
LỜI NÓI ĐẦU (CUỐN BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG)	15
QUYỂN THƯỢNG	21
I. CỘI NGUỒN VÀ SỰ BÍ HIỂM CỦA THUẬT ĐOÁN MỘNG	23
1. Thuyết "Vạn vật hữu linh" của E.P Taylor	23
2. Quan niệm về hồn, mộng của người xưa	26
3. Mê tín điểm mộng chuyển hóa thành thuật đoán mộng	32
4. Sự liên hệ và khác biệt giữa mê tín điểm mộng và thuật đoán mộng	35
II. QUAN HỆ GIỮA CÁC LOẠI HÌNH CHIÊM, BÓI VỚI ĐOÁN MỘNG	37
III. HOẠT ĐỘNG ĐOÁN MỘNG THỜI ÂN, CHU	43
1. Bàn qua về lý luận đoán mộng	43
2. Hoạt động đoán mộng sớm nhất	46
3. Thái độ của người đời Chu đối với đoán mộng	50

IV. NHỮNG PHƯƠNG PHÁP ĐOÁN MỘNG CHỦ YẾU	55
1. Giải thích trực tiếp về hình tượng giấc mộng	55
2. Giải thích, giải bày cận kề về hình tượng giấc mộng	60
V. PHẢN MỘNG	79
VI. THẾ NÀO GỌI LÀ MỘNG LÀNH (CÁT) VÀ MỘNG DỮ (HUNG)	87
VII. NGUỒN GỐC VÀ NGHI THỨC CỦA VIỆC CẦU MỘNG LÀNH VÀ TRỪ MỘNG DỮ	93
VIII. CÁM KỶ VÀ ÁC MỘNG	101
IX. PHÙ CHÚ TRỪ ÁC MỘNG	109
X. VƯƠNG SUNG - NHÀ TƯ TƯỞNG PHÊ PHÁN THUẬT ĐOÁN MỘNG SỚM NHẤT	110
XI. VƯƠNG PHÙ BÀN VỀ MỘNG	135
1. Phân loại các giấc mộng	136
2. Nguyên nhân sinh lý, bệnh lý của mộng	138
3. Nguyên nhân tâm lý tinh thần của mộng	141
4. Phê phán sự đoán mộng cát, hung	144
5. Sách "Tiềm phu luận - mộng liệt"	147
XII. CHÂU TUYỀN ĐOÁN MUỖI TRÚNG CHÍN	151
XIII. TRƯƠNG TRUNG ĐỘI MŨ SẮT CHIÊM NGHIỆM TẤT ĐÚNG	157

XIV. ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC ĐOÁN MỘNG VỚI HOÀNG ĐẾ VÀ HOÀNG TỘC NHÀ THANH	161
XV. TÁC DỤNG XÃ HỘI TIÊU CỤU CỦA ĐOÁN MỘNG QUA CÁC VÍ DỤ VỀ MỘNG:	167
1. Tuyên truyền tư tưởng "Thụ mệnh trời" và "Thông giao với thần linh" của kẻ thống trị	168
2. Ứng hợp với chính trị	170
3. Tuyên dương mộng có thể ứng nghiệm điều hung, cát, cổ xúy thuyết, định mệnh	174
4. Truyền bá mê tính phong kiến, đánh lừa quần chúng	179
XVI. MÊ TÍNH ĐOÁN MỘNG CHUYỂN SANG GIẢI THÍCH MỘNG BẰNG KHOA HỌC	189
1. Tại sao FREUD viết "giải thích mộng"	189
2. Mộng là sự thoả mãn của dục vọng	196
3. Tài liệu và nguồn gốc của mộng	200
4. Quan hệ giữa mộng và tính dục	207
5. Đánh giá lý luận giải thích mộng của Freud ra sao	211

QUYỂN TRUNG

I. CHÚNG TRIỆU MỘNG TRỜI	217
1. Ấn ý của văn hóa trời	217
2. Điềm hung cát khi có mộng trời	221

II. MỘNG THẤY ĐẤT VÀ ĐỊA MẠO ĐẤT	229
1. Thuật xem tướng đất cổ đại của Trung Quốc	230
2. Dùng hướng đất trong mộng xem cát hung	233
3. Mộng và sự sùng bái sơn thần	236
III. SÙNG BÀI NƯỚC, LỬA VÀ ĐOÁN MỘNG HUNG CÁT	241
IV. PHẬT VÀ ĐOÁN MỘNG	249
V. TẾ CÂY VÀ CHIÊM MỘNG	257
VI. MỘNG THẤY RỒNG - ĐIỀN BÁO TỐT LÀNH	263
VII. TỪ "ĐÔN HOÀNG GIẢI MỘNG THU" XEM MỐI QUAN HỆ VỢ CHỒNG ĐỜI ĐƯỜNG	269
VIII. ĐOÁN MỘNG VÀ NGUỒN GỐC CỦA TÊN GỌI	275
IX. THẦN THOẠI - GIẤC MỘNG CỦA DÂN TỘC THỜI VIỄN CỔ	281
1. Mộng - vườn ươm sản sinh ra thần thoại	282
2. Thần thoại đoán mộng thời cổ đại ở Trung Quốc	290
X. ĐOÁN MỘNG MUÔN MẪU MUÔN SẮC VÀ VĂN HỌC MỘNG ẢO	300
1. Văn hóa đoán mộng thời Tiên Tần	301
2. Thơ và từ về mộng ảo thời kỳ Đường, Tống	307
3. Hỷ khúc mộng ảo thời kỳ Nguyên, Minh	312

4. Tiểu thuyết viết về mộng trong thời kỳ Minh, Thanh	317
XI. NGHI ÁN VỀ CUỘC GẶP GỠ TRONG MỘNG GIỮA ĐẾ VƯƠNG VÀ NỮ THẦN	319
XII - BÍ ẨN VỀ MỘNG TRONG HỒNG LÂU MỘNG	321
1. Mộng tính dục trong lầu hồng	323
2. Nguyên nhân mộng di của Giả Bảo Ngọc	327
3. Câu đố thác mộng trong Hồng Lâu Mộng	329

QUYỂN HẠ

I. NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN "NGẠC MỘNG" TRONG CHU LỄ VÀ CÁCH PHÒNG TRỪ	337
1. Ác mộng sản sinh ra như thế nào?	339
2. Tránh ác mộng như thế nào ?	341
II. Y HỌC TRUYỀN THỐNG TRUNG QUỐC BÀN VỀ MỘNG	347
1. Mộng là một hình thức vận động tinh khí	347
2. Đặc trưng sinh lý của hình tượng mộng	348
3. Y học Trung Quốc tìm tòi và luận bàn về mộng	355
III. SỰ HUYỀN BÍ CỦA ẢO MỘNG VÀ ĐOÁN, BÓI MỘNG	357

IV. ĐOÁN MỘNG VÀ DƯỠNG SINH, KHÍ CÔNG	361
1. Khí công cổ đại Trung Quốc xâm nhập vào thuật đoán mộng	361
2. Ảnh hưởng của đoán mộng với dưỡng sinh	364
3. Đạo của Lão Tử với Mộng	365
4. Mộng và đạo của Trang Tử.	366
5. Mộng giác và mộng cảnh	367
V. TRƯỞNG TÀI BÀN VỀ MỘNG	369
VI. SÁCH "MỘNG TRAI" CỦA TÔ ĐÔNG PHA	371
VII. TÂM LINH CẢM ỨNG ĐẶC BIỆT KỲ LẠ	373
VIII. MỘNG VỚI DỰ KIẾN KHOA HỌC VÀ PHÁT MINH	377
1. Cảnh mộng xuất hiện như thế nào	377
2. Mộng và tính dự báo	378
3. Mộng và tính sáng tạo	381
4. Điều kiện để giác mộng có được tính sáng tạo và tính dự báo	384
5. Phải tiến hành nghiệm chứng đầy đủ	386

TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA

PHẦN IV

BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG

TÁC GIẢ : ĐIỀU VĨ QUÂN

NGƯỜI DỊCH : LÝ KHẮC CUNG

HIỆU ĐÍNH : GS. NGUYỄN NGỌC SAN

Chịu trách nhiệm xuất bản

QUANG HUY

Biên tập : NGUYỄN THẾ VINH

Trình bày sách : QUỐC BẢO

Trình bày bìa : HOÀNG LONG

Sửa bản in : PHẠM BẰNG

In 1.500 cuốn khổ 14,5 x 20,5 cm
tại XI - NXB NN
Số đăng ký KHXB : 25 - CXB/40 - VH TT
Giấy trích ngang KHXB ký ngày 1/3/96
In xong và nộp lưu chiểu quý I/1996

TỔNG TẬP VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA



BÍ ẨN CỦA CHIÊM MỘNG

Văn hóa Trung Hoa không chỉ nổi tiếng vì lâu đời, phong phú, mà còn được người Trung Quốc và nước ngoài ngưỡng mộ vì tính chất thần bí sâu đậm của nó. Nói thần bí, có nghĩa là thần kỳ và bí ẩn. Tất cả những nền văn hóa mang màu sắc thần bí, đều có thể gọi là *Văn hóa thần bí*.

Trong lâu đài văn hóa, không có một nền văn hóa nào khiến người ta say mê, đớp lấy hồn vía, lôi kéo người ta đi sâu tìm hiểu, khiến người ta ngạc nhiên thán phục như *Văn hóa thần bí*.

Văn hóa thần bí là một kho biển ảo thần kỳ, người theo nghiệp học nhìn thấy ở đây ánh hào quang của trí tuệ; người cầm quyền qua đây mà tổng kết những quyền mưu gìn giữ chính quyền; người kinh doanh lấy từ đây vô vàn của cải; kẻ mộng muội thì xin ở đây sợi dây để tự trói mình...

VƯƠNG NGỌC ĐỨC

*Trích lời tựa "TỔNG TẬP
VĂN HÓA THẦN BÍ TRUNG HOA"*